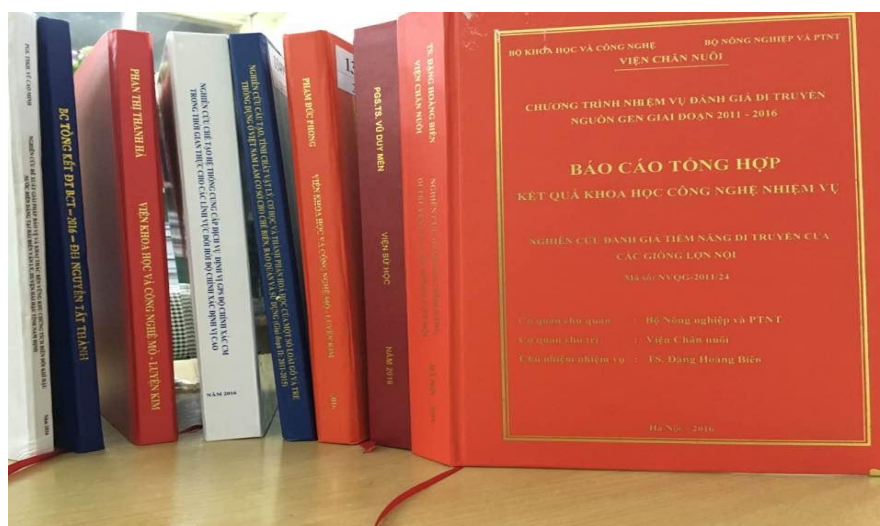


THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỐ 05
2022



THÔNG BÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Định kỳ 1 số/tháng)

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban: THS. VŨ ANH TUẤN

Phó Trưởng ban: ThS. Võ Thị Thu Hà
ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh

Ủy viên thư ký: ThS. Nguyễn Thị Thưa
CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu
CN. Nguyễn Thu Hà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	ii
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	9
Phụ lục: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	134

LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”***.

Xuất bản phẩm ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 1 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 39349116- Fax: (024) 39349127- E-mail: quanly@vista.gov.vn

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

74479.1-2020. Nghiên cứu đề xuất một số khu vực có thể phục hồi và tái tạo hệ sinh thái rạn san hô phục vụ du lịch sinh thái biển Khánh Hòa/ Võ Sĩ Tuấn, TS. Nguyễn Văn Long; CN. Phan Kim Hoàng; ThS. Thái Minh Quang; ThS. Phan Thị Kim Hồng; ThS. Mai Xuân Đạt; ThS. Phạm Sĩ Hoàn; ThS. Phạm Bá Trung; CN. Hứa Thái Tuyên; TS. Hoàng Xuân Bền - Khánh Hòa - Viện Hải dương học Nha Trang, 2018 - 01/2015 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

③
⑥
⑦
⑧
⑨

⑩—Tổng quan về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, đa dạng sinh học ở vùng biển Khánh Hoà. Đánh giá hiện trạng hệ sinh thái rạn san hô ở các khu vực có tiềm năng sử dụng cho mục tiêu du lịch sinh thái biển. Điều tra hiện trạng sử dụng và quản lý tài nguyên tại các khu vực tiềm năng. Phân tích các yếu tố tích cực và hạn chế liên quan đến phục hồi rạn san hô và phát triển du lịch sinh thái và đề xuất các khu vực có thể phục hồi và tái tạo rạn san hô nhằm sử dụng cho du lịch sinh thái. Xây dựng mô hình phục hồi, tái tạo rạn san hô với sự tham gia quản lý của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: KHA-2019-002

①	Mã tra cứu
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/GIAO NỘP
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

1. Khoa học tự nhiên	9
10101. Toán học cơ bản	9
10102. Toán học ứng dụng.....	9
10103. Thống kê.....	10
10201. Khoa học máy tính	11
10202. Khoa học thông tin	13
10302. Vật lý các chất cô đặc.....	13
10303. Vật lý hạt và trường.....	13
10305. Vật lý plasma và chất lỏng	14
10306. Quang học	15
10308. Thiên văn học	15
10401. Hoá hữu cơ	16
10402. Hoá vô cơ và hạt nhân.....	17
10404. Hoá học cao phân tử (polyme)	17
10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân)	17
10508. Trắc địa học và bản đồ học	18
10509. Các khoa học môi trường	19
10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển	20
10511. Khí hậu học	21
10512. Hải dương học	22
10513. Thủy văn; Tài nguyên nước	23
10605. Hoá sinh; phương pháp nghiên cứu hoá sinh.....	25
10612. Động vật học	26

10615. Đa dạng sinh học	26
10616. Công nghệ sinh học	27
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....	28
20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị	28
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải	29
20105. Kỹ thuật thủy lợi	29
20201. Kỹ thuật điện và điện tử	31
20202. Người máy và điều khiển tự động.....	32
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),.....	33
20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông	33
20205. Viễn thông.....	35
20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp.....	36
20307. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo ô tô và giao thông.....	37
20308. Kỹ thuật và công nghệ hàng không, vũ trụ	38
20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng.....	38
20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân	39
20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm).....	39
20403. Kỹ thuật hoá dược	39
20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen	40
20507. Vật liệu xây dựng	41
20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ.....	42
20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...).....	43
20513. Gỗ, giấy, bột giấy	43
20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp	45

20601. Kỹ thuật và thiết bị y học	46
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật.....	47
20704. Viễn thám	49
20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất.....	51
20801. Công nghệ sinh học môi trường nói chung.....	52
20901. Các công nghệ xử lý sinh học (các quá trình công nghiệp dựa vào các tác nhân sinh học để vận hành quy trình), xúc tác sinh học; lên men	53
20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.	53
21099. Công nghệ nano.....	54
21199. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống	54
21101. Kỹ thuật thực phẩm	55
299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác	56
3. Khoa học y, dược	58
30103. Miễn dịch học.....	58
30108. Vi sinh vật học y học.....	58
30212. Y học hạt nhân và phóng xạ; chụp ảnh y học	59
30308. Bệnh truyền nhiễm	60
30402. Dược học lâm sàng và điều trị	60
30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế	62
399. Khoa học y, dược khác.....	64
4. Khoa học nông nghiệp	64
40101. Nông hoá	64
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm.....	65
40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả.....	67

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc	69
40106. Bảo vệ thực vật.....	69
40107. Bảo quản và chế biến nông sản	71
40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi.....	71
40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi.....	73
40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi	73
40205. Bảo vệ động vật nuôi.....	74
40206. Sinh trưởng và phát triển của động vật nuôi	74
40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác	75
40499. Khoa học công nghệ lâm nghiệp khác	77
40504. Nuôi trồng thủy sản.....	78
40506. Quản lý và khai thác thủy sản	80
40599. Khoa học công nghệ thủy sản khác.....	81
40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;.....	82
40603. Các công nghệ enzym và protein trong nông nghiệp.....	82
40604. Các công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp.....	83
5. Khoa học xã hội	83
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh	83
50202. Kinh doanh và quản lý	87
50299. Kinh tế học và kinh doanh khác.....	92
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.. ..	97
50401. Xã hội học nói chung	99
50402. Nhân khẩu học.....	101
50404. Dân tộc học.....	102

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội.....	104
50501. Luật học.....	108
50601. Khoa học chính trị.....	111
50602. Hành chính công và quản lý hành chính.....	114
50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị.....	116
50699. Khoa học chính trị khác.....	116
50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội.....	117
50702. Địa lý kinh tế và văn hoá.....	118
50799. Địa lý kinh tế và xã hội khác.....	121
50801. Báo chí.....	122
50802. Thông tin học.....	122
599. Khoa học xã hội khác.....	123
6. Khoa học nhân văn.....	124
60103. Khảo cổ học và tiền sử.....	124
60199. Các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác.....	125
60201. Nghiên cứu chung về ngôn ngữ.....	126
60204. Lý luận văn học; Nghiên cứu văn học nói chung.....	126
60205. Nghiên cứu văn học Việt Nam, văn học các dân tộc ít người của Việt Nam.....	127
60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung.....	128
60209. Các nghiên cứu văn hóa từng dân tộc, từng nước, khu vực khác.....	130
60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ.....	130
60305. Nghiên cứu tôn giáo.....	131

THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/GIAO NỘP

1. Khoa học tự nhiên

10101. Toán học cơ bản

80601. 05-2022 **Tính chất nghiệm của bài toán cân bằng và ứng dụng/** ThS. Võ Minh Tâm, Nguyễn Văn Hưng; TS. Nguyễn Hồng Quân; TS. Nguyễn Xuân Hải; TS. Lê Xuân Đại; TS. Nguyễn Ngọc Hiền; Ngô Thị Hoài An; Phan Thanh Kiều; Nguyễn Thị Kiên Trúc - Đồng Tháp - Trường Đại học Đồng Tháp, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết lập các kết quả mới hoặc cải tiến và mở rộng các kết quả về tính chất nghiệm như tính tồn tại nghiệm, sự ổn định nghiệm, tính hội tụ nghiệm, cận sai số cho bài toán cân bằng. Xây dựng ví dụ minh họa. Đưa ra một số ứng dụng của tính chất nghiệm của bài toán cân bằng vào việc nghiên cứu tính chất nghiệm của bài toán bất đẳng thức biến phân, bài toán bù, bài toán tối ưu và bài toán trò chơi đa mục tiêu.

Số hồ sơ lưu: 19086

10102. Toán học ứng dụng

79991. 05-2022 **Một số vấn đề chọn lọc về bất đẳng thức, lý thuyết hệ động lực và ứng dụng/** PGS.TS. Đinh Thanh Đức, TS. Lê Quang Thuận; PGS.TS. Đinh Công Hường; TS. Võ Thị Bích Khuê; TS. Trần Đình Phụng; ThS. Nguyễn Dư Vi Nhân; TS. Nguyễn Ngọc Huệ - Bình Định - Trường Đại học Quy Nhơn, 2021 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết lập được đồng nhất thức Picone động lực và đưa ra một số ứng dụng của nó. Xây dựng kiểu lời tổng quát dựa theo cặp trung bình tựa số học và các bất đẳng thức liên quan. Đưa ra một phương pháp mới để thiết kế quan sát hàm bậc giảm cho các hệ trễ thời gian cỡ lớn. Thiết kế quan sát trạng thái bền vùng dựa trên tích phân dữ liệu đầu ra và thiết kế quan sát cho các hệ dương và hệ phi tuyến, trễ thời gian cỡ lớn bậc phân thứ. Các kết quả đạt được là mới, có giá trị khoa học và đã đăng trên các tạp chí uy tín, Q1 hoặc Q2.

Số hồ sơ lưu: 18889

80603. 05-2022 **Lý thuyết Nevanlinna cho ánh xạ phân hình và một số ứng dụng/** PGS. TSKH. Sĩ Đức Quang, TS. Lê Ngọc Quỳnh; TS. Hà Hương Giang; ThS. Nguyễn Thị Nhung - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết lập một số định lý cơ bản thứ hai mới cho các ánh xạ phân hình với hàm đếm được chặn bộ trong cả hai trường hợp: ánh xạ phân hình và siêu phẳng di động, ánh xạ phân hình và các siêu mặt, mà tốt hơn các định lý đã biết trước đó, đặc biệt là trong trường hợp họ siêu mặt ở vị trí dưới tổng quát. Áp dụng các định lý cơ bản thứ hai trên để nghiên cứu các tính chất của họ ánh xạ phân hình vào đa tạp xạ ảnh và nghiên cứu bài toán điểm nguyên cũng như không gian con Schmidt trong xấp xỉ Diophantine

Số hồ sơ lưu: 19077

10103. Thống kê

80060. 05-2022 **Nghiên cứu biên soạn tài liệu hướng dẫn sử dụng Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước/** CN. Đậu Thị Quỳnh Trang, CN. Vũ Thị Lan Phương; CN. Hoàng Phương Hoa; CN. Nguyễn Khương Duy; ThS. Nguyễn Văn Đoàn; ThS. Hoàng Thu Hiền; ThS. Hoàng Thị Thanh Hà; ThS. Lê Thủy Tiên; ThS. Vũ Thị Vân Anh; CN. Vũ Hải Bằng - Hà Nội - Viện Khoa học Thống kê, 2020 - 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp các luận cứ khoa học phục vụ biên soạn tài liệu hướng dẫn sử dụng Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước. Nghiên cứu các cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ biên soạn tài liệu hướng dẫn, giải thích nội dung Bộ tiêu chí chất lượng thống kê, nghiên cứu kỹ các vấn đề liên quan đến phương pháp, quy trình sử dụng Bộ tiêu chí để đánh giá chất lượng thống kê của các cơ quan thống kê nhà nước, cũng như xây dựng đề cương của tài liệu hướng dẫn và lựa chọn ra một số nội dung đề biên soạn hoàn chỉnh.

Số hồ sơ lưu: 18909

79347. 05-2022 **Nghiên cứu xác lập tổ hợp phương pháp điều tra một số loại hình khoáng sản kim loại nội sinh ẩn sâu. Áp dụng thí điểm điều tra và khoan vùng triển vọng vàng gốc ở địa khu Nam Ngãi/** TS. Trần Mỹ Dũng, ThS. La Mai Sơn; GS.TS. Trần Thanh Hải; PGS.TS. Ngô Xuân Thành; TS. Nguyễn Trường Lưu; PGS.TS.

Nguyễn Văn Phở; TS. Vũ Quang Lâm; TS. Trần Quốc Cường; TS. Trịnh Đình Huân; TS. Nguyễn Công Thuận - Hà Nội - Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Bắc, 2020 - 09/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hiện trạng điều tra địa chất về khoáng sản kim loại nội sinh và tính hiệu quả của hệ thống các phương pháp kỹ thuật trong điều tra địa chất về khoáng sản hiện hành. Tổng hợp, phân tích tài liệu dự kiến các đối tượng nghiên cứu (đề tài lựa chọn nhóm khoáng sản trọng điểm nghiên cứu gồm: Fe, Cu, Ni, Pb-Zn, Sn-W, Au). Xây dựng cơ sở khoa học của tổ hợp các phương pháp điều tra một số loại hình khoáng sản kim loại nội sinh (Fe, Cu, Ni, Pb-Zn, Sn-W, Au) ẩn sâu. Áp dụng thí điểm điều tra và khoan vùng triển vọng vàng gốc ở địa khu Nam Ngãi 3. Xác lập tổ hợp các phương pháp điều tra một số loại hình khoáng sản kim loại (Fe, Cu, Ni, Pb-Zn, Sn-W, Au) nội sinh ẩn sâu. Dự thảo quy trình điều tra khoáng sản vàng và Cu-Ni nội sinh ẩn sâu.

Số hồ sơ lưu: 18518

80035. 05-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình khai thác dữ liệu hành chính phục vụ biên soạn một số chỉ tiêu phát triển bền vững của Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thanh Ngọc, ThS. Nguyễn Ngọc Bình; CN. Nguyễn Đức Hạnh; CN. Vũ Thị Bích Thảo; ThS. Tô Thúy Hạnh; ThS. Nguyễn Văn Thụy; ThS. Phạm Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Khánh Huyền; ThS. Phạm Đức Dương; CM. Nguyễn Thị Bích Phượng - Hà Nội - Vụ Thống kê Xã hội và Môi

trường - Tổng cục Thống kê, 2020 - 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát hóa lại những khái niệm, định nghĩa, đặc điểm về cơ sở dữ liệu (CSDL) thống kê, dữ liệu hành chính; Khái quát hóa lý luận về mô hình và mô hình khai thác dữ liệu. Đề xuất các chỉ tiêu mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam (VSDGs) có thể được biên soạn dựa vào khai thác dữ liệu hành chính. Đề xuất mô hình khai thác dữ liệu hành chính để phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê nhà nước và từ đó ứng dụng mô hình để biên soạn các chỉ tiêu VSDGs được đề xuất.

Số hồ sơ lưu: 18924

80059. 05-2022 **Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn thống kê nhà nước/** CN. Trần Tuấn Hưng, ThS. Nguyễn Thị Thu Oanh; ThS. Trần Thị Thanh Huyền; ThS. Bùi Ngọc Bích; CN. Đậu Thị Quỳnh Trang; ThS. Lê Thủy Tiên; ThS. Nguyễn Ngọc Bình; ThS. Lê Vũ Thanh Nhân; KS. Phạm Thị Minh Thu; KS. Nguyễn Thị Yên; CN. Nguyễn Thị Thúy Mai; CN. Vũ Thị Như Trang; ThS. Đỗ Thị Vân - Hà Nội - Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, 2020 - 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn thống kê nhà nước của Việt Nam; Đề xuất tiêu chuẩn thống kê nhà nước và khung chung về hệ thống tiêu chuẩn thống kê nhà nước; Xây dựng tiêu chuẩn thống kê cho một lĩnh vực nhất định (lĩnh vực giáo dục).

Số hồ sơ lưu: 18931

80068. 05-2022 **Nghiên cứu phương pháp luận tính năng suất trong hoạt động sản xuất nông nghiệp/** ThS. Vũ Thị Vân Anh, ThS. Lê Hoàng Minh Nguyệt; ThS. Nguyễn Đăng Khoa; CN. Nguyễn Thị Kim Oanh; PGS. TS. Trần Thị Bích; PGS. TS. Tăng Văn Khiên; ThS. Nguyễn Công Thắng - Hà Nội - Viện Khoa học Thống kê, 2020 - 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Những vấn đề lý luận chung về năng suất, năng suất nông nghiệp, trình bày những vấn đề chung nhất liên quan khái niệm năng suất, và năng suất trong hoạt động sản xuất nông nghiệp. Hệ thống hóa phương pháp luận trong hoạt động sản xuất nông nghiệp. Tổng quan lại những phương pháp luận về năng suất nông nghiệp được khuyến nghị từ tổ chức FAO, tìm hiểu phương pháp tính năng suất nông nghiệp của một số quốc gia đã tính toán năng suất nông nghiệp khá lâu đời và hiệu quả: phương pháp luận tính năng suất nông nghiệp ở Việt Nam và thực trạng tính toán nó. Đề xuất phương pháp luận tính năng suất nông nghiệp ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18939

10201. Khoa học máy tính

80040. 05-2022 **Phát triển mô hình dự đoán dựa trên trí tuệ nhân tạo nhằm tiết kiệm năng lượng trong các tòa nhà dân cư/** TS. Trần Đức Học, ThS. Nguyễn Quang Trung; PGS.TS. Lương Đức Long; TS. Phạm Vũ Hồng Sơn - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách

khoa TP. Hồ Chí Minh, 2021 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề xuất mô hình trí tuệ nhân tạo mới (AI-Artificial Intelligence), tiến hóa trí tuệ nhân tạo dự đoán (ENMIM-Evolutionary Neural Machine Inference Model), để dự đoán hiệu quả hiệu suất năng lượng của các tòa nhà. Mô hình đề xuất được xây dựng bởi lai tạo mạng nơron hàm cơ sở xuyên tâm (RBFNN- Radial Basis Function Neural Network) và bình phương bé nhất hồi quy máy hỗ trợ vector (LSVR-Least Square Support Vector Regression) và thuật toán sinh vật cộng sinh tìm kiếm (SOS-Symbiotic Organisms Search) theo phương pháp kết hợp tuyến tính. Trong ENMIM, cả RBFNN và LSVR cùng thực hiện các nhiệm vụ như nhau trong quá trình dự đoán. Trong khi đó, thuật toán tối ưu SOS được tích hợp để kiểm soát việc thực hiện các RBFNN và LSVR thông qua cung cấp các thông số mô hình thích hợp và tuyến tính các giá trị tham số kết hợp để tạo ra các mô hình mới với khái quát hơn.

Số hồ sơ lưu: 18894

80630. 05-2022 **Nghiên cứu, xây dựng giải pháp bảo mật cơ sở dữ liệu quan hệ phục vụ phát triển chính phủ điện tử/** TS. Trần Công Mạnh, ThS. Nguyễn Kim Thanh; TS. Tạ Minh Thanh; TS. Nguyễn Quang Uy; TS. Nguyễn Quang Thi; ThS. Nguyễn Thê Tiên; TS. Lưu Hồng Dũng; TS. Tống Minh Đức; TS. Bùi Thế Truyền; ThS. Phùng Văn Trọng; PGS. TS. Nguyễn Hiếu

Minh; ThS. Hoàng Mạnh Cường; ThS. Nguyễn Tấn Đức; TS.Đào Tuấn Hùng; ThS.Võ Ngọc Tấn Phước; ThS.Hồ Kim Giàu; ThS.Vũ Thị Ly; ThS.Nguyễn Lương Bình; TS.Nguyễn Trung Thành; TS.Cao Văn Lợi; ThS.Dương Phúc Phần; ThS.Trần Ngọc Quý; ThS.Phạm Thế Hưng; ThS.Phùng Văn Quyền; ThS.Dương Tuấn Đạt; ThS.Kiều Ngọc Dung; ThS.Trần Tiêm; KS.Nguyễn Hữu Sơn; TS.Đặng Minh Tuấn; ThS.Lê Đức Toàn; KS.Kiều Chí Dũng; TS.Nguyễn Mạnh Hùng; ThS.Lê Thùy Dung; KS.Nguyễn Văn Cường; ThS.Vũ Văn Cảnh; ThS.Nguyễn Hoàng Quân; TS.Lê Đình Sơn; TS.Nguyễn Văn Tiến - Hà Nội - Viện Tích hợp hệ thống, 2021 - 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Các hệ quản trị CSDL SQL Server và Oracle đều có tích hợp sẵn các cơ chế bảo mật sử dụng mật mã. Nếu sử dụng các cơ chế này để bảo mật CSDL thì thực hiện sẽ khá dễ dàng và hiệu năng truy vấn cao. Tuy nhiên, các cơ chế bảo mật được tích hợp sẵn rất khó để làm chủ và tùy biến được theo yêu cầu của CPĐT. Liệu các cơ chế bảo mật này có an toàn không? Đó là một câu hỏi không thể trả lời chắc chắn. Các cơ chế bảo mật chủ yếu sử dụng phương pháp bảo mật và hỗ trợ truy vấn trên dữ liệu rõ. Chỉ có hệ quản trị CSDL Microsoft SQL Server AE mới hỗ trợ truy vấn trên dữ liệu mã. Tuy nhiên, bộ câu lệnh truy vấn trên mã rất hạn chế và khó có thể đáp ứng nhu cầu triển khai cho CPĐT. Hệ quản trị SQL Server AE chỉ cho phép triển khai mã / giải mã

trực tiếp tại máy người sử dụng đầu cuối vì vậy không phù hợp cho triển khai với giải pháp quản lý khóa mã tập trung. Hệ quản trị SQL Server AE chỉ cho phép triển khai mã / giải mã trực tiếp tại máy người sử dụng đầu cuối vì vậy không phù hợp cho triển khai với giải pháp quản lý khóa mã tập trung.

Số hồ sơ lưu: 19074

10202. Khoa học thông tin

80061. 05-2022 Nghiên cứu, đề xuất nội dung và phương án ứng cử vào Hội đồng Khai thác Bưu chính (POC) của UPU/ CN. Đặng Thị Thủy, Trần Thanh Hà; Mai Thu Hằng; Nguyễn Thị Khánh Thuận; Nguyễn Thị Thanh Mai; Mai Thị Thanh; Nguyễn Đức Tùng - Hà Nội - Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Thông tin và Truyền thông, 2020 - 03/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về cơ cấu tổ chức, bộ máy, hoạt động, tôn chỉ mục đích của Liên minh Bưu chính Thế giới (UPU); cơ cấu tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ và chương trình hành động của Hội đồng Khai thác Bưu chính (POC) nhiệm kỳ 2017-2020 và các chính sách đổi mới của UPU về Hội đồng Khai thác Bưu chính (POC) tại Đại hội Bất thường UPU lần thứ 2 2018. Nghiên cứu các nội dung, vấn đề chính của Đại hội UPU lần thứ 27 năm 2020. Nghiên cứu báo cáo tổng hợp về các hoạt động của Việt Nam trong UPU với tư cách thành viên Hội đồng Điều hành (CA - UPU). Nghiên cứu tổng hợp về kế hoạch phát triển của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; rà soát, đánh giá các lợi ích mang lại

cho Việt Nam khi tham gia các hoạt động trong các Hội đồng của UPU. Đề xuất nội dung tham gia của Việt Nam và phương án ứng cử của Việt Nam vào Hội đồng Khai thác Bưu chính (POC) của UPU tại Đại hội UPU lần thứ 27.

Số hồ sơ lưu: 18934

10302. Vật lý các chất cô đặc

79412. 05-2022 Một cách tiếp cận mới để nghiên cứu cấu trúc và động học không đồng nhất của vật liệu silicat ở trạng thái lỏng/ PGS. TS. Lê Thế Vinh, TS. Tô Bá Văn; TS. Hoàng Văn Huệ; ThS. Mai Văn Dũng - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 2020 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Các mô hình silicat đã được xây dựng bằng mô phỏng động lực học phân tử. Các vấn đề sau sẽ được làm rõ dựa trên mô hình vỏ-lõi và hàm-cụm: Sự không đồng nhất về cấu trúc (simplex, cụm simplex, tách pha vi mô, miền mật độ cao và miền mật độ thấp), Sự không đồng nhất về động học (khuếch tán, cơ chế khuếch tán độ nhớt, cơ chế dẫn ion), Tương quan giữa sự không đồng nhất cấu trúc và không đồng nhất về động học.

Số hồ sơ lưu: 18555

10303. Vật lý hạt và trường

79416. 05-2022 Nghiên cứu một số hiện tượng vật lý phi tuyến trong các hệ ngưng tụ Bose-Einstein/ TS. Nguyễn Việt Hưng, TS. Đoàn Quảng Trị; PGS. TS. Trần Thị Hải; TS. Nguyễn Thị Dung;

ThS. Dương Xuân Núi - Hà Nội - Viện Tiên tiến Khoa học và Công nghệ (AIST), 2020 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm kiếm các đặc trưng mới của hiện tượng mất đối xứng tự phát dạng đơn và kép của các trạng thái ngưng tụ Bose-Einstein bị giam giữ trong bẫy thế năng từ trường có cấu hình phức tạp. Qua đó thấy được vai trò ảnh hưởng của tương tác phi tuyến giữa các nguyên tử trong hệ cũng như của trường ngoài lên hiện tượng này. Làm rõ ảnh hưởng của tương tác phi tuyến lên quá trình mất ổn định điều biến trong các hệ ngưng tụ Bose-Einstein bị giam giữ trong trường thế năng có dạng vành kép và đồng thời có tương tác với môi trường ngoài thông qua sự gia tăng hoặc mất mát các nguyên tử. Động lực học của hệ phức tạp này có biểu hiện của tính hỗn loạn. Xác định ảnh hưởng của tương tác spin-quỹ đạo lên quá trình tương tác bốn sóng trong các hệ ngưng tụ Bose-Einstein có cấu trúc spinor. Tìm kiếm điều kiện để tương tác phi tuyến này có ảnh hưởng lớn nhất.

Số hồ sơ lưu: 18561

10305. Vật lý plasma và chất lỏng

80977. 05-2022 **Đánh giá nguy cơ tiềm ẩn bức xạ cao và nguyên tố kim loại nặng từ bãi chôn lấp tro bay của các nhà máy nhiệt điện chạy than ở Đồng Bằng Sông Cửu Long.**/ PGS.TS. Trương Thị Hồng Loan, TS. Lê Xuân Thuý; PGS. TS. Huỳnh Trúc Phương; PGS. TS. Lê Công Hào; TS. Trần Văn Luyện; ThS. Vũ Ngọc Ba; KTV. Mai Thanh Mẫn - TP. Hồ Chí Minh - Trường

Đại học Khoa học Tự nhiên Thành phố Hồ Chí Minh, 2021 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề tài đánh giá mức phóng xạ và kim loại nặng trong than, tro bay, tro xỉ và đất xung quang một số nhà máy nhiệt điện than Thành phố Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Kết quả cho thấy sự tăng cường phóng xạ trong tro bay, tro xỉ với than đầu vào. Tuy nhiên mức phóng xạ nằm trong vi phạm trung bình trên thế giới theo UNSCEAR. Đánh giá chỉ số nguy hiểm bức xạ trong tro bay, trong tro xỉ và đất xung quanh nhà máy nhiệt điện chạy than khảo sát. Kết quả sơ bộ cho thấy do mức phóng xạ cao. Tuy nhiên do công nhân không làm việc thường xuyên ở nơi này nên sự phơi chiếu bức xạ cũng không gây ra ảnh hưởng vượt quá mức trung bình trên thế giới.

Số hồ sơ lưu: 19262

81021. 05-2022 **Các vật liệu tương tự graphene và các cấu trúc ghép giữa chúng.**/ TS. Lê Bá Nam, TS. Phan Đức Anh; TS. Hoàng Đình Hải; TS. Trần Thị Hải - Hà Nội - Viện Vật lý Kỹ thuật, 2021 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm hiểu và xây dựng cấu trúc của các vật liệu tương tự graphene và các hệ ghép giữa chúng. Mô phỏng để tìm trạng thái cơ bản cho từng hệ, trong đó có việc tìm ra năng lượng ở trạng thái cơ bản. Thực hiện các tính toán phonon để xác định tính bền vững của các hệ, đồng thời xác định khả năng dẫn nhiệt của chúng. Thực hiện các tính toán để

xác định các tính chất điện từ, quang học của từng hệ. Nghiên cứu sự biến thiên của hệ số truyền qua của hệ các dải graphene được đặt trên đế.

Số hồ sơ lưu: 19268

10306. Quang học

80550. 05-2022 **Thiết kế, tổng hợp các sensor huỳnh quang phát xạ ở vùng bước sóng dài và ứng dụng để phát hiện các ion kim loại nặng/ GS. TS. Dương Tuấn Quang, ThS. Đinh Quý Hương; ThS. Mai Văn Bảy; TS. Nguyễn Khoa Hiền; TS. Nguyễn Chí Bảo; TS. Trần Vĩnh Thiện - Thừa Thiên - Huế - Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế, 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Thu thập được các sensor huỳnh quang phát xạ ở bước sóng dài, có thể phát hiện các ion kim loại nặng. Kết hợp kinh hoạt giữa tính toán lý thuyết và thực nghiệm trong thiết kế, tổng hợp, đặc trưng và ứng dụng các sensor. Góp phần xây dựng cơ sở khoa học trong phát triển các sensor huỳnh quang mới, tiến đến sử dụng các tính toán lý thuyết để nâng cao hiệu quả ứng dụng của các sensor như tăng độ nhạy, độ chọn lọc, tính tan của các sensor. Góp phần phát triển đội ngũ nghiên cứu khoa học trong nước về các hướng tiếp cận mới: kết hợp tính toán hóa lượng tử và nghiên cứu thực nghiệm, phát triển các sensor huỳnh quang

Số hồ sơ lưu: 19071

80983. 05-2022 **Ghi nhận hình ảnh tomography của mẫu vật trong y học sử dụng laser phổ tần số răng lược/ TS. Phạm Đức Quang,**

Vũ Thanh Tùng; Bành Quốc Tuấn; Nguyễn Quốc Đạt; Lê Quang Thái - Hưng Yên - Trung tâm Ươm tạo Công nghệ và Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ, 2021 - 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng một hệ thống quang học mới thực hiện việc ghi và khôi phục ảnh tổng thể khối không gian 3 chiều bên trong và bên ngoài với độ chính xác cao của các vật thể sinh học sử dụng nguồn laser quang học phổ tần số răng lược và kỹ thuật tomography. Sử dụng kết quả nghiên cứu của hệ thống vào y học như mô hình hóa cấu trúc bộ phận, phát hiện theo dõi các khối u ung thư. Mục tiêu hợp tác nghiên cứu, học hỏi từ các chuyên gia nước ngoài kết hợp đào tạo nguồn nhân lực phục vụ nghiên cứu ứng dụng công nghệ quan học tại Việt Nam. Mục tiêu hợp tác nghiên cứu, học hỏi từ các chuyên gia nước ngoài kết hợp đào tạo nguồn nhân lực phục vụ nghiên cứu ứng dụng công nghệ quang học tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19260

10308. Thiên văn học

80954. 05-2022 **Nghiên cứu thiên hà có độ dịch chuyển đỏ lớn, sao trẻ và sao già ở bước sóng mm/submm/ TS. Phạm Tuấn Anh, TS. Đỗ Thị Hoài; TS. Phạm Thị Tuyết Nhung; TS. Phạm Ngọc Diệp; ThS. Nguyễn Thị Phương; CN. Trần Thị Thái - Hà Nội - Trung tâm Vũ trụ Việt Nam, 2021 - 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Thiên hà có độ dịch chuyển đỏ lớn: Cho đến nay chỉ một số ít thành

phần khí và bụi của các thiên hà có độ dịch chuyển co có thể được phân giải rõ ràng nhờ hiệu ứng khuếch đại cho thấu kính hấp dẫn. Mục tiêu chính là nghiên cứu các đặc tính nội tại của các thiên hà chủ yếu về hình thái và động lực. Nó sẽ cung cấp những thông tin quý giá về sự hình thành và tiến hóa của các thiên hà của vũ trụ thời kỳ đầu vũ trụ. Sao trẻ: Tìm hiểu chi tiết các quá trình vật lý và hóa học chi phối sự hình thành sao và các hành tinh là vấn đề chưa có câu trả lời rõ ràng. Đây là một câu hỏi lớn trong lĩnh vực này, cần sự đóng góp từ nhiều nhóm nghiên cứu tiếp cận vấn đề từ nhiều khía cạnh khác nhau. Sao già: Hiểu biết của chúng ta về cơ chế mất khối lượng của các sao AGB vẫn còn chưa rõ ràng. Bức tranh cơ bản hiện nay là: gió sao chuyển động chậm đồng nhất, đẳng hướng, có vận tốc không đổi; tốc độ mất khối lượng của sao cỡ từ khoảng 10⁻⁵ đến 10⁻⁷ khối lượng mặt trời một năm.

Số hồ sơ lưu: 19250

10401. Hoá hữu cơ

80151. 05-2022 **Tổng hợp, tinh chế và thiết lập một số tạp chất làm chất đối chiếu góp phần phát triển ngành công nghiệp Hóa Dược Việt Nam/ TS.** Chương Ngọc Nãi, ThS. Trịnh Hoàng Dương; PGS. TS. Trần Việt Hùng; PGS. TS. Nguyễn Đức Tuấn; PGS. TS. Trương Ngọc Tuyền; PGS. TS. Hà Diệu Ly; ThS. Lê Thị Thu; ThS. Dương Minh Tân; ThS. Huỳnh Thị Mai Trang; ThS. Lữ Thiện Phúc; DS. Phan Nguyễn Trường Thắng - TP. Hồ Chí Minh - Viện Kiềm

nghiệm thuốc TP. Hồ Chí Minh, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình tổng hợp 10 tạp chất chuẩn của 8 dược chất: Alopurinol, amlodipin, carvedilol, diclofenac natri, diclofenac kali, fenofibrat, fluconazol, meloxicam quy mô tối thiểu 1 g/mẻ; 5 mẻ/lô. Xây dựng bộ protocol của 10 tạp chất chuẩn theo các quy định của Dược điển hiện hành. Xây dựng quy trình thiết lập hồ sơ chất đối chiếu cấp quốc gia của 10 tạp chất tổng hợp được.

Số hồ sơ lưu: 18913

79756. 05-2022 **Thiết kế và nghiên cứu hoạt tính kháng oxy hóa của các hợp chất thơm chứa liên kết X-H (X = N, O, S) bằng phương pháp hóa tính toán/ TS.** Võ Văn Quân, PGS. TS. Phạm Cẩm Nam; TS. Nguyễn Minh Thông; ThS. Mai Văn Bảy; ThS. Đinh Quý Hương; ThS. Nguyễn Thị Hoa - Quảng Trị - Trường cao đẳng sư phạm Quảng Trị, 2021 - 04/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khả năng chống oxy hóa của các hợp chất họ indole-3-carbinols, hydroperosulfides và indolinonic hydroxylamines, qua đó định hướng trong việc thiết kế phân tử, tổng hợp hóa học và ứng dụng các hợp chất có hoạt tính kháng oxy hóa cao vào thực tiễn. Cơ chế chống oxy hóa của các hợp chất trên thông qua các thông số nhiệt động quan trọng và phản ứng với gốc tự do ROO•.

Số hồ sơ lưu: 18771

10402. Hoá vô cơ và hạt nhân

79661. 05-2022 **Nghiên cứu xây dựng quy trình xác định hàm lượng Sn, Ag, Cu, Pb, Bi, Fe, Sb, As trong thiếc hàn không chì SAC/** ThS. Phan Thị Thanh Hà, ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh; ThS. Lê Thị Như Thủy; CN. Bùi Thị Thu Hà; CN. Nguyễn Huy Toàn; CN. Nguyễn Thị Việt; CN. Nguyễn Thị Hồng Phượng; CN. Kim Thị Vân Anh; ThS. Lê Hải Yến; KTV. Phạm Thị Quyên - Hà Nội - Viện khoa học và công nghệ mỏ - luyện kim, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tối ưu hóa quá trình phân hủy mẫu: khảo sát lựa chọn loại axit phân hủy mẫu, khảo sát tỉ lệ thể tích dung dịch phân hủy mẫu và khối lượng cân, nghiên cứu sự ảnh hưởng của nền mẫu đối với các nguyên tố phân tích. Tối ưu hóa các điều kiện phân tích trên hệ thống hấp thụ nguyên tử (đối với các nguyên tố định lượng trên thiết bị phân tích). Khảo sát khoảng tuyến tính của các nguyên tố, xây dựng đường chuẩn và xác định giới hạn phát hiện giới hạn phát hiện (MDL) và giới hạn định lượng MQL (với các nguyên tố sử dụng máy đo). Tiến hành phân tích mẫu và đánh giá quy trình phân tích (bao gồm: độ lặp lại, độ đúng, độ không đảm bảo đo).

Số hồ sơ lưu: 18716

10404. Hoá học cao phân tử (polyme)

79755. 05-2022 **Phân tích các dạng tồn tại và chuyển hóa của các nguyên tố As, Se và Hg trong mẫu sinh học, thực phẩm và môi trường/** PGS. TS. Chu Đình Bình,

TS. Nguyễn Tiến Thành; TS. Lý Bích Thủy; ThS. Trần Ngọc Thanh; ThS. Vũ Thị Hồng Ân; CN. Đỗ Hồng Quân - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hóa học-Trường Đại học Bách Khoa Hà nội, 2020 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển phương pháp phân tích dạng đơn nguyên tố, đa nguyên tố bằng kỹ thuật ghép nối sắc ký lỏng hiệu năng cao với khối phổ kế nguyên tử nguồn ion hóa cao tần cảm ứng plasma (LC-ICP-MS) dùng cho phân tích dạng As, Hg và Se. Đánh giá và phê duyệt sự phù hợp của phương pháp với tiêu chuẩn quốc tế như ISO 17025, EURACHEM. Ứng dụng phương pháp dùng để phân tích các mẫu sinh học (mẫu máu, nước tiểu...) mẫu môi trường (mẫu nước sinh hoạt, nước ngầm...) mẫu thực phẩm (mẫu hải sản, mẫu thực phẩm chức năng...).

Số hồ sơ lưu: 18772

10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân)

80933. 05-2022 **Nghiên cứu chế tạo đồng oxit dạng nanowire và nanotube bằng phương pháp điện hóa và ứng dụng trong cảm biến điện hóa và quang điện hóa để chế tạo hidro từ năng lượng Mặt trời/** TS. Nguyễn Quốc Dũng, TS. Nguyễn Thị Luyên; PGS. TS. Đỗ Trà Hương; TS. Trần Quốc Toàn; ThS. Trương Thị Nam; ThS. Trần Thị Thùy Dương - Thái Nguyên - Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, 2021 - 04/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo vật liệu nanotube, nanowire CuO và Cu₂O bằng phương pháp điện hóa trên tấm Cu, để dẫn điện ITO. Sử dụng điện cực chế tạo được làm sensor điện hóa phát hiện glucose và vật liệu điện cực cho phản ứng quang hóa tách nước. Nghiên cứu đặc trưng cấu trúc, thành phần hóa học của vật liệu bằng các phương pháp phân tích hiện đại như phổ quang điện tử tia X, phổ hấp thụ tia X, cộng hưởng thuận từ điện tử, nhiễu xạ tia X, phổ tán xạ Raman, hiển vi điện tử truyền qua (TEM), hiển vi lực nguyên tử AFM, tán sắc năng lượng tia X (EDX).

Số hồ sơ lưu: 19241

10508. Trắc địa học và bản đồ học

80043. 05-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ xây dựng quy định về chia sẻ, sử dụng chung dữ liệu đo đạc bản đồ**/ TS. Đồng Thị Bích Phương, ThS. Trần Thị Minh Đức; ThS. Nguyễn Thị Chi; ThS. Hoàng Thị Tâm; ThS. Nguyễn Thị Thảo; ThS. Trịnh Thị Tô Uyên; ThS. Nguyễn Thị Phương; TS. Trần Hồng Quang; TS. Nguyễn Đại Đồng; TS. Nguyễn Thị Lan Phương; TS. Nguyễn Cẩm Chi - Hà Nội - Viện khoa học Đo đạc và bản đồ, 2020 - 06/2017 - 01/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, đánh giá các kết quả nghiên cứu và kinh nghiệm quản lý của các nước phát triển và các nước có điều kiện tương tự Việt Nam về chia sẻ, sử dụng chung dữ liệu đo đạc bản đồ và thông tin địa lý. Phân tích, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chia sẻ, sử

dụng chung dữ liệu đo đạc bản đồ tại Việt Nam. Khảo sát thực tế chia sẻ, sử dụng chung dữ liệu đo đạc bản đồ và điều tra nhu cầu người dùng tại Việt Nam. Xác định các giải pháp tổ chức, tài chính, kỹ thuật và sở hữu trí tuệ để đảm bảo chia sẻ, sử dụng chung dữ liệu đo đạc bản đồ phù hợp với điều kiện Việt Nam. Xây dựng Dự thảo quy định về chia sẻ, sử dụng chung dữ liệu đo đạc và bản đồ.

Số hồ sơ lưu: 18904

80044. 05-2022 **Nghiên cứu giải pháp và xây dựng quy trình dẫn xuất thành lập cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:50.000 và 1:25.000 từ cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:10.000**/ ThS. Trần Thị Minh Đức, TS. Đồng Thị Bích Phương; ThS. Nguyễn Thị Chi; ThS. Nguyễn Thị Thảo; ThS. Hoàng Thị Tâm; ThS. Võ Thị Hồng Lĩnh; ThS. Trần Minh Hằng; ThS. Nguyễn Thị Phương; TS. Trần Hồng Quang; KS. Nguyễn Thị Kim Oanh; ThS. Trịnh Thị Tô Uyên; TS. Đỗ Thị Hoài; ThS. Nguyễn Hương Giang; ThS. Khổng Thị Việt Anh - Hà Nội - Viện khoa học Đo đạc và bản đồ, 2021 - 04/2020 - 01/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu và ứng dụng về xây dựng và dẫn xuất tự động cơ sở dữ liệu (CSDL) nền địa lý tại Việt Nam và các nước trên thế giới. Cơ sở khoa học và thực tiễn về xây dựng và dẫn xuất tự động CSDL nền địa lý tại Việt Nam. Đề xuất quy trình dẫn xuất tự động CSDL nền địa lý tỷ lệ 1:25.000, 1:50.000 từ CSDL 1:10.000. Thử nghiệm hoàn thiện CSDL nền địa lý tỷ lệ 1:10.000 và

dẫn xuất thành lập CSDL nền địa lý và bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000, 1:50.000 ở 08 khu vực đại diện (cửa sông, đô thị lớn, đô thị vệ tinh, nông thôn đồng bằng sông Hồng, nông thôn đồng bằng sông Cửu Long, vùng núi cao, vùng cao nguyên và biển đảo).

Số hồ sơ lưu: 18905

80473. 05-2022 **Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu không gian bản đồ đa tỷ lệ và công cụ phục vụ giám sát nguồn nước mặt. Áp dụng thử nghiệm tại tỉnh Đồng Tháp và An Giang/** PGS. TS. Vũ Xuân Cường, ThS. Vũ Minh Tuấn; ThS. Vũ Văn Thái; TS. Lê Minh Vĩnh; KS. Trần Thanh Long; TS. Hồ Trọng Tiến; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Trần Ký; ThS. Nguyễn Văn Khánh; ThS. Văn Ngọc Trúc Phương; ThS. Nguyễn Văn Giang - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM, 2020 - 06/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được cơ sở dữ liệu bản đồ đa tỷ lệ về thủy hệ đoạn sông Hậu qua tỉnh Đồng Tháp và một phần tỉnh An Giang; Tích hợp được vào cơ sở dữ liệu các lớp thông tin chuyên đề gồm cả thông tin thuộc tính và không gian hỗ trợ giám sát nguồn nước mặt; Xây dựng được công cụ thể hiện thông tin bản đồ đa tỷ lệ trên mạng internet, ghi nhận và hiển thị thông tin chuyên đề hỗ trợ giám sát nguồn nước mặt từ các cơ quan quản lý và cộng đồng.

Số hồ sơ lưu: 19004

80927. 05-2022 **Nghiên cứu xây dựng một số mô hình ứng dụng chuẩn hóa phục vụ thúc đẩy khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng dữ liệu vệ tinh LOTUSat/** TS. Vũ Anh Tuấn, ThS. Đinh Thị Diệu; TS. Nguyễn Hong Quảng; ThS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Ngô Đức Anh; ThS. Nguyễn Minh Đức; ThS. Nguyễn Tiến Công; TS. Phạm Thị Thanh Nga; ThS. Đoàn Thị The; PGS.TS. Phạm Văn Cự; ThS. Lê Thị Thu Hằng; CN. Nguyễn Thu Hằng; CN. Vũ Phan Việt Hoa; ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy; ThS. Nguyễn Thị Thảo; ThS. Tô Anh Đức; ThS. Vi Đức Huân; ThS. Ngô Đức Minh; ThS. Nguyễn Văn Thông; ThS. Nguyễn Phương Mai; ThS. Tăng Quang Minh; ThS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Nguyễn Thị Hiền; CN. Lộc Thị Thùy Linh; CN. Quách Trung Đông - Hà Nội - Trung tâm Vũ trụ Việt Nam, 2021 - 11/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng các mô hình ứng dụng ảnh vệ tinh LOTUSat-1 trong các vực: giám sát tài nguyên và môi trường; nông - lâm nghiệp; giám sát thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Chuẩn hóa các mô hình ứng dụng vệ tinh LOTUSat-1 trong các lĩnh vực nói trên trong điều kiện Việt Nam. Chuyển giao các mô hình ứng dụng vệ tinh LOTUSat-1, nâng cao năng lực từ sử dụng qua đó nâng cao hiệu quả khai thác ảnh vệ tinh radar của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19242

10509. Các khoa học môi trường

79664. 05-2022 **Nghiên cứu ứng dụng và triển khai một số mô**

hình không phát thải hướng tới ngăn ngừa ô nhiễm cho cụm dân cư nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long/ GS. TS. Lê Thanh Hải, TS. Trần Văn Thanh; PGS. TS. Lê Đức Trung; TS. Đỗ Thị Thu Huyền; PGS. TS. Lê Thị Kim Oanh; KS. Nguyễn Mộc Đức; ThS. Huỳnh Văn Thái; TS. Nguyễn Như Hiền; ThS. Lê Quốc Vĩ; ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo - Hồ Chí Minh - Viện Môi trường và Tài nguyên, 2020 - 10/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hiện trạng và hiệu quả các mô hình hiện hữu trong vấn đề xử lý ô nhiễm môi trường của cụm dân cư nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Đề xuất các giải pháp kỹ thuật và các mô hình hiệu quả hướng tới không phát thải nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường cho chuỗi hoạt động canh tác, nuôi trồng, sản xuất và tiêu thụ trong cụm dân cư nông thôn tại khu vực. Triển khai xây dựng các mô hình không phát thải nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên nền tảng liên kết các chuỗi yếu tố canh tác/nuôi trồng - sản xuất - tiêu thụ sạch.

Số hồ sơ lưu: 18714

80117. 05-2022 Nghiên cứu chế tạo các chất keo tụ - tạo bông có nguồn gốc sinh học để xử lý một số loại nước thải tại làng nghề thủ công ở Hà Nội/ TS. Lê Thị Hoàng Oanh, Nguyễn Hữu Huân; Nguyễn Ngọc Minh; Ngô Văn Anh; Nguyễn Thị Hạnh; Phạm Văn Quang; Lưu Minh Loan; Vũ Thị Cẩm Vân - Hà Nội - Trường ĐH Khoa học Tự

nhiên, 2021 - 01/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá khả năng xử lý độ đục cũng như COD, dinh dưỡng và kim loại nặng của các chất keo tụ - tạo bông có nguồn gốc sinh học tạo được để lựa chọn ra chế phẩm tốt nhất (2 chế phẩm); Đánh giá khả năng xử lý độ đục cũng như COD, dinh dưỡng và kim loại nặng của các chất keo tụ - tạo bông có nguồn gốc sinh học tốt nhất tạo được khi kết hợp với chất keo tụ hoá học nhằm tìm ra giải pháp tốt nhất cho việc thay thế hoặc giảm thiểu việc sử dụng chất keo tụ - tạo bông hoá học phổ dụng trong xử lý một số mẫu nước thải tại làng nghề thủ công Hà Nội; Thử nghiệm chất keo tụ - tạo bông sinh học vào thực tiễn xử lý nước thải tại làng nghề thủ công ở Hà Nội (1 cơ sở sản xuất, dự kiến là cơ sở dệt nhuộm).

Số hồ sơ lưu: 18950

10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển

79640. 05-2022 Nghiên cứu xây dựng mô hình và hệ thống dự báo thời tiết tiểu vùng và cảnh báo nguy cơ lũ quét, cháy rừng và sâu bệnh nông nghiệp cấp huyện vùng Tây Bắc/ GS.TS. Nguyễn Ngọc Thạch, ThS. Phạm Xuân Cảnh; PGS.TS. Mai Quang Vinh; PGS.TS. Bùi Quang Thành; TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng; TS. Lê Hoàng Sơn; TS. Trịnh Xuân Hoat; PGS.TS. Đinh Thị Bảo Hoa; ThS. Tống Phúc Tuấn; ThS. Đoàn Thu Phương - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 01/2015 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác lập cơ sở khoa học cho việc tích hợp và ứng dụng công nghệ địa thông tin (viễn thám - GIS - GPS) và công nghệ dự báo tự động thời tiết phục vụ cảnh báo đa mục tiêu: lũ quét, cháy rừng từ 1-6 ngày. Xây dựng cổng thông tin trực tuyến phục vụ quản lý tự động nông lịch thời vụ, phòng tránh tai biến ở quy mô cấp huyện qua các phương tiện Website, bảng điện tử và điện thoại di động. Lựa chọn địa điểm và thí điểm triển khai dự báo tại một số huyện có điều kiện tự nhiên và hoạt động nông, lâm nghiệp đặc thù nhất. Góp phần tạo thêm giá trị gia tăng hiệu quả của sản xuất nông nghiệp, phòng chống tai biến cháy rừng, lũ quét, phục vụ mục tiêu xây dựng nông thôn mới và nông nghiệp công nghệ cao trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển bền vững của vùng và các địa phương trong vùng Tây Bắc; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở Trường Đại học trong nước.

Số hồ sơ lưu: 18692

80012. 05-2022 **Nghiên cứu khả năng sử dụng phương pháp động lực xoáy thế và xây dựng bộ công cụ dự báo dông, mưa lớn ở khu vực Bắc Bộ/** TS. Hoàng Phúc Lâm, ThS. Dư Đức Tiến; ThS. Nguyễn Văn Hương; ThS. Trần Như Quỳnh; ThS. Đỗ Thị Thanh Thủy; TS. Nguyễn Thị Hoàng Anh; CN. Vũ Tuấn Anh; ThS. Phạm Thị Thanh Hoa; CN. Đinh Hữu Dương; ThS. Nguyễn Đình Thuật - Hà Nội - Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn quốc gia, 2020 - 07/2016 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định đặc điểm xoáy thế trước, trong và sau khi xảy ra mưa lớn và dông ở khu vực Bắc Bộ. Xây dựng mối quan hệ giữa xoáy thế với mưa lớn và dông ở khu vực Bắc Bộ. Xây dựng bộ công cụ dự báo định lượng và xác suất mưa lớn và dông cho khu vực Bắc Bộ sử dụng xoáy thế. Phát triển và ứng dụng bộ công cụ hiệu chỉnh dự báo mưa của các mô hình số trị sử dụng xoáy thế và các đặc trưng nhiệt động lực.

Số hồ sơ lưu: 18897

80300. 05-2022 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống tự động đánh giá khách quan chất lượng dự báo tại các điểm trên khu vực Việt Nam/** ThS. Lê Đại Thắng, ThS. Ngô Văn Mạnh; CN. Nguyễn Văn Khoa; KS. Vương Minh Phương; KS. Nguyễn Văn Khôi; ThS. Lê Thị Thương; ThS. Nguyễn Thị Vân Anh; TS. Hoàng Phúc Lâm; CN. Mai Thị Thanh Tâm; ThS. Dư Đức Tiến - Hà Nội - Trung tâm Thông tin và Dữ liệu Khí tượng thủy văn, 2021 - 06/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất được mẫu bản tin dự báo tại các điểm dạng số hóa thống nhất trong ngành khí tượng thủy văn và bộ chỉ tiêu đánh giá chất lượng dự báo điểm phù hợp cho từng địa phương; Đánh giá được chất lượng của các phương pháp dự báo tại các điểm; Triển khai nghiệp vụ hệ thống tự động đánh giá khách quan chất lượng dự báo tại các điểm.

Số hồ sơ lưu: 19008

10511. Khí hậu học

80234. 05-2022 **Nghiên cứu khả năng ảnh hưởng của biến đổi**

khí hậu đến đa dạng sinh học rừng ngập mặn tỉnh Bến Tre, Trà Vinh và đề xuất một số giải pháp bảo tồn/ TS. Trần Hậu Vương, ThS. Từ Thị Năm; TS. Bảo Thạnh; TS. Trần Thanh Hùng; ThS. Ngô Nam Thịnh; TS. Trần Thông Nhất; ThS. Báo Văn Tuy; ThS. Lê Thị Thu Hằng; ThS. Vũ Lê Vân Khánh; ThS. Lê Trương Thanh Thảo; ThS. Nguyễn Trung Thảo; KS. Nguyễn Thị Mỹ Loan; KS. Trương Công Trường - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM, 2020 - 06/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu khả năng tác động của biến đổi khí hậu đến đa dạng sinh học tỉnh Bến Tre và Trà Vinh. Đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học trong vùng nghiên cứu, về quần xã thực vật trong vùng nghiên cứu tính đa dạng chưa cao. Dưới tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH), nhiệt độ và độ mặn nước là những yếu tố có ảnh hưởng đáng kể lên đa dạng sinh học của thảm thực vật rừng ngập mặn ở Bến Tre và Trà Vinh. Biến đổi khí hậu trong tương lai sẽ ảnh hưởng đến quần xã phiêu sinh động thực vật ở Bến Tre và Trà Vinh thông qua yếu tố nhiệt độ và độ mặn nước, đặc biệt là nhiệt độ. Đề xuất quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học rừng ngập mặn Bến Tre – Trà Vinh trên cơ sở thiết lập và tăng cường bảo tồn các khu vực... và thiết lập vành đai liên kết các khu vực bảo tồn của 2 tỉnh dưới tác động của biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: 18997

80298. 05-2022 Nghiên cứu xây dựng mô hình dự đoán biểu hiện biến đổi khí hậu thông qua các chỉ thị sinh học (biological indicators), từ đó đề xuất các giải pháp thích ứng với BĐKH- thí điểm tại Cà Mau và Đồng Tháp/ ThS. Hoàng Trọng Khiêm, CN. Đỗ Uyển Nhi; TS. Đinh Thị Nga; PGS.TS. Hồ Thị Thanh Vân; TS. Võ Nguyễn Xuân Quế; ThS. Trần Trọng Ngân; TS. Đỗ Thanh Vân; ThS. Nguyễn Trung Thảo; CN. Trần Thị Minh Ngọc; CN. Hà Bảo Châu - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM, 2020 - 06/2016 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đưa ra hệ thống, danh sách lựa chọn các sinh vật chỉ thị tiềm năng cho biến đổi khí hậu (BĐKH) ở Cà Mau và Đồng Tháp. Lựa chọn các nhóm sinh vật chỉ thị và ứng dụng chúng cho công tác đánh giá biểu hiện BĐKH tại đồng bằng Sông Cửu Long. Xây dựng mô hình sinh vật chỉ thị dự đoán biểu hiện của BĐKH ở Cà Mau và Đồng Tháp. Nghiên cứu là tiền đề để mở rộng công cụ chỉ báo cho BĐKH tại các khu vực lân cận. Xây dựng mô hình dự đoán biểu hiện của biến đổi khí hậu thông qua các chỉ thị sinh học thí điểm tại Cà Mau và Đồng Tháp. Đề xuất các giải pháp thích ứng với BĐKH ở khu vực nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 18999

10512. Hải dương học

79753. 05-2022 Nghiên cứu cơ sở khoa học xác lập tổ hợp các phương pháp định hướng khoan định túi khí nông phục vụ điều tra

cơ bản tài nguyên môi trường biển, thí điểm áp dụng tại khu vực vùng biển vịnh Gành Rái (Gò Công – Vũng Tàu)/ TS. Nguyễn Hồng Lâm, ThS. Vũ Văn Lâm; TS. Lê Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Thị Lan; TS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh; TS. Trần Thị Minh Hằng; ThS. Nguyễn Quang Chiến; ThS. Vũ Lê Phương; ThS. Trần Xuân Trường; TS. Vũ Thị Thu Hà - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2020 - 07/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở khoa học xác lập tổ hợp các phương pháp để xây dựng dự thảo về các quy trình, quy trình kỹ thuật định hướng cho việc khoan định túi khí nông trong trầm tích đáy biển phục vụ cho điều tra cơ bản tài nguyên môi trường biển; Nghiên cứu ứng dụng thử nghiệm đánh giá các quy trình, quy trình kỹ thuật đã đề xuất tập trung vào phương pháp địa hóa khí xác định thành phần các chất khí, nguồn gốc thành tạo một số túi khí nông tại khu vực vùng biển vịnh Gành Rái (Gò Công – Vũng Tàu).

Số hồ sơ lưu: 18767

10513. Thủy văn; Tài nguyên nước

79426. 05-2022 Nghiên cứu đề xuất bộ công cụ mô hình toán dự báo tài nguyên nước mặt, nước dưới đất phù hợp với điều kiện lưu vực sông ở Việt Nam/ ThS. Thân Văn Đón, ThS. Hồ Văn Thủy; PGS. TS. Nguyễn Kiên Dũng; PGS. TS. Nguyễn Kim Ngọc; PGS. TS. Lã Văn Chú; ThS. Ngô Đức Trung; ThS. Nguyễn Chí Nghĩa; ThS. Phạm Thị Thu Hiền; ThS. Lê Thế Trung;

ThS. Đặng Trần Trung; KS. Nguyễn Hùng Anh; CN. Bùi Văn Dũng; KS. Vũ Thị Hải Hà; ThS. Phạm Thị Thu Hiếu; ThS. Nguyễn Duy Dũng; CN. Lê Xuân Quý - Hà Nội - Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia, 2021 - 02/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được bộ công cụ mô hình toán để dự báo tài nguyên nước mặt, nước dưới đất phù hợp với điều kiện từng lưu vực sông chính ở Việt Nam; Đề tài đã lựa chọn được bộ công cụ mô hình toán để dự báo tài nguyên nước mặt, nước dưới đất phù hợp với điều kiện từng lưu vực sông chính ở Việt Nam và ứng dụng tích hợp công cụ mô hình toán (Mike Nam, Mike Basin và Mike 11) kết hợp với công nghệ GIS để dự báo số lượng tài nguyên nước mặt cho lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn phục vụ cho việc quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên nước, đồng thời cung cấp thông tin cho nhà quản lý, người làm công tác dự báo tài nguyên nước, cũng như các hộ dùng nước xây dựng phương án, kế hoạch quản lý và sử dụng tài nguyên nước một cách dễ dàng và hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 18567

80305. 05-2022 Nghiên cứu các yếu tố quyết định đến quá trình xâm nhập mặn nước dưới đất đồng bằng sông Cửu Long/ TS. Hoàng Văn Hoan, ThS. Đào Trọng Tú; ThS. Bạch Ngọc Quang; ThS. Nguyễn Duy Dũng; ThS. Đặng Trần Trung; TS. Nguyễn Bách Thảo; ThS. Trần Vũ Long; PGS. TS. Nguyễn Kim Ngọc; TS. Đặng Đức Nhật; ThS. Phạm Hoàng Anh - Hà Nội -

Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia, 2020 - 06/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu phân tích các đặc điểm tự nhiên, địa chất, địa chất thủy văn, hiện trạng nhiễm mặn các tầng chứa nước và các vấn đề liên quan đến xâm nhập mặn nước dưới đất vùng đồng bằng sông Cửu Long; Nghiên cứu phân tích, đánh giá xác định các yếu tố quyết định đến quá trình xâm nhập mặn nước dưới đất vùng đồng bằng sông Cửu Long; Nghiên cứu, phân tích, lựa chọn các yếu tố quyết định đến quá trình xâm nhập mặn nước dưới đất và giải pháp khai thác hạn chế xâm nhập mặn nước dưới đất vùng đồng bằng Sông Cửu Long; Viết báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu khoa học của đề tài.

Số hồ sơ lưu: 19009

80841. 05-2022 Nghiên cứu đề xuất giải pháp tổng hợp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh ứng phó với hạn hán trên các lưu vực sông vùng Đông Nam Bộ/ TS. Nguyễn Đình Vượng, GS. TS. Lê Sâm; PGS. TS. Võ Khắc Trí; PGS. TS. Nguyễn Nghĩa Hùng; ThS. Trần Minh Tuấn; ThS. Nguyễn Trọng Tuấn; TS. Trần Thái Hùng; ThS. Doãn Văn Huế; ThS. Nguyễn Văn Lâm; ThS. Huỳnh Ngọc Tuyên; ThS. Bùi Văn Cường; ThS. Lê Văn Thịnh; ThS. Lê Văn Kiệm; ThS. Nguyễn Bá Tiến; ThS. Ninh Văn

Bình; ThS. Nguyễn Lê Huân; CN. Đỗ Thị Liên; CN. Nguyễn Hoàng Mỹ Linh; KS. Nguyễn Văn Tường, KS. Trần Thị Huyền Trang; KS. Nguyễn Văn Phú; ThS. Lê Thị Thu Hà; ThS. Đặng Thanh Bình; ThS. Nguyễn Hữu Phước; ThS. Ngô Minh Trang; ThS. Nguyễn Văn Ngọc; ThS. Lê Anh Tâm; ThS. Nguyễn Đăng Dương - TP. Hồ Chí Minh - Viện khoa học thủy lợi miền nam, 2020 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Điều tra, thu thập các số liệu, tài liệu liên quan đến nguồn nước và tình hình hạn hán, thiếu nước vùng Đông Nam Bộ. Đánh giá tình hình hạn hán thiếu nước và thực trạng sử dụng nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp trong điều kiện hạn hán về mùa khô trên các địa phương vùng Đông Nam Bộ. Đánh giá tiềm năng nguồn nước và cân bằng nước và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nước trên các lưu vực sông vùng Đông Nam Bộ phục vụ đa mục tiêu thích ứng với hạn hán. Tính toán tiềm năng nguồn nước và cân bằng nước cho lưu vực điển hình sông La Ngà và sông Lũy phục vụ đề xuất các giải pháp nối mạng liên thông hệ thống công trình thủy lợi cho địa phương nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nước và chủ động ứng phó với hạn hán về mùa khô. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nối mạng chuyển nước liên thông giữa các hồ chứa, đập dâng nhằm nâng cao hiệu quả nguồn nước trên lưu vực sông La Ngà và sông Lũy vùng Đông Nam Bộ thích ứng với hạn hán trong điều kiện biến đổi khí hậu. Giải pháp xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước

theo các phương án công trình nối mạng chuyển nước và đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ nhằm ứng phó hiệu quả với tình hình hạn hán xảy ra trên lưu vực sông La Ngà và sông Lũy.

Số hồ sơ lưu: 19001

10605. Hoá sinh; phương pháp nghiên cứu hoá sinh

79649. 05-2022 Nghiên cứu tăng cường hoạt tính sinh học và sinh khả dụng của một số hoạt chất tiềm năng phân lập từ thảo dược Việt Nam nhờ tổ hợp với các tiểu phần nanoliposome/ PGS. TS. Đỗ Thị Thảo, PGS. TS. Hoàng Lê Tuấn Anh; ThS. Đỗ Thị Phương; ThS. Nguyễn Thị Nga; ThS. Nguyễn Thị Cúc; ThS. Triệu Hà Phương - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học, 2020 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ung thư là căn bệnh nan y và gây tỉ lệ tử vong rất cao, trong khi chưa có thuốc chữa trị hiệu quả. Do vậy, việc tìm kiếm và phát triển những loại thuốc mới, hiệu quả, ít tác dụng phụ và hướng đích tới các tế bào ung thư hiện đang rất được quan tâm. Desgalactotigonin (DGT) phân lập từ cây Lu lu đực (*Solanum nigrum*) đã cho thấy hoạt tính tiềm năng ức chế sự phát triển của nhiều loại tế bào ung thư khác nhau. Hoạt tính ức chế sự phát triển tế bào ung thư của của DGTnanoliposome có giá trị IC50 nằm trong khoảng 38,94 – 61,69 $\mu\text{g/mL}$ (tương ứng hàm lượng hợp chất trong tổ hợp là 1,30 – 2,06 $\mu\text{g/mL}$), khác nhau trên các dòng tế bào ung thư khác nhau. Bên cạnh đó, tổ hợp vào nanoliposome

đã khiến cho độc tính của DGT giảm đáng kể trên tế bào lành dòng HEK-293 với IC50 chỉ còn là 2,75 $\mu\text{g/mL}$ và cho thấy tiềm năng ứng dụng lâm sàng của tổ hợp này

Số hồ sơ lưu: 18702

79671. 05-2022 Thay đổi cấu trúc quần xã tuyến trùng trong sử dụng đất: Nghiên cứu điển hình trên hệ sinh thái núi đá vôi ở miền Bắc Việt Nam/ TS. Nguyễn Thị Ánh Dương, TS. Trịnh Quang Pháp; TS. Nguyễn Thị Tuyết; ThS. Nguyễn Thị Xuân Phương; TS. Nguyễn Thị Duyên; CN. Đỗ Tuấn Anh - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2021 - 08/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá đa dạng thành phần loài, cấu trúc dinh dưỡng của tuyến trùng sống tự do trong đất của một số khu bảo tồn được lựa chọn ở hệ sinh thái núi đá vôi miền Bắc. Khám phá các loài mới cho khoa học, các ghi nhận mới về tuyến trùng dựa trên phân tích đặc điểm hình thái và sinh học phân tử. Đánh giá sự thay đổi giữa cấu trúc quần xã tuyến trùng sống tự do dựa trên các sinh cảnh khác nhau: i/ Sinh cảnh rừng nguyên sinh, ii/ Sinh cảnh chịu tác động khai thác của con người (rừng thứ sinh), iii/ Sinh cảnh ven rừng (trảng cỏ, bụi rậm), và iv/ Sinh cảnh đất canh tác nông nghiệp. Đánh giá các nhân tố vô cơ hữu cơ và các chỉ tiêu lí hóa đất ảnh hưởng tới cấu trúc quần xã tuyến trùng tại các điểm nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 18703

80071. 05-2022 Nghiên cứu chế tạo và đánh giá tính chất sinh hóa

của mạch máu nhân tạo trên cơ sở Polyurethane/Polycaprolactone/
TS. Nguyễn Thị Hiệp, TS. Huỳnh Đại Phú; TS. Trương Phước Long; TS. Hà Thị Thanh Hương; KS. Đặng Ngọc Thảo Nhi; KS. Nguyễn Hoàng Huy; KS. Nguyễn Ngọc Yên; KS. Nguyễn Hải Anh Thư - Hà Nội - Trường Đại học Quốc tế, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát mức độ ghép CLA lên tính chất của màng PU, PCL và PU/PCL. Ảnh hưởng CLA lên quá trình kết nối tiểu cầu và hình thành huyết khối. Tính tương hợp sinh học của màng đã biến tính trên tế bào fibroblast và kiểm tra tính an toàn của phương pháp biến tính này. Nghiên cứu ảnh hưởng của độ biến tính CLA khả năng phát triển của tế bào tế bào nội mô (endothelial cells) và khảo sát quá trình di cư của tế bào nội mô (endothelial cells).

Số hồ sơ lưu: 18916

10612. Động vật học

79644. 05-2022 **Nghiên cứu đa dạng ký sinh trùng ở thằn lằn Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, Việt Nam/** TS. Trần Thị Bích, TS. Nguyễn Văn Hà; PGS. TS. Phạm Văn Lực; TS. Nguyễn Mạnh Hùng; TS. Ông Vĩnh An; ThS. Nguyễn Ngọc Chinh - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, thu thập mẫu ký sinh trùng ở một số loài thằn lằn tại các tỉnh thuộc Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, Việt Nam. Phân tích, định loại và lập danh mục thành phần loài ký sinh

trùng theo hệ thống phân loại hiện hành. Bổ sung các dẫn liệu về đặc điểm phát sinh loài dựa vào phân tích các gen RNA ribosome (rDNA).

Số hồ sơ lưu: 18704

79668. 05-2022 **Bí ẩn của rừng mưa nhiệt đới: khám phá khu hệ bò sát và lưỡng cư ở hệ sinh thái núi đá vôi thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam/** GS. TS. Nguyễn Quảng Trường, TS. Phạm Thế Cường; TS. Lê Đức Minh; TS. Lê Trung Dũng; ThS. Ngô Ngọc Hải; CN. Lương Mai Anh; ThS. Phạm Thị Kim Dung - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2021 - 08/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm hiểu mức độ đa dạng, cấu trúc quần xã của các loài bò sát và lưỡng cư ở hệ sinh thái núi đá vôi ở vùng Đông Bắc Việt Nam; mối quan hệ di truyền của một số nhóm loài bò sát và lưỡng cư còn nghi ngờ về mặt phân loại học. Đánh giá tính đa dạng khu hệ bò sát và lưỡng cư; đặc điểm cấu trúc quần xã; các nhân tố đe dọa và các vấn đề có liên quan đến bảo tồn.

Số hồ sơ lưu: 18701

10615. Đa dạng sinh học

79663. 05-2022 **Nghiên cứu đa dạng sinh học các đảo đá vôi, quần đảo đá vôi vùng biển Việt Nam; đề xuất giải pháp và mô hình sử dụng, bảo tồn và phát triển bền vững/** GS. TS. Đỗ Công Thung, PGS. TS. Đàm Đức Tiến; TS. Nguyễn Đăng Ngải; TS. Chu Văn Thuộc; PGS. TS. Nguyễn Văn Quân; TS. Dương Thanh Nghị; TS. Đỗ Mạnh Hào; TS. Trần Mạnh Hà;

PGS. TS. Nguyễn Văn Sinh; GS. TS. Nguyễn Khanh Vân - Hải Phòng - Viện Tài nguyên và Môi trường biển, 2020 - 09/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được đặc điểm đa dạng sinh học các đảo đá vôi, quần đảo đá vôi vùng biển Việt Nam; Xây dựng được luận cứ khoa học cho mô hình khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học trên các đảo đá vôi, quần đảo đá vôi khu vực nghiên cứu; Đề xuất giải pháp phục hồi, bảo tồn và quản lý bền vững các hệ sinh thái đặc thù tại các đảo đá vôi, quần đảo đá vôi vùng biển Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Các mục tiêu này, không chỉ có ý nghĩa về khoa học mà còn có ý nghĩa to lớn trong thực tiễn và góp phần phát triển kinh tế biển vùng ven bờ Việt Nam, đặc biệt là khu vực có các đảo đá vôi. Đề xuất được các giải pháp phục hồi và quản lý, bảo tồn các hệ sinh thái đặc thù tại đảo đá vôi thích ứng với sự biến đổi khí hậu trong hiện tại và tương lai là góp phần giải quyết các vấn đề cấp bách của Việt Nam, một trong những nước chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: 18713

79758. 05-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học, định hướng sử dụng hợp lý đa dạng sinh học và nguồn lợi vùng biển Tây Nam Bộ/** TS. Nguyễn Khắc Bát, PGS. TS. Nguyễn Quang Hùng; TS. Vũ Việt Hà; ThS. Nguyễn Văn Hải; ThS. Trần Văn Cường; ThS. Đỗ Anh Duy; ThS. Nguyễn Văn Hiếu; TS. Nguyễn Văn Quân; PGS. TS. Nguyễn Xuân Huân

- Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2021 - 09/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan tình hình điều tra, nghiên cứu đa dạng sinh học và nguồn lợi hải sản ở vùng biển Tây Nam Bộ. Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng các yếu tố môi trường, đa dạng sinh học, nguồn lợi hải sản và hiện trạng khai thác sử dụng tài nguyên ở vùng biển Tây Nam Bộ. Nghiên cứu xác lập cơ sở khoa học về đa dạng sinh học, nguồn lợi hải sản và giải pháp bảo tồn, sử dụng hợp lý tài nguyên sinh vật ở vùng biển Tây Nam Bộ. Nghiên cứu, thiết kế, biên soạn các tài liệu kỹ thuật, cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên sinh vật ở vùng biển Tây Nam Bộ. Nghiên cứu cơ sở khoa học, đề xuất mô hình sử dụng hợp lý đa dạng sinh học và nguồn lợi cá cơm ở vùng biển Tây Nam Bộ có sự tham gia quản lý của cộng đồng.

Số hồ sơ lưu: 18775

10616. Công nghệ sinh học

79655. 05-2022 **Nghiên cứu tác dụng kháng biofilm của hạt nano polymer bọc α -mangostin lên vi khuẩn gây bệnh sinh biofilm *Streptococcus mutans* và *Staphylococcus aureus*/** PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Phương, TS. Nguyễn Thị Minh Phương; TS. Nguyễn Thị Hồng Minh; GS.TS. Trần Đại Lâm; ThS. Quách Thị Liên; ThS. Nguyễn Xuân Thụ; TS. Võ Hoài Bắc; TS. Ngô Văn Quang; ThS. Trịnh Thị Thu Hà - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học, 2020 - 04/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo được hạt nanopolymer bọc α -mangostin (AMG) với chất mang phù hợp, đơn giản có khả năng tan tốt trong nước. Cung cấp được những dẫn liệu khoa học mới về cơ chế tác dụng kháng biofilm của hạt nanopolymer bọc AMG lên các vi khuẩn *S. mutans* và *S. aureus* bao gồm cả các chủng MRSA. Các kết quả thu được sẽ là cơ sở quan trọng để khẳng định và phát triển những sản phẩm ứng dụng hạt nano bọc chất tự nhiên dùng trong trị liệu.

Số hồ sơ lưu: 18705

79660. 05-2022 **Phân lập thiết kế gen kháng sâu tạo giống đậu tương biến đổi gen/** PGS. TS. Nguyễn Văn Đồng, PGS. TS. Nguyễn Văn Đồng; TS. Mai Đức Chung; TS. Nguyễn Hữu Kiên; ThS. Nguyễn Thị Hòa; ThS. Lê Thị Mai Hương; TS. Lê Thị Minh Thành; PGS.TS. Phạm Bích Ngọc; PGS.TS. Lê Thị Thu Hiền; TS. Đinh Thúy Hằng; TS. Đào Thị Hằng - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2020 - 01/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân lập các gen từ vi sinh vật bản địa và thiết kế vector biểu hiện kháng hiệu quả một số loài sâu đục quả để tạo giống đậu tương biến đổi gen. Xác định một số chủng Bt bản địa có khả năng diệt các loại sâu đục quả trên đậu tương trong vụ đông, xuân và vụ hè thu của Việt Nam. Phân lập các gen Bt mới (mã hóa các protein độc tố Bt mới) từ các chủng Bt bản địa có khả năng diệt các loại sâu đục quả trên đậu tương trong vụ đông xuân và vụ hè thu của Việt Nam. Thiết kế vector chuyển gen để

biến nạp các gen Bt mới đã được phân lập hoặc cải biến.

Số hồ sơ lưu: 18707

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị

80974. 05-2022 **Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp kỹ thuật để sửa chữa và gia cường bằng lưới sợi basalt (BRFP) và các-bon (CFRP) nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng và tuổi thọ cho các công trình cầu ở ĐBSCL/** PGS. TS. Nguyễn Minh Long, ThS. Huỳnh Xuân Tín; TS. Đặng Đăng Tùng; PGS. TS. Vũ Hồng Nghiệp; TS. Ngô Thanh Thủy; PGS. TS. Ngô Hữu Cường; GS. TS. Phan Đình Tuấn; ThS. Phan Vũ Phương; ThS. Trần Trí Quang; ThS. Võ Lê Ngọc Điền - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh, 2021 - 10/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá nguyên nhân gây hư hỏng và giảm tuổi thọ cầu bê tông cốt thép và bê tông ứng suất trước tại vùng ĐBSCL; Đánh giá hiệu quả các kỹ thuật hiện đang ứng dụng trong sửa chữa và gia cường cầu bê tông cốt thép và bê tông ứng suất trước tại ĐBSCL; Phân tích và đánh giá độ bền của cầu kiện bê tông cốt thép và bê tông ứng suất trước gia cường lưới sợi CFRP/BFRP trong môi trường nước ngọt và nước mặn dưới tác động các chu kỳ khô ẩm theo thời gian; Đề xuất quy trình công nghệ gia cường bằng lưới sợi CFRP/BFRP nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng và tuổi thọ của các cầu kiện của cầu bê tông cốt thép và bê

tông ứng suất trước trong quá trình khai thác và triển khai ứng dụng thành công cho 2 công trình cầu bê tông cốt thép và bê tông ứng suất trước thực tế tại vùng ĐBSCL.

Số hồ sơ lưu: 19264

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải

80602. 05-2022 Nghiên cứu phương pháp tính toán hiệu ứng do các loại tải trọng đoàn tàu trên cầu và đường sắt tốc độ cao bằng mô hình lý thuyết kết hợp phương pháp số và thực nghiệm/ TS. Nguyễn Văn Đăng, TS. Hoàng Vũ; TS. Lê Nguyên Khương; ThS. Trần Lê Hưng; TS. Nguyễn Thị Thanh Xuân; ThS. Kiều Quang Thái; TS. Lê Hoàng Anh; ThS. Nguyễn Thanh Hưng; ThS. Nguyễn Hữu Anh; Vũ Cao Đạt - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2021 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng mô hình lý thuyết và kết hợp sử dụng phương pháp số phân tích tương tác động giữa đoàn tàu di chuyển trên cầu đường sắt tốc độ để xác định các ảnh hưởng của tải trọng đoàn tàu đến phản ứng tĩnh và động lực học của công trình cầu đường sắt tốc độ cao. Trong phần này, một mô hình động lực học mô phỏng đoàn tàu trên cầu và kết cấu tầng trên đường sắt sẽ được xây dựng, để có thể thu được những dữ liệu cần thiết (như: dao động, chuyển vị của kết cấu nhịp cầu, đường ray, thanh tà vẹt..) dưới tác dụng tải trọng của tàu di động. Dựa trên lý thuyết giải tích và phân tử hữu hạn, nhóm nghiên cứu tìm hiểu và xây dựng bộ công cụ tính toán động học cho kết cấu nhịp cầu

dầm đường sắt, giúp người dùng tiết kiệm thời gian thiết kế và kiểm tra khả năng chịu tải trọng động của công trình.

Số hồ sơ lưu: 19079

20105. Kỹ thuật thủy lợi

79766. 05-2022 Nghiên cứu đề xuất hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành việc vận hành các hồ theo Quy trình vận hành liên hồ chứa/ ThS. Nguyễn Tuấn Anh, ThS. Nguyễn Khánh Toàn; ThS. Ngô Mạnh Hà; ThS. Nguyễn Thị Phương Hoa; ThS. Trần Thị Diễm; ThS. Nguyễn Thu Phương; ThS. Nguyễn Thị Sáng; CN. Nguyễn Thanh Long; ThS. Nguyễn Thị Mai; ThS. Nguyễn Văn Tuyên - Hà Nội - Cục Quản lý Tài nguyên nước, 2020 - 06/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định các phương pháp hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành việc vận hành các hồ chứa theo Quy trình vận hành liên hồ chứa. Đề xuất Mô hình hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành việc vận hành các hồ theo Quy trình vận hành liên hồ chứa, trong đó có các chức năng: Đảm bảo việc cập nhật thường xuyên, liên tục thông tin, số liệu vận hành các hồ chứa, số liệu mực nước, lưu lượng tại các trạm thủy văn không chế hồ chứa. Hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành việc vận hành các hồ theo Quy trình vận hành liên hồ chứa.

Số hồ sơ lưu: 18780

80296. 05-2022 Nghiên cứu xác định nguyên nhân, cơ chế và đề xuất các giải pháp khả thi về kỹ thuật, hiệu quả về kinh tế nhằm

hạn chế xói lở, bồi lắng cho hệ thống sông Đồng bằng sông Cửu Long/ PGS. TS. Nguyễn Thị Bảy, PGS. TS. Phạm Ngọc; GS. TS. Nguyễn Kỳ Phùng; PGS. TS. Lê Văn Trung; PGS. TS. Huỳnh Công Hoài; PGS. TS. Phạm Văn Song; PGS. TS. Châu Nguyễn Xuân Quang; PGS. TS. Lê Văn Cảnh; TS. Lê Ngọc Thanh; TS. Lã Vĩnh Trung; PGS. TS. Lê Văn Dục; TS. Nguyễn Quốc Ý; PGS. TS. Đào Nguyên Khôi; ThS. Trà Nguyễn Quỳnh Nga; ThS. Hà Phương; TS. Lê Trung Thành; TS. Võ Công Hoang; ThS. Bùi Xuân Khoa; ThS. Lê Trung Thành A; PGS. TS. Phạm Thị Hoa; ThS. Phạm Vân Kim Ngọc; CN. Nguyễn Thị Diễm Thúy; ThS. Vũ Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Thanh Nguyệt; ThS. Hồ Văn Hòa; TS. Lê Thị Kim Thoa; ThS. Ngô Nam Thịnh; ThS. Trần Thị Kim; ThS. Cù Ngọc Thắng; ThS. Nguyễn Quang Long; TS. Nguyễn Thị Thụy Hằng; ThS. Nguyễn Trường Thọ; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; KS. Đỗ Minh Điền; KS. Đào Văn Kiêu; KS. Nguyễn Chiến Thắng; ThS. Lê Thanh Thuận; KS. Nguyễn Vũ Luật - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa, 2021 - 04/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập, tổng hợp các tài liệu và số liệu hiện có trong và ngoài nước về vùng hạ lưu sông Mekong phục vụ nghiên cứu. Phân tích, đánh giá xác định thực trạng diễn biến bồi lắng, xói lở và tổng quan các giải pháp chỉnh trị và bảo vệ hệ thống sông/kênh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) qua các thời kỳ từ dữ liệu thu thập. Cập nhật và phát

triển các công cụ tính toán phục vụ các nội dung nghiên cứu. Xác định nguyên nhân, cơ chế và xu thế diễn biến xói lở, bồi lắng cho một số khu vực bồi lắng nghiêm trọng, điển hình, đặc thù trên hệ thống sông ở ĐBSCL. Dự báo diễn biến bồi lắng, xói lở điển hình và đặc thù cho hệ thống sông vùng ĐBSCL. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp hướng tới phòng tránh rủi ro, giảm nhẹ hậu quả thiệt hại do rủi ro bồi lắng, xói lở gây ra cho vùng ĐBSCL. Nghiên cứu xây dựng mô hình thí điểm công nghệ tiên tiến chống bồi lắng, xói lở cho hệ thống sông vùng ĐBSCL. Xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu để chuyên giao cho Chương trình Tây Nam Bộ.

Số hồ sơ lưu: 19002

80973. 05-2022 **Nghiên cứu giải pháp phát triển công trình thủy lợi nhỏ gắn với tưới tiết kiệm nước phục vụ sản xuất nông nghiệp khu vực Tây Nguyên nhằm ứng phó hạn hán/** TS. Trần Minh Thái, ThS. Nguyễn Văn Lực; TS. Đặng Đình Doan; TS. Kiều Xuân Tuyền; KS. Đỗ Quý Bằng; TS. Lê Châu Hà; ThS. Nguyễn Huy Vượng; KS. Lê Hồng Lưu; KS. Nguyễn Tài Thành; ThS. Trần Thị Tô Uyên - Đà Nẵng - Viện Khoa học thủy lợi Miền Trung và Tây Nguyên, 2021 - 01/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất được giải pháp phát triển công trình thủy lợi nhỏ tích hợp công nghệ thu trữ nước mặt, bổ cập nước ngầm tạo nguồn nước tưới phù hợp với điều kiện cụ thể của từng khu vực Tây Nguyên, tập trung cho những vùng ngoài khu tưới của công

trình thủy lợi và thường xuyên bị thiếu nước. Đề xuất được chính sách để nhân rộng công nghệ thu, trữ nước mặt, bổ cập nước ngầm kết hợp tưới tiết kiệm nước theo hướng xã hội hóa.

Số hồ sơ lưu: 19267

20201. Kỹ thuật điện và điện tử

79629. 05-2022 **Nghiên cứu thiết kế mạng thông tin cảm biến không dây đa chặng và xây dựng cổng thông tin tích hợp hệ thống quan trắc môi trường và một số yếu tố khí tượng thủy văn phục vụ giám sát môi trường và cảnh báo thiên tai/** PGS.TS. Lê Trung Thành, ThS. Nguyễn Anh Tuấn; PGS.TS. Nguyễn Hải Thanh; TS. Hoàng Trung Kiên; ThS. Lê Duy Tiến; ThS. Nguyễn Văn Khởi; TS. Võ Văn Hòa; ThS. Nguyễn Thị Hồng Loan; ThS. Bùi Thị Thùy; ThS. Lê Minh Tuấn - Hà Nội - Khoa Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020 - 07/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế, xây dựng mạng cảm biến không dây đa chặng quan trắc tự động một số thông số môi trường không khí, nước, đất, khí tượng thủy văn và hải văn. Xây dựng cổng thông tin tích hợp trong đó tích hợp các dữ liệu quan trắc trực tuyến, thời gian thực từ mạng cảm biến không dây đa chặng kết hợp với IoTs và Web GIS phục vụ cho công tác quản lý tài nguyên và môi trường, truy cập, khai thác trực tuyến. Đề xuất phương pháp triển khai mạng quan trắc tự động môi trường không khí, nước, đất, khí tượng thủy văn và hải văn trong thực tiễn. Đồng thời đề xuất giải pháp tích hợp mạng cảm

biến đa chặng đề xuất với các mạng hiện có, phù hợp với quy hoạch các mạng quan trắc Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18693

79630. 05-2022 **Nghiên cứu áp dụng giải pháp công nghệ thông tin vào quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử/** ThS. Phạm Quang Toàn, CN. Nguyễn Thị Thu; ThS. Đỗ Mạnh Dũng; ThS. Vũ Hồng Hạnh; CN. Nguyễn Thị Thanh Huyền; ThS. Hà Thị Lan Anh; CN. Vũ Thị Miên; KS. Nguyễn Thị Thùy Giang; KS. Nguyễn Thị Thu Hằng; ThS. Phạm Nhật Trường - Hà Nội - Tổng cục Thuế, 2020 - 12/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các lý thuyết cơ bản về thương mại điện tử (TMĐT), quản lý thuế đối với TMĐT, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý thuế đối với TMĐT. Phân tích về kinh nghiệm quốc tế trong việc ứng dụng giải pháp CNTT trong quản lý thuế đối với TMĐT. Đánh giá, phân tích hiện trạng hạ tầng công nghệ, khung pháp lý, thể chế, bộ máy trong quản lý thuế đối với hoạt động TMĐT tại Việt Nam hiện nay và so sánh với các mô hình, xu thế quản lý thuế đối với TMĐT của quốc tế. Đề xuất giải pháp khung pháp lý và kiến trúc ứng dụng, điều kiện và lộ trình của việc ứng dụng CNTT trong quản lý thuế đối hoạt động TMĐT tại Việt Nam trong giai đoạn tới năm 2025 và tầm nhìn tới năm 2030

Số hồ sơ lưu: 18681

79982. 05-2022 **Định tuyến mạng và tiếp cận phi-vị-kỹ nhằm tối ưu hóa hiệu năng tổng thể/**

PGS.TS. Nguyễn Khanh Văn ; PGS.TS. Huỳnh Thị Thanh Bình ; GS.TS. Đỗ Văn Tiến ; PGS.TS. Ngô Hồng Sơn; ThS. Kiều Thành Chung; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Bình; ThS. Nguyễn Thị Hạnh - Hà Nội - Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông, 2020 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thiết kế các cơ chế và thuật toán phân tán nắm bắt tri thức địa hình trong mạng CBKD. Phát triển các thuật toán định tuyến phi -vị-kỹ khai thác tri thức địa hình , đảm bảo cân bằng (trade-off) hiệu quả giữa lợi ích cục bộ và toàn thể. Thiết kế định tuyến trong mạng liên kết DCN (Data Center Network) sử dụng mô hình ngẫu nhiên nhằm đạt được các hiệu năng đòi hỏi đặc thù về tính mở rộng, mềm dẻo và dễ thích nghi , đồng thời hướng tới giảm chi phí xây dựng và tiết kiệm năng lượng. Phát triển các thuật toán mới có thể được áp dụng để giảm thiểu tiêu thụ năng lượng khi đưa vào vận hành trong các hệ trong các hệ ICT phân tán cỡ lớn.

Số hồ sơ lưu: 18891

79430. 05-2022 **Nghiên cứu , thiết kế , chế tạo hệ truyền động điện xoay chiều ba pha phục vụ đào tạo nhân lực ngành Tự động hóa tại Trường Đại học Hà ng hải Việt Nam / PGS. TS. Phạm Tâm Thành, ThS. Nguyễn Thanh Vân ; TS. Nguyễn Hữu Tuân ; ThS. Vũ Ngọc Minh; ThS. Trần Tiến Lương ; ThS. Vũ Thị Thu ; ThS. Nguyễn Tất Dũng; ThS. Đỗ Thị Thúy; ThS. Lục Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Trung**

Kiên - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam , 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Việc thiết kế và chế tạo thành công hệ truyền động điện xoay chiều ba pha phục vụ công tác đào tạo sẽ có tính khoa học cao và là cơ sở vững chắc cho giai đoạn sản xuất hàng loạt các hệ truyền động điện xoay chiều ba pha có thể thương mại hóa, hoạt động ổn định và tin cậy; Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thành công hệ truyền động xoay chiều ba pha cho phép chủ động về phần mềm, công nghệ chế tạo phần cứng làm cơ sở cho triển khai chế tạo đồng loạt hệ thống thực hành, thí nghiệm phục vụ đào tạo.

Số hồ sơ lưu: 18575

20202. Người máy và điều khiển tự động

79436. 05-2022 **Nghiên cứu phương pháp đánh giá các sản phẩm trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ lựa chọn trong mua sắm công/ ThS. Hoàng Thị Bích Hạnh, ThS. Tô Thị Thiên Ngân; ThS. Vũ Văn Trường; TS. Đào Thị Ngà; CN. Phạm Ái Ninh; TS. Trần Minh - Hà Nội - Viện công nghiệp phần mềm và nội dung số Việt Nam, 2021 - 02/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu xây dựng thử nghiệm bộ dữ liệu mẫu để đánh giá độ chính xác của một hoặc một số nhóm sản phẩm AI, hỗ trợ trong mua sắm công. Trí tuệ nhân tạo (AI) là một cách tiếp cận để tạo ra một sản phẩm thông minh có khả năng suy nghĩ, hành động giống như con người. Các sản phẩm AI có tác động

và ảnh hưởng to lớn tới đời sống xã hội. Trí tuệ nhân tạo có thể xử lý dữ liệu nhanh, khoa học và hệ thống, giúp nâng cao năng suất lao động bằng cách cung cấp các thuật toán với độ chính xác cao trong thời gian ngắn. Chúng sẽ thay thế con người hoàn thành các nhiệm vụ trong môi trường nguy hiểm, độc hại, nơi mà con người không thể tiếp cận được, ví dụ môi trường nhiễm phóng xạ hoặc bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

Số hồ sơ lưu: 18582

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..

80947. 05-2022 **Nghiên cứu, phổ biến, hướng dẫn áp dụng Hệ thống Quản lý kinh doanh liên tục (ISO 22301) vào doanh nghiệp Việt Nam/** KS. Phạm Bá Cứu, CN. Nguyễn Thế Nam; ThS. Nguyễn Thái Thùy Hoa; CN. Nguyễn Minh Khang; CN. Dương Công Trường; CN. Nguyễn Phương Thanh - Hồ Chí Minh - Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ 2, 2020 - 01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Giúp các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận, nắm bắt và tiên tiến áp dụng các hệ thống quản lý mới, tiên tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và hội nhập. Hoàn chỉnh chương trình, tài liệu đào tạo; đào tạo được 150 chuyên gia tư vấn về ISO 22301 cho doanh nghiệp. Triển khai áp dụng thí điểm ISO 22301 cho 01 doanh nghiệp Việt Nam. Đánh giá khả năng áp dụng, nhân rộng ISO 22301 tại

Việt Nam. Đây là bước khởi đầu nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực cho giai đoạn triển khai áp dụng thí điểm và nhân rộng HTQLKDLT (ISO 22301) cho các doanh nghiệp Việt Nam trong các năm kế tiếp.

Số hồ sơ lưu: 19256

20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông

79439. 05-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong đăng ký và bảo hộ bản quyền nội dung số/** ThS. Chu Thị Thắm, KS. Cao Thị Hương Thoa; ThS. Mai Quang Trung; TS. Nguyễn Đức Thủy; KS. Nguyễn Văn Giang; KS. Nguyễn Tiến Dũng; TS. Trần Minh - Hà Nội - Viện công nghiệp phần mềm và nội dung số Việt Nam, 2020 - 02/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất khuyến nghị về công nghệ mới có khả năng ứng dụng để giải quyết một số vấn đề liên quan cho mục tiêu bảo vệ bản quyền dữ liệu đa phương tiện như quản lý các thông tin, giao dịch của các hoạt động đăng ký, xác minh, ủy quyền và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ một cách minh bạch giúp bảo vệ bản quyền kỹ thuật số một cách hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 18583

79440. 05-2022 **Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông/** ThS. Nguyễn Thị Thu Thảo, Trần Thị Nhị Thủy; Nguyễn Minh Hằng; Phạm Quang Hòa; Nguyễn Văn Hà; Nguyễn Thu Trang - Hà Nội - Vụ Pháp chế - Bộ Thông tin và Truyền

thông, 2019 - 04/2019 - 11/2019.
(Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu và đánh giá hoạt động thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể là hoạt động thẩm định thông tư của Vụ Pháp chế, Bộ Thông tin và Truyền thông. Nghiên cứu và đưa ra các giải pháp nâng cao nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, góp phần nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Số hồ sơ lưu: 18581

79784. 05-2022 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị chuyển mạch (Switch) có tính năng an toàn, bảo mật thông tin trên nền tảng FPGA và mã nguồn mở/ TS. Thái Trung Kiên, ThS. Hoàng Đình Thắng; ThS. Nguyễn Đức Định; ThS. Hoàng Văn Toàn; KS. Nguyễn Đức Hùng; CN. Lê Yên Chi; ThS. Phạm Hải Hưng; ThS. Trần Bình Minh; ThS. Đỗ Ngọc Phục; ThS. Lê Văn Điệp; ThS. Nguyễn Đình Thắng; ThS. Tô Thị Thanh Nga; ThS. Cao Đăng Huy; KS. Nguyễn Mai Phương; ThS. Nguyễn Thanh Hà; ThS. Lê Thị Thu Hồng; ThS. Nguyễn Sinh Huy; TS. Nguyễn Chí Thành; ThS. Trịnh Tiến Lương; KS. Nguyễn Hoàng Bách; TS. Phạm Thu Hương; ThS. Nguyễn Văn Thành; ThS. Phạm Đức Cường; ThS. Vũ Đăng Giang; ThS. Nguyễn Hải Nam; ThS. Lê Ngọc Giáp; ThS. Nguyễn Hải Sơn; TS. Đào Tuấn Hùng; ThS. Nguyễn Kiều Hưng; TS. Ngô Duy Đô; CN. Dương Thị Phượng; ThS.**

Chu Hồng Tú; ThS. Cao Nam Hải; ThS. Đào Khắc Huân; TS. Đoàn Văn Hòa; KS. Đào Xuân Ước - Hà Nội - Viện Công nghệ thông tin/Viện KH-CN quân sự, 2021 - 11/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ công nghệ, chế tạo thiết bị chuyển mạch mạng LAN có tính năng an toàn thông tin. Đề xuất giải pháp công nghệ sản xuất quy mô công nghiệp một số thiết bị mạng đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước, dần thay thế các sản phẩm nhập ngoại, tích lũy, phát triển đội ngũ, nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực an toàn thông tin

Số hồ sơ lưu: 18785

80929. 05-2022 **Bộ ghép kênh phân chia bước sóng hiệu quả cao sử dụng ống dẫn sóng plasmonics cấu trúc nano cho thông tin quang/ TS. Trương Cao Dũng, TS. Nguyễn Tấn Hưng; TS. Trịnh Minh Tuấn; TS. Chu Mạnh Hoàng; PGS. TS. Đặng Hoài Bắc - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu, xem xét tất cả các nghiên cứu có liên quan cập nhật hàng ngày trong các tạp chí quốc tế về: Cộng hưởng Fano, cộng hưởng vòng, hiệu ứng EIT, cơ chế ánh sáng nhanh chậm. Đặc biệt, trọng tâm về quang tử silic, khoa học plasmonic và ống dẫn sóng plasmonic, cấu trúc buồng cộng hưởng nano, cộng hưởng vòng lai ghép plasmonic, cấu kiện ghép/tách bước sóng dựa trên các ống dẫn sóng kim loại – điện môi – kim loại (MIM waveguides). Đề xuất và chế tạo một

bộ ghép nối băng rộng, tầm truyền xa giữa ống dẫn sóng silic và ống dẫn sóng lai ghép plasmonic.

Số hồ sơ lưu: 19247

80951. 05-2022 **Nghiên cứu, phát triển nền tảng Internet kết nối vạn vật (IoT) ứng dụng trong quản lý các khu công nghiệp, khu công nghệ cao/** PGS. TS. Hà Duyên Trung, TS. Phạm Doãn Tĩnh; PGS.TS. Nguyễn Tái Hưng; PGS.TS. Trương Thu Hương; TS. Phùng Thị Kiều Hà; ThS. Nguyễn Minh Đức; TS. Nguyễn Thanh Bình; TS. Phạm Thành Công; PGS.TS. Nguyễn Hữu Trung; TS. Nguyễn Khắc Kiêm; PGS.TS. Nguyễn Hoàng Hải; PGS.TS. Nguyễn Văn Khang; TS. Phạm Văn Tiêh; TS. Trần Mạnh Hoàng; TS. Nguyễn Thành Chuyên; TS. Nguyễn Xuân Dũng; ThS. Đỗ Mạnh Hà - Hà Nội - Viện Điện tử - Viễn thông, 2021 - 11/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ công nghệ, phát triển nền tảng Internet kết nối vạn vật (IoT) định hướng phục vụ công tác quản lý các khu công nghiệp, khu công nghệ cao. Thiết kế, chế tạo thiết bị cổng kết nối (IoT gateway) dựa trên nền tảng phần cứng mở, phục vụ thu thập dữ liệu, điều khiển các loại thiết bị cảm biến đo lường và giám sát. Xây dựng nền tảng đám mây (IoT cloud) mã nguồn mở hỗ trợ quản lý dữ liệu và phát triển ứng dụng phục vụ công tác quản lý các khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

Số hồ sơ lưu: 19244

20205. Viễn thông

80950. 05-2022 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hệ thống KIOSK chuyên dụng cho chính phủ điện tử/** TS. Phạm Doãn Tĩnh, PGS.TS. Nguyễn Hữu Trung; TS. Nguyễn Thanh Bình; TS. Tạ Thị Kim Huệ; TS. Nguyễn Thị Kim Thoa; TS. Ngô Vũ Đức; TS. Phạm Thành Công; TS. Phạm Hùng Mạnh; TS. Nguyễn Thành Chuyên; PGS.TS. Nguyễn Tài Hưng; TS. Vương Hoàng Nam; PGS.TS. Nguyễn Hoàng Hải; PGS.TS. Nguyễn Văn Khang; TS. Nguyễn Khắc Kiêm; Nguyễn Việt Hùng; Nguyễn Văn Hào; Nguyễn Minh Vũ; ThS. Đỗ Mạnh Hà - Hà Nội - Viện Điện tử - Viễn thông, 2020 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu và phát triển thành công công nghệ và kiến trúc KIOSK tương tác phục vụ chính phủ điện tử (CPĐT); Nghiên cứu và làm chủ thành công hệ điều hành KIOSK dựa trên hệ điều hành nhúng mã mở nhằm tạo cơ sở tích hợp các chương trình điều khiển thiết bị ngoại vi gắn trên KIOSK; Xây dựng thành công bộ khung phần mềm KIOSK Server chuyên dụng, đóng vai trò trung gian trong giao tiếp bảo mật với các dịch vụ portal đã có của CPĐT; Xây dựng thành công bộ khung phần mềm mở KIOSK Client chuyên dụng, giúp tương tác với các mô đun phần cứng, giúp kết nối bảo mật liên thông đến các dịch vụ công khác nhau của CPĐT thông qua phần mềm KIOSK Server; Xây dựng thành công hệ thống phần mềm tập trung cho việc quản trị và điều khiển hệ thống các KIOSK được nối mạng,

nhằm quản lý và điều khiển cũng như bảo trì và vận hành hiệu quả hệ thống KIOSK.

Số hồ sơ lưu: 19252

20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp

80237. 05-2022 **Mô phỏng đa cấp độ quá trình sấy bằng hơi quá nhiệt đối với vật liệu dạng hạt: Từ hạt đơn đến thiết bị sấy/** TS. Trần Thị Thu Hằng, TS. Lê Kiều Hiệp; PGS.TS. Nguyễn Nguyên An - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định loại sản phẩm nông nghiệp dạng hạt phù hợp với quá trình sấy bằng hơi quá nhiệt. Nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm để xây dựng mô hình sấy của hạt đơn, tích hợp quá trình sấy hạt đơn vào tính toán quá trình truyền nhiệt – truyền chất trong thiết bị sấy. Nghiên cứu thực nghiệm kiểm chứng mô hình lý thuyết của thiết bị sấy đã xây dựng, đánh giá chất lượng sản phẩm sấy. Đề xuất phương pháp tiếp cận mới trong mô hình hóa các thiết bị sấy sử dụng hơi quá nhiệt. Với việc tích hợp đặc tính sấy của sản phẩm sấy, mô hình của thiết bị sấy thu được cho khả năng dự đoán tốt, cung cấp các thông tin đầu vào tin cậy cho việc thiết kế, vận hành và tối ưu hóa các hệ thống sấy. Phương pháp tiếp cận này có thể được mở rộng cho các công nghệ sấy khác như sấy bằng không khí nóng, sấy chân không. Đây là cơ sở quan trọng để triển khai các ứng dụng thực tiễn trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: 18992

80303. 05-2022 **Hoàn thiện thiết kế và chế tạo các hệ thống thiết bị sấy và sơ/chế biến nông sản quy mô công nghiệp/** PGS. TS. Nguyễn Đình Tùng, ThS. Nguyễn Văn Tiến; ThS. Mai Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Đình Quý; ThS. Đỗ Thị Thanh Xuân; ThS. Ngô Đăng Huỳnh; ThS. Lại Văn Song - Hà Nội - Viện nghiên cứu thiết kế chế tạo máy nông nghiệp, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu về thiết bị (lò đốt, hệ thống sấy và thiết bị vận chuyển) hiện đang sử dụng trong lĩnh vực sơ chế, sấy nông sản (ngô, sắn); Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ sơ chế, sấy nông sản (ngô, sắn khúc); Làm chủ được công nghệ, thiết kế chế tạo được thiết bị trong nước không cần nhập khẩu. Hoàn thiện thiết kế chế tạo các thiết bị chính cải tiến trong dây chuyền sơ chế, sấy nông sản (ngô, sắn khúc) quy mô công nghiệp đạt yêu cầu kỹ thuật về nâng cao công suất nhiệt cho lò đốt và hiệu quả quá trình sấy. Nghiên cứu xác định được các cải tiến mới về kỹ thuật đối với lò đốt, hệ thống sấy về thông số kỹ thuật của thiết bị phù hợp với quy mô công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 19005

80304. 05-2022 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hệ thống dây chuyền thiết bị tự động sản xuất mạ mầm làm thức ăn cho bò quy mô công nghiệp/** ThS. Mai Thanh Huyền, PGS. TS. Nguyễn Đình Tùng ThS. Nguyễn Đình Quý; ThS. Nguyễn Văn Tiến - Hà Nội - Viện

nghiên cứu thiết kế chế tạo máy nông nghiệp, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thiết kế chế tạo được một hệ thống dây chuyền thiết bị tự động sản xuất mỳ mềm làm thức ăn cho bò quy mô công nghiệp. Nghiên cứu, lựa chọn, tính toán được các hệ thống truyền động phù hợp với nguyên lý hoạt động để đáp ứng được cho quá trình tự động hóa đồng bộ trong dây chuyền đảm bảo cho thiết bị hoạt động đạt độ chính xác cao và linh hoạt. Nghiên cứu xác định được các thông số kỹ thuật cơ bản của thiết bị phù hợp với đặc tính yêu cầu làm việc.

Số hồ sơ lưu: 19006

80682. 05-2022 **Chế tạo thiết bị rang tằm cà phê nhân công suất 60-100 kg/mẻ/** PGS.TS. Trần Doãn Sơn, KS. Phạm Như Thanh; GS.TSKH. Bùi Song Cầu; KS. Huỳnh Văn Sang; ThS. Trần Vũ An; ThS. Phan Hoàng Long - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, 2003 - 01/2002 - 12/2003. (Đề tài cấp Quốc gia)

Giới thiệu tổng quan về công nghệ chế biến cà phê bột (cà phê phin), tình hình sản xuất và chế biến cà phê nhân ở Việt Nam hiện nay, quy trình chế biến cà phê. Thiết kế mặt bằng, bố trí thiết bị: cụm máy rang, cụm máy trộn, mô hình dây chuyền sản xuất. Thiết kế hệ thống thiết bị rang cà phê; trộn cà phê. Tính toán thiết kế hệ thống vận chuyển, điều khiển, và tính toán kinh tế giá thành thiết bị. Ứng dụng mô hình 3D (Autodesk Inventor) trong thiết kế.

Số hồ sơ lưu: 19092

80685. 05-2022 **Nghiên cứu thiết kế chế tạo một số thiết bị sấy quy mô vừa và nhỏ phục vụ bảo quản và chế biến nâng cao chất lượng hạt điều Việt Nam/** PGS.TS. Trần Doãn Sơn, KS. Huỳnh Văn Sang; KS. Phạm Như Thanh; GS.TSKH. Bùi Song Cầu; ThS. Trần Vũ An; ThS. Phan Hoàng Long - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, 2004 - 08/2001 - 04/2004. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cho ra đời hệ thống thiết bị sấy hạt điều thô để phục vụ bảo quản, được thiết kế trên cơ sở ứng dụng công nghệ tiên tiến với mức độ tự động hóa cao, đảm bảo độ ẩm bảo quản theo qui định, thích hợp trang bị cho các xí nghiệp và nhà máy chế biến hạt điều để lưu trữ hạt điều sản xuất quanh năm được thu mua từ các nhà trồng điều trong nước và nhập khẩu từ nước ngoài. Làm chủ quy trình công nghệ sấy với chế độ sấy thích hợp. Thiết kế và chế tạo hệ thống thiết bị với qui mô vừa và nhỏ. Chất lượng hạt điều sau sấy đạt được độ đồng đều (độ ẩm) cao hơn phương pháp phơi nắng và không phụ thuộc vào thời tiết.

Số hồ sơ lưu: 19093

20307. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo ô tô và giao thông

81000. 05-2022 **Nghiên cứu, khảo sát tính khả thi về mức độ tiếp nhận xe điện hai chỗ tại Việt Nam/** ThS. Phạm Duy Học, Nguyễn Thị Hà Giang; Ngô Thu Thủy; Trần Thị Thanh Thủy; Kiều Thị Khuyên;

Trần Thùy Anh; Mai Hà Lâm Viên; Nguyễn Thị Anh Thư; Nguyễn Thị Thu Thùy - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc, 2021 - 08/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá tổng quan hiện trạng và tính thiết yếu của xe ô tô điện 2 chỗ tại Việt Nam. Phân tích nhu cầu sử dụng xe ô tô điện 2 chỗ của khách hàng tại Việt Nam qua phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi. Xác định tiềm năng phát triển và xu hướng cạnh tranh của xe ô tô điện 2 chỗ tại Việt Nam. Đề xuất về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hướng nghiên cứu nhằm nâng cao tính khả thi về mức độ tiếp nhận xe ô tô điện 2 chỗ tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19271

20308. Kỹ thuật và công nghệ hàng không, vũ trụ

80789. 05-2022 **Nghiên cứu trạng thái bay tối ưu theo năng lượng của thiết bị bay cánh vẫy siêu nhỏ dạng côn trùng trên cơ sở mô hình tương tác khí động không dừng-động lực học đa vật/ TS.** Nguyễn Anh Tuấn, TS. Vũ Thành Trung; TS. Trần Ngọc Đoàn; PGS.TS. Vũ Quốc Trụ; PGS.TS. Phạm Tiến Đạt; TS. Phùng Văn Bình; ThS. Phạm Thành Đồng - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng phương pháp xác định trạng thái bay tối ưu theo năng lượng của TBB cánh vẫy siêu nhỏ dạng côn trùng; Nghiên cứu ảnh hưởng của vận tốc bay tịnh tiến, bay lên đối với

các đặc tính bay tối ưu của thiết bị bay (TBB) cánh vẫy siêu nhỏ dạng côn trùng; Đánh giá ảnh hưởng của khả năng dự trữ năng lượng đàn hồi khớp nối thân - cánh đối với các đặc tính bay tối ưu của TBB cánh vẫy siêu nhỏ dạng côn trùng; Nghiên cứu ảnh hưởng của hiệu ứng mặt đất đối với các đặc tính bay tối ưu của TBB cánh vẫy siêu nhỏ dạng côn trùng.

Số hồ sơ lưu: 19143

20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng

80687. 05-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn hoàn thiện các quy định kỹ thuật và yêu cầu quản lý an toàn đối với các loại kíp nổ điện/ TS.** Trần Quang Hiếu, PGS.TS. Bùi Xuân Nam; ThS. Nguyễn Hoàng; TS. Nguyễn Đình An; TS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Lê Quý Thảo - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện mở, 2019 - - . (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan các quy định kỹ thuật và yêu cầu quản lý đối với các loại kíp nổ điện (kíp nổ điện số 8, kíp nổ điện vi sai, kíp nổ điện vi sai an toàn) trong nước và trên thế giới. Hiện trạng sử dụng các loại kíp nổ điện tại các mỏ lộ thiên, mỏ hầm lò và các công trình xây dựng ở Việt Nam trong giai đoạn vừa qua theo QCVN 02:2015/BCT. Đánh giá các quy định kỹ thuật, yêu cầu quản lý và phương pháp thử đối với các loại kíp nổ điện. Hoàn thiện các quy định kỹ thuật, phương pháp thử và yêu cầu quản lý đối với các loại kíp nổ điện. Đề xuất Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia về các loại kíp nổ điện, QCVN 02:2015/BCT.

Số hồ sơ lưu: 19102

20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân

80307. 05-2022 Nghiên cứu chế tạo vật liệu hydrogel từ gelatin/carboxymethyl-chitin và gelatin/carboxymethyl-chitosan bằng phương pháp chiếu xạ ứng dụng làm giá thể nuôi cấy tế bào gốc (mô mỡ)/ ThS. Đặng Văn Phú, PGS. TS. Nguyễn Quốc Hiến; TS. Nguyễn Ngọc Duy; ThS. Nguyễn Thị Kim Lan; ThS. Nguyễn Thị Lý; ThS. Lê Anh Quốc; ThS. Phan Phước Thắng; PGS. TS. Trần Lê Bảo Hà - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu và triển khai công nghệ Bức xạ, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát ảnh hưởng của hợp phần gelatin và CM-chitin đến đặc trưng của hydrogel khâu mạch bức xạ. Khảo sát ảnh hưởng của hợp phần gelatin và CM-chitosan đến đặc trưng của hydrogel khâu mạch bức xạ. Đánh giá ảnh hưởng của liều xạ khử trùng (~25 kGy) đến đặc trưng của khung hydrogel. (Liều xạ 25 kGy là liều xạ khử trùng được quy chuẩn đối với các sản phẩm dụng cụ y tế, theo tiêu chuẩn ISO 11137-2:2013). Đánh giá mức độ phân hủy sinh học, độc tính tế bào của khung hydrogel. Khảo sát mức độ tăng trưởng tế bào gốc mô mỡ trên vật liệu khung nâng đỡ tế bào từ hydrogel chế tạo được. Thiết lập quy trình chế tạo vật liệu hydrogel có đặc trưng tính chất phù hợp để làm

khung nâng đỡ tế bào gốc mô mỡ trưởng thành.

Số hồ sơ lưu: 19007

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)

79689. 05-2022 Hoàn thiện công nghệ sản xuất phụ gia đa năng nhằm tiết kiệm năng lượng trên cơ sở các hợp chất có chỉ số khúc xạ mol cao, qui mô 5.000 lít/năm/ GS. TS. Vũ Thị Thu Hà, ThS. Bùi Duy Hùng; TS. Nguyễn Thị Phương Hoà; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; TS. Đặng Thị Thuý Hạnh; TS. Phạm Thị Nam Bình; CN. Nguyễn Thị Hoài An; PGS.TS. Phạm Hữu Tuyên; KS. Nguyễn Hữu Dự; CN. Lê Xuân Tuấn - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ lọc, hóa dầu, 2020 - 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện công nghệ và hệ thống thiết bị sản xuất phụ gia nhiên liệu đa năng trên cơ sở các hợp chất có chỉ số khúc xạ mol cao, qui mô 5.000 lít/năm; Sản xuất thử nghiệm 500 lít phụ gia nhiên liệu đa năng trên cơ sở các hợp chất có chỉ số khúc xạ mol cao, để tiết kiệm nhiên liệu; Triển khai ứng dụng thử nghiệm phụ gia trên các phương tiện giao thông vận tải, lò đốt công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 18721

20403. Kỹ thuật hoá dược

79695. 05-2022 Cơ chế bảo vệ của hợp chất phenolic từ trái Sim (*Rhodomyrtus tomentosa*) chống lại phản ứng dị ứng và xơ vữa

động mạch thông qua con đường tín hiệu thụ thể IgE và histamine, định hướng ứng dụng trong dược phẩm/ TS. Võ Thanh Sang, TS. Ngô Đại Hùng; TS. Lê Văn Minh; PGS. TS. Bạch Long Giang; TS. Nguyễn Hữu Hùng; ThS. Nguyễn Lương Hiếu Hòa; CN. Lê Phương Uyên - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, 2021 - 04/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu được hợp chất phenolic tiềm năng từ quả Sim có khả năng kháng dị ứng và chống xơ vữa động mạch. Đánh giá được sự thay đổi của con đường tín hiệu tế bào trong dưỡng bào được xử lý với hợp chất phenolic tinh sạch. Tìm hiểu được sự thay đổi của con đường tín hiệu trong tế bào nội mô được xử lý với hợp chất phenolic tinh sạch. Tiến tới định hướng ứng dụng các hợp chất phenolic trong ngăn ngừa hoặc/và hỗ trợ điều trị các bệnh liên quan đến dị ứng và xơ vữa động mạch.

Số hồ sơ lưu: 18728

20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen

79953. 05-2022 **Nghiên cứu tổng hợp vật liệu CuWO₄ pha tạp V làm nhạy và bền hóa bởi PPy nhằm ứng dụng làm chất xúc tác quang cho phản ứng phân tách nước trong vùng ánh sáng khả kiến tạo nhiên liệu tái tạo/** TS. Phạm Thanh Đồng, PGS.TS. Nguyễn Thị Diệu Cẩm; TS. Hoàng Văn Hà; PGS.TS. Đỗ Quang Trung; TS. Ngô Hồng Ánh Thu; ThS. Hoàng Thu Trang - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021 -

12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, sử dụng V để làm tác nhân biến tính, pha tạp vào mạng lưới tinh thể của CuWO₄, là một vật liệu có năng lượng vùng cấm hẹp, để gia tăng khả năng phân tách cũng như hạn chế sự tái kết hợp của các electron và lỗ trống quang sinh của vật liệu, qua đó tăng cường hoạt tính quang xúc tác của vật liệu. Sử dụng polypyrrol (Ppy), một polyme dẫn điện, để làm nhạy và bảo vệ vật liệu CuWO₄ pha tạp V nhằm gia tăng hiệu suất chuyển dịch điện tử (tăng thêm hoạt tính), tính ổn định cũng như độ bền của vật liệu. Sử dụng vật liệu CuWO₄ pha tạp V được làm nhạy và bền hóa bởi PPy, là vật liệu có hoạt tính quang xúc tác, độ bền và ổn định cao, để phân tách nước sinh ra nhiên liệu tái tạo (hydro) dưới tác dụng của ánh sáng khả kiến.

Số hồ sơ lưu: 18888

80301. 05-2022 **Mô hình vật liệu có cấu trúc và phân tích hồng ngoại kết cấu/** GS.TSKH. Phạm Đức Chính, TS. Vũ Lâm Đông; TS. Nguyễn Lương Thiện; ThS. Vương Thị Mỹ Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Hương Giang; TS. Nguyễn Văn Luật; ThS. Đỗ Quốc Hoàng; KS. Nguyễn Mạnh Thành - Hà Nội - Viện Cơ học, 2020 - 11/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tính dẫn và đàn hồi vật liệu có các cốt liệu phức hợp, kể cả liên kết không lý tưởng giữa các pha; các xấp xỉ cho một số vật liệu tổ hợp cụ thể. Tiếp tục hoàn thiện về lý thuyết và áp dụng các đánh giá cho các hệ số đàn hồi vật liệu đa tinh thể hỗn

độn, có so sánh với các kết quả mô phỏng số cho một số mô hình đa tinh thể cụ thể. Áp dụng lý thuyết thích nghi cho vật liệu đàn hồi dẻo tái bền và các biểu thức thích nghi giản yếu, xây dựng và phát triển cho một số kết cấu, vật liệu chịu lực cụ thể, và phân tích các dạng hỏng dẻo, sử dụng phương pháp số.

Số hồ sơ lưu: 18998

79348. 05-2022 **Nghiên cứu công nghệ chế tạo gang hợp kim chịu mài mòn mác KmTBCr15Mo2 để làm tấm phản kích trong máy nghiền than/** KS. Phạm Thị Minh Phượng, ThS. Nguyễn Thị Hằng; ThS. Nguyễn Quang Dũng; KS. Dư Công Thanh; KTV. Nguyễn Thanh Hải; KTV. Nguyễn Thành Xuân; KS. Trần Đình Cương - Hà Nội - Viện luyện kim đen, 2020 - - . (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về gang hợp kim chịu mài mòn. Nghiên cứu công nghệ sản xuất gang mác KmTBCr15Mo2 bao gồm: Công nghệ nấu luyện, công nghệ đúc và công nghệ nhiệt luyện. Đánh giá chất lượng gang mác KmTBCr15Mo2 chế tạo được (thành phần hóa học, cơ tính và tổ chức tế vi). Chế tạo 05 tấm phản kích trong máy nghiền than từ gang mác KmTBCr15Mo2 và sử dụng thử để đánh giá chất lượng sản phẩm. Tấm phản kích trong máy nghiền than lắp đặt chạy thử tại Công ty Cổ phần Năng lượng Hòa Phát để đánh giá chất lượng sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 18517

20507. Vật liệu xây dựng

79952. 05-2022 **Nghiên cứu thay thế khe co giãn trong công trình cầu nhịp giản đơn bằng bản liên tục nhiệt sử dụng vật liệu bê tông cốt sợi thép/** TS. Mai Lựu, TS. Nguyễn Quốc Hiến; ThS. Huỳnh Văn Thành; ThS. Lê Hồng Lam; ThS. Hoàng Quốc Tuấn; ThS. Nguyễn Trọng Tạo; ThS. Đoàn Thị Nghĩa; ThS. Nguyễn Đức Trình - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh, 2021 - 03/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích và đưa ra những kiến nghị thiết kế bản liên tục nhiệt bằng bê tông cốt sợi thép cho công trình cầu theo TCVN 11823- 2017 và AASHTO LRFD 2014. Nghiên cứu cấp phối bê tông cốt sợi thép phù hợp cho bản liên tục nhiệt bằng lý thuyết quy hoạch thực nghiệm. Xây dựng mô hình thí nghiệm kết cấu để kiểm tra khả năng chịu kéo uốn, cũng như liên kết giữa bê tông cốt thép thường và bê tông cốt sợi thép của bản liên tục nhiệt khi tương tác với kết cấu dầm. Phân tích mô phỏng phần tử hữu hạn phi tuyến vật liệu bê tông và cốt thép đồng thời bằng mô hình phá hủy CDP, phân tích tương tác bằng phần tử tiếp xúc khu vực đầu dầm và bản liên tục nhiệt trong ABAQUS cho mô hình thực nghiệm. Từ đó mô phỏng mở rộng mô hình cho phân tích kết cấu với kích thước thực tế.

Số hồ sơ lưu: 18880

80996. 05-2022 **Nghiên cứu khả năng ứng dụng vật liệu bê tông nhẹ cốt GFRP cho bản mặt**

cầu đường sắt của kết cấu cầu dầm thép./ TS. Từ Sỹ Quân, PGS.TS. Trần Thế Truyền; TS. Nguyễn Văn Tươi; Lê Quang Vũ; ThS. Phạm Cường; TS. Lê Bá Anh; ThS. Huỳnh Phúc Hậu; ThS. Nguyễn Thị Thủy; TS. Hoàng Việt Hải; KS. Đoàn Bảo Quốc - Đà Nẵng - Trường Cao Đẳng Giao thông Vận tải Trung Ương V., 2021 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan các dạng bản mặt cầu đường sắt và tình hình ứng dụng bê tông cốt liệu nhẹ (BTCLN) và thanh GFRP trong công trình giao thông ở trên thế giới và ở Việt Nam. Tính toán, thiết kế bản mặt cầu đúc sẵn không liên hợp sử dụng BTCLN và thanh GFRP cho công trình cầu đường sắt. Chế tạo và thử nghiệm trong phòng thí nghiệm về ứng xử của bản mặt cầu đúc sẵn không liên hợp sử dụng BTCLN và thanh GFRP cho công trình cầu đường sắt. Đề xuất ứng dụng bản mặt cầu đúc sẵn không liên hợp sử dụng BTCLN và thanh GFRP cho công trình cầu đường sắt.

Số hồ sơ lưu: 19272

20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ

79515. 05-2022 **Hoàn thiện công nghệ chế tạo sơn chống ăn mòn chất lượng cao (tuổi thọ >15 năm), có sử dụng phụ gia nano cho các kết cấu thép trong lĩnh vực giao thông vận tải và xây dựng, công suất 200 tấn/năm/** PGS.TS. Nguyễn Thị Bích Thủy, TS. Nguyễn Mạnh Hùng; PGS.TS. Ngô Kế Thế; TS. Nguyễn Văn Lâm; TS. Lê Ngọc Lý; ThS. Nguyễn Văn Khiên; KS.

Hoàng Văn Chiến; PGS.TS. Nguyễn Nhị Trự; ThS. Trần Quang Vĩnh; TS. Ngô Quốc Trinh; ThS. Vũ Trung Hiếu; ThS. Lưu Thị Thu Hà; TS. Trần Quốc Tuấn; TS. Phạm Hồng Chuyên; ThS. Hoàng Văn Thắng; KS. Nguyễn Hữu Hoán; KS. Phạm Đức Vinh - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2020 - 06/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện các công nghệ chế tạo sơn chống ăn mòn trên cơ sở chất tạo màng epoxy và polyuretan aliphatic, polyurea, etylsilicat có phụ gia nano với tuổi thọ lớn hơn 15 năm sử dụng bảo vệ kết cấu thép trong môi trường khí quyển biển (C4- C5M) thuộc lĩnh vực giao thông và xây dựng thay thế ngoại nhập, công suất 200 tấn/ năm. Xây dựng dây chuyền thiết bị sản xuất các loại sơn chống ăn mòn chất lượng cao từ nhựa epoxy và polyuretan aliphatic, polyurea, etylsilicat có phụ gia nano với công suất 200 tấn/ năm. Ổn định sản xuất, thương mại hóa cho các bộ sản phẩm sơn chống ăn mòn theo công nghệ hoàn thiện. Ứng dụng thi công vào một số công trình cụ thể trong môi trường khí quyển biển, ven biển (C4- C5M) nói chung và cho tối thiểu 500 m² kết cấu thép môi trường khí quyển biển nói riêng. Xây dựng công nghệ làm sạch bề mặt thép và thi công các loại sơn chống ăn mòn chất lượng cao từ nhựa epoxy, polyuretan aliphatic, etylsilicat có phụ gia nano cho kết cấu thép môi trường khí quyển biển đạt tiêu chuẩn chất lượng TCVN 8790:2011.

Số hồ sơ lưu: 18523

20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)

80065. 05-2022 **Nghiên cứu chế tạo thiết bị thoát hiểm khẩn cấp trên tàu biển được làm bằng vật liệu compozit thay thế hàng nhập khẩu/** ThS. Trần Thị Thanh Vân, ThS. Vũ Thu Trang; TS. Nguyễn Tiến Dũng; ThS. Nguyễn Mạnh Nền; ThS. Phạm Hoàng Nghĩa; ThS. Phạm Huy Tùng; ThS. Lê Thị Nhung; ThS. Bùi Sĩ Hoàng; KS. Lê Đình Nghiêm; PGS. TS. Trần Ngọc Thanh - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2021 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được cơ sở lý thuyết thiết kế vỏ trụ kín bằng vật liệu composite với phương pháp quán trắc địa và phi trắc địa, trong đó chỉ ra được phạm vi giới hạn của các tham số hình học trong quán phẳng phục vụ cho công nghệ chế tạo sản phẩm. Làm chủ quá trình thiết kế và chế tạo bình chịu áp bằng composite với công nghệ quán. Chế tạo thử nghiệm bình composite chịu áp có thể tích bên trong 2.2lít, áp suất làm việc là 21Mpa, áp suất phá hủy đến 30,5 Mpa bằng vật liệu cốt sợi thủy tinh S, nền epoxy biến tính để phục vụ cho thực nghiệm nhằm minh chứng công nghệ quán phẳng; Nghiên cứu lắp ráp hoàn thiện một bộ thiết bị thoát hiểm khẩn cấp từ bình chịu áp đã chế tạo với các thiết bị sẵn có trên thị trường.

Số hồ sơ lưu: 18936

80666. 05-2022 Phát triển phần tử tấm/vỏ tron tam giác 3 nút dựa

trên kỹ thuật MITC để phân tích tuyến tính và phi tuyến kết cấu tấm/vỏ đồng nhất hoặc composite/ PGS. TS. Châu Đình Thành, PGS. TS. Nguyễn Văn Hiếu; GS. TS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Lê Phương Bình; ThS. Tôn Thất Hoàng Lân - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, 2021 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu phương pháp phần tử hữu hạn (PTHH) tron, công thức phần tử tấm/vỏ tam giác 3 nút hoặc tứ giác 4 nút sử dụng các kỹ thuật khử khóa cắt MITC. Ứng xử tuyến tính và phi tuyến hình học của tấm/vỏ làm bằng vật liệu đồng nhất hoặc composite nhiều lớp. Các phương pháp giải kết cấu phi tuyến hình học gồm phương pháp lặp NewtonRaphson và phương pháp dây cung (arc-length). Phát triển các công thức PTHH tron cho các phần tử tấm/vỏ tam giác 3 nút và tứ giác 4 nút sử dụng các kỹ thuật khử khóa cắt MITC. Phân tích ứng xử tuyến tính và phi tuyến hình học các kết cấu tấm vỏ đồng nhất hoặc composite nhiều lớp bằng các phần tử đề xuất

Số hồ sơ lưu: 18922

20513. Gỗ, giấy, bột giấy

79425. 05-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất trầm hương theo hướng bền vững ở Việt Nam/** GS.TS. Nguyễn Thế Nhã, GS. S. Hoàng Văn Sâm; TS. Nguyễn Thành Tuấn; PGS.TS. Lê Bảo Thanh; ThS. Nguyễn Thị Thor; TS. Hoàng Thị Hằng; KS. Phan Đức Lê; ThS. Bùi Mai Hương; PGS.TS. Trần

Ngọc Hải; PGS.TS. Hà Văn Huân; PGS. TS. Chu Hoàng Hà; GS.TS. Phạm Quang Thu; KS. Nguyễn Văn Lý; ThS. Phạm Thanh Hà; TS. Vương Duy Hưng; TS. Bùi Văn Thắng; TS. Phạm Minh Toại; PGS.TS. Vũ Quang Nam - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2020 - 07/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định được loài Dó trầm có khả năng tạo trầm hương tốt nhất. Làm chủ được công nghệ sản xuất chế phẩm, kỹ thuật và cơ chế tạo trầm hương. Làm chủ được công nghệ sinh học tạo trầm hương in vitro. Xây dựng được chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm trầm hương Việt Nam. Hợp tác quốc tế, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực sản xuất trầm hương. Xây dựng chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm trầm hương Việt Nam là hướng đi mới và phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và xu thế hội nhập quốc tế nhằm phát triển bền vững trầm hương tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18576

79619. 05-2022 **Hoàn thiện công nghệ và thiết bị sản xuất giấy bao gói chất lượng cao dùng cho thực phẩm dạng khô/** TS. Cao Văn Sơn, KS. Trần Thị Ninh; KS. Đào Sĩ Hinh; KS. Lương Thị Hồng; KS. Nguyễn Việt; KS. Nguyễn Tuấn Phong; CN. Hoàng Thị Thu Hiền; KS. Nguyễn Thế Sáng; KS. Hà Thanh Tùng; KS. Đinh Ngọc Ninh - Hà Nội - Viện công nghiệp giấy và xenlulô, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất giấy bao gói chất lượng cao dùng cho bao gói trực tiếp thực phẩm khô. Hoàn thiện công nghệ và nâng cấp, cải tiến hệ thống dây chuyền thiết bị sản xuất giấy bao gói chất lượng cao dùng cho bao gói trực tiếp thực phẩm khô. Cải tạo, nâng cấp dây chuyền sản xuất giấy phù hợp với sản xuất sản phẩm giấy bao gói chất lượng cao dùng cho bao gói thực phẩm khô, quy mô công suất 500 tấn/năm (trên cơ sở dây chuyền hiện có của Viện Công nghiệp Giấy và Xenlulô). Sản xuất và cung cấp ra thị trường 300 tấn sản phẩm giấy bao gói chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

Số hồ sơ lưu: 18673

79652. 05-2022 **Nghiên cứu công nghệ tạo chế phẩm enzyme trợ nghiền từ vi khuẩn - xạ khuẩn chịu nhiệt và ứng dụng trên dây chuyền sản xuất giấy tissue/** KS. Trần Hoài Nam, TS. Cao Văn Sơn; CN. Hoàng Thị Thu Hiền; ThS. Phạm Đức Thắng; KS. Đào Sĩ Hinh; KS. Nguyễn Vũ Mai Linh; TS. Nguyễn Văn Hiếu; TS. Phan Thị Hồng Thảo; KS. Đặng Thị Nhung; ThS. Phan Hiền - Hà Nội - Viện công nghiệp giấy và xenlulô, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình công nghệ tạo chế phẩm enzyme trợ nghiền (gồm hỗn hợp enzyme cellulase, xylanase) từ vi khuẩn - xạ khuẩn chịu nhiệt quy mô pilot 50 kg/mẻ; quy trình công nghệ ứng dụng chế phẩm enzyme trợ nghiền

trên dây chuyền sản xuất giấy tissue công suất > 3.000 tấn/năm, nhằm giảm năng lượng nghiền $\geq 10\%$; Tăng tốc độ vận hành máy xeo $\geq 5\%$ so với quy trình thông thường. Sản xuất 30 tấn sản phẩm giấy tissue đạt chất lượng theo tiêu chuẩn quy định.

Số hồ sơ lưu: 18676

20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp

79419. 05-2022 Nghiên cứu xây dựng và ứng dụng quy trình xác định các hợp chất Hexabromcyclododecan (HBCDD) và dimetylformamit trong sản phẩm dệt may, da giày/ ThS. Bùi Thị Thái Nam, ThS. Lê Văn Hậu; ThS. Trần Thị Thu Phương; ThS. Nguyễn Thu Hằng; ThS. Phó Thu Thủy; ThS. Nguyễn Hữu Đông; KS. Võ Thị Hồng Bình; KS. Trần Văn Đoàn; KS. Nguyễn Mai Phương; KS. Phạm Thị Vui - Hà Nội - Công ty Cổ phần Viện Nghiên cứu Dệt May, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Việc thực hiện đề tài "Nghiên cứu xây dựng và ứng dụng quy trình xác định các hợp chất Hexabromcyclododecan (HBCDD) và Dimetylformamit (DMF) trong sản phẩm dệt may, da giày" nhằm mở rộng năng lực thử nghiệm tuân thủ theo danh sách các chất cấm hoặc hạn chế được cập nhật thường xuyên cho các phòng thí nghiệm dệt may, da giày, hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu đáp ứng các yêu cầu của thị trường nhập khẩu đích thông qua dịch vụ thử nghiệm xác định các hợp chất HBCDD và DMF, giúp doanh

ngiệp kiểm soát đầu vào của các nguyên liệu cũng như các sản phẩm trước khi xuất khẩu tránh các thiệt hại về kinh tế, đáp ứng các yêu cầu của thị trường nhập khẩu về các chất cấm và hạn chế và tăng tiềm năng thâm nhập thị trường mới.

Số hồ sơ lưu: 18569

79422. 05-2022 Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất khăn từ sợi siro bông nổi vòng/ KS. Nguyễn Văn Huỳnh, KS. Nguyễn Thanh Hương; ThS. Nguyễn Đức Hóa; ThS. Phạm Khánh Toàn; ThS. Trần Đức Trung; ThS. Nguyễn Hữu Đông - Hà Nội - Công ty Cổ phần Viện Nghiên cứu Dệt May, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất khăn từ sợi siro bông nổi vòng nhằm nâng cao tính cạnh tranh cho sản phẩm dệt may Việt Nam. Tạo ra sản phẩm khăn từ sợi siro bông nổi vòng có độ mềm mại cao, giá thành giảm so với khăn dùng sợi xe bông nổi vòng. Các doanh nghiệp dệt nhuộm và hoàn tất trong nước hoàn toàn có thể ứng dụng kết quả nghiên cứu và tiếp tục hoàn thiện quy trình công nghệ cho phù hợp với điều kiện thực tế của mình để triển khai sản xuất, tạo ra các sản phẩm mới đạt được chất lượng cao với giá thành phù hợp.

Số hồ sơ lưu: 18565

79429. 05-2022 Hoàn thiện quy trình, công nghệ sản xuất thử nghiệm vải có độ cách nhiệt cao/ TS. Nguyễn Văn Thông, ThS. Nguyễn Đức Hóa; KS. Nguyễn Văn Huỳnh; KS. Nguyễn Thanh Hương;

KS. Nguyễn Hoàng Yên; ThS. Trần Đức Trung; KS. Bùi Thanh Trúc; ThS. Phạm Khánh Toàn; ThS. Trần Thị Hà; ThS. Trần Duy Lạc - Hà Nội - Viện Dệt May (nay là Công ty Cổ phần Viện Nghiên cứu Dệt May), 2020 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hình thành một chuỗi liên kết giữa đơn vị nghiên cứu và các doanh nghiệp trong nghiên cứu phát triển sản phẩm, sản xuất và tiêu thụ vải sản phẩm dệt kim nói chung và sản phẩm dệt kim có độ cách nhiệt cao nói riêng. Sản phẩm của dự án là các sản phẩm sợi, vải dệt kim có độ cách nhiệt cao, có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong nước và nước ngoài. Qui mô sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của năm sau khi dự án kết thúc là 20 tấn vải/năm và có mức tăng trưởng 20% trong các năm tiếp theo.

Số hồ sơ lưu: 18570

79452. 05-2022 **Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp triển khai có hiệu quả QCVN: 01/2017/BCT phù hợp với thực tế Việt Nam và xu thế hội nhập Quốc tế/** KS. Bùi Thị Thanh Trúc, ThS. Đỗ Phương Nga; TS. Nguyễn Văn Thông; ThS. Trần Thị Hà; KS. Nguyễn Hoàng Yên; ThS. Trần Đức Trung; KS. Trần Văn Toàn; CN. Ngô Thị Duyên; TS. Lưu Thị Tho; ThS. Trần Mạnh Hà - Hà Nội - Công ty Cổ phần Viện Nghiên cứu Dệt May, 2020 - 10/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Dệt May là một trong những ngành công nghiệp mà trong quá trình sản xuất có sử dụng nhiều các

loại hóa chất, thuốc nhuộm để gia công, xử lý, tạo ra các tính năng có giá trị gia tăng cao: về thẩm mỹ và tính năng sử dụng cho sản phẩm dệt may. Trong quá trình gia công xử lý, bên cạnh một số hóa chất thuốc nhuộm còn tồn dư lại trên vải, một lượng lớn hóa chất, thuốc nhuộm được lưu giữ trong dung dịch và bị thải bỏ ra môi trường gây ảnh hưởng tới sức khỏe con người và môi trường. Vì vậy, sản phẩm dệt may là một trong số những nhóm sản phẩm nhạy cảm, được Chính phủ và các thương hiệu quan tâm kiểm soát tại nhiều nước, đặc biệt là các nước có thị phần nhập khẩu lớn như Mỹ, EU, Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc.

Số hồ sơ lưu: 18571

20601. Kỹ thuật và thiết bị y học

79358. 05-2022 **Nghiên cứu quy trình chế tạo bộ sinh phẩm phát hiện đột biến gen trong một số bệnh máu ác tính/** PGS.TS. Lê Hữu Song, TS. Ngô Tất Trung; CN. Đào Phương Giang; PGS.TS. Phan Quốc Hoàn; PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Phương; TS. La Văn Trường; ThS. Trần Thị Thanh Huyền; ThS. Đào Thanh Quyên; KS. Trần Thị Thu Hiền; TS. Bùi Tiến Sỹ - Hà Nội - Viện nghiên cứu khoa học y dược lâm sàng 108, 2019 - 12/2016 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình phát hiện, chẩn đoán dấu ấn phân tử AML1-ETO, CBFβ-MYH11, PML-RARA, MLL-AF9, WT1, TEL-AML1, BCR-ABL và các kiểu đột biến gene FLT3, NPM1, JAK2, CALR trong một số bệnh máu ác tính. Quy trình chế tạo bộ sinh phẩm chẩn đoán chuyên

đoạn nhiễm sắc thể liên quan đến gene AML1-ETO, CBFB-MYH11, PMLRARA, MLL-AF9, WT1, TEL-AML1, BCR-ABL và các kiểu đột biến gene FLT3, NPM1, JAK2, CALR trong một số bệnh máu ác tính. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của bộ sinh phẩm.

Số hồ sơ lưu: 18522

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật

79341. 05-2022 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và đưa vào vận hành hệ thống xử lý rác thải y tế bằng phương pháp hấp nhiệt ướt năng suất từ 4000 đến 4500 kg rác/ngày/** KS. Nguyễn Văn Bình, ThS. Mai Quý Sáng; ThS. Nguyễn Trần Trọng; TS. Đinh Minh Hải; KS. Trần Anh Tuấn; ThS. Trương Văn Giáp; KS. Mai Đức Thái; KS. Nguyễn Bá Tuấn; TS. Nguyễn Tùng Lâm; TS. Đỗ Kiên Trung; ThS. Nguyễn Danh Huy - Hà Nội - Viện nghiên cứu cơ khí, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các phương pháp khử trùng bằng nhiệt, so sánh ưu nhược điểm và lựa chọn phương án. Nghiên cứu công nghệ khử trùng bằng hấp nhiệt ướt. Thiết kế hệ thống dây chuyền xử lý rác thải y tế bằng hấp nhiệt ướt, năng suất từ 4.000 – 4.500 kg rác/ngày. Tính toán, thiết kế nồi hấp và nồi hơi. Lập qui trình công nghệ chế tạo thiết bị chính nồi hấp, nồi hơi; điều khiển nồi hấp và nồi hơi. Chế tạo nồi hấp, nồi hơi và mua sắm các thiết bị. Lắp đặt nồi hấp, nồi hơi và các thiết bị phụ trợ. Khảo nghiệm hệ thống và biên soạn tài liệu hướng dẫn sử

dụng. Làm chủ qui trình công nghệ xử lý rác thải y tế bằng phương pháp hấp nhiệt ướt.

Số hồ sơ lưu: 18520

79438. 05-2022 **Nghiên cứu, xây dựng hệ số phát thải khí nhà kính từ các nhà máy nhiệt điện sử dụng nhiên liệu hóa thạch của Việt Nam/** ThS. Nguyễn Quang Huy, ThS. Hoàng Văn Tâm; ThS. Trần Thu Hằng; ThS. Trần Văn Việt; ThS. Bùi Thị Hiền; ThS. Lê Thị Thu Thanh; ThS. Đồng Thị Minh Hà; ThS. Đinh Văn Tôn; ThS. Trịnh Văn Thuận; ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo; ThS. Trương Việt Trường; ThS. Phan Mai Linh; CN. Đặng Thị Thục - Hà Nội - Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Các dự án đầu tư, áp dụng các giải pháp sử dụng năng lượng điện tiết kiệm, hiệu quả và phát triển năng lượng tái tạo có thể áp dụng để tính toán lượng tín chỉ tạo được để tham gia thực hiện NDC của Việt Nam và các cơ chế thị trường các-bon trong tương lai. Các nhà máy nhiệt điện có thể sử dụng hệ số định mức trung bình phát thải khí nhà kính của từng lĩnh vực điện than, điện khí để tự so sánh, đánh giá giá trị định mức của mình với giá trị trung bình quốc gia để có những điều chỉnh cải thiện phù hợp trong tương lai. Ngoài ra, với định mức phát thải khí nhà kính đặc thù của mỗi tổ máy được tính toán, theo dõi hàng năm, các nhà máy sẽ thấy được xu hướng phát thải và hiệu suất của toàn bộ quá trình sản xuất, từ đó có các nghiên cứu cải tiến nâng cao hiệu suất, giảm phát

thải khí nhà kíp thời, đem lại hiệu kinh doanh cao nhất cho nhà máy

Số hồ sơ lưu: 18579

79670. 05-2022 **Hoàn thiện thiết kế, công nghệ chế tạo, tích hợp hệ thống thu thập dữ liệu và giám sát thời gian thực chất lượng nước thải, khí thải ứng dụng cho khu công nghiệp và đô thị/ TS. Trịnh Trọng Chương, KS. Ngô Hồng Cẩm; TS. Nguyễn Bá Nghiễn; TS. Quách Đức Cường; ThS. Vũ Tuấn Anh; TS. Bùi Văn Huy; ThS. Nguyễn Hữu Hải; ThS. Lê Văn Thái; TS. Phan Thanh Hòa; TS. Đặng Hoàng Anh; CN. Nguyễn Thị Mai - Hải Dương - Công ty Cổ phần Công nghệ và Phân tích chất lượng cao Hải Dương, 2020 - 10/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu công nghệ và thiết kế, chế tạo tổng thể hệ thống thu thập dữ liệu môi trường nước thải và khí thải; hoàn thiện công nghệ, thiết kế chế tạo phần cứng hệ thu thập dữ liệu; thiết kế, xây dựng phần mềm giám sát trực tuyến nước thải, khí thải; quy trình vận hành cho hệ thống. Xây dựng hệ thống thu thập, cảnh báo tự động dữ liệu quan trắc chất lượng nước thải, khí thải đáp ứng được yêu cầu tiêu chuẩn môi trường theo các quy định hiện hành; Ứng dụng, thương mại hệ thống thu thập dữ liệu quan trắc chất lượng nước thải, khí thải tại khu công nghiệp và đô thị; Triển khai ứng dụng cho 20 trạm quan trắc nước thải, khí thải ở khu công nghiệp và đô thị, các doanh nghiệp có xả nước thải (lớn hơn hoặc bằng 1000m³/ngày đêm), khí thải (công ty xi

mãng, công ty nhiệt điện, lò hơi công nghiệp,...).

Số hồ sơ lưu: 18718

80790. 05-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến sử dụng năng lượng tái tạo xử lý nước biển, nước nhiễm mặn thành nước sinh hoạt phục vụ cư dân trên đảo và ven biển/ TS. Trần Thị Thu Lan, TS. Dương Công Hùng; TS. Nguyễn Kim Thanh; TS. Phan Đỗ Hùng; ThS. Phạm Thị Hải Thịnh; ThS. Đinh Văn Viện; KS. Trịnh Văn Giáp; TS. Phan Quang Thăng; ThS. Phùng Đức Hiếu; ThS. Hoàng Lương; TS. Đào Thanh Dương; KS. Đỗ Thị Linh; ThS. Văn Thị Kim Chung; KS. Đặng Việt Trung - Hà Nội - Viện Công nghệ môi trường, 2021 - 06/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu thiết kế, lắp đặt, và khảo sát các hệ thống khử mặn MD (hệ thống chung cát màng) và NF (Nanofiltration - Lọc màng nano) ở quy mô phòng thí nghiệm; Thiết kế, lắp đặt, khảo sát, và tối ưu hóa các hệ thống khử mặn ở quy mô pilot lắp đặt tại các địa điểm thực địa trên Đảo Bé, Lý Sơn và tại huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre; Đánh giá hiệu quả kinh tế và đề xuất phương án nhân rộng các mô hình khử mặn được nghiên cứu. Các kết quả nghiên cứu trình bày trong báo cáo là nền tảng để phát triển và ứng dụng hai công nghệ khử mặn tiên tiến này để góp phần giải quyết bài toán khan hiếm nước ngọt do hạn hán và biến đổi khí hậu gây ra tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19147

80953. 05-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao khả năng kết nối, truy cập thông tin về cảnh báo, dự báo và kế hoạch ứng phó với thiên tai cho cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới/** TS. Nguyễn Xuân Lâm, TS. Hà Hải Dương; GS.TS. Nguyễn Tùng Phong; PGS.TS. Nguyễn Văn Việt; TS. Lương Hữu Dũng; TS. Trần Đức Trinh; PGS.TS. Nguyễn Quang Trung; ThS. Nguyễn Minh Tiến; ThS. Nguyễn Thị Phương Liên; Trương Ngọc Hiền; KS. Đoàn Anh Hoàng; KS. Đặng Đức Cường - Hà Nội - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2021 - 06/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được giải pháp nâng cao khả năng kết nối, truy cập thông tin về cảnh báo, dự báo thiên tai và kế hoạch ứng phó với thiên tai cho cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới; Xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu về cảnh báo, dự báo và kế hoạch ứng phó với thiên tai phục vụ kết nối và truy cập thông tin, áp dụng cho một số xã xây dựng nông thôn mới.

Số hồ sơ lưu: 19258

20704. Viễn thám

79420. 05-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng và hoàn thiện khung cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia và xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường theo chuyên ngành. Thử nghiệm ứng dụng và xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường cho một chuyên ngành./** KS. Nguyễn Bảo Trung, ThS. Nguyễn Tất Thắng; KS. Nguyễn Xuân Thang; ThS. Nguyễn

Ngọc Vũ; KS. Lê Thành Nhân; ThS. Lê Hoàng Anh; KS. Phạm Minh Khôi; KS. Trần Văn Trung; KS. Nguyễn Xuân Thủy; KS. Nhân Ngọc Tân - Hà Nội - Trung tâm công nghệ phần mềm và GIS, 2020 - 09/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đưa ra được cơ sở khoa học và thực tiễn về việc xây dựng khung cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia. Đề xuất được khung cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia cho Việt Nam. Xây dựng các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ trao đổi, tích hợp, chia sẻ và khai thác thông tin dữ liệu môi trường. Thử nghiệm áp dụng và xây dựng được cơ sở dữ liệu cho một lớp thông tin môi trường.

Số hồ sơ lưu: 18562

79678. 05-2022 **Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ để nhận dạng các đối tượng địa chất, xử lý kết hợp tài liệu địa vật lý và viễn thám/** ThS. Phạm Văn Hùng, TS. Nguyễn Trường Lưu; TS. Nguyễn Thế Hùng; TS. Nguyễn Quốc Khánh; TS. Đỗ Quốc Bình; ThS. Nguyễn Thị Hải Vân; TS. Đặng Vũ Khắc; KS. Phan Minh Tuấn; KS. Trần Thị Nhật Ký; KS. Kiều Trung Thủy - Hà Nội - Liên đoàn Vật lý địa chất, 2020 - 07/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập, tổng hợp tài liệu, đánh giá tổng quan hiện trạng sử dụng tài liệu địa vật lý và viễn thám để nhận dạng các đối tượng địa chất, khoáng sản trong và ngoài nước. Xây dựng cơ sở dữ liệu để tích hợp phương pháp xử lý tài liệu địa vật lý và viễn thám để nhận dạng các đối tượng địa

chất. Nghiên cứu, xử lý tài liệu địa vật lý (ĐVL) để nhận dạng các đối tượng địa chất, khoáng sản. Khảo sát, nghiên cứu khu vực thử nghiệm, xác lập bộ mẫu dữ liệu chuẩn cho các đối tượng địa chất, đối tượng khoáng sản theo tài liệu địa vật lý và viễn thám: Xây dựng quy trình công nghệ nhận dạng các đối tượng địa chất, xử lý kết hợp tài liệu địa vật lý và viễn thám. Áp dụng quy trình cho một khu vực nghiên cứu thử nghiệm ở Tây Bắc. Kiểm chứng, hiệu chỉnh, hoàn thiện dự thảo quy trình công nghệ để nhận dạng các đối tượng địa chất, xử lý kết hợp tài liệu địa vật lý và viễn thám. Thành lập Sơ đồ cấu trúc địa chất và Sơ đồ dự báo triển vọng khoáng sản theo tài liệu địa vật lý và viễn thám vùng thử nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 18720

80038. 05-2022 **Nghiên cứu ứng dụng tư liệu viễn thám độ phân giải cao và trung bình, đa thời gian đánh giá tổng hợp tai biến môi trường vùng bờ biển Bắc Trung Bộ/** TS. Nguyễn Văn Thảo, TS. Đỗ Thị Thu Hương; PGS. TS. Trần Đình Lân; TS. Trần Anh Tú; TS. Vũ Duy Vĩnh; TS. Nguyễn Hữu Huân; ThS. Đinh Ngọc Đạt; ThS. Bùi Mạnh Tường; TS. Lê Xuân Sinh; ThS. Nguyễn Đắc Vệ - Hải Phòng - Viện Tài nguyên và Môi trường biển, 2020 - 11/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Công nghệ viễn thám và mô hình số trị được sử dụng có hiệu quả cao trong nghiên cứu tai biến môi trường vùng bờ biển Bắc Trung Bộ như biến động bờ biển, giám sát và dự báo thủy triều đỏ, giám sát và dự

báo nguy cơ ô nhiễm môi trường nước do hoạt động công nghiệp. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu tai biến môi trường vùng bờ biển Bắc Trung Bộ, quy trình ứng dụng viễn thám giám sát tai biến môi trường vùng bờ biển như xói lở - bồi tụ bờ biển, thủy triều đỏ, chất lượng môi trường nước được xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 18914

80062. 05-2022 **Nghiên cứu cải tiến quy trình công nghệ cập nhật một số nội dung thông tin của cơ sở dữ liệu không gian địa lý tỷ lệ 1:50.000 và nhỏ hơn bằng viễn thám/** TS. Nguyễn Dur Khang, ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình; TS. Nguyễn Thanh Hoàn; ThS. Hoàng Thanh Sắc; ThS. Nghiêm Văn Ngọc; CN. Đặng Thu Trà; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Hải Yến; ThS. Dương Vương Tuấn; ThS. Đỗ Ngọc Vĩnh - Hà Nội - Trung tâm triển khai công nghệ viễn thám, 2020 - 06/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cải tiến kỹ thuật, hiện đại hóa quy trình công nghệ cập nhật một số nội dung cho cơ sở dữ liệu không gian địa lý tỷ lệ 1:50.000 và nhỏ hơn bằng viễn thám theo hướng bán tự động hóa. Nghiên cứu tổng quan về công nghệ thành lập, cập nhật dữ liệu không gian địa lý, các phương pháp giải đoán ảnh viễn thám theo hướng bán tự động. Thu thập thông tin tài liệu, đánh giá và phân tích dữ liệu. Đề xuất quy trình tổng quát bán tự động giải đoán ảnh viễn thám và cập nhật dữ liệu nền địa lý. Cải tiến kỹ thuật, hiện đại hóa công nghệ cập nhật dữ liệu nền địa lý.

Số hồ sơ lưu: 18918

20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất

80236. 05-2022 Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng các yêu cầu kỹ thuật thi công và nghiệm thu hồ thải quặng đuôi/KS. Hoàng Thị Xuân, KS. Lương Xuân Thương; ThS. Nguyễn Thị Hồng Gấm; ThS. Nguyễn Thị Thu; KS. Trần Huy Hoàng; KS. Phạm Ngọc Liêm; ThS. Nghiêm Thị Huyền; CN. Trần Thị Liên; KS. Hoàng Trọng Đạo; ThS. Mai Văn Kế; ThS. Phạm Tiến Kỳ; ThS. Nguyễn An Hoài; KS. Nguyễn Hoàng Long; CN. Lê Trung Đức; KS. Lương Thị Cẩm Tú; KS. Lương Văn Dinh; CN. Đoàn Thị Bích Hường; CN. Nghiêm Thị Vân; CN. Nguyễn Bích Thảo; CN. Vũ Thị Hoàng Anh; ThS. Đỗ Thị Như Quỳnh; KS. Nguyễn Quý Duy - Hà Nội - Viện khoa học và công nghệ mỏ - luyện kim, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan về yêu cầu kỹ thuật thi công, nghiệm thu hồ thải quặng đuôi trong và ngoài nước. Đánh giá thực trạng thi công và nghiệm thu của một số hồ thải quặng đuôi điển hình trong nước. Xây dựng các yêu cầu kỹ thuật thi công và nghiệm thu hồ thải quặng đuôi, bao gồm: Yêu cầu chung trong thi công, nghiệm thu hồ thải quặng đuôi; nghiệm thu đập thải; nghiệm thu các bộ phận thoát nước; nghiệm thu đường ống; nghiệm thu trạm bơm; nghiệm thu các bộ phận lót chống thấm. Xây dựng Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia về thi công hồ thải quặng

đuôi. Xây dựng Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia về nghiệm thu hồ thải quặng đuôi.

Số hồ sơ lưu: 18991

80980. 05-2022 Nghiên cứu chế tạo thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò TNP-1HL và thuốc nổ nhũ tương rời TNP-1R dùng cho mỏ lộ thiên trên dây chuyền TNP-1E/ KS. Nguyễn Khắc Phương Hóa, TS. Nguyễn Mậu Vương; TS. Trần Quang Phát; KS. Nguyễn Tuấn Dương; ThS. Nguyễn Xuân Thanh; ThS. Hoàng Văn Quyên; TS. Hoàng Anh; ThS. Nguyễn Trọng Đại; ThS. Lê Anh Dũng; CN. Đỗ Hồng Sơn - Hà Nội - Viện Thuốc phóng Thuốc nổ, 2021 - 01/2018 - 10/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Chế tạo thành công các loại thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò (TNP-1HL) và thuốc nổ nhũ tương rời (TNP-1R) dùng cho các mỏ lộ thiên trên cơ sở dây chuyền TNP-1E đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật của một số loại trong nước cũng như là thế giới. Đề tài đi sâu nghiên cứu tổng quan về sản phẩm, công nghệ chế tạo, ảnh hưởng các yếu tố công nghệ, đơn thành phần đến chất lượng thuốc nổ nhũ tương an toàn TNP-1HL, thuốc nổ ANFO và thuốc nổ nhũ tương rời TNP-1R, qua đó đưa ra đơn thành phần và quy trình công nghệ chế tạo TNNT an toàn TNP-1HL, thuốc nổ ANFO và TNNT rời TNP-1R. Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và lắp đặt bổ sung thiết bị vào dây chuyền sản xuất thuốc nổ nhũ tương TNP-1E để sản xuất thuốc nổ nhũ tương rời TNP-1R, thuốc nổ ANFO đảm bảo

chất lượng, an toàn. Nghiên cứu, thiết kế, xây dựng nhà xưởng lắp đặt dây chuyền sản xuất thuốc nổ ANFO đáp ứng yêu cầu chất lượng theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04:2012/BCT về Thuốc nổ ANFO do Bộ Công Thương ban hành và đủ điều kiện đưa vào sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 19251

80982. 05-2022 **Nghiên cứu giải pháp công nghệ phù hợp khi khai thác các tầng sâu ở các mỏ than lộ thiên Việt Nam/** TS. Đỗ Ngọc Tước, TS. Đoàn Văn Thanh; TS. Lưu Văn Thực; TS. Lê Công Cường; ThS. Vũ Đình Trường; ThS. Lê Bá Phúc; ThS. Đàm Công Khoa; ThS. Phạm Xuân Tráng; ThS. Đỗ Kiên Cường; ThS. Nguyễn Hữu Huân; ThS. Trần Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Tử Vinh; ThS. Trần Hồng Minh; ThS. Nguyễn Nam Hải; KS. Trần Vũ Thăng; KS. Tôn Thu Hương; KS. Bùi Thị Lê Na; KS. Vũ Thị Hoàng Anh; KS. Đỗ Thị Bích Ngọc - Hà Nội - Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Các mỏ than lộ thiên Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục đóng góp vai trò quan trọng vào sự phát triển ngành Than của Việt Nam. Để đảm bảo an toàn khai thác xuống sâu, đáp ứng yêu cầu sản lượng, nâng cao hiệu quả khai thác, đề tài đề xuất một số kiến nghị sau: Cần tiến hành khảo sát thống kê và nghiên cứu điều kiện vi khí hậu của mỏ khi khai thác xuống sâu để có các giải pháp thông gió mỏ phù hợp, đảm bảo điều kiện làm việc cho công nhân làm việc dưới các tầng sâu. Cần tiếp tục

nghiên cứu đề xuất các giải pháp và sơ đồ công nghệ tận thu than tại các khu vực đã kết thúc khai thác lộ thiên và không có khả năng khai thác hầm lò (đầu mỏ và đáy khai trường) để khai thác tối đa tài nguyên than, nâng cao hiệu quả khai thác cho các mỏ than lộ thiên thuộc TKV. Đề nghị các cấp có thẩm quyền phê duyệt các kết quả nghiên cứu của đề tài, làm cơ sở cho các mỏ than lộ thiên sâu triển khai ứng dụng vào sản xuất, nhằm đảm bảo khai thác xuống sâu, giảm chi phí sản xuất, đảm bảo an toàn, nâng cao hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 19259

20801. Công nghệ sinh học môi trường nói chung

80067. 05-2022 **Tìm hiểu thị trường thiết bị, giải pháp quan trắc và kiểm soát môi trường sử dụng trong nuôi chim yến và mô hình hóa quy trình nuôi chim yến ứng dụng công nghệ hiện đại, phù hợp với tỉnh Bình Thuận/** TS. Nguyễn Duy Tài, ThS. Nguyễn Thanh Phong; TS. Trần Tình; ThS. Giang Sỹ Chung; TS. Nguyễn Văn Hương; ThS. Phan Xuân Thắng; ThS. Nguyễn Thị Thu Thùy; ThS. Nguyễn Thị Hà Giang; ThS. Ngô Thu Thủy; ThS. Trần Thùy Anh - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc, 2020 - 07/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Phân tích, đánh giá thị trường thiết bị, sử dụng thiết bị, giải pháp quan trắc và kiểm soát môi trường nuôi chim yến tại tỉnh Bình Thuận, từ đó tìm hiểu mối quan hệ cung cầu

thị trường về ứng dụng công nghệ trong nuôi chim yến cũng như mô hình hóa việc ứng dụng công nghệ trong quá trình nuôi chim yến tại tỉnh Bình Thuận.

Số hồ sơ lưu: 18933

20901. Các công nghệ xử lý sinh học (các quá trình công nghiệp dựa vào các tác nhân sinh học để vận hành quy trình), xúc tác sinh học; lên men

79421. 05-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ nuôi tảo Spirulina nước lợ và sản xuất một số sản phẩm thực phẩm chức năng từ sinh khối tảo này tại Thanh Hóa/ TS. Trần Bảo Trâm, ThS. Nguyễn Thị Hiền; CN. Quang Thị Ánh Tuyết; KS. Vương Tất Đạt; TS. Phạm Hương Sơn; ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai; ThS. Trương Thị Chiên; KS. Trần Văn Quảng; CN. Đỗ Thị Kim Trang; CN. Ngô Thị Hoa - Thanh Hóa - Công ty Cổ phần Long Phú, 2021 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Hoàn thiện được quy trình nhân giống Spirulina trong hệ ống kết hợp bể hở năng suất trung bình đạt 2,5g/L/ngày. - Hoàn thiện được quy trình sản xuất (bể hở) tảo Spirulina nước lợ năng suất trung bình ≥ 8 g sinh khối khô/m² /ngày. Xây dựng được chương trình đào tạo, nội dung đào tạo và kế hoạch đào tạo phù hợp với năng lực nhân sự sản xuất và tiến độ sản xuất của Doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 18563

20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm

nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.

79514. 05-2022 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất methyl- β -cyclodextrin từ tinh bột sắn làm phụ gia thế hệ mới cho ngành công nghiệp mỹ phẩm, dược phẩm và thực phẩm chức năng/ TS. Phạm Thị Nam Bình, PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; ThS. Vũ Thị Thuận; KS. Nguyễn Thùy Linh; TS. Đặng Thị Thúy Hạnh; Y sỹ Bùi Tô Phương Thảo; ThS. Nguyễn Văn Thịnh; PGS.TS. Nguyễn Hoàng Ngân; ThS. Trần Thị Liên; ThS. Bùi Duy Hùng; GS.TS. Vũ Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Thị Phương Hòa; KS. Nguyễn Minh Đăng; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; TS. Bạch Thị Tâm; KS. Bùi Văn Cứ; CN. Trần Nhật Đức; CN. Trần Thị Thanh Hằng; KTV. Vũ Thị Thùy; ThS. Lê Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Hồng Hải; ThS. Bùi Thị Bích Vân; CN. Nguyễn Thị Thu Hà; CN. Lê Phương Anh - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ lọc, hóa dầu, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sản xuất β -cyclodextrin từ tinh bột sắn bằng phương pháp enzyme, quy mô phòng thí nghiệm. Sản xuất β -CD chất lượng cao làm nguyên liệu cho quá trình methyl hóa. Nghiên cứu công nghệ methyl hóa β -cyclodextrin qui mô phòng thí nghiệm. Xây dựng mô hình thiết bị qui mô bán công nghiệp sản xuất M- β -CD quy mô 100 kg nguyên

liệu/mẻ, trên cơ sở các thiết bị sẵn có. Nghiên cứu ổn định các thông số công nghệ và xây dựng quy trình công nghệ sản xuất M- β -CD qui mô 100 kg nguyên liệu/mẻ. Sản xuất thử nghiệm 100 kg M- β -CD ở điều kiện thông số ổn định. Nghiên cứu ứng dụng M- β -CD trong sản xuất sản phẩm thực phẩm chức năng và kem dưỡng da chứa CoQ10.

Số hồ sơ lưu: 18524

21099. Công nghệ nano

79654. 05-2022 **Nghiên cứu phát triển và ứng dụng hạt nano-melanin nhằm bảo vệ tế bào thường và mô lành khi xạ trị ung thư/** PGS.TS. Nguyễn Đình Thắng, PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Anh; PGS.TS. Hoàng Thị Mỹ Nhung; TS. Hà Phương Thư; ThS. Bùi Thị Vân Khánh; ThS. Nguyễn Thị Lê Na; CN. Phạm Xuân Huy - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021 - 12/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu và đánh giá khả năng của hạt nano-melanin trong việc bảo vệ tế bào thường và mô lành khỏi sự phá hủy của tia xạ khi điều trị ung thư bằng phương pháp xạ trị trên mô hình tế bào nuôi cấy (in-vitro) và mô hình chuột thí nghiệm (in-vivo). Đánh giá độc tính cấp của hạt nano-melanin trên chuột thí nghiệm thông qua đường uống và đường tiêm ven đuôi. Xác định ngưỡng nồng độ an toàn của nano-melanin để sử dụng trong các nghiên cứu tiếp theo. Đánh giá khả năng bảo vệ của hạt nano-melanin đối với

tế bào thường và mô lành. Sau quá trình điều trị bằng tia xạ. Chuột sẽ được sử dụng để làm mẫu cho các nghiên cứu thí nghiệm hóa sinh, sinh học phân tử, tế bào học và mô học.

Số hồ sơ lưu: 18679

21199. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống

80010. 05-2022 **Hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử nghiệm nước giải khát đóng lon từ cây sương sáo/** ThS. Hoàng Thị Trúc Quỳnh, ThS. Nguyễn Thị Thảo Minh; ThS. Đặng Thị Yên; ThS. Đỗ Mai Nguyên Phương; Đinh Thị Hải Thuận; ThS. Ngô Duy Anh Triết; ThS. Trần Thị Hồng Cẩm; ThS. Trần Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Phú Đức; ThS. Đinh Thị Mận; Hà Đức Hải; Huỳnh Phan Nhã Trúc; Trần Thị Chi Mai; ThS. Nguyễn Hữu Quyền; Phí Nguyễn Phương Bắc; KS. Phạm Đỗ Trà My; Đoàn Thị Hồng; Lê Thanh Tú; ThS. Đặng Thúy Mùi; Đỗ Thị Bích Quyên - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất nước giải khát sương sáo đóng lon. Xây dựng hồ sơ thiết kế dây chuyền sản xuất nước giải khát sương sáo đóng lon quy mô 100 lít sản phẩm/ngày; bộ tiêu chuẩn cơ sở nước giải khát sương sáo đóng lon; tài liệu tập huấn và đào tạo được 02 – 04 nhân viên kỹ thuật vận hành và quản lý sản xuất trên dây chuyền công nghệ. Tổ chức sản xuất 1500-2000 lít sản phẩm nước giải khát

sương sáo đóng lon đạt được các tiêu chuẩn cơ sở theo quy định.

Số hồ sơ lưu: 18896

80735. 05-2022 **Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thiết bị tráng hấp bánh tráng gạo dạng tròn/** PGS.TS. Trần Doãn Sơn, ThS. Hoàng Minh Nam; TS. Trần Nguyên Duy Phương; KS. Phạm Quang Phú - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, 2018 - 06/2015 - 06/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Sản xuất bánh tráng hiện nay tại nước ta chủ yếu vẫn còn đang được thực hiện hoàn toàn bằng thủ công, điều này làm năng suất, chất lượng sản phẩm phụ thuộc vào trình độ và tay nghề công nhân đồng thời ảnh hưởng không nhỏ đến các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm. Từ đó cần đặt ra yêu cầu chuyển đổi công nghệ thủ công sang sản xuất bằng máy, trên cơ sở tham khảo các thiết bị nước ngoài cùng với sự phát huy sáng tạo để cho ra đời thiết bị mới phù hợp với điều kiện kinh tế và xã hội Việt Nam. Bánh tráng gạo hiện nay đã sản xuất bằng máy, tuy nhiên dưới dạng băng, sau khi phơi khô sẽ được cắt tròn. Công nghệ này tạo nên phụ phẩm lớn. Kết quả đề tài cho ra đời một thiết bị mới, có thể trực tiếp tạo ra bánh tráng gạo dạng tròn, giảm phụ phẩm từ 35% xuống còn 5%, đưa lại hiệu quả rất lớn cho nhà sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 19100

80736. 05-2022 **Hoàn thiện công nghệ và chế tạo thiết bị sản xuất bánh phở tươi công suất nhỏ phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước/** PGS.TS. Trần Doãn

Sơn, KS. Phạm Như Thanh; ThS. Trần Anh Sơn; KS. Phạm Quang Phú; KS. Nguyễn Văn Xuân; KS. Phan Trung Quốc - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, 2007 - 10/2005 - 06/2007. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu công nghệ và thiết bị sản xuất bánh phở tươi hiện có trong và ngoài nước. Thiết kế thiết bị sản xuất với công suất 50-100Kg/Ca và kích thước lớn nhất cho phép (1400x500x1500 mm) (dài x rộng x cao). Chế tạo thử hai thiết bị và xuất khẩu theo đơn đặt hàng của Công ty Inkitech Inc Hoa Kỳ. Việc nghiên cứu và thiết kế loại thiết bị sản xuất phở tươi với công suất nhỏ, kích thước nhỏ gọn phù hợp với mức tiêu thụ của từng tiệm phở và không gian cho phép trang bị cho chính các tiệm phở để tiêu thụ vừa ăn phở vừa thưởng thức nghệ thuật tạo sản phẩm. Với việc cho ra đời thiết bị sản xuất bánh phở bằng máy việc kiểm soát các công đoạn trong quá trình sản xuất được thực hiện dễ dàng do đó chúng ta có thể giải quyết đáng kể bài toán vệ sinh an toàn thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: 19101

21101. Kỹ thuật thực phẩm

80713. 05-2022 **Nghiên cứu công nghệ, thiết kế, chế tạo thiết bị sản xuất tự động bánh tráng bò bía/** PGS. TS. Trần Doãn Sơn, ThS. Nguyễn Văn Bắc; ThS. Hoàng Minh Nam; TS. Trần Nguyên Duy Phương; KS. Phạm Quang Phú - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, 2013 - 03/2012 - 12/2013. (Đề tài cấp Bộ)

Hiện nay trên thế giới có một vài nước như Nhật Bản, Đài Loan đã có thiết bị sản xuất bánh tráng bò bía. Những thiết bị này có năng suất rất cao, chất lượng sản phẩm rất ổn định. Để thiết kế, chế tạo hệ thống thiết bị sản xuất bánh tráng bò bía vừa tự động hóa hiện đại vừa phù hợp với điều kiện thực tế ở nước ta, nhóm nghiên cứu đã nghiên cứu các thiết bị hiện có trên thế giới và kế thừa những ưu việt của các thiết bị đó. Đồng thời có những thay đổi mang tính sáng tạo cao và đề xuất những giải pháp rất phù hợp với điều kiện Việt Nam về khía cạnh kinh tế, điều kiện chế tạo cũng như thực tế sử dụng, vận hành. Nghiên cứu công nghệ và công thức pha chế bột của phương pháp thủ công. Thiết kế hệ thống thiết bị trên cơ sở tham khảo thiết bị của nước ngoài và đề xuất những giải pháp kỹ thuật hoàn toàn mới, đây là những điểm sáng tạo để nhóm thực hiện đề tài sáng chế.

Số hồ sơ lưu: 19084

80972. 05-2022 **Nhân rộng áp dụng Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000) vào các doanh nghiệp Việt Nam năm 2018/** CN. Phạm Quốc Bình, CN. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Vũ Hoàng Minh; CN. Bùi Thị Bích Thủy; ThS. Lê Huy Chiên; ThS. Nguyễn Trần Minh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; CN. Phan Chi Mỹ; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Liên; CN. Nguyễn Thị Ngọc Ly; CN. Nguyễn Hoài Nam; CN. Trần Thị Tiên Thủy; CN. Lưu Anh Minh; CN. Trần Dũng Sỹ - Hà Nội - Trung tâm Chứng nhận Phù hợp (QUACERT), 2021 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phổ biến, hướng dẫn áp dụng và chia sẻ kinh nghiệm áp dụng ISO 22000 cho 500 doanh nghiệp thông qua các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo. Xây dựng 20 mô hình điểm về việc áp dụng thành công ISO 22000, tập trung cho các doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ. Đánh giá được kết quả, hiệu quả sau áp dụng bằng các chỉ tiêu năng suất chất lượng, chỉ tiêu kinh tế cụ thể. Hệ thống được đánh giá, chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận hợp pháp.

Số hồ sơ lưu: 19263

299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác

79620. 05-2022 **Nghiên cứu mặt nạ pha cho mở rộng độ sâu hội tụ ở hệ thống mã hóa mặt sóng/** TS. Lê Văn Nhu, TS. Phạm Minh Nghĩa; TS. Mai Văn Huy; TS. Tạ Văn Dương; TS. Bùi Đình Bảo - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu những thuận lợi và nhược điểm của các phương pháp đề xuất trước đây cho mở rộng độ sâu hội tụ, bao gồm sự phát triển của các kiểu mặt nạ pha, các phương pháp tối ưu hóa cho các mặt nạ pha và các phương pháp nâng cao chất lượng ảnh. Đề xuất các mặt nạ pha mới mà có thể cải tiến đặc tính tạo ảnh bất biến lệch tiêu và nâng cao chất lượng tạo ảnh của hệ thống quang học. Mô hình đặc biệt trên cơ sở sử dụng hai ảnh nhận được từ hệ thống quang học tạo ảnh. Phương pháp trừ, phương pháp nhân và sự kết hợp giữa phương pháp số hóa và phương pháp trừ đã được trình bày. Kết hợp

mới giữa mặt nạ pha và mặt nạ biên độ cho cải tiến chất lượng tạo ảnh của hệ thống quang học với mặt nạ. Bằng sự thêm mặt nạ biên độ hợp lý vào hệ thống quang học với mặt nạ pha, có thể nhận được ảnh chất lượng cao hơn.

Số hồ sơ lưu: 18672

80002. 05-2022 **Phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia năm 2018/** ThS. Trần Thị Thanh Xuân, ThS. Đỗ Quang Long; ThS. Nguyễn Duy Trinh; ThS. Đoàn Thị Thanh Vân; ThS. Lê Thành Hưng; KS. Nguyễn Minh Phương; ThS. Lê Thị Thanh Ngọc; ThS. Phan Hồng Nga; ThS. Mãn Thùy Giang; ThS. Hà Thị Thu Trà - Hà Nội - Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam, 2020 - 01/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phổ biến, hướng dẫn áp dụng 04 quy chuẩn Việt Nam (QCVN) gồm 1 QCVN Thép cốt bê tông, 1 QCVN Khí thiên nhiên, 02 QCVN An toàn bức xạ) và 102 tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) công bố, ban hành năm 2015-2017, thuộc các lĩnh vực khí thiên nhiên, hiệu suất năng lượng cho đèn LED, an toàn bức xạ, thủy sản và sản phẩm thủy sản, ngũ cốc, thép cốt bê tông, mã số mã vạch - truy tìm nguồn gốc sản phẩm, nông nghiệp hữu cơ, tiết kiệm nước (máy lọc nước, máy giặt), hệ thống quản lý cho 550 doanh nghiệp, các cơ quan quản lý, tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận của các vùng miền trong cả nước. Nâng cao hiệu quả của công tác xây dựng TCVN, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN);

Định hướng phát triển các lĩnh vực TCVN, QCVN thông qua nắm bắt nhu cầu từ hoạt động phổ biến.

Số hồ sơ lưu: 18915

80709. 05-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình công nghệ khả thi quy mô pilot để xử lý bùn thải công nghiệp giàu kim loại nặng theo hướng tận thu tài nguyên, tiết kiệm năng lượng/** PGS.TS. Nguyễn Mạnh Khải, PGS.TS. Phạm Thị Thúy; PGS.TS. Nguyễn Thị Hà; TS. Trần Văn Sơn; TS. Nguyễn Xuân Huân; TS. Nguyễn Thị Hạnh; TS. Trần Thị Huyền Nga; TS. Lê Thị Hoàng Oanh; TS. Cái Anh Tú; GS.TS. Nguyễn Thị Huệ; PGS.TS. Phạm Đức Thắng; PGS.TS. Đặng Thị Thanh Huyền - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021 - 09/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hiện trạng thải, đặc tính bùn công nghiệp chứa kim loại nặng của một số nguồn điển hình ở Việt Nam. Tổng quan nghiên cứu về các giải pháp công nghệ trong và ngoài nước về xử lý và tận dụng bùn thải công nghiệp chứa kim loại nặng trong bùn thải công nghiệp mạ điện. Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ thủy luyện để xử lý và thu hồi hiệu quả một số kim loại nặng có giá trị (Cu, Ni, Cr), tận thu tài nguyên đối với bùn thải công nghiệp mạ điện. Xây dựng quy trình công nghệ để xử lý bùn thải cuối cùng sau quá trình thu hồi một số kim loại nặng có giá trị (Cu, Ni), tận thu làm vật liệu xây dựng. Chuyển giao thành công công nghệ chế tạo cho

một (01) doanh nghiệp để phát triển sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 19104

3. Khoa học y, dược

30103. Miễn dịch học

80155. 05-2022 **Nghiên cứu tác dụng và cơ chế tác dụng ở mức độ phân tử liên quan đến bệnh tự miễn và ung thư của một số bài thuốc y học cổ truyền và cây thuốc của Việt Nam/** PGS. TS. Trịnh Thị Thủy, TS. Trần Đức Quân; PGS. TS. Nguyễn Thị Hoàng Anh; TS. Nguyễn Thanh Tâm; ThS. Đào Đức Thiện; PGS. TS. Phan Thị Ngọc Bích; PGS.TS. Thành Thị Thu Thủy; TS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Bá Thị Châm; PGS.TS. Đỗ Thị Thảo; TS. Đỗ Quốc Việt; TS. Bùi Kim Anh; ThS. Quách Thị Minh Thu; ThS. Nguyễn Thị Cúc; TS. Giang Thị Kim Liên; PGS.TS. Nguyễn Đăng Dũng; PGS.TS. Domenico V. Delfino; PGS.TS. Anna Marina Liberati; TS. Sabrina Adorisio; TS. Isabella Muscari; TS. Ariele Rossetto - Hà Nội - Viện Hóa Học, 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu được tác dụng và cơ chế tác dụng ở mức độ phân tử của ít nhất một bài thuốc y học cổ truyền liên quan đến bệnh tự miễn; Nghiên cứu được thành phần hóa học, tác dụng và cơ chế tác dụng của hoạt chất chính, hoặc phân đoạn giàu hoạt chất từ một số cây có tác dụng kháng tế bào ung thư. Theo đuổi hướng tìm kiếm các chất có hoạt tính từ bài thuốc thảo dược và cây thuốc có ở Việt Nam, chúng tôi đã kết hợp với

GS. Domenico Delfino, Đại học Y Perugia, Italy theo hướng nghiên cứu tác dụng và cơ chế tác dụng liên quan đến bệnh tự miễn và ung thư. Tập trung đi sâu vào dòng ung thư tủy xương cấp là dòng liên quan đến hệ miễn dịch, ung thư máu. Đây là căn bệnh có độ nguy hiểm cao hơn và gây nhiều khó khăn trong việc chữa trị so với nhiều loại ung thư khác. Tranh thủ sự hỗ trợ của phía bạn, nhiệm vụ này sẽ đi sâu đánh giá nghiên cứu cơ chế tác dụng ở mức độ phân tử và biểu hiện gen của các chất, hỗn hợp chất có tiềm năng.

Số hồ sơ lưu: 18956

30108. Vi sinh vật học y học

79444. 05-2022 **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử chẩn đoán ký sinh trùng sốt rét và mô hình kết hợp quân dân y trong phòng chống bệnh sốt rét ở khu vực trọng điểm/** TS. Nguyễn Văn Chuyên, PGS. TS. Hồ Anh Sơn; TS. Hoàng Văn Tổng; TS. Phạm Thế Tài; ThS. Lê Quốc Tuấn; PGS. TS. Nguyễn Khắc Lực; TS. Hoàng Xuân Sứ; TS. Đinh Thị Thu Hằng; TS. Chử Văn Mến; TS. Vũ Tuấn Anh; TS. Đỗ Minh Trung; BS. Nguyễn Bá Tùng; BS. Hồ Vinh Hiễn; BSCKII. Nguyễn Văn Chinh; PGS.TS. Phạm Tuấn Cảnh; BS. Nguyễn Thị Huệ; BS. Hoàng Thị Hòa Bình; BSCKI. Trịnh Xuân Phú; ThS. Phạm Văn Hùng - Hà Nội - Học viện Quân y, 2020 - 06/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ở Việt Nam, xấp xỉ 34 triệu người (36% tổng dân số) được coi là có nguy cơ rủi ro cao trong mắc bệnh sốt rét, đặc biệt là những người

di cư và dân tộc thiểu số. Mặc dù tỷ lệ mắc bệnh và tử vong sốt rét đang giảm dần tại Việt Nam, có một nguy cơ gia tăng đó là kháng với các thuốc điều trị sốt rét như kháng với artemisinin. Các phương pháp chẩn đoán xét nghiệm nhanh và soi kính hiển vi hiện tại không thể phát hiện được khi nhiễm KST sốt rét với mật độ thấp. Việc chẩn đoán nhanh, chính xác và điều trị kịp thời có vai trò rất quan trọng trong giảm mắc và giảm tử vong do sốt rét. Phương pháp sinh học phân tử dựa trên kỹ thuật realtime PCR có độ nhạy và độ đặc hiệu cao và có thể xác định chính xác các loài Plasmodia. Phương pháp realtime PCR còn xác định được số lượng ký sinh trùng trong máu của bệnh nhân, do đó có thể áp dụng để theo dõi hiệu quả điều trị của bệnh nhân.

Số hồ sơ lưu: 18578

30212. Y học hạt nhân và phóng xạ; chụp ảnh y học

80041. 05-2022 **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật giải trình tự gen thể hệ mới trong sàng lọc bệnh Parkinson có yếu tố di truyền/ TS.** Nguyễn Đăng Tôn, TS. Nguyễn Hải Hà; ThS. Vũ Phương Nhung; TS. Nguyễn Thùy Dương; ThS. Trần Thị Bích Ngọc; ThS. Ma Thị Huyền Thương; KS. Nguyễn Thị Thanh Hoa; PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc; TS. Lê Thị Kim Dung; TS. Nguyễn Minh Hải; PGS.TS. Nhữ Đình Sơn; ThS. Hoàng Thị Dung; TS. Nguyễn Đức Thuận; PGS.TS. Nguyễn Trọng Hưng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu hệ gen, 2021 - - . (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định được các đột biến điểm, indel của các gen liên quan đến bệnh Parkinson có yếu tố di truyền. Đã hoàn thành giải trình tự toàn bộ hệ gen mã hóa (WES) của các bệnh nhân Parkinson khởi phát sớm và các mẫu đối chứng; xác định các biến thể trên các gen liên quan (ARP13A2, LRRK2, PRKN, PINK1...) ở 37 bệnh nhân Parkinson khởi phát sớm bằng kỹ thuật WES. Xây dựng quy trình ứng dụng kỹ thuật giải trình tự gen thể hệ mới trong sàng lọc bệnh Parkinson trên các đối tượng có nguy cơ, trên cơ sở kết hợp của hai phương pháp giải trình tự toàn bộ hệ gen mã hóa (WES) và MLPA. Đánh giá quy trình ứng dụng kỹ thuật giải trình tự gen thể hệ mới trong sàng lọc bệnh Parkinson trên các đối tượng có nguy cơ dựa trên các dữ liệu thu được, quy trình có độ tin cậy và độ đặc hiệu đạt $\geq 95\%$.

Số hồ sơ lưu: 18901

79443. 05-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị xạ trị áp sát/ ThS.** Nguyễn Thị Mai Hiền, ThS. Nguyễn An Trung; ThS. Trương Quốc Hoài; ThS. Lại Tiến Thịnh; ThS. Nguyễn Xuân Việt; ThS. Nguyễn Thành Long; ThS. Bùi Thị Dung; TS. Trần Bích Ngọc - Hà Nội - Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật an toàn bức xạ hạt nhân và ứng phó sự cố, 2020 - 01/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xạ trị áp sát là liệu pháp đưa nguồn trực tiếp vào bên trong hoặc gần khu vực điều trị và liều phóng xạ được phân phối liên tục trong một

thời gian ngắn (cấy tạm thời) hoặc cho đến khi nguồn phóng xạ phân rã hết (cấy vĩnh viễn). Các nguồn xạ trị áp sát phổ biến hiện dùng đều phát photon, trong một số trường hợp dùng nguồn phát neutron hoặc electron. Hiện nay kỹ thuật xạ trị áp sát đang có xu thế được sử dụng trong nhiều loại hình điều trị ung thư: xạ trị ung thư tuyến tiền liệt, ung thư da, ung thư cổ tử cung, ..., do vậy ban hành quy định kiểm tra chất lượng đối với thiết bị áp sát là cần thiết. Theo đó, Cục ATBXHN đã đưa vào kế hoạch xây dựng QCVN về “An toàn đối với thiết bị xạ trị áp sát” trong giai đoạn 2019-2020.

Số hồ sơ lưu: 18584

30308. Bệnh truyền nhiễm

79683. 05-2022 **Dịch tễ học phân tử căn nguyên virus coxsackie và echo gây bệnh tay chân miệng tại các tỉnh miền Bắc Việt Nam, 2013-2017/** TS. Trần Thị Nguyễn Hòa, PGS. TS. Nguyễn Thị Hiền Thanh; TS. Bs. Nguyễn Thị Việt Hà; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; KS. Đào Thị Hải Anh; Bs. Nguyễn Thế Anh; CN. Vũ Mạnh Hùng - Hà Nội - Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, 2021 - 04/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định sự lưu hành gây bệnh tay chân miệng của căn nguyên virus coxsackie và echo bằng cách tính tần số mắc và tần số mắc tương đối của các kiểu VRĐR coxsackie và echo như CV-A6, CV-A16, CV-A10, E-11 và E-30... ở khu vực phía Bắc trong năm năm gần nhất. Phân tích các đặc điểm dịch tễ học cơ bản của

các tác nhân gây bệnh, bao gồm sự phân bố của virus thay đổi/ổn định theo thời gian, theo khu vực địa lý, theo lứa tuổi lứa tuổi mắc bệnh và đặc điểm lâm sàng, độ lâm sàng của ca bệnh. Kiểu gene/biến thể của virus coxsackie và echo lưu hành nổi trội tại phía Bắc Việt Nam, mối tương quan dịch tễ học phân tử (sự tương đồng) giữa kiểu gen của virus coxsackie và echo lưu hành nổi trội tại các khu vực địa lý miền Bắc Việt Nam trong khoảng thời gian nghiên cứu, 2013-2017 đối với các kiểu gene/biến thể VRĐR khác lưu hành tại các nước trong khu vực và trên thế giới (trên y văn). Đặc điểm biến đổi di truyền như đột biến điểm và tái tổ hợp gen. Tìm mối tương quan (có thể) giữa những biến đổi vật liệu di truyền đối với khả năng lưu hành nổi trội hay độc lực của virus. - Đề xuất mang tính gợi ý về chiến lược phòng chống bệnh TCM do virus coxsackie và echo tại Việt Nam bao gồm đề xuất hướng sản xuất vaccine tay chân miệng đa giá (nếu có).

Số hồ sơ lưu: 18715

30402. Dược học lâm sàng và điều trị

79643. 05-2022 **Nghiên cứu phát triển viên nang mềm từ bài thuốc Ama Công phục vụ cộng đồng/** GS.TS. Nguyễn Minh Đức, PGS.TS. Nguyễn Thị Bay; PGS.TS. Trần Mạnh Hùng; TS. Trần Phi Hoàng Yên; TS. Bùi Thị Hương Quỳnh; TS. Dương Thị Ly Hương; DS. Nguyễn Minh Cang - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, 2015 - 01/2013 - 12/2015. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chiết xuất phân lập các chất chủ yếu trong các dược liệu để sử dụng cho công tác tiêu chuẩn hóa nguyên liệu, bán thành phẩm và thành phẩm. Xây dựng quy trình bào chế bài thuốc Ama Công dưới dạng chế phẩm viên nang mềm. Xây dựng TCCS cho nguyên liệu, bán thành phẩm và thành phẩm viên nang mềm Ama Công và thử nghiệm dược lý. Ứng dụng công nghệ bào chế hiện đại để sản xuất chế phẩm viên nang mềm từ bài thuốc gia truyền Ama Công, đồng thời dựa vào các kết quả thử nghiệm dược lý để chứng minh hiệu quả và an toàn của sản phẩm, tạo uy tín cho sản phẩm và niềm tin của người tiêu dùng. Viên nang mềm là dạng bào chế phổ biến hiện nay, được người dùng ưa chuộng vì thuận tiện hơn dạng rượu thuốc, thuốc sắc truyền thống.

Số hồ sơ lưu: 18697

79985. 05-2022 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất bột protein và peptide có hoạt tính chống oxi hóa, hỗ trợ giảm đường huyết từ bào Lemnoideae/** ThS. Trần Chí Hải, ThS. Đỗ Mai Nguyên Phương; PGS.TS. Lê Thị Hồng Ánh; TS. Cao Xuân Thủy; ThS. Hà Thị Thanh Nga; TS. Dương Hữu Huy; ThS. Đinh Thị Hải Thuận; ThS. Nguyễn Phú Đức; TS. Phan Thế Duy; ThS. Trần Thị Hồng Cẩm; Vũ Trung Anh; Nguyễn Ngô Tuấn Thành; Trần Quốc Trung; Trần Lê Anh Thư; ThS. Đỗ Văn Thắng - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về công nghệ và sản xuất thực phẩm và thực phẩm chức năng có thành phần nguyên liệu được chế biến từ bào Lemnoideae. Nghiên cứu xây dựng quy trình nuôi trồng bào Lemnoideae đáp ứng yêu cầu sử dụng ngành thực phẩm và phù hợp điều kiện Việt Nam; quy trình công nghệ phù hợp với quá trình trích ly và tinh sạch protein từ bào Lemnoideae; quy trình công nghệ phù hợp với quá trình thủy phân protein và phân đoạn peptide từ bào Lemnoideae; quy trình công nghệ sấy tạo sản phẩm dạng bột; quy trình công nghệ sản xuất bột protein và peptide từ bào Lemnoideae. Phân tích, đánh giá tính chất chức năng và hoạt tính chống oxi hóa của bột protein và peptide từ bào Lemnoideae. Thử nghiệm tiền lâm sàng để đánh giá khả năng giảm đường huyết của bột protein và peptide từ bào Lemnoideae. Ứng dụng bột protein và peptide từ bào Lemnoideae trong sản xuất thực phẩm và thực phẩm chức năng. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở tự công bố chất lượng và đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm chế biến từ bào Lemnoideae.

Số hồ sơ lưu: 18895

81002. 05-2022 **Nghiên cứu tiền lâm sàng viên Hoàng Sa chiết xuất từ dược liệu Việt Nam để điều trị bệnh trĩ/** TS. Nguyễn Thị Ngọc Trâm, PGS. TS. Trần Hùng; GS. TS. Đào Văn Phan; PGS. TS. Vũ Thị Ngọc Thanh; PGS. TS. Nguyễn Ngọc Hạnh; ThS. Nguyễn Công Phi; ThS. Nguyễn Nhật Thành - Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần

Dược liệu Trung ương 2, 2021 - 10/2007 - 04/2009. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình chiết xuất cao flavonoid và phân đoạn có hoạt tính sinh học điều trị bệnh trĩ từ cây diếp cá (*Houttuynia cordata* Thunb), cây rau sam (*Portulaca oleracea* L.) và cây dền gai (*Amaranthus spinosus* L.). Đánh giá được khả năng điều trị bệnh trĩ của cao chiết flavonoid và phân đoạn của cây diếp cá (*Houttuynia cordata* Thunb), cây rau sam (*Portulaca oleracea* L.) và cây dền gai (*Amaranthus spinosus* L.) thông qua nghiên cứu tác dụng dược lý trên cơ trơn thành mạch, trương lực và nhu động ruột, quá trình đông - cầm máu, trên huyết áp, và khả năng giảm đau, chống viêm, kháng khuẩn để sử dụng làm nguyên liệu sản xuất thuốc điều trị bệnh trĩ. Nghiên cứu dạng bào chế thuốc điều trị bệnh trĩ tạo ra một sản phẩm thuốc mới từ hỗn hợp cao flavonoid hoặc một số phân đoạn có hoạt tính sinh học điều trị bệnh trĩ từ cây diếp cá (*Houttuynia cordata* Thunb), cây rau sam (*Portulaca oleracea* L.) và cây dền gai (*Amaranthus spinosus* L.). Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của nguyên liệu, bán thành phẩm và thành phẩm.

Số hồ sơ lưu: 19265

30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế

80045. 05-2022 Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất vắc xin viêm não Nhật Bản trên tế bào Vero/ ThS. Trần Kiên Cường, ThS. Trần Hằng Nga; TS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Đăng Tiến; TS. Đỗ Thủy Ngân; TS. Nguyễn Qué

Anh; DS. Trần Thu Trang; BSTY. Đinh Thị Liên Hương; CN. Nguyễn Thị Lan Phương; ThS. Phan Hồng Hoa; GS. TS. Huỳnh Phương Liên; TS. Đỗ Tuấn Đạt - Hà Nội - Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1, 2021 - 01/2015 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sử dụng thiết bị nuôi cấy tế bào qui mô lớn nhằm nâng hiệu quả và sản lượng sản phẩm. Hoàn thiện quy trình tiền tinh chế và tinh chế vắc xin trên quy mô lớn. Nắm bắt và làm chủ các phương pháp kỹ thuật kiểm tra chất lượng vắc xin Viêm não Nhật Bản (VNNB) theo tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế thế giới. Hoàn thiện quy trình công nghệ ổn định sản xuất vắc xin VNNB trên tế bào Vero đủ cung cấp cho nhu cầu trong nước.

Số hồ sơ lưu: 18917

80047. 05-2022 Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất bán thành phẩm vắc xin Hib cộng hợp ở quy mô công nghiệp/ ThS. Lê Hoàng Long, GS. TSKH. Nguyễn Thu Vân; TS. Đỗ Tuấn Đạt; KS. Mạc Văn Trọng; TS. Nguyễn Qué Anh; ThS. Vũ Hồng Nga; TS. Đỗ Thủy Ngân; ThS. Lưu Anh Chiến; CN. Lê Ngọc Loan; ThS. Hà Thu Thủy - Hà Nội - Công ty TNHH một thành viên Vắc xin và Sinh phẩm số 1, 2021 - 01/2015 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chất lượng bán thành phẩm đạt tiêu chuẩn của WHO. Hoàn thiện dây chuyền sản xuất bán thành phẩm vắc xin Hib cộng hợp tiên tiến ở quy mô công nghiệp 10 triệu liều /năm. Làm chủ công nghệ sản xuất bán

thành phẩm vắc xin Hib cộng hợp tiên tiến phù hợp với các công nghệ hiện nay đang sử dụng trên thế giới. Nắm bắt và làm chủ các phương pháp kỹ thuật kiểm tra bán thành phẩm vắc xin Hib cộng hợp theo tiêu chuẩn của WHO. Chủ động cung cấp đủ bán thành phẩm vắc xin Hib cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu quy mô 300.000 liều bán thành phẩm/loạt.

Số hồ sơ lưu: 18921

80072. 05-2022 **Thiết lập và đánh giá chất lượng ngân hàng tế bào Vero dùng trong kiểm định Vắc xin, Sinh phẩm Y tế/** TS. Phạm Văn Hùng, TS. Nguyễn Thị Vân Quỳnh; ThS. Nguyễn Thị Mai Hương; CN. Triệu Thanh Hải; CN. Phạm Thị Thu Phương; BS. Nguyễn Khánh Ly; ThS. Nguyễn Văn Hùng; TS. Đoàn Hữu Thiện, ThS. Nguyễn Hoàng Tùng; KTV. Lê Kim Thủy; KTV. Nguyễn Thu Quỳnh (Bổ sung); TS. Nguyễn Thị Kiều - Hà Nội - Viện kiểm định quốc gia vắc xin và sinh phẩm y tế, Bộ Y tế, 2020 - 04/2021 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình chuẩn thiết lập và đánh giá chất lượng ngân hàng tế bào Vero MCB và WCB đạt chất lượng theo tiêu chuẩn của WHO. Sản xuất ngân hàng tế bào Vero theo qui trình chuẩn đạt yêu cầu về chất lượng và số lượng. Đánh giá chất lượng ngân hàng tế bào Vero MCB và WCB theo qui trình chuẩn xây dựng đạt tiêu chuẩn WHO. Đánh giá tính ổn định ngân hàng tế bào Vero MCB và WCB tại các thời điểm sau sản xuất 3 - 6 - 9 - 12 tháng sau sản xuất. Đánh giá chất

lượng ngân hàng tế bào Vero MCB và WCB tại các Labo độc lập. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và hướng dẫn sử dụng ngân hàng tế bào Vero MCB và WCB.

Số hồ sơ lưu: 18938

80773. 05-2022 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất một số chế phẩm probiotic từ một số loài Lactobacillus sp. và Bacillus sp. ứng dụng nhằm nâng cao sức khỏe sinh sản cho phụ nữ/** PGS. TS. Bùi Thị Việt Hà, TS. Trần Thị Thanh Huyền; PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Anh; TS. Mai Thị Đàm Linh; TS. Phạm Thanh Hiền; PGS.TS. Hoàng Thị Mỹ Nhung; TS. Phạm Thị Thu Hường; PGS.TS. Nguyễn Thị Mai Phương; TS. Nguyễn Hoà Anh; BSCKII. Nguyễn Thanh Hà - Hà Nội - Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021 - . (Đề tài cấp Quốc gia)

Tạo chế phẩm sinh học và ứng dụng chế phẩm từ một số loài Lactobacillus sp. và Bacillus sp. nhằm nâng cao sức khỏe sinh sản của phụ nữ. Tuyển chọn các chủng vi sinh vật có tiềm năng làm probiotic. Đánh giá hoạt tính probiotic ở điều kiện in-vitro và in-vivo. Nghiên cứu điều kiện lên men ở quy mô PTN và pilot, tạo probiotic dạng bột và bảo quản. Sản xuất probiotic dạng nguyên liệu và tăng cường sức khỏe sinh sản cho phụ nữ. Đánh giá an toàn, cảm quan, và tác dụng của sản phẩm probiotic tăng cường sức khỏe sinh sản cho phụ nữ.

Số hồ sơ lưu: 18990

399. Khoa học y, dược khác

79338. 05-2022 **Nghiên cứu sản xuất chế phẩm và thực phẩm chức năng giàu Glucosamine và Chondroitin sulfate (CS) từ phụ phẩm của quá trình chế biến gia cầm.**/ TS. Đặng Trần Hoàng, TS. Phạm Đức Thuận; CN. Tô Phương Ngân; ThS. Trần Thị Diệp; TS. Trương Hương Lan; TS. Lại Quốc Phong; ThS. Vũ Phương Nam; CN. Ngô Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Quang Hưng; KS. Bùi Thị Quỳnh Phương - Hà Nội - Viện Công nghệ sinh học và Hóa dược NOVA, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình công nghệ, mô hình thiết bị và sản xuất các chế phẩm GS và CS từ phụ phẩm chế biến gia cầm qui mô 150-200 kg/mẻ. Xây dựng 02 quy trình công nghệ ứng dụng các chế phẩm GS và CS tạo thành trong sản xuất thực phẩm chức năng. Sản xuất 200 kg chế phẩm GS 60%, 200 kg chế phẩm CS 40%, 20.000 chai nước uống và 300.000 viên nang giàu GS và CS.

Số hồ sơ lưu: 18516

79699. 05-2022 **Sản xuất một số thực phẩm chức năng từ cá nóc Việt Nam**/ KS. Vũ Xuân Sơn, TS. Bùi Thị Thu Hiền; ThS. Phạm Thị Điềm; KS. Nguyễn Văn Thành; CN. Nguyễn Thanh Bình; CN. Lê Anh Tùng; TS. Nguyễn Khắc Bát; ThS. Phạm Văn Tuyền; PGS. TS. Lê Danh Tuyền; PGS. TS. Vũ Thị Thu Hiền - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2020 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình công nghệ và thiết bị quy mô 500kg nguyên

liệu/mẻ để sản xuất bột và sirup cá nóc giàu dinh dưỡng. Sản xuất, hoàn thiện các sản phẩm: 500.000 hộp viên nang bột cá nóc giàu dinh dưỡng (20 viên/hộp), có hàm lượng protein $\geq 50\%$ và 500.000 hộp sirup cá nóc giàu dinh dưỡng (30-50ml/hộp) các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng và an toàn thực phẩm theo quy định.

Số hồ sơ lưu: 18729

4. Khoa học nông nghiệp**40101. Nông hoá**

80014. 05-2022 **Ứng dụng công nghệ sản xuất các chế phẩm sinh học từ hèm rượu, cám gạo, phân trùn quế (Perionyx excavatus) phục vụ nông nghiệp tại tỉnh Long An**/ ThS. Lê Thị Ngọc Hiếu, KS. Đỗ Minh Tấn; KS. Nguyễn Minh Trung; KS. Trần Quang Khải; KS. Hà Ngọc Hân; KS. Phạm Thanh Dung; KS. Nguyễn Nhật Trường; KS. Nguyễn Thị Thanh Tuyền; KS. Lê Văn Khoa; CN. Phạm Văn Lộc; TS. Võ Thị Hạnh; TS. Lê Thị Bích Phượng; ThS. Lê Tấn Hưng; ThS. Trần Thanh Phong - Long An - Trung tâm Ứng dụng, kỹ thuật, thông tin khoa học và công nghệ, 2021 - 11/2016 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận công nghệ sản xuất các chế phẩm sinh học từ hèm rượu, cám gạo và phân trùn quế để sản xuất các chế phẩm vừa đảm bảo chất lượng và giá thành hợp lý phục vụ phát triển bền vững ngành chăn nuôi, nuôi thủy sản và trồng trọt vừa góp phần bảo vệ môi trường tại tỉnh nhà; Đồng thời, xây dựng mô hình ứng dụng các chế phẩm sinh học phục vụ

sản xuất nông nghiệp, thúc đẩy tăng cường hoạt động ứng dụng khoa học và công nghệ của Trung tâm vào sản xuất và đời sống.

Số hồ sơ lưu: 18912

80734. 05-2022 Nghiên cứu sản xuất phân bón hữu cơ sử dụng trong sản xuất rau quả an toàn phục vụ xây dựng nông thôn mới/ Khác.TSKH. Vũ Quang Định, ThS. Trần Đức Phúc; ThS. Phạm Văn Toán; KS. Vũ Thị Hòa; KS. Nguyễn Huỳnh Hiệp; KS. Nguyễn Tùng Lâm; ThS. Lê Thị Bích Thủy; KS. Lê Thị Hà; KS. Nguyễn Thị Lan; CN. Nguyễn Thị Khánh - Hà Nội - Công ty TNHH Nông Dược Trường Minh, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất các loại phân bón hữu cơ và hữu cơ khoáng sinh học bón gốc và bón lá từ một hoặc một số nguyên liệu tạo ra (amino axit; nano Cu, Zn, Mn; phức hữu cơ Ca, Mg, nano chitosan) và các nguyên tố dinh dưỡng đa lượng, trung lượng khác phục vụ sản xuất rau quả an toàn. Nghiên cứu sử dụng các loại phân bón hữu cơ và hữu cơ khoáng sinh học trong sản xuất rau cải ngọt và cà chua. Xây dựng mô sử dụng các loại phân bón hữu cơ và hữu cơ khoáng sinh học trong sản xuất rau quả an toàn phục vụ xây dựng nông thôn mới.

Số hồ sơ lưu: 19107

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm

79681. 05-2022 Nghiên cứu chọn tạo giống lúa kháng bệnh bạc

lá bằng chỉ thị phân tử (Giai đoạn 2)/ TS. Võ Thị Minh Tuyền, ThS. Nguyễn Thị Huệ; ThS. Đoàn Văn Sơn; ThS. Hoàng Minh Trang; CN. Nguyễn Thị Hảo; ThS. Đoàn Thị Minh Thúy; TS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; TS. Nguyễn Thị Hồng; TS. Phạm Bảo Chung; ThS. Nguyễn Ngọc Lan - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2020 - 01/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chọn tạo các dòng lúa mang đa gen kháng bệnh bạc lá hữu hiệu (xa5, Xa7, Xa21) bằng chỉ thị phân tử và lây nhiễm bệnh nhân tạo. Đánh giá các dòng mang đa gen kháng bệnh bạc lá, xác định dòng lúa triển vọng gửi khảo nghiệm quốc gia, khảo nghiệm sản xuất. Hoàn thiện quy trình chọn tạo giống lúa kháng bệnh bạc lá bằng chỉ thị phân tử và nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật thâm canh giống triển vọng. Xây dựng mô hình trình diễn, sản xuất thử giống lúa kháng bệnh bạc lá tại một số địa phương đại diện các tỉnh phía Bắc.

Số hồ sơ lưu: 18725

79779. 05-2022 Xây dựng cơ sở dữ liệu các gen liên quan đến tính trạng chất lượng dinh dưỡng ở Ngô Việt Nam/ TS. Trần Thị Thu Hoài, TS. Lê Thị Bích Thủy; TS. Nguyễn Thị Lan Hoa; ThS. Đinh Bạch Yến; ThS. Nguyễn Thị Bích Thủy; ThS. Bùi Thu Giang; KS. Nguyễn Tiến Hưng; ThS. Trần Thị Lương; ThS. Ngô Thị Thùy Linh; ThS. Hồ Thị Hương - Hà Nội - Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2020 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Giải mã được các trình tự gen/alen hiếm liên quan đến tính trạng dinh dưỡng chủ yếu được đăng ký Ngân hàng gen bao gồm các gen liên quan đến sinh tổng hợp tinh bột và đường, tổng hợp protein, sinh tổng hợp và tích lũy lipid, sinh tổng hợp beta-caroten trong nội nhũ. Thiết lập được bộ SNP liên quan đến chất lượng dinh dưỡng chủ yếu của Ngô Việt Nam (≥ 100 SNPs). Thiết kế bộ chỉ thị PCR- base nhận dạng các alen hiếm sử dụng trong chọn tạo giống ngô chất lượng dinh dưỡng cao. Thiết lập được cơ sở dữ liệu tra cứu trực tuyến về trình tự của 50-100 gen liên quan đến chất lượng ngô địa phương. Xây dựng được tập đoàn hạt nhân nguồn gen ngô Việt Nam dựa trên kiểu hình và kiểu SNP của các gen liên quan đến sinh tổng hợp tinh bột và đường, tổng hợp protein, sinh tổng hợp và tích lũy lipid, sinh tổng hợp β -caroten trong nội nhũ.

Số hồ sơ lưu: 18770

80005. 05-2022 **Tuyển chọn giống đậu tương có năng suất và hàm lượng dầu cao phù hợp với điều kiện sản xuất vùng đồng bằng sông Cửu Long/** KS. Trần Ngọc Thông, ThS. Trần Thị Phương Nhung; ThS. Nguyễn Thị Út; ThS. Nguyễn Thái Thúy Duy; KTV. Đinh Việt Toàn - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu dầu và cây có dầu, 2021 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

So sánh chính quy các giống đậu tương để chọn ra các giống triển vọng tại 3 tỉnh trồng đậu tương chính (An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp) năm 2018. Khảo nghiệm cơ

bản các giống đậu tương triển vọng tại 3 tỉnh (An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp) - vụ Xuân Hè 2018, Hè Thu 2018, Đông Xuân 2018 - 2019. Khảo nghiệm DUS do Trung tâm Khảo kiểm nghiệm Giống và sản phẩm cây trồng Quốc gia thực hiện - vụ Đông 2019, Xuân 2020. Khảo nghiệm sản xuất các giống đậu tương triển vọng tại 3 tỉnh (An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp) - vụ Xuân Hè 2019. Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật canh tác cho giống đậu tương triển vọng trong 02 vụ (Xuân Hè 2019, Đông Xuân 2019 - 2020).

Số hồ sơ lưu: 18910

80112. 05-2022 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình lúa chất lượng cao tại vùng sản xuất lúa nước huyện Krông Nô tỉnh Đắk Nông/** CN. Doãn Gia Lộc, KS. Mai Thị Liên; KS. Ngô Trần Vinh; CN. Nguyễn Huy Phong; KS. Ông Thị Quy; ThS. Đỗ Thành Nhân; KS. Lê Hồng Ân; ThS. Nguyễn Thị Thương; TS. Nguyễn Thanh Phương; TS. Lưu Văn Quỳnh - Đắk Nông - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Nô, 2020 - 05/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao và tiếp nhận thành công được quy trình kỹ thuật từ khâu gieo sạ, chăm sóc, quản lý sâu hại tổng hợp, quản lý dinh dưỡng tổng hợp, thu hoạch, bảo quản đối với giống lúa LCH37 (Sơn Lâm 2) và LTh31; Xây dựng 120,0 ha mô hình thâm canh tổng hợp giống lúa LCH37 (Sơn Lâm 2) và LTh31 năng suất đạt trên 7,0 tấn/ha; hiệu quả

kinh tế (lãi thuần) tăng 15% so với phương thức canh tác lúa nước hiện tại.

Số hồ sơ lưu: 18955

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả

79680. 05-2022 **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất rau an toàn tại huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên/** KS. Kiều Thị Xuân, KS. Phan Thị Thu; KTV. Hoàng Văn Đại; KTV. Kiều Xuân Thủy; Hồng Sỹ Hưng; Dương Thị Huyền Trang; Lê Đăng Dũng; Nguyễn Thị Hải Yên; Phù Xuân Hảo; Đinh Trung Hiếu - Thái Nguyên - Trang trại sản xuất nông nghiệp sạch Thái Nguyên - Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân Cao Bắc, 2020 - 10/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận và làm chủ 03 quy trình kỹ thuật rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP: Cà chua, dưa chuột, xà lách. Quy trình kỹ thuật sản xuất trong nhà màng hiện đại, nhà lưới: cà chua, dưa chuột, xà lách, cải thảo, bí ngòi, súp lơ. Xây dựng 01 khu công nghệ sản xuất rau an toàn (0,5ha nhà màng hiện đại, 1ha nhà lưới, 1.000m² nhà ươm giống rau, 1.000m² nhà sơ chế bảo quản. Xây dựng được 06 mô hình ứng dụng công nghệ cao sản xuất rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP.

Số hồ sơ lưu: 18722

80008. 05-2022 **Xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn gen và mã vạch ADN (DNA barcode) cho các loài cây có múi (bưởi, cam và quýt) bản địa/địa phương của Việt Nam/**

TS. Lê Thị Thu Trang, PGS.TS. Lê Tuấn Nghĩa; ThS. Đàm Thị Thu Hà; PGS.TS. Khuất Hữu Trung; PGS.TS. Trần Đăng Khánh; TS. Hoàng Thị Huệ; KS. Nguyễn Tiến Hưng; KS. Phạm Thị Thùy Dương; KS. Nguyễn Mạnh Điệp; TS. Phùng Mạnh Hùng - Hà Nội - Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2020 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển, ứng dụng cơ sở dữ liệu và mã vạch ADN (DNA barcode) đối với giống cây có múi bản địa của Việt Nam phục vụ cho công tác đăng ký bản quyền, bảo tồn, chọn tạo giống, giám định, kiểm soát và quản lý nguồn gen. Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về đặc điểm nông học (năng suất, chất lượng) và tiêu bản ADN cho từng giống (150- 200 giống) bưởi, cam, quýt bản địa/địa phương; bộ mã vạch ADN đặc trưng nhận dạng đối với các giống bưởi, cam, quýt bản địa/ địa phương có giá trị kinh tế (có năng suất cao, chất lượng tốt). Xây dựng phần mềm để lưu giữ, quản lý cơ sở dữ liệu về đặc điểm nông sinh học và tiêu bản ADN của các giống bưởi, cam, quýt bản địa/địa phương; quy trình giám định ADN cho các giống bưởi, cam, quýt bản địa/địa phương; 10-15 trình tự alen (trình tự ADN) đặc trưng của nguồn gen bưởi, cam, quýt bản địa/địa phương có giá trị kinh tế được đăng ký trên ngân hàng gen thế giới.

Số hồ sơ lưu: 18900

80235. 05-2022 **Ứng dụng công nghệ tiên tiến sản xuất rau và hoa chất lượng cao tại Lào Cai/** KS.

Nguyễn Thị Lương, KS. Bùi Văn Hồng; ThS. Mai Văn Sơn; CN. Trần Thị Dung; CN. Nguyễn Thị Chuyền; CN. Đinh Thị Hương; CN. Trần Thị Phương; CN. Phạm Văn Hòa; ThS. Hà Thị Kim Lương; CN. Sa Thu Giang; CN. Chu Ngọc Hạnh; CN. Vũ Minh Thành - Lào Cai - Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Lào Cai, 2020 - 11/2016 - 10/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao và tiếp nhận và ứng dụng thành công được 15 quy trình công nghệ để triển khai xây dựng các mô hình trồng rau và hoa tại Lào Cai. Xây dựng được mô hình sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP quy mô 15 ha/vụ, thực hiện 02 năm 4 vụ diện tích 60 ha tại Sa Pa, Bắc Hà và Bảo Thắng tỉnh Lào Cai. Xây dựng được mô hình trồng thương phẩm các loại hoa: Lily (Yelloween, sorbonne) quy mô 0,5 ha tại Sa Pa, Cúc (vàng đông, vàng hè) 1 ha tại Bảo Thắng. Tổ chức đào tạo được 8 cán bộ kỹ thuật và tập huấn cho 150 lượt người dân. Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất rau và hoa chất lượng cao tại Lào Cai, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm theo hướng hàng hóa, đem lại hiệu quả kinh tế và bền vững, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần phát triển kinh tế nông thôn miền núi.

Số hồ sơ lưu: 18993

80766. 05-2022 **Khảo nghiệm và phát triển một số dòng, giống bơ triển vọng tại vùng Tây Bắc và vùng Bắc Trung Bộ/** ThS. Nguyễn Văn Lam, ThS. Nguyễn Văn Lam;

PGS. TS. Lê Tấn Khương; ThS. Nguyễn Phương Tùng; KS. Nguyễn Tiến Duy; KS. Phạm Văn Ngân; ThS. Lê Thành Phương; ThS. Lê Đức Thắng; ThS. Tạ Phương Thúy; ThS. Phạm Văn Quân - Hà Nội - viện nghiên cứu và phát triển vùng, 2020 - 01/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được 3-5 dòng triển vọng thích hợp với điều kiện sinh thái vùng Tây Bắc và Bắc Trung Bộ; Khảo nghiệm 6 giống bơ nhập nội và 5 giống bơ trong nước tại vùng Tây Bắc và Bắc Trung Bộ; Công nhận được ít nhất 01 giống bơ là giống sản xuất thử tại vùng Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

Số hồ sơ lưu: 19138

80949. 05-2022 **Ứng dụng công nghệ cao sản xuất và tiêu thụ một số loại cam theo mô hình chuỗi liên kết giá trị tại tỉnh Nghệ An./** KS. Phạm Xuân Trung, KS. Nguyễn Thị Hoa; CN. Ngô Hoàng Linh; KS. Nguyễn Đức Nam; KS. Nguyễn Thị Linh; KS. Hoàng Minh; KS. Nguyễn Thị Việt Hà; TS. Nguyễn Khắc Anh; KS. Trần Công Nghi - Nghệ An - Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Nghệ An, 2020 - 11/2016 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao và tiếp nhận thành công các quy trình công nghệ về sản xuất cây giống (giống CS1, xã Đoài và V2); quy trình trồng thương phẩm, thu hoạch và xử lý sau thu hoạch cam đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm; Xây dựng thành công mô hình sản xuất cây giống sạch bệnh (công suất 20.000 cây giống/năm); Mô hình trồng mới cam quy mô tập

trung với bộ giống rải vụ thu hoạch và tưới tiết kiệm (giống CS1, xã Đoài và V2) quy mô 10ha; Mô hình trồng thương phẩm quy mô nông hộ (10ha các giống CS1, Vân Du, Sông Con, V2, xã Đoài); Mô hình bảo quản cam công suất 20 tấn/đợt; Mô hình liên kết sản xuất – tiêu thụ cam theo chuỗi giá trị (400 tấn quả/vụ). Đào tạo và chuyển giao các quy trình kỹ thuật cho 10 kỹ thuật viên và 300 lượt nông dân.

Số hồ sơ lưu: 19255

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc

79665. 05-2022 **Đánh giá nguồn gen cây thuốc lá/** ThS. Trần Thị Thanh Hảo, KS. Đỗ Thị Thúy; KS. Phùng Thị Hay; TS. Đỗ Tiên Phát; ThS. Lê Thu Ngọc; ThS. Trần Thị Hương Giang - Hà Nội - Công ty TNHH một thành viên Viện Thuốc lá, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nguồn gen cây thuốc lá ở Việt Nam được Viện Thuốc lá đánh giá (sơ bộ và chi tiết) qua các chỉ thị hình thái là chính. Gần đây, cùng với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, một số kỹ thuật phân tử đã được phát triển và ứng dụng để phân tích về các hệ gen ở mức phân tử. Đánh giá nguồn gen thuốc lá thông qua kết hợp chỉ thị, hình thái và chỉ thị phân tử sẽ cung cấp thông tin nguồn gen chính xác hơn đồng thời mở ra các hướng nghiên cứu mới về bảo tồn và lưu giữ, phát triển nguồn gen và lai tạo giống thuốc lá mới. Đánh giá và tư liệu hóa được các đặc điểm nông sinh học và đặc điểm di truyền của

một nguồn gen cây thuốc lá, phục vụ công tác khai thác, sử dụng hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 18699

79666. 05-2022 **Lai tạo các dòng thuốc lá mới có khả năng kháng cao với một số bệnh hại chính/** TS. Tào Ngọc Tuấn, ThS. Nguyễn Văn Lự; KS. Mai Thu Hà; ThS. Nguyễn Văn Cường; ThS. Nguyễn Văn Ninh; KS. Đỗ Hữu Thanh; KS. Ngô Văn Dư - Hà Nội - Công ty TNHH một thành viên Viện Thuốc lá, 2021 - 01/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Lai tạo được ít nhất 05 dòng thuốc lá ở thế hệ F5 đạt tiêu chí khảo nghiệm để phát triển thành giống mới và làm dòng bố mẹ để tạo giống thuốc lá lai: Có khả năng kháng ít nhất 1 trong 3 bệnh hại chính: Hoạch kháng bệnh khảm lá do TMV, hoặc kháng khá đến cao bệnh đen thân do nấm *Phytophthora parasitica*, hoặc kháng trung bình đến khá bệnh héo rũ do vi khuẩn *Ralstonia solanacearum*. Có năng suất cao hơn giống đối chứng đại trà K.326 trên 10% và yếu tố sơ bộ về chất lượng là tỷ lệ lá cấp 1+2 ở mức tương đương.

Số hồ sơ lưu: 18700

40106. Bảo vệ thực vật

79959. 05-2022 **Nghiên cứu hình thành chế phẩm sinh học phòng ngừa bệnh khô cành, khô quả trên cây cà phê do nấm *Colletotrichum coffeanum* gây ra/** KS. Nguyễn Thị Liên, ThS. Đỗ Thị Thanh Dung; ThS. Lê Thanh Bình; ThS. Trương Minh Ngọc; KS. Nguyễn Thị Liên; KS. Lê Thị Mỹ Hạnh; KS. Phan Thị Phương Thủy -

TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Viện Ứng dụng Công nghệ tại thành phố Hồ Chí Minh, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tạo 01 chế phẩm sinh học kháng nấm *Colletotrichum coffeanum* gây bệnh khô cành, khô quả trên cây cà phê. Phân lập nguồn nấm *C. coffeanum* gây bệnh khô cành khô quả trên cây cà phê, sàng lọc một số chủng vi sinh có khả năng đối kháng, ức chế mạnh nấm *C. coffeanum*. Nghiên cứu khả năng đối kháng vi nấm *C. coffeanum* của các chủng vi sinh trong điều kiện phòng thí nghiệm; khả năng phòng trị bệnh khô cành khô quả do nấm *C. coffeanum* gây ra trên cây cà phê của các chủng vi sinh tuyển chọn trong điều kiện nhà màng. Nghiên cứu hình thành chế phẩm vi sinh kháng nấm *C. coffeanum* gây bệnh trên cây cà phê và thử nghiệm chế phẩm phòng trị bệnh khô cành khô quả do nấm *C. coffeanum* gây nên ở điều kiện tự nhiên ngoài đồng ruộng.

Số hồ sơ lưu: 18882

80003. 05-2022 **Nghiên cứu quản lý tổng hợp (IPM) sâu đục thân mía bốn vạch đầu nâu (*Chilo tumidicostalis*) và bệnh trắng lá mía (*Phytoplasma*) ở Việt Nam**/ ThS. Mai Văn Quân, ThS. Nguyễn Thị Thanh Hoài; PGS.TS. Nguyễn Thế Hưng; PGS.TS. Mai Sỹ Tuấn; TS. Trần Thị Minh Hằng; TS. Phan Thị Anh Đào; PGS.TS. Đàm Đức Tiến; TS. Nguyễn Hồng Lân; ThS. Trần Quốc Cường; ThS. Nguyễn Xuân Tùng; TS. Lê Ngọc Anh; TS. Đào Văn Tấn; TS. Nguyễn Phúc

Hung; TS. Phạm Hồng Tính; ThS. Nguyễn Đức Tuấn - Hà Nội - Viện Bảo vệ thực vật, 2021 - 06/2016 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu qui luật phát sinh, phát triển và mức độ gây hại của sâu đục thân mía bốn vạch đầu nâu và các biện pháp quản lý tổng hợp hiệu quả và thân thiện với môi trường. Xác định chính xác tác nhân gây bệnh trắng lá mía, phương thức lan truyền, quy luật phát sinh phát triển của bệnh trắng lá mía và các biện pháp quản lý tổng hợp hiệu quả và thân thiện với môi trường. Xây dựng quy trình quản lý tổng hợp (IPM) sâu đục thân mía bốn vạch đầu nâu và bệnh trắng lá mía tại các vùng trồng mía trọng điểm đạt hiệu quả cao, được Bộ NN&PTNT công nhận là tiến bộ kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 18907

80604. 05-2022 **Nghiên cứu thành phần và các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại trên cây chanh leo ở Việt Nam** / ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc, ThS. Phạm Thị Dung; ThS. Nguyễn Nam Dương; ThS. Đỗ Duy Hưng; KS. Ngô Thị Thanh Hương; KS. Vũ Duy Minh; ThS. Nguyễn Văn Hải; ThS. Lê Nhật Thành; ThS. Hồ Thị Xuân Hương; Hoàng Mạnh Hùng - Hà Nội - Viện Bảo vệ thực vật, 2020 - 01/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nhằm xác định được thành phần, nguy cơ gây hại của các đối tượng gây hại trên cây chanh leo làm cơ sở cho việc ban hành danh mục KDTV và đề xuất biện pháp phòng trừ. Xây dựng được quy trình phòng trừ tổng hợp dịch hại trên cây chanh leo đảm

bảo tiêu chuẩn phục vụ xuất khẩu .
Đề tài đã thực hiện , hoàn thành đầy đủ các nội dung, sản phẩm KHCN theo kế hoạch, đáp ứng được các yêu cầu đặt ra theo thuyết minh tổng thể được phê duyệt.

Số hồ sơ lưu: 19088

40107. Bảo quản và chế biến nông sản

79691. 05-2022 **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình liên kết sản xuất lúa gạo chất lượng cao tại tỉnh Hà Nam/** ThS. Phạm Thị Hồng Thái, Nguyễn Quốc Ân; ThS. Trần Đình Biên; Nguyễn Thị Hoàng Diệu; Nguyễn Thị Hoa; Phạm Thanh Tuấn; Đỗ Thị Huệ; Nguyễn Quỳnh Nga; Trịnh Văn Mạnh - Hà Nam - Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học công nghệ và Kiểm định, kiểm nghiệm Hà Nam, 2020 - 12/2016 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao và tiếp nhận thành công các quy trình công nghệ sản xuất hạt giống lúa, thâm canh, quy trình thu hoạch và chế biến, tiêu thụ gạo các giống lúa BQ, QJ1 và CNC11. Xây dựng mô hình sản xuất hạt giống lúa, mô hình thâm canh lúa thương phẩm và chế biến, tiêu thụ gạo các giống lúa BQ, QJ1 và CNC11.

Số hồ sơ lưu: 18726

79780. 05-2022 **Xây dựng chuỗi giá trị xoài Việt Nam phục vụ thị trường trong nước và các thị trường xuất khẩu chủ lực/** GS. TS. Trần Văn Hâu, TS. Trần Sỹ Hiếu; PGS. TS. Võ Thị Thanh Lộc; ThS. Trương Hồng Võ Tuấn Kiệt;

PGS. TS. Lý Nguyên Bình; ThS. Trần Văn Hoàng; ThS. Nguyễn Thị Kim Thoa; ThS. Huỳnh Lê Anh Nhi; KS. Trịnh Thanh Phúc; KS. Nguyễn Huỳnh Dương; KS. Huỳnh Anh Kiệt - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2020 - 10/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra thực trạng liên kết sản xuất-tiêu thụ xoài Việt Nam, phát hiện những điểm tồn tại về kỹ thuật, về kinh tế để tìm để tìm giải pháp khắc phục. Bổ sung và cải tiến quy trình xử lý ra hoa rải vụ cho xoài theo hướng an toàn trong điều kiện ảnh hưởng biến đổi khí hậu ở Việt Nam hiện nay nhất là tại các tỉnh khu vực Tây Nam Bộ. Xây dựng mô hình quản lý cây trồng tổng hợp trên cây xoài trên một số vùng trồng xoài chính ở Việt Nam theo hướng rải vụ, tăng năng suất, chất lượng, tăng tính cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu thị trường đòi hỏi chất lượng cao. Xây dựng được các mô hình liên kết sản xuất lớn giữa một số tỉnh vùng Tây Nam Bộ với doanh nghiệp xuất nghiệp xuất khẩu thông qua việc tổ chức sản xuất, nghiên cứu nắm bắt thị trường hướng đến sản xuất rải vụ thích hợp, hiệu quả. Hoàn thiện được chuỗi giá trị xoài cung cấp cho thị trường trong nước và một số thị trường xuất khẩu chủ lực.

Số hồ sơ lưu: 18788

40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi

80004. 05-2022 **Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen vật nuôi/** TS. Phạm Công Thiệu, ThS. Phạm Hải Ninh; TS. Nguyễn Công Định; ThS. Nguyễn Quyết Thắng; ThS. Phạm

Đức Hồng; ThS. Nguyễn Khắc Khánh; KS. Dương Thị Phương Lan; KS. Ngô Thị Lệ Quyên; TS. Phạm Đức Hạnh; KS. Nguyễn Đức Lâm - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Bảo tồn 16 nguồn gen vật nuôi và tinh lợn Ỉ nhằm đảm bảo sự đa dạng trong từng loài, giống/dòng, tránh lai tạo góp phần bảo tồn sự đa dạng sinh học. Bảo tồn tại chỗ (insitu) an toàn các nguồn gen ong tại các tỉnh Tiền Giang, Quảng Ninh và Điện Biên. Điều tra tìm kiếm thu thập một số nguồn gen vật nuôi và nguồn gen ong. Đánh giá sơ bộ nguồn gen dê đen Hà Giang, đánh giá chi tiết nguồn gen gà trụi lông cổ và đánh giá sai khác di truyền nguồn gen gà lông xù. Tư liệu hóa các đối tượng nguồn gen vật nuôi. Bảo tồn, lưu giữ các nguồn gen vật nuôi Việt Nam nhằm góp phần bảo vệ đa dạng sinh học và cân bằng sinh thái và phát triển chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và bền vững. Cung cấp nguồn nguyên liệu cho công tác lai tạo giống, nghiên cứu khoa học và đào tạo.

Số hồ sơ lưu: 18908

80157. 05-2022 **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen vi sinh vật trồng trọt**/ TS. Nguyễn Thu Hà, ThS. Cao Thị Thanh Tâm; CN. Đàm Thị Thanh Hà; ThS. Trần Quang Minh; ThS. Trương Thị Duyên - Hà Nội - Viện Thổ Nhưỡng Nông hóa, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen vi sinh vật được xây dựng dựa trên kế thừa các kết quả về bảo tồn và lưu giữ nguồn gen VSV trồng trọt. Việc

phân lập, tuyển chọn, đánh giá nguồn gen vi sinh vật dựa trên tính cấp thiết về hoạt tính sinh học cần bổ sung. Việc khai thác sử dụng nguồn gen VSV dựa trên hoạt tính sinh học của nguồn gen và nhu cầu thực tiễn. Do mục tiêu bảo tồn, lưu giữ các giai đoạn khác nhau là khác nhau nên nhiều chủng VSV hiện lưu giữ bị trùng lặp hoặc hoạt tính sinh học thấp. Vì vậy, dựa trên cơ sở dữ liệu nguồn gen VSV hiện lưu giữ, nhiệm vụ tiến hành rà soát và đề xuất danh mục nguồn gen dự kiến đưa ra khỏi danh mục bảo tồn, lưu giữ.

Số hồ sơ lưu: 18958

80926. 05-2022 **Nghiên cứu chọn tạo dòng gà chịu stress nhiệt (nóng) bằng chỉ thị ADN**/ TS. Phạm Doãn Lâm, ThS. Trần Thị Thu Thủy; ThS. Nguyễn Văn Ba; ThS. Lê Quang Nam; TS. Nguyễn Thị Nga; TS. Hồ Xuân Tùng; KS. Phạm Thị Phương Mai; ThS. Giang Thị Thanh Nhàn; ThS. Trần Xuân Toàn; ThS. Nguyễn Thị Hương - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2021 - 01/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định các kiểu gen Hsp70 liên kết với khả năng chịu stress nhiệt ở gà. Chọn dòng gà bố mẹ dựa trên kiểu gen Hsp70 phục vụ cho việc lai để tạo dòng gà con mang kiểu gen Hsp70 có khả năng chịu stress nhiệt. Tạo 02 dòng gà có khả năng chịu stress nhiệt (35 – 40oC) mỗi dòng 300 con, năng suất cao hơn 7-10%, giảm tỷ lệ chết khoảng 10% so với dòng không chọn lọc trong cùng điều kiện. Xây dựng quy trình tạo dòng gà chịu stress nhiệt

(nóng) và quy trình chăn nuôi dòng gà chịu stress nhiệt.

Số hồ sơ lưu: 19245

80948. 05-2022 **Hoàn thiện công nghệ chọn tạo giống rô phi đỏ (*Oreochromis spp.*) tăng trưởng nhanh/** ThS. Đặng Văn Trường, ThS. Đặng Văn Trường; KS. Phạm Đăng Khoa; ThS. Trần Hữu Phúc; TS. Trịnh Quốc Trọng; KS. Võ Thị Hồng Thắm; KS. Nguyễn Huỳnh Duy; ThS. Lê Trung Đĩnh; ThS. Nguyễn Thanh Vũ; KS. Nguyễn Thanh Tiên - Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II, 2021 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Quy trình công nghệ chọn tạo cá giống cá rô phi đỏ sinh trưởng nhanh (>8%/thế hệ), tỷ lệ sống ổn định giai đoạn cá giống đến thu hoạch đạt >80%. Duy trì giống gốc các đàn cá chọn giống: 900 con, kích cỡ >500 g/con. Cung cấp cá hậu bị chất lượng phục vụ sản xuất: 100.000 con, kích cỡ >200 g/con, được cơ sở sản xuất sử dụng. Sản xuất, nuôi đánh giá chất lượng 2 triệu con giống cá rô phi đỏ đạt tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 9586:2014). Cơ sở dữ liệu và phả hệ cá giống được duy trì đảm bảo được công nhận giống.

Số hồ sơ lưu: 19248

40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi

80011. 05-2022 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất β -Glucan kích thích phân tử lượng lớn bổ sung trong thức ăn nuôi trồng thủy sản./** ThS. Phạm Duy Hải, KS. Trần Văn Khanh; ThS. Nguyễn Quốc

Cường; TS. Nguyễn Văn Nguyễn; ThS. Nguyễn Thành Trung; ThS. Nguyễn Thị Hương Thảo; TS. Lê Đức Trung; TS. Nguyễn Thị Ngọc Tĩnh; TS. Nguyễn Ngọc Duy; KS. Lê Hoàng - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II, 2020 - 01/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình công nghệ, thiết bị và sản xuất được thức ăn có β -Glucan phân tử lượng lớn (1000 - 5000 kDa) để tăng cường miễn dịch, nâng cao hiệu quả kinh tế trong nuôi trồng thủy sản. Xây dựng qui trình và mô hình thiết bị sản xuất được β -Glucan phân tử lượng lớn (1000 - 5000 kDa) từ bã men bia, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định về thức ăn thủy sản. Ứng dụng được chế phẩm β -Glucan trong sản xuất thức ăn giúp tăng cường miễn dịch, tăng trưởng, tỷ lệ sống cho tôm thẻ chân trắng góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế cho nghề nuôi tôm tại Việt nam.

Số hồ sơ lưu: 18887

40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi

80610. 05-2022 **Điều tra thực trạng chăn nuôi thủy cầm/** TS. Nguyễn Đức Trọng, KS. Nguyễn Văn Duy; ThS. Nguyễn Thị Thúy Nghĩa; ThS. Nguyễn Văn Tuấn; KS. Vương Thị Lan Anh; KS. Nguyễn Đình Hoan - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu vịt đại xuyên, 2010 - 04/2009 - 02/2010. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá quy mô chăn nuôi, cơ cấu, sản lượng thịt, trứng thủy cầm theo các phương thức chăn nuôi

khác nhau. Đánh giá cơ cấu giống vịt, ngan (giống nội, giống lai, giống ngoại); khả năng đáp ứng nhu cầu con giống tại các vùng miền điều tra. Đánh giá năng suất, hiệu quả chăn nuôi; năng suất chăn nuôi vịt ngan sinh sản, thương phẩm và khái quát về hiệu quả chăn nuôi theo các phương thức chăn nuôi khác nhau. Từ đó phân tích, đánh giá và chỉ ra những thuận lợi, khó khăn của các phương thức chăn nuôi thủy cầm hiện nay. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp, định hướng phát triển chăn nuôi thủy cầm nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 19087

40205. Bảo vệ động vật nuôi

79427. 05-2022 Nghiên cứu bệnh nhiễm trùng huyết do vi khuẩn *Riemerella anatipestifer* gây ra trên gia cầm và đề xuất biện pháp phòng trị/ TS. Võ Thành Thìn, TS. Đặng Văn Tuấn; TS. Lê Đình Hải; ThS. Nguyễn Hữu Tình; ThS. Hồ Văn Hiệp; CN. Hứa Việt Cường - Khánh Hòa - Phân viện Thú y miền Trung, 2021 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được tình hình bệnh nhiễm trùng huyết do vi khuẩn RA gây ra trên gà, vịt; khả năng miễn dịch của vi khuẩn RA và một số đặc điểm dịch tễ của bệnh để cung cấp cơ sở khoa học cho xây dựng giải pháp phòng, trị bệnh phù hợp. Để đạt được mục tiêu này, tiến hành phân lập và định danh vi khuẩn RA từ mẫu bệnh phẩm, swab; nghiên cứu xác định một số đặc tính sinh học và độc lực của vi khuẩn; khả năng miễn dịch với kháng sinh và

một số thuốc sát trùng thông dụng. Trên cơ sở những kết quả này, chúng tôi xây dựng quy trình phòng, trị bệnh nhiễm trùng huyết do vi khuẩn RA gây ra. Đồng thời, tiến hành thử nghiệm để đánh giá hiệu quả của quy trình.

Số hồ sơ lưu: 18568

40206. Sinh trưởng và phát triển của động vật nuôi

79740. 05-2022 Nghiên cứu sản xuất vắc-xin tứ giá qui mô phòng thí nghiệm phòng 4 bệnh ở gia cầm do các chủng vi rút , vi rút **Infectious bronchitis, vi rút Infectious Bursal Disease và vi khuẩn *Haemophilus paragallinarum.***/ TS. Trịnh Quang Đại, ThS. Trần Thị Nhuận; BSTY. Phạm Thị Nga; BSTY. Trần Phương Thảo; BSTY. Lê Thị Vân; BSTY. Nguyễn Thị Ngân; TS. Nguyễn Thị Hương; CNSH. Nguyễn Hồng Vân; CN. Vũ Duy Long; PGS. TS. Tô Long Thành - Hà Nội - Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung Ương 5, 2021 - 06/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Bộ chủng vi rus Newcastle, Infectious Bursal Disease, vi khuẩn *Haemophilus paragallinarum.* đủ tiêu chuẩn sản xuất vắc-xin. Tạo cơ sở đến sản xuất tổ hợp vắc-xin từ giá thuộc dự án và là tiền đề phát triển các tổ hợp vắc-xin khác cho gia cầm; Làm chủ công nghệ sản xuất vắc-xin đa giá, đặc biệt có sự kết hợp của cả kháng nguyên vi rút và vi khuẩn để đem đến nhiều sản phẩm phù hợp với điều kiện chăn nuôi, tình hình dịch tễ bệnh trên gia cầm tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18763

40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác

80667. 05-2022 **Nghiên cứu chọn lọc một số dòng vịt có giá trị kinh tế cao/** PGS.TS. Hoàng Văn Tiệu, TS. Nguyễn Đức Trọng; KS. Vương Lan Anh; KS. Nguyễn Văn Duy; ThS. Nguyễn Ngọc Dung; KS. Lê Thanh Hải; ThS. Nguyễn Ngọc Huân; ThS. Hoàng Thị Lan; TS. Nguyễn Thị Minh; TS. Lê Thị Nga; ThS. Nguyễn Thị Thúy Nghĩa; BSTY. Đồng Thị Quyên; KS. Nguyễn Xuân Tân; TS. Phùng Đức Tiên; TS. Dương Xuân Tuyền; ThS. Dương Chí Tuấn; KS. Ngô Văn Vĩnh; BSTY. Đặng Thị Vui; KS. Doãn Văn Xuân - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2011 - 01/2006 - 12/2010. (Đề tài cấp Bộ)

Chọn lọc, tạo các dòng vịt có năng suất và chất lượng cao: vịt chuyên thịt SM, M14, M15, vịt kiêm dụng. Nâng cao khả năng cho thịt tăng 50 - 60g/l thể hệ, ổn định khả năng sinh sản của dòng trống đối với các giống vịt chuyên thịt. Tạo ra dòng vịt khi thụ tinh nhân tạo với ngan cho tỷ lệ phôi trên 80%. Xác định các dòng vịt ngan phù hợp để tạo con lai có màu đồng nhất, cho năng suất thịt cao và cho gan sau khi nhồi đạt trên 300g. Nâng cao khả năng sinh sản tăng 1 quả/1 thể hệ và nâng cao chất lượng trứng đối với các giống vịt chuyên trứng. Tạo ra những tổ hợp lai có năng suất cao và có chất lượng phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Xây dựng các quy trình kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng, thú y cho các dòng, giống vịt mới và

con lai. Ổn định các chỉ tiêu năng suất các dòng vịt đã chọn tạo : T5, T6, V2, V7, KI, CI, CVL1, CVL4.

Số hồ sơ lưu: 19095

80684. 05-2022 **Nghiên cứu chọn tạo 4 dòng vịt biển phục vụ chăn nuôi vùng xâm ngập mặn/** TS. Nguyễn Văn Duy, TS. Nguyễn Thanh Sơn; TS. Vương Thị Lan Anh; ThS. Văn Thị Chiêu; ThS. Mai Hương Thu; ThS. Tạ Phan Anh; ThS. Lê Thị Mai Hoa; ThS. Lê Thanh Hải; KS. Ngô Đức Vũ; ThS. Hồ Văn Thế - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2020 - 01/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Điều tra tình hình chăn nuôi vịt tại một số tỉnh ven biển Bắc bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. Chọn tạo dòng trống, dòng mái. Đánh giá khả năng sản xuất của vịt bố mẹ về khả năng sinh trưởng, sinh sản, phát triển, năng suất thịt của vịt thương phẩm giữa các dòng đã được chọn tạo. Thử nghiệm chăn nuôi vịt thương phẩm ở các vùng nước có độ mặn khác nhau. Tạo được 2 dòng trống ổn định năng suất trứng, khối lượng cơ thể tăng >10%, 2 dòng mái ổn định về khối lượng cơ thể, năng suất trứng tăng >10% thích nghi với điều kiện nước ngọt và nước biển có độ mặn khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 19103

80712. 05-2022 **Xây dựng mô hình chăn nuôi giống vịt biển 15 - Đại Xuyên cho các tỉnh ven biển miền bắc và miền trung/** ThS. Đồng Thị Quyên, TS. Nguyễn Văn Duy; ThS. Vương Thị Lan Anh; ThS. Phạm Văn Chung; ThS. Lê Thị

Mai Hoa; ThS. Mai Hương Thu; KS. Vũ Đình Trọng; KS. Văn Thị Chiêu; KS. Trần Mạnh Tiến; BSTY. Tạ Phan Anh - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu vịt đại xuyên, 2020 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Công tác chọn hộ, chọn điểm công khai minh bạch, các điểm các hộ được chọn đảm bảo các tiêu chí yêu cầu của dự án. Tình hình cấp giống vịt Biền 15-Đại Xuyên được cung cấp từ Trung tâm nghiên cứu vịt Đại Xuyên thuộc Viện Chăn nuôi hiện đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận giống; Các loại vật tư được cấp trực tiếp cho người chăn nuôi đủ số lượng và đảm bảo chất lượng theo yêu cầu; Tập huấn đào tạo trong và ngoài mô hình, thông tin tuyên truyền, tổng kết dự án đảm bảo kế hoạch, mục tiêu dự án đề ra; Các đàn vịt nuôi trong mô hình có chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đều đạt yêu cầu của dự án; Các đơn vị thực hiện dự án đã ký hợp đồng với 54 người/3 năm có trình độ từ trung cấp trở lên chuyên ngành chăn nuôi, thú y, chăn nuôi – thú y, đảm bảo công tác thu thập số liệu, theo dõi chỉ đạo mô hình. Mô hình đã có tác động tốt đến những người chăn nuôi tại địa phương, đặc biệt là các hộ tham gia mô hình, tạo cơ sở cho việc đầu tư phát triển chăn nuôi vịt Biền lấy thịt trong nông hộ, được người dân và chính quyền địa phương đánh giá cao.

Số hồ sơ lưu: 19109

80714. 05-2022 **Nghiên cứu chọn lọc tạo dòng và đánh giá một số tổ hợp lai các giống vịt hướng thịt và hướng trứng có năng suất**

và chất lượng cao/ PGS.TS. Hoàng Văn Tiêu, TS. Nguyễn Đức Trọng; KS. Lương Thị Bột; KS. Nguyễn Văn Duy; ThS. Hoàng Thị Lan; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Liên; KS. Nghiêm Thúy Ngọc; BSTY. Nguyễn Thị Thúy Nghĩa; TS. Nguyễn Thị Minh; KS. Lê Thị Phiên; BSTY. Đồng Thị Quyên; ThS. Hồ Khắc Oánh; ThS. Lê Xuân Thọ; TS. Phạm Văn Trọng; KS. Doãn Văn Xuân; KS. Ngô Văn Vĩnh; TS. Nguyễn Hồng Vĩ; ThS. Nguyễn Văn Bắc; TS. Nguyễn Văn Diện; KS. Lê Thanh Hải; ThS. Nguyễn Ngọc Huân; TS. Dương Xuân Tuyển; TS. Đinh Công Tiến; PGS.TS. Võ Trọng Hót; ThS. Lê Sĩ Cương; TS. Nguyễn Quang Linh; KS. Nguyễn Kim Tân; TS. Võ Văn Sự; TS. Trần Quốc Việt; TS. Ninh Thị Len; KS. Nguyễn Văn Hải - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2006 - 01/2001 - 12/2005. (Đề tài cấp Bộ)

Tạo ra các dòng vịt có năng suất và chất lượng cao: ở mỗi nơi tạo 2 dòng vịt chuyên thịt cv Super M, ở mỗi nơi tạo 2 dòng vịt chuyên trứng CV2000, 1 dòng vịt chuyên trứng Khaki Campbell, 1 dòng vịt cỏ. Nâng cao khả năng cho thịt tăng 50 - 60 g/1 thế hệ, ổn định khả năng sinh sản của dòng trống đối với các giống vịt chuyên thịt. Nâng cao khả năng sinh sản tăng 0,5 quả/1 thế hệ và nâng cao chất lượng trứng, ổn định khả năng cho thịt của dòng mái đối với vịt chuyên thịt. Nâng cao khả năng sinh sản tăng 0,7 - 1 quả/1 thế hệ và nâng cao chất lượng trứng đối với các giống vịt chuyên trứng. Tạo ra những tổ hợp lai có năng suất cao phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Xây dựng các quy trình kỹ

thuật chăm sóc nuôi dưỡng, ấp trứng nhân tạo, thú y.

Số hồ sơ lưu: 19096

40402. Tài nguyên rừng

79667. 05-2022 **Xây dựng mô hình dự báo phản ứng lâu dài của rừng ngập mặn đối với các thay đổi của điều kiện môi trường.**/ TS. Nguyễn Hoàng Anh, TS. Nguyễn Thị Kim Linh; ThS. Phạm Minh Thịnh; ThS. Trần Bảo Trân - TP. Hồ Chí Minh - Viện Môi trường và Tài nguyên, 2020 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề tài nhằm tạo mô hình toán tích hợp có thể dự đoán động thái của rừng ngập mặn trong một vùng cụ thể dựa theo các kịch bản thay đổi điều kiện môi trường. Mô hình này sẽ được áp dụng để: Đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu (mức nước biển dâng, thay đổi độ mặn) và các chất ô nhiễm lên hệ sinh thái RNM. Đánh giá các quy hoạch môi trường theo góc độ bảo tồn và bảo vệ rừng ngập mặn. Đánh giá và định lượng các khả năng phục vụ của hệ sinh thái rừng ngập mặn như giữ ô nhiễm.

Số hồ sơ lưu: 18687

40499. Khoa học công nghệ lâm nghiệp khác

79641. 05-2022 **Nghiên cứu giám định các loài giòi ăn hạt (Michelia spp.) ở Việt Nam hạt bằng phương pháp hình thái, phân tử và sinh thái**/ PGS.TS. Vũ Quang Nam, TS. Vương Duy Hưng; PGS.TS. Hà Văn Huân; TS. Nguyễn Hồng Hải; ThS. Nguyễn Thị Thơ; TS. Khuất Thị Hải Ninh - Hà Nội -

Trường Đại học Lâm nghiệp, 2020 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định chính xác tên khoa học của các loài giòi ăn hạt tại Việt Nam bằng phương pháp hình thái, sinh học phân tử và sinh thái; vị trí phân loại hợp lý của các loài giòi ăn hạt tại Việt Nam trong hệ thống phân loại chung của Việt Nam và trên Thế giới. Phân tích phylogeny (maximum parsimony) nhờ phần mềm Treefinder v 2011 (Jobb, 2011). Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về hình thái, sinh thái của các loài giòi ăn hạt tại Việt Nam. Nâng cao năng lực nghiên cứu cho cán bộ, học viên cao học; xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu về các loài giòi ăn hạt ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18686

80681. 05-2022 **Nghiên cứu ứng dụng của công nghệ viễn thám và phương pháp trắc lượng hình thái trong xây dựng bộ tiêu chí giám sát quá trình suy thoái chất lượng rừng ngập mặn phục vụ công tác bảo tồn, phục hồi rừng ngập mặn và sử dụng hợp lý đất ngập nước ven biển, thử nghiệm tại tỉnh Quảng Ninh và Cà Mau**/ TS. Đỗ Thị Hoài, TS. Phạm Minh Hải; PGS.TS. Trần Văn Thụy; PGS.TS. Mai Sĩ Tuấn; TS. Chu Hải Tùng; TS. Bùi Quang Thành; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hồi; TS. Trần Ngọc Cường; ThS. Hoàng Thị Thu Hà; ThS. Trịnh Ngọc Bích; ThS. Trịnh Thị Tố Uyên; ThS. Đặng Thị Liên; ThS. Không Thị Việt Anh; ThS. Lê Viết Nam; ThS. Trần Hoàng Minh; ThS. Phạm Lê Phương; ThS.

Nguyễn Văn Huy; ThS. Trần Thị Chính; KS. Trần Việt Cường; KS. Chu Thanh Huệ - Hà Nội - Viện khoa học Đo đạc và bản đồ, 2020 - 05/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan tình hình nghiên cứu về ứng dụng của công nghệ viễn thám và phương pháp trắc lượng hình thái trong xây dựng bộ tiêu chí giám sát quá trình suy thoái chất lượng rừng ngập mặn. Cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng rừng ngập mặn. Cơ sở khoa học kết hợp phương pháp viễn thám và phương pháp trắc lượng hình thái trong tính toán các tiêu chí giám sát quá trình suy thoái chất lượng rừng ngập mặn. Thực nghiệm tính toán suy thoái rừng ngập mặn tại xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh và xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Số hồ sơ lưu: 19097

40504. Nuôi trồng thủy sản

80669. 05-2022 **Nâng cao chất lượng di truyền cá tra (*P. hypophthalmus*) bằng phương pháp chọn lọc hàng loạt dựa trên tính trạng sinh trưởng/** TS. Nguyễn Văn Hào, ThS. Nguyễn Văn Sáng; ThS. Đinh Hùng; CN. Bùi Thị Liên Hà; CN. Nguyễn Điền; KS. Phạm Đình Khôi; KS. Vũ Hải Định - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II, 2005 - 01/2001 - 01/2005. (Đề tài cấp Bộ)

Ổn định và nâng cao chất lượng đàn cá tra bố mẹ với tốc độ tăng trưởng thông qua sử dụng đúng phương

pháp chọn lọc cá thể. Nghiên cứu biến dị kiểu gen bằng microsatellite và biến dị kiểu hình một số tính trạng chọn lọc đàn cá qua tính trạng tăng trưởng. Đánh giá hiệu quả công tác chọn lọc với tốc độ tăng trưởng.

Số hồ sơ lưu: 19091

79679. 05-2022 **Ứng dụng công nghệ Biofloc xây dựng mô hình tôm thẻ (*Litopenaeus vannamei*) quy mô công nghiệp tại Nghệ An/** KS. Ngô Quang Thắng, ThS. Bùi Văn Điền; ThS. Nguyễn Như Sỹ; ThS. Nguyễn Thị Lệ Thủy; KS. Phan Thị Thu Hiền; KS. Nguyễn Hữu Hải; KTV. Lê Chí Cường; KTV. Hồ Chí Thảo - Nghệ An - Công ty TNHH công nghệ đầu tư và phát triển Toàn Thắng, 2020 - 09/2018 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao và tiếp nhận thành công quy trình công nghệ nuôi thương phẩm tôm thẻ chân trắng ứng dụng công nghệ biofloc, đạt năng suất, hiệu quả kinh tế cao hơn so với công nghệ nuôi tôm hiện tại, góp phần phát triển nghề nuôi tôm tại tỉnh Nghệ An.

Số hồ sơ lưu: 18719

79752. 05-2022 **“Nghiên cứu chế biến bã đậu nành của công nghiệp chế biến sữa làm nguyên liệu để sản xuất thức ăn nuôi cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*) và cá rô phi (*Oreochromis niloticus*)”/** ThS. Nguyễn Thành Trung, TS. Nguyễn Văn Nguyên; TS. Lê Đức Trung; ThS. Phạm Duy Hải; TS. Nguyễn Thị Ngọc Tĩnh; KS. Lê Hoàng; KS.

Trần Thị Lệ Trinh; KS. Nguyễn Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Quốc Cường; KS. Trần Văn Khanh - Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II, 2019 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng 01 quy trình và mô hình thiết bị xử lý bã phụ phẩm của sữa đậu nành làm nguyên liệu sản xuất thức ăn cho cá Tra và cá rô phi bằng vi sinh vật ở quy mô pilot. Xây dựng 02 công thức thức ăn nuôi cá Tra và cá rô phi có sử dụng bã phụ phẩm của sữa đậu nành đã qua xử lý làm nguyên liệu tỷ lệ thay thế bột cá trên 80%. Sản xuất 15 tấn thức ăn cho nuôi cá Tra thương phẩm và 10 tấn thức ăn cho nuôi cá rô phi thương phẩm (thức ăn đạt tiêu chuẩn chất lượng và an toàn theo quy định). Xây dựng 02 mô hình ứng dụng thức ăn chế biến từ bã phụ phẩm của sữa đậu nành đã qua xử lý vào nuôi cá Tra và rô phi thương phẩm. Hiệu quả kinh tế kỹ thuật của thức ăn từ đề tài cao hơn so với sử dụng thức ăn thương mại thông mại. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của quá trình ứng dụng thức ăn có nguồn gốc từ bã phụ phẩm của sữa đậu nành đã qua xử lý vào nuôi thương phẩm cá Tra và rô phi.

Số hồ sơ lưu: 18773

80748. 05-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn tạo tôm sú (*Penaeus monodon*) bố mẹ tăng trưởng nhanh/** TS. Nguyễn Văn Sáng, TS. La Xuân Thảo; TS. Nguyễn Nhứt; ThS. Nguyễn Quyết Tâm; ThS. Nguyễn Thành Luân; ThS. Trần Văn Nhiên; KS. Lò Hoài Vinh; PGS. TS.

Đình Duy Kháng; PGS. TS. Đồng Văn Quyền; ThS. Nguyễn Thị Hoa; TS. Đặng Tố Văn Cẩm; ThS. Nguyễn Hữu Thanh; TS. Trịnh Quốc Trọng; TS. Nguyễn Văn Hảo; ThS. Nguyễn Thị Mai Anh; TS. Nguyễn Cường; TS. Nicholas Andrew Robinson - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II, 2020 - 01/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định được chỉ thị phân tử liên quan đến tính trạng tăng trưởng thông qua hệ gen biểu hiện: Tạo được thư viện transcriptome liên quan đến tính trạng tăng trưởng nhanh của tôm sú. Tạo được bộ chỉ thị phân tử (ít nhất 4-5 chỉ thị phân tử) liên quan đến tính trạng tăng trưởng nhanh phục vụ chọn giống tôm sú. Xây dựng được quy trình chọn tạo tôm sú bố mẹ tăng trưởng nhanh và sạch bệnh.

Số hồ sơ lưu: 19132

80767. 05-2022 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất giống cá Tầm Xi bê ri *Acipenser baerii*/** ThS. Nguyễn Đức Tuân, ThS. Nguyễn Thanh Hải; Trương Quang Dũng; ThS. Nguyễn Thị Hoa; KS. Đào Văn Phú; ThS. Trần Thị Kim Chi; ThS. Nguyễn Quang Thái; ThS. Đặng Xuân Kỳ; ThS. Nguyễn Thị Trang; ThS. Ngô Sỹ Văn - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2016 - 01/2012 - 06/2015. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu công nghệ nuôi vỗ cá bố mẹ và cho đẻ. Nghiên cứu kỹ thuật ấp trứng, ương ấu trùng và cá giống. Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất giống cá tầm Xi

bê ri *Acipenser baerii* tại Việt Nam đạt các chỉ tiêu: Tỷ lệ cá bố mẹ thành thực 50%; Tỷ lệ đẻ 60%; Tỷ lệ thụ tinh 70%; Tỷ lệ nở 80%; Tỷ lệ sống từ bột lên giống 40% (theo đặt hàng là 30%). Sản xuất được 100.000 con giống cỡ 15 cm.

Số hồ sơ lưu: 19139

80981. 05-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ nuôi thương phẩm cá hồi vân (*Oncorhynchus mykiss*) và cá tầm (*Acipenser baerii*)**/ ThS. Đinh Văn Trung, TS. Lê Thanh Lựu; KS. Chu Quang Kiệm - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2009 - 01/2006 - 12/2008. (Đề tài cấp Bộ)

Thí nghiệm nuôi cá hồi vân và cá tầm thương phẩm trong bể composite quy mô nhỏ: Nghiên cứu một số chỉ tiêu môi trường quan trọng (Nhiệt độ, DO, pH, độ trong), mật độ nuôi, tốc độ sinh trưởng và năng suất nuôi với 2 loại thức ăn (tự chế và nhập ngoại). Nghiên cứu bệnh ký sinh trùng và vi khuẩn thường gặp và đưa ra biện pháp phòng trị có hiệu quả. Nghiên cứu nhu cầu dinh dưỡng, lập công thức thức ăn và sản xuất thức ăn viên (từ các nguyên liệu sẵn có trong nước) cho cá hồi vân và cá tầm trên cơ sở tham khảo tài liệu về thức ăn của các loài cá này và phân tích thành phần dinh dưỡng của thức ăn nhập từ Phần Lan. Xây dựng quy trình kỹ thuật nuôi cá hồi vân và cá tầm thương phẩm trong 3 hệ thống nuôi dựa trên kết quả nghiên cứu về các chỉ tiêu môi trường, dinh dưỡng, tốc độ sinh trưởng và năng suất nuôi

Số hồ sơ lưu: 19246

80984. 05-2022 **Nghiên cứu quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm cá Chêm (*Lates calcarifer*) ở Tây Nguyên**/ TS. Phan Đình Phúc, ThS. Chu Văn Công; ThS. Phan Thị Lệ Anh; ThS. Nguyễn Văn Thảo; KS. Phạm Thanh Nghĩa; KS. Lương Thái Vũ; ThS. Dương Tuấn Phương; KS. Lê Văn Diệu; KS. Hoàng Anh Quy; KTV. Ngô Xuân Chiến - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2015 - 01/2012 - 03/2015. (Đề tài cấp Bộ)

Phát triển kỹ thuật nuôi cá chêm trong ao và lồng, đa dạng hóa đối tượng nuôi, mô hình nuôi và sản phẩm xuất khẩu, góp phần phát triển nuôi thủy sản bền vững ở khu vực Tây Nguyên. Xây dựng được quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm cá chêm (*Lates calcarifer*) trong ao và trong lồng tại Tây Nguyên

Số hồ sơ lưu: 19257

40506. Quản lý và khai thác thủy sản

80791. 05-2022 **Quy hoạch phát triển khai thác hải sản xa bờ toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**/ ThS. Nguyễn Phi Toàn, ThS. Phan Đăng Liêm; TS. Vũ Việt Hà; TS. Nguyễn Long; ThS. Nguyễn Duy Thành; TS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Phạm Văn Long; ThS. Trần Văn Cường; ThS. Lê Văn Bôn; ThS. Đặng Văn Cường; ThS. Phạm Văn Tuyền; ThS. Phạm Văn Tuấn; TS. Phan Thị Ngọc Diệp; ThS. Lại Huy Toàn; ThS. Nguyễn Việt Nghĩa; KS. Nguyễn Thành Công; KS. Nguyễn Ngọc Sứa; ThS. Nguyễn Công Thành - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản,

2015 - 05/2015 - 12/2015. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập tài liệu, xử lý số liệu ban đầu. Dự báo các điều kiện khai thác hải sản xa bờ đến năm 2020, định hướng đến 2030. Phân tích, đánh giá hiện trạng khai thác hải sản xa bờ giai đoạn 1997-2014. Xác định quan điểm, mục tiêu phát triển khai thác hải sản xa bờ đến năm 2020, định hướng đến 2030. Các phương án quy hoạch phát triển khai thác xa bờ đến 2020, định hướng đến 2030. Xây dựng hệ thống giải pháp thực hiện quy hoạch. Xây dựng hệ thống bản đồ.

Số hồ sơ lưu: 19149

40599. Khoa học công nghệ thủy sản khác

80297. 05-2022 Nghiên cứu tổng hợp và ứng dụng nano Selen bằng phương pháp chiếu xạ để làm thành phần bổ sung trong thức ăn nuôi tôm thẻ/ TS. Nguyễn Ngọc Duy, PGS.TS. Nguyễn Quốc Hiến; ThS. Nguyễn Thị Kim Lan; ThS. Đặng Văn Phú; ThS. Lê Anh Quốc; ThS. Cao Văn Chung; ThS. Phạm Duy Hải - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu và triển khai công nghệ Bức xạ, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chế tạo nano selen ổn định trong dung dịch oligochitosan bằng phương pháp chiếu xạ và xác định các đặc trưng của nano selen. Chế tạo thức ăn nuôi tôm có chứa nano selen với hàm lượng trong khoảng 0,5-2 mg/kg thức ăn. Thử nghiệm hiệu ứng kháng bệnh của nano selen bổ sung vào

thức ăn với các hàm lượng: 0 (Đ/c); 0,5; 1,0 và 2,0 mg/kg thức ăn gây ra do vi khuẩn *Vibrio parahaemolyticus* trên tôm thẻ. Tăng trưởng nano selen bổ sung vào thức ăn với các hàm lượng: 0 (Đ/c); 0,5; 1,0 và 2,0 mg/kg thức ăn đối với tôm thẻ. Xây dựng quy trình chế tạo chất kháng bệnh nano selen qui mô 100-200 lít/mẻ với nồng độ 100-200 mg selen/lít bằng phương pháp chiếu xạ. Ứng dụng sản phẩm nano selen trong thức ăn nuôi tôm thẻ và chế tạo nano selen dạng bột hàm lượng 10.000-20.000 mg/kg.

Số hồ sơ lưu: 18996

80813. 05-2022 Nghiên cứu đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến khai thác và nuôi trồng hải sản, phát triển mô hình nuôi cá biển thích ứng với biến đổi khí hậu ở Việt Nam/ ThS. Trịnh Quang Tú, ThS. Nguyễn Tiên Hưng; TS. Cao Lê Quyên; TS. Phan Thị Ngọc Diệp; TS. Nguyễn Thanh Hải; TS. Nguyễn Quý Dương; TS. Nguyễn Xuân Trịnh; ThS. Lê Thị Thu Hương; TS. Lê Thanh Lựu; TS. Nguyễn Văn Hùng - Hà Nội - Viện Kinh tế và Quy hoạch phát triển thủy sản, 2020 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác lập được luận cứ khoa học và đánh giá được tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) đến khai thác hải sản (KTHS) và nuôi trồng hải sản (NTHS) ở biển Việt Nam; Xây dựng được các kịch bản phát triển nghề cá biển Việt Nam theo hướng bền vững; Hoàn thiện và nhân rộng thành công mô hình nuôi cá biển

thích ứng với biến đổi khí hậu ở Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 19148

40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;

79761. 05-2022 **Bảo tồn, lưu giữ các vi sinh vật bảo vệ thực vật/** ThS. Mai Văn Quân, KS. Ngô Quang Huy; KS. Lê Quang Mẫn; ThS. Hà Thị Thu Thủy; CN. Trần Văn Huy - Hà Nội - Viện Bảo vệ thực vật, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Bảo quản thêm các chủng vi sinh vật bằng phương pháp bảo quản dài hạn, bao gồm phương pháp đông khô (đối với nguồn vi khuẩn), bào tử vi sinh vật (đối với nguồn nấm), thể vùi (đối với vi rút NPV). Đánh giá, giám định tên loài các nguồn gen vi sinh vật chưa được xác định tên khoa học trong ngân hàng gen. Số lượng: 57 chủng. Đánh giá ban đầu các nguồn gen chưa được đánh giá (bao gồm đặc điểm hình thái, hoạt tính sinh học, điều kiện sinh trưởng, điều kiện bảo quản). Số lượng: 553 chủng. Rà soát, đề xuất danh mục nguồn gen dự kiến đưa ra khỏi danh mục bảo tồn, lưu giữ.

Số hồ sơ lưu: 18783

80606. 05-2022 **Khai thác và phát triển nguồn gen cây Óc chó (Juglan regia Linn) tại Lai Châu và một số tỉnh miền núi phía Bắc/** TS. Nguyễn Toàn Thắng, TS. Đặng Văn Thuyết; TS. Trần Văn Đô; ThS. Vũ Tiên Lâm; ThS. Hoàng Thanh Sơn; ThS. Trịnh Ngọc Bon; ThS. Nguyễn Quang Hưng; ThS. Ninh

Việt Khương; ThS. Nguyễn Hữu Thịnh; ThS. Dương Quang Trung; ThS. Trần Hoàng Quý; ThS. Phùng Đình Trung; ThS. Hồ Trung Lương; KS. Đào Trung Đức; KS. Nguyễn Văn Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Thu Phương; TS. Phạm Quang Tuyền - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Lâm sinh, 2021 - 10/2016 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở dữ liệu về nguồn gen Óc chó; Chọn lọc cây trội, nhân giống và xây dựng vườn sưu tập giống; Xây dựng mô hình trồng thâm canh; Nghiên cứu kỹ thuật thu hái, sơ chế và bảo quản hạt Óc chó và tập huấn chuyển giao kỹ thuật cho người dân về nhân giống, trồng thâm canh và thu hái, sơ chế và bảo quản hạt Óc chó.

Số hồ sơ lưu: 19083

40603. Các công nghệ enzym và protein trong nông nghiệp

80787. 05-2022 **Sản xuất Protease và Amylase từ vi khuẩn ứng dụng làm thức ăn bổ sung nuôi tôm công nghiệp/** CN. Phạm Chí Nguyên, TS. Nguyễn Tiến Thành; ThS. Lã Thị Quỳnh Như; ThS. Lâm Thị Hải Yến; ThS. Lê Thị Lan Chi; PGS. TS. Trương Quốc Phong; CN. Trương Thị Thùy Trang; CN. Nguyễn Minh Chi; CN. Trần Ngọc Tiêm; CN. Lê Thị Thu; KTV. Tạ Huỳnh Như - Bạc Liêu - Công ty TNHH Công nghệ sinh học Trúc Anh, 2020 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu lựa chọn các thông số kỹ thuật, phù hợp với điều kiện sản xuất của các doanh nghiệp nhỏ ở

nước ta ; tạo được các chế phẩm enzym có chất lượng bổ sung vào nguồn thức ăn trong nuôi tôm ở quy mô công nghiệp; góp phần làm tăng giá trị sản phẩm xuất khẩu. Hoàn thiện công nghệ và sản xuất protease và amylase từ *B. subtilis* và *B. amyloliquefaciens* quy mô 1000 l/m³ làm thức ăn bổ sung nuôi tôm công nghiệp góp phần tăng năng suất, tăng khả năng kháng bệnh cho tôm và hạn chế nhập khẩu.

Số hồ sơ lưu: 19137

40604. Các công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp

80036. 05-2022 **Ứng dụng quy trình công nghệ chiết suất tinh dầu và sản xuất cơ chất trồng nấm, giá thể đất sạch từ phế phẩm cây sả nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững vùng trồng sả tại tỉnh Tiền Giang/** TS. Lê Quang Khôi, PGS. TS. Bạch Long Giang; PGS. TS. Mai Thanh Phong; PGS. TS. Thị Kim Phụng; ThS. Đỗ Hoàng Thắng; PGS. TS. Lê Thị Hồng Nhan; PGS. TS. Trần Hoàng Dũng; TS. Lê Văn Minh; ThS. Huỳnh Văn Hiếu; PGS. TS. Lê Xuân Thám; ThS. Trần Thị Như Thùy; KS. Phan Thanh Phú; KS. Nguyễn Quốc Trung; KS. Nguyễn Văn Gia Pháp - Tiền Giang - Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học Tiền Giang, 2021 - 08/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, khảo sát tình hình trồng, chế biến sả và chiết suất tinh dầu trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Chuyển giao và tiếp nhận công nghệ chiết suất tinh dầu hiệu suất cao bằng phương pháp áp lực sử dụng

hơi nước có nồi hơi riêng; quy trình công nghệ trồng nấm rom trên giá thể bã thải sả sau chiết suất tinh dầu; quy trình công nghệ sản xuất đất hữu cơ sạch từ nguồn giá thể sau trồng nấm hoặc sau chưng cất tinh dầu. Chuyển giao và tiếp nhận công nghệ chiết suất tinh dầu sả bằng phương pháp áp lực sử dụng hơi nước có nồi hơi riêng phù hợp với điều kiện tỉnh Tiền Giang. Xây dựng mô hình công nghệ, thiết bị chiết suất tinh dầu sả hiệu suất cao. Xây dựng các mô hình ứng dụng KH&CN: Mô hình sản xuất chế phẩm vi sinh để xử lý bã sả sau chiết suất tinh dầu và chế phẩm vi sinh để sản xuất đất sạch; mô hình trồng nấm rom trong nhà và ngoài trời.

Số hồ sơ lưu: 18920

5. Khoa học xã hội

50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh

79694. 05-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế quản lý công tác người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp/** ThS. Nguyễn Cảnh Toàn, Phạm Minh Hoàng; Trần Văn Bình; Nguyễn Thị Kim Ngân; Nguyễn Ngọc Quý; Phạm Thị Huệ; Phan Tùng Lâm; Hoàng Xuân Hanh; Nguyễn Ngọc Hòa - Hà Nội - Vụ Tổ chức Cán bộ, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Góp phần hoàn thiện pháp luật về công tác Người đại diện. Trên thực tế, trong quá trình nghiên cứu đề tài này, nhóm tác giả đã có nhiều buổi trao đổi trực tiếp với một số thành viên Ban soạn thảo và Tổ biên

tập Nghị định thay thế Nghị định số 106/2015/NĐ-CP về các bất cập và giải pháp hoàn thiện cơ chế Người đại diện hiện hành. Hiện nay, nhiều nội dung nghiên cứu của đề tài này đã được tiếp thu và quy định vào nội dung của dự thảo Nghị định mới. Có giá trị áp dụng thực tiễn trong hoạt động quản lý Nhà nước của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Có giá trị tham khảo cho công tác nghiên cứu và giảng dạy về phương thức quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 18727

79763. 05-2022 **Hiệu lực của chính sách an toàn vĩ mô qua kênh chuẩn mực tín dụng (bank lending standard) tới thị trường bất động sản tại Việt Nam/** PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh, ThS. Nguyễn Vũ Phương; PGS. TS. Lê Văn Luyện; ThS. Phạm Văn Anh; TS. Nguyễn Trung Hậu; ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình; CN. Trịnh Lê Minh Hải; ThS. Lê Việt Hương; ThS. Đào Bích Ngọc; ThS. Trương Hoàng Diệp Hương - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2021 - 01/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa đầy đủ khung lý thuyết về cơ chế truyền dẫn của chính sách an toàn vĩ mô qua kênh chuẩn mực tín dụng tới thị trường bất động sản. Kinh nghiệm quốc tế trong điều hành chính sách giám sát an toàn vĩ mô qua kênh chuẩn mực tín dụng tại một số quốc gia; các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam (lựa chọn Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Trung quốc). Xây dựng được mô hình phù hợp để đánh giá hiệu lực

của chính sách an toàn vĩ mô qua kênh chuẩn mực tín dụng (lending standards) tới thị trường bất động sản tại Việt Nam. Đề xuất một số khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao hiệu lực của chính sách an toàn vĩ mô qua kênh chuẩn mực tín dụng (lending standards) tới thị trường bất động sản tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18782

79764. 05-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp xúc tiến xuất khẩu hàng hoá sang EU trong điều kiện thực thi EVFTA/** ThS. Hoàng Minh Chiến, ThS. Nguyễn Thu Huyền; ThS. Vũ Mai Hương; ThS. Nguyễn Thị Minh Thuý; ThS. Trương Thị Lan; ThS. Nguyễn Thị Như Hoa; CN. Tạ Hoàng Lan; CN. Trần Thị Ngọc Linh; CN. Nguyễn Thái Sơn; CN. Đào Hà My - Hà Nội - Cục Xúc tiến thương mại, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về xúc tiến xuất khẩu hàng hóa sang thị trường EU. Nghiên cứu đánh giá thực trạng việc xúc tiến xuất khẩu hàng hóa sang thị trường EU của Việt Nam. Nghiên cứu xây dựng và đề xuất giải pháp đẩy mạnh xúc tiến xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang thị trường EU trong điều kiện thực thi EVFTA.

Số hồ sơ lưu: 18781

79781. 05-2022 **Cải cách thể chế kinh tế của Hồ Quý Ly và Lê Thánh Tông/** TS. Lý Hoàng Mai, ThS. Dương Hồ Diệp; TS. Ngô Vũ Hải Hằng; TS. Phạm Sỹ An; ThS. Đỗ Thị Hải; TS. Trương Thị Thu Trang - Hà Nội - Viện kinh tế Việt

Nam, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích những nhân tố chi phối và ảnh hưởng của bối cảnh lịch sử dẫn đến việc thực hiện cải cách của Hồ Quý Ly và Lê Thánh Tông. Phân tích nội dung cải cách thể chế kinh tế của Hồ Quý Ly, Lê Thánh Tông trên 2 phương diện: Cải cách thể chế chính trị và cải cách chính sách kinh tế. Đánh giá những tác động của việc cải cách thể chế tới kinh tế phong kiến qua các góc độ: sở hữu đất đai, nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp. Xem xét xem việc cải cách thể chế đã có đủ các điều kiện chín muồi về mặt lịch sử hay chưa, đã làm thay đổi mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội hay chưa? Nếu chưa thì đâu là nhân tố kìm hãm. Nhìn lại lịch sử các cuộc cải cách đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra những điểm hạn chế và rút ra những bài học kinh nghiệm cho công cuộc Đổi mới hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 18789

80015. 05-2022 “**Nhân rộng mô hình áp dụng tích hợp hệ thống quản lý, kết hợp với công cụ cải tiến năng suất chất lượng phù hợp với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ khu vực phía Bắc**”/ KS. Nguyễn Anh Tuấn, ThS. Vũ Thắng Văn; Nguyễn Hồng Việt; ThS. Đàm Văn Chiếu; PGS. TS. Phan Thị Sửu; ThS. Quách Thạch Thi; Dương Đình Tuấn; Nguyễn Thị Hải Trường; Phạm Ngọc Bắc; Vũ Huyền Trang - Hà Nội - Công ty TNHH Tư vấn quản lý & phát triển doanh nghiệp Á Châu, 2020 -

01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được 40 mô hình điểm áp dụng thành công hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2015 với 01 hệ thống quản lý phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp như ISO 22000:2005 (kê từ năm 2019, sử dụng tiêu chuẩn phiên bản mới ISO 22000:2018) và ISO 14001:2015 kết hợp với một công cụ cải tiến năng suất chất lượng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ các tỉnh phía Bắc; Thúc đẩy nhân rộng áp dụng thông qua các hoạt động tuyên truyền, quảng bá về kết quả và chia sẻ hiệu quả áp dụng tại doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 18911

80042. 05-2022 **Phát triển du lịch nông thôn dựa vào cộng đồng tại Bắc Trung Bộ**/ TS. Trịnh Thị Thu, PGS. TS. Bùi Đức Hùng; ThS. Hoàng Thị Thu Hương; TS. Phan Thị Sông Thương; ThS. Bùi Đức Phi Hùng; TS. Lê Thị Mỹ Hạnh; ThS. Hồ Thị Kim Thùy; ThS. Phạm Quốc Trí; ThS. Phạm Văn Chiến; ThS. Trần Thị Thu Huyền; ThS. Nguyễn Hoàng Thủy; ThS. Đinh Thế Toàn; TS. Hoàng Văn Long - Đà Nẵng - Viện Khoa học Xã hội vùng Trung Bộ, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn trong nghiên cứu về du lịch nông thôn dựa vào cộng đồng và phát triển du lịch. Nhận diện, phân tích thực trạng, những thuận lợi và khó khăn trong việc phát triển du lịch nông thôn dựa vào cộng đồng ở Bắc Trung Bộ. Đề xuất, khuyến nghị giải pháp chủ yếu nhằm góp phần

nâng cao phát triển du lịch nông thôn dựa vào cộng đồng ở Bắc Trung Bộ.

Số hồ sơ lưu: 18919

80048. 05-2022 **Nghiên cứu chính sách thúc đẩy chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo và nhằm phát triển các cụm liên kết ngành/** ThS. Nguyễn Thanh Tùng, TS. Nguyễn Hà Thị Quỳnh Trang; ThS. Nguyễn Võ Hưng; CN. Phạm Khánh Linh; ThS. Nguyễn Thế Long; CN. Phạm Thị Thắm; CN. Nguyễn Hương Giang; CN. Lê Chí Anh; ThS. Đặng Thu Minh; CN. Bùi Tô Tâm - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2020 - 06/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ (CGCN) và đổi mới sáng tạo (ĐMST) nhằm phát triển các cụm liên kết ngành (CLKN). Phân tích thực trạng hoạt động và chính sách liên quan đến CGCN và ĐMST của các doanh nghiệp và các tác nhân liên quan trong CLKN có tiềm năng. Đề xuất chính sách, giải pháp thúc đẩy hoạt động CGCN và ĐMST nhằm phát triển các CLKN ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18926

80066. 05-2022 **Chất lượng dịch vụ thương mại điện tử trong các doanh nghiệp Việt Nam hướng tới sự hài lòng của khách hàng: Nghiên cứu lý thuyết và xây dựng mô hình đánh giá/** TS. Nguyễn Thu Hà, TS. Nguyễn Huệ Minh; PGS. TS. Phan Chí Anh; ThS. Nguyễn Ngọc Phú; ThS. Phùng Thị Xuân

Hương - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu Quản trị Kinh doanh, 2021 - 02/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp lý luận nền tảng về các mô hình đánh giá chất lượng dịch vụ thương mại điện tử và các nghiên cứu được công bố kể từ năm 2000 để làm rõ cơ sở lý luận, các đặc điểm, mô hình/ khung phân tích chất lượng dịch vụ thương mại điện tử cũng như quan hệ giữa chất lượng dịch vụ thương mại điện tử với sự hài lòng của khách hàng và sự trung thành của khách hàng. Xây dựng, kiểm định và đề xuất khung phân tích đo lường & đánh giá chất lượng dịch vụ thương mại điện tử tại các doanh nghiệp Việt Nam hoạt động thương mại điện tử trong hai lĩnh vực là Điện tử, kỹ thuật số, thiết bị âm thanh hình ảnh và Thời trang, phụ kiện. Khung phân tích của nghiên cứu bao gồm 5 yếu tố là: Chất lượng quá trình mua hàng, Chất lượng kết quả mua hàng, Phục hồi dịch vụ (Chất lượng hoạt động sau bán hàng, chăm sóc khách hàng và khắc phục lỗi), Sự hài lòng của khách hàng, Sự trung thành của khách hàng. Ứng dụng khung phân tích vào đánh giá hiện trạng chất lượng dịch vụ thương mại điện tử tại các doanh nghiệp Việt Nam hoạt động thương mại điện tử trong hai lĩnh vực là Điện tử, kỹ thuật số, thiết bị âm thanh hình ảnh và Thời trang, phụ kiện dưới góc độ khách hàng nhằm nhận dạng các điểm mạnh, yếu trong chất lượng dịch vụ thương mại điện tử tại các doanh nghiệp cũng như tác động của chất lượng dịch vụ thương mại điện tử tới sự hài lòng & sự

trung thành của khách hàng. Đề xuất một số giải pháp cải tiến chất lượng dịch vụ thương mại điện tử để nâng cao sự hài lòng của khách hàng, duy trì sự trung thành của khách hàng, hướng tới phát triển các doanh nghiệp thương mại điện tử một cách bền vững, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội tại Việt Nam và trên thế giới.

Số hồ sơ lưu: 18929

80842. 05-2022 **Thực trạng, định hướng và giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng bền vững vùng Tây Nam Bộ/** TS. Phí Vĩnh Tường, PGS. TS. Trần Đình Thiên; TS. Lê Văn Hùng; TS. Đào Thị Hoàng Mai; PGS. TS. Vũ Hùng Cường; ThS. Đỗ Đức Dũng; TS. Trần Xuân Dũng; PGS. TS. Trần Nhân Dũng; TS. Vũ Tuấn Anh; TS. Phạm Sỹ An - Hà Nội - Viện kinh tế Việt Nam, 2020 - 06/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Luận giải đặc trưng và cơ sở đánh giá kết cấu hạ tầng vùng Tây Nam Bộ trên quan điểm phát triển bền vững. Đánh giá thực trạng phát triển các trụ cột kết cấu hạ tầng vùng Tây Nam Bộ từ 1986 đến nay, trọng tâm là giai đoạn 2001-2015. Làm rõ các yêu cầu về kết cấu hạ tầng cần thiết, tạo thuận lợi cho vùng Tây Nam Bộ chuyển đổi theo mô hình tăng trưởng bền vững - mô hình dựa trên nền tảng của nông nghiệp xanh và du lịch xanh - và theo định hướng phát triển của chính phủ. Đề xuất các giải pháp khoa học công nghệ liên ngành thúc đẩy phát triển kết cấu cơ sở hạ tầng giao thông, đô thị và thủy lợi vùng Tây Nam Bộ giai đoạn đến

2030, tầm nhìn đến 2035 trên quan điểm phát triển bền vững.

Số hồ sơ lưu: 18717

50202. Kinh doanh và quản lý

79418. 05-2022 **Thế chế hỗ trợ đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam trong bối cảnh mới/** PGS. TS. Nguyễn Chiến Thắng, ThS. Dương Hồ Điệp; TS. Lê Văn Hùng; ThS. Nguyễn Đức Long; ThS. Trần Văn Hoàng; ThS. Bùi Thị Hồng Ngọc; TS. Lương Minh Huân; ThS. Nguyễn Hoàng Hải - Hà Nội - Viện kinh tế Việt Nam, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về thế chế hỗ trợ đổi mới công nghệ cho DNNVV, các nhân tố ảnh hưởng. Tổng quan khung thế chế hỗ trợ đổi mới công nghệ cho DNNVV ở Việt Nam giai đoạn 2010-2020, thực trạng đổi mới công nghệ của DNNVV. Đánh giá thực trạng thế chế hỗ trợ đổi mới công nghệ cho DNNVV ở Việt Nam giai đoạn 2010-2020, chỉ ra thành tựu, hạn chế và nguyên nhân hạn chế. Đề xuất những định hướng, giải pháp chính sách xây dựng, hoàn thiện thế chế hỗ trợ đổi mới công nghệ cho DNNVV ở Việt Nam trong bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 18556

79613. 05-2022 **Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/** ThS. Đỗ Thúy Minh, ThS. Lê Thị Mai Hương; CN. Đỗ Tùng Lâm; ThS. Đỗ Văn Anh; ThS. Hồ Thanh Thủy; ThS. Lê Đình Ngọc; ThS. Vũ Thị

Bích Liên; ThS. Nguyễn Xuân Thắng; CN. Hoàng Thị Việt Hà; CN. Trần Phương Ly - Hà Nội - Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính - Bộ Tài chính, 2020 - 09/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hoá, phát hiện và làm rõ những vấn đề còn tồn tại của mô hình quản lý tài chính hiện nay của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Đánh giá thực trạng về cơ chế quản lý tài chính đối với NHNN hiện nay, làm rõ những bất cập, hạn chế về thể chế và những nội dung cần xử lý trong tổ chức thực hiện quản lý tài chính NHNN để làm tiền đề xây dựng, hoàn thiện cơ chế tài chính của NHNN, đáp ứng các yêu cầu về vai trò, vị thế của NHNN trong thời kỳ mới. Trên cơ sở những phân tích, rà soát, đánh giá cụ thể những hạn chế bất cập của cơ chế tài chính hiện hành để từ đó kiến nghị, đề xuất phương án hoàn thiện cơ chế tài chính của NHNN.

Số hồ sơ lưu: 18674

79633. 05-2022 **Giải pháp triển khai công tác kế toán nhà nước trong điều kiện áp dụng công nghệ 4.0/** PGS.TS. Chúc Anh Tú, ThS. Lê Thanh Dung; ThS. Lê Thanh Hiền; TS. Ngô Tiên Dũng; ThS. Phạm Thị Mai Oanh; ThS. Đào Ngọc Hà; ThS. Bùi Văn Tiên; TS. Phạm Thu Huyền; ThS. Vũ Văn Thái; ThS. Phạm Thu Trang - Hà Nội - Học viện tài chính, 2020 - 10/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn triển khai công tác kế toán nhà nước trong điều kiện áp dụng công nghệ 4.0. Nghiên cứu thực

trạng triển khai công tác kế toán nhà nước trong điều kiện áp dụng công nghệ thông tin trong giai đoạn 2010 – 2019. Đề xuất định hướng và giải pháp triển khai công tác kế toán nhà nước trong điều kiện áp dụng công nghệ 4.0 đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 18682

79634. 05-2022 **Giải pháp xử lý các vấn đề khác biệt giữa quy định về kế toán, tài chính và thuế đối với doanh nghiệp trong điều kiện áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế tại Việt Nam/** PGS.TS. Mai Ngọc Anh, TS. Vũ Thị Phương Liên; TS. Nguyễn Thị Hồng Vân; TS. Nguyễn Minh Thành; TS. Nguyễn Thanh Thủy; ThS. Bùi Tố Quyên; ThS. Võ Duy Hoài; ThS. Đỗ Thị Hương Dương; ThS. Nguyễn Tuấn Duy; ThS. Lê Thị Vân - Hà Nội - Học viện tài chính, 2020 - 09/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa lý luận về xây dựng khung pháp lý về kế toán, tài chính và thuế; các mô hình xử lý mối quan hệ giữa quy định về kế toán, tài chính, thuế đối với doanh nghiệp; các nhân tố tác động đến sự khác biệt giữa các quy định này. Đồng thời đi sâu nghiên cứu kinh nghiệm xử lý các vấn đề khác biệt giữa các quy định về kế toán, tài chính và thuế theo thông lệ kế toán quốc tế và những bài học đối với Việt Nam. Nghiên cứu thực trạng các vấn đề khác biệt giữa các quy định về kế toán, tài chính và thuế đối với doanh nghiệp từ khi thực hiện cơ chế quản lý kinh tế theo nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt

Nam. Đánh giá tác động của các khác biệt đến việc áp dụng các quy định này trong thực tiễn của các doanh nghiệp. Đề xuất các giải pháp hài hòa, tối ưu các vấn đề khác biệt giữa các quy định về kế toán, tài chính, thuế đối với doanh nghiệp. Các kiến nghị này bao gồm kiến nghị hoàn thiện chuẩn mực kế toán, các quy định về tài chính và thuế đối với doanh nghiệp trong bối cảnh áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18691

79637. 05-2022 **Tăng cường kiểm toán nội bộ tại các công ty đại chúng nhằm nâng cao chất lượng báo cáo tài chính** / TS. Vũ Thị Phương Liên, PGS.TS. Trần Văn Hợi; TS. Nguyễn Thanh Thủy; TS. Phí Thị Kiều Anh; ThS. Bùi Tố Quyên; ThS. Dương Thị Thắm; CN. Trần Anh Tâm; TS. Mai Khánh Vân; ThS. Kiều Ngọc Sơn - Hà Nội - Học viện tài chính, 2020 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng hoạt động kiểm toán nội bộ tại các công ty đại chúng hiện nay, căn cứ vào nội hàm, phạm vi, vai trò, mục tiêu của hoạt động kiểm toán nội bộ, mô hình, cấu trúc kiểm toán nội bộ và thông lệ quốc tế về hoạt động của kiểm toán nội bộ tại một số quốc gia trên thế giới và định hướng phát triển hoạt động kiểm toán nội bộ theo chiến lược phát triển kế toán – kiểm toán tầm nhìn 2030. Đưa ra các khuyến nghị về giải pháp và lộ trình thực hiện từ các bên liên quan nhằm tăng cường hoạt động của kiểm toán nội bộ tại các doanh nghiệp nói chung và

các công ty đại chúng nói riêng, đồng thời gắn với việc nâng cao chất lượng báo cáo tài chính tại các công ty đại chúng ở Việt Nam. Đề tài cũng đưa ra một số khuyến nghị nhằm hướng dẫn các điều kiện cần thiết chuẩn bị cho việc tổ chức bộ máy và chức năng kiểm toán nội bộ phát huy hiệu quả, đặc biệt trong việc kiểm soát chất lượng báo cáo tài chính; khuyến nghị hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về kiểm toán nội bộ Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18689

79659. 05-2022 **Mô hình bảo hiểm xã hội cho người nông dân ở một số nước Châu Âu và hàm ý chính sách cho Việt Nam**/ PGS. TS. Đặng Minh Đức, Đào Bảo Ngọc; TS. Đinh Mạnh Tuấn; ThS. Trịnh Thị Hiền; ThS. Trần Thị Thu Huyền; Trần Đình Hưng; ThS. Hồ Thị Thu Huyền; ThS. Chử Thị Nhuận; Nguyễn Thị Thắm; Nguyễn Hồng Lâm; TS. Nguyễn Thị Ngọc - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Âu, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu mô hình bảo hiểm xã hội cho người nông dân ở một số nước Châu Âu và hàm ý chính sách cho Việt Nam. Cơ chế, chính sách cho việc hình thành bảo hiểm xã hội cho người nông dân. Kinh nghiệm và thực tiễn triển khai bảo hiểm xã hội cho người nông dân ở một số quốc gia Châu Âu và đưa ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 18710

79771. 05-2022 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp thúc đẩy hoạt động dán nhãn các-bon thấp cho các sản phẩm công nghiệp của Việt Nam/** TS. Nguyễn Sỹ Linh, ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Tùng Lâm; TS. Nguyễn Trung Thắng; ThS. Hoàng Hồng Hạnh; ThS. Đặng Thị Phương Hà; ThS. Lưu Lê Hương; CN. Lê Nam Thành; CN. Tăng Quỳnh Anh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà - Hà Nội - Viện Chiến lược, Chính sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý khuyến khích các doanh nghiệp tham gia chương trình dán nhãn cacbon thấp cho các sản phẩm của Việt Nam, đáp ứng các yêu cầu của thị trường xuất khẩu. Thiết lập Nhóm làm việc về nhãn các-bon trong đó có các trường đại học, viện và trung tâm nghiên cứu; các hiệp hội ngành nghề; các tổ chức về môi trường,... đặc biệt cần có một cơ quan có năng lực về kỹ thuật trong việc xây dựng quy định kỹ thuật, cơ sở dữ liệu về dấu chân các-bon cho sản phẩm hàng hóa/dịch vụ của Việt Nam; Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, đặc biệt là chương trình sản xuất và tiêu dùng bền vững của Liên minh châu Âu; Mạng lưới dấu chân các-bon châu Á (ACFN); Chương trình nhãn các-bon của Thái Lan và Hàn Quốc cũng như một số chương trình nhãn các-bon khác.

Số hồ sơ lưu: 18784

80156. 05-2022 **Nghiên cứu định hướng chiến lược phát triển**

thị trường vốn giai đoạn 2021-2030/ ThS. Võ Lê Phương, ThS. Phạm Thị Thanh Tâm; ThS. Phan Thị Thu Hiền; ThS. Phạm Văn Hiếu; ThS. Nguyễn Thăng Long; CN. Lê Ngọc Chi; ThS. Nguyễn Phương Ngọc Huyền; ThS. Đỗ Đức Minh; ThS. Bùi Thu Hà - Hà Nội - Vụ Tài chính Ngân hàng, 2020 - 09/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp, phân tích và làm rõ thêm một số nội dung lý luận cơ bản về hoạt động của thị trường vốn và các thị trường thành phần (cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán phái sinh). Đánh giá phân tích vai trò của thị trường vốn đối với sự phát triển của nền kinh tế. Trên cơ sở đánh giá thực trạng thị trường vốn trong nước giai đoạn 2010-2020 và kinh nghiệm phát triển thị trường vốn của các nước, Đề tài đã xây dựng Chiến lược phát triển thị trường vốn giai đoạn 2021-2030; trong đó đề xuất định hướng, mục tiêu, giải pháp và lộ trình triển khai các giải pháp trong tổng thể Chiến lược phát triển thị trường vốn Việt Nam giai đoạn 2021-2030

Số hồ sơ lưu: 18959

80306. 05-2022 **Vai trò của bảo hiểm xã hội trong cải thiện đầu ra của thị trường lao động và tăng cường quan hệ lao động công nghiệp/** TS. Nguyễn Kiều Dung, TS. Trần Thị Vân Anh; CN. Trần Kim Hoàn; ThS. Lê Duy Bình - Hà Nội - Viện nghiên cứu Kinh tế và Chính sách, 2021 - 05/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá tác động của những thay đổi về phúc lợi ốm đau trong

Luật Bảo hiểm Xã hội (BHXH) 2014 đối với việc nghỉ làm do ốm đau của người lao động. Đánh giá tác động của những thay đổi về hợp đồng lao động trong Luật Lao động 2012 đối với một số yếu tố đầu ra liên quan đến thu nhập, cung ứng lao động, và hưởng bảo trợ xã hội của người lao động. Các phát hiện từ những nghiên cứu đánh giá tác động ấy sẽ được sử dụng để đưa ra những hàm ý chính sách nhằm cải cách luật pháp, cơ chế, chính sách liên quan đến lao động và bảo hiểm xã hội, để cải thiện thị trường và quan hệ lao động ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19000

80752. 05-2022 **Hoàn thiện chính sách thuế nhằm cơ cấu lại nguồn thu ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2021 - 2030**/ ThS. Nguyễn Quốc Hưng, CN. Lê Minh Khiêm; TS. Nguyễn Như Quỳnh; ThS. Trần Thị Bích Ngọc; ThS. Trần Thị Tuyết; ThS. Lê Thị Loan; ThS. Trịnh Quang Hưng; ThS. Cao Thị Thanh Lan - Hà Nội - Vụ Chính sách thuế, Bộ Tài chính, 2021 - 10/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và vai trò của thuế đối với thu ngân sách nhà nước (NSNN); việc xác định cơ cấu thu từ thuế, phí và lệ phí hợp lý trong hệ thống thuế nói chung để đảm bảo nguồn thu ổn định, bền vững. Tổng kết, đánh giá, phân tích thực trạng thu NSNN từ thuế, phí, lệ phí trong giai đoạn 2011 – 2020; nhận định xu hướng biến động của từng loại thuế; những tồn tại, hạn chế trong cơ cấu thu về thuế, phí hiện nay. Tham khảo kinh nghiệm quốc tế trong việc thực

hiện cơ cấu thuế phù hợp cũng như xu hướng điều chỉnh cơ cấu thuế của các quốc gia. Đề xuất, khuyến nghị đối với việc xây dựng hệ thống thuế với cơ cấu hợp lý, phù hợp với điều kiện, bối cảnh kinh tế xã hội giai đoạn tới.

Số hồ sơ lưu: 19135

80756. 05-2022 **Nghiên cứu thỏa thuận công nhận lẫn nhau về Doanh nghiệp ưu tiên của một số cơ quan Hải quan trên thế giới và bài học kinh nghiệm đối với Hải quan Việt Nam**/ ThS. Lê Xuân Huế, TS. Nguyễn Hồng Phong ThS. Nguyễn Bình Minh; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Phương Liên; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Lan; ThS. Phạm Duy Hưng; ThS. Nguyễn Thị Khánh Huyền; ThS. Nguyễn Vĩnh Kiên; ThS. Nguyễn Thị Phúc Hạnh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Hải quan, Tổng cục Hải quan, 2021 - 06/2017 - 07/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Đưa ra cơ sở lý luận về Doanh nghiệp ưu tiên (Authorized Economic Operator - AEO), khái niệm, tiêu chuẩn và lợi ích dành cho AEO cũng như đánh giá được sự phù hợp giữa các quy định pháp luật Việt Nam về AEO với các chuẩn mực của thế giới. Tổng hợp, phân tích được tình hình triển khai các thỏa thuận công nhận lẫn nhau về AEO của hải quan một số nước. Trên cơ sở đó, rút ra bài học kinh nghiệm cho Hải quan Việt Nam trong việc hoàn thiện chương trình AEO và chuẩn bị các điều kiện cho việc đàm phán, ký kết các thỏa thuận công nhận lẫn nhau với Hải quan các nước đối tác. Khái quát thực trạng triển khai chương

trình doanh nghiệp ưu tiên tại Việt Nam và tình hình đàm phán thỏa thuận công nhận lẫn nhau về AEO giữa Việt Nam và Hàn Quốc

Số hồ sơ lưu: 19136

50299. Kinh tế học và kinh doanh khác

79636. 05-2022 **Các giải pháp cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam/** TS. Trịnh Thị Thanh Thủy, TS. Đặng Thanh Phương; PGS.TS. Hà Văn Sự; PGS.TS. Trịnh Thị Thu Hương; TS. Vũ Thị Lộc; TS. Nguyễn Thị Lan Hương; TS. Lê Huy Khôi; ThS. Nguyễn Thị Trà Giang; PGS.TS. Bé Trung Anh; TS. Trần Thị Bảo Khanh; PGS.TS. Nguyễn Nam Phương; ThS. Nguyễn Minh Huệ; ThS. Vũ Thúy Vinh; PGS.TS. Nguyễn Thu Thủy; PGS.TS. Trần Thị Thu Phương; ThS. Đỗ Quang; TS. Vũ Vân Anh; PGS.TS. Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS. Nguyễn Thị Nguyệt; ThS. Phạm Quang Minh; TS. Vũ Tuấn Hưng; TS. Đặng Minh Đức; TS. Trần Thị Thu Hương - Hà Nội - Viện Nghiên cứu chiến lược Chính sách Công thương, 2020 - 04/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về phát triển thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) Việt Nam, bao gồm: Thị trường hàng hóa; Thị trường lao động; Thị trường tài chính; và Thị trường KH&CN; Xác định khung lý thuyết nghiên cứu phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN. Nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia về phát

triển thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi, rút ra bài học cho Việt Nam. Đánh giá kết quả, hiệu quả và tác động của chính sách phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN nước ta từ năm 1986 đến nay. Nhận diện những vấn đề cơ bản, cấp bách về thị trường (hàng hóa, lao động, tài chính và khoa học công nghệ) ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta hiện nay. Dự báo nhu cầu phát triển thị trường vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta đến năm 2030. Đề xuất quan điểm, giải pháp, chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 18677

79653. 05-2022 **Nghiên cứu quy định, thực tiễn quốc tế về điều tra thiệt hại trong một số vụ việc chống bán phá giá và đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả công tác điều tra của Việt Nam/** ThS. Phạm Hương Giang, CN. Nguyễn Phương Trang; ThS. Chu Thị Hoa; ThS. Nguyễn Đức Trọng; CN. Nguyễn Thanh Cường; ThS. Lê Thị Kim Phụng; ThS. Nguyễn Thị Thùy Dương; ThS. Nguyễn Việt Hà; ThS. Hoàng Thị Quỳnh Anh; TS. Vương Minh Phương; TS. Hoàng Ngọc Thuận; ThS. Nguyễn Thị Nhung; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hà - Hà Nội - Cục Phòng vệ thương mại, 2021 - - . (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về quy định của WTO, một số nước, của Việt Nam điều tra thiệt hại trong các vụ việc chống bán phá giá; các kết luận của cơ quan giải quyết tranh chấp WTO

về vấn đề này. Thực tiễn điều tra thiệt hại trong các vụ việc chống bán phá giá của một số quốc gia/vùng lãnh thổ và của Việt Nam. Đề xuất các giải pháp, bài học áp dụng cho Việt Nam nhằm hoàn thiện quy định pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác điều tra, xây dựng dự thảo sở tay điều tra thiệt hại.

Số hồ sơ lưu: 18680

79980. 05-2022 **Nghiên cứu xây dựng phương pháp và quy trình biên soạn chỉ số giá bất động sản ở Việt Nam/** ThS. Đỗ Thị Ngọc, ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền; CN. Trần Thị Lan; CN. Nguyễn Thế Hưng; ThS. Lê Mạnh Quân; ThS. Nguyễn Thị Huyền; CN. Nguyễn Thị Thư; ThS. Nguyễn Văn Thụy; ThS. Võ Hồng Thái; ThS. Dương Đình Dự; ThS. Nguyễn Thị Thu Hồng - Hà Nội - Vụ Thống kê Giá - Tổng cục Thống kê, 2020 - 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phương pháp luận quốc tế và kinh nghiệm một số quốc gia về tính chỉ số giá bất động sản. Đánh giá thực trạng về phương pháp, quy trình, nguồn số liệu tính chỉ số giá bất động sản ở Việt Nam. Đề xuất quy trình biên soạn chỉ số giá bất động sản ở Việt Nam. Thử nghiệm tính toán thành công chỉ số giá bất động sản để ở, chỉ số giá đất nền của một số tỉnh, thành phố dựa vào nguồn thông tin từ điều tra thống kê; thử nghiệm xử lý thông tin và tính toán thành công chỉ số giá động sản dùng để ở, chỉ số giá đất nền của một số tỉnh, thành phố dựa vào nguồn thông tin từ dữ liệu lớn.

Số hồ sơ lưu: 18898

79981. 05-2022 **Nghiên cứu xây dựng phương pháp tính giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản theo giá bán bình quân sản phẩm ở Việt Nam/** ThS. Lê Trung Hiếu, CN. Đỗ Thị Thu Hà; CN. Vũ Thị Hồng Hoa; CN. Nguyễn Thị Thùy Dung; CN. Đoàn Thị Hồng Hạnh; CN. Phạm Thị Thùy; ThS. Nguyễn Thị Trang; CN. Nguyễn Quỳnh Hương; CN. Nguyễn Thị Hậu; CN. Nguyễn Thị Ngọc Lan; CN. Nguyễn Văn Chí; ThS. Nguyễn Đình Linh; CN. Đinh Sỹ Nguyên; ThS. Cao Quang Thành; ThS. Nguyễn Thị Thu Hồng; CN. Nguyễn Thị Nga; CN. Nguyễn Thị Ngân; CN. Trần Thị Lan - Hà Nội - Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản - Tổng cục Thống kê, 2020 - 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan cơ sở lý luận xây dựng phương pháp tính giá trị sản xuất (GTSX) nông, lâm nghiệp và thủy sản. Kinh nghiệm quốc tế về phương pháp tính toán giá trị sản xuất và phương pháp tính giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản của một số nước. Thực trạng phương pháp tính giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản ở Việt Nam. Xây dựng phương pháp tính giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản theo phương pháp sử dụng giá bán bình quân của sản phẩm ở Việt Nam. Tính toán thử nghiệm GTSX nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2019 của tỉnh Thanh Hóa bằng phương pháp tính theo giá bán bình quân của sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 18899

79987. 05-2022 **Phát triển hợp tác xã nông nghiệp vùng Nam Trung Bộ theo hướng bền vững/** TS. Hoàng Hồng Hiệp, ThS. Châu Ngọc Hòe; TS. Phan Thị Sông Thương; TS. Phạm Đi; TS. Nguyễn Thị Thoa; ThS. Lê Văn Hà; ThS. Hồ Thị Kim Thùy; ThS. Hoàng Thị Thu Hương; ThS. Phạm Quốc Trí; ThS. Lê Nguyễn Đức Thắng - Đà Nẵng - Viện Khoa học Xã hội vùng Trung Bộ, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thực trạng và các giải pháp phát triển các hợp tác xã (HTX) nông nghiệp vùng Nam Trung Bộ theo hướng bền vững. Khái quát cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển HTX nông nghiệp theo hướng bền vững. Đánh giá được thực trạng phát triển theo hướng bền vững của các HTX nông nghiệp vùng Nam Trung Bộ trong thời gian qua. Đề xuất được các quan điểm, định hướng, giải pháp nhằm phát triển các HTX nông nghiệp vùng Nam Trung Bộ theo hướng bền vững.

Số hồ sơ lưu: 18892

79990. 05-2022 **Tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến quan hệ quốc tế và hàm ý chính sách cho Việt Nam/** TS. Nghiêm Tuấn Hùng, ThS. Đặng Hoàng Hà; ThS. Phạm Hồng Tiến; TS. Chu Phương Quỳnh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Nga; ThS. Trần Thị Hà; TS. Phạm Anh Tuấn; CN. Nguyễn Thị Thu Hằng - Hà Nội - Viện kinh tế và chính trị thế giới, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích những tác động của cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư đến quan hệ quốc tế, từ đó rút ra hàm ý chính sách cho Việt Nam. Khái quát những nội dung, khía cạnh cơ bản của CMCN lần thứ tư; tác động của các cuộc CMCN trước đây đến quan hệ quốc tế. Chỉ ra và phân tích những tác động từ CMCN lần thứ tư đến các khía cạnh của quan hệ quốc tế. Nghiên cứu kinh nghiệm và phản ứng của một số nước có trình độ phát triển cao về khoa học và công nghệ, đồng thời cả quốc gia trong khu vực, có điều kiện kinh tế, xã hội và vị thế quốc tế tương đối tương đồng với Việt Nam trước tác động của CMCN lần thứ tư đến quan hệ quốc tế. Đề xuất một số hàm ý chính sách cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18884

79992. 05-2022 **Nghiên cứu đề xuất khung giải pháp của bộ, ngành, địa phương nhằm cải thiện chỉ số GII của Việt Nam và khả năng áp dụng phương pháp GII để đánh giá năng lực đổi mới sáng tạo ở cấp địa phương/** ThS. Nguyễn Thị Phương Mai, ThS. Trần Xuân Bách; ThS. Nguyễn Võ Hưng; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; CN. Phạm Thị Thắm; CN. Bùi Tố Tâm; CN. Nguyễn Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Huyền; ThS. Phó Thanh Hương; ThS. Đặng Thu Minh - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất khung nội dung cơ bản đối với các giải pháp cải thiện kết quả các chỉ số thành phần GII để các bộ, cơ quan, địa phương có thể căn

cứ vào đó triển khai thực hiện và đưa ra các giải pháp cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình cũng như tình hình thực tế của bộ, ngành, địa phương. Đề xuất cơ chế phối hợp giữa các bộ, cơ quan với nhau và với địa phương nhằm thực hiện đồng bộ giải pháp cải thiện chỉ số GII của Việt Nam để các bộ, cơ quan và địa phương có thể áp dụng, trong đó có cơ chế phối hợp giữa Bộ KH&CN và các địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ phân công Bộ KH&CN chủ trì. Phân tích khả năng áp dụng phương pháp GII để đánh giá năng lực đổi mới sáng tạo ở cấp địa phương thông qua việc làm rõ cơ sở lý thuyết, kinh nghiệm trong nước, nước ngoài, xây dựng phương pháp, khung đánh giá, chỉ số áp dụng và đánh giá thử ở một vài địa phương.

Số hồ sơ lưu: 18885

80006. 05-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng chỉ số biến động giá đất thị trường/** ThS. Cao Đại Nghĩa, ThS. Nguyễn Hữu Trường; ThS. Đặng Thị Phương Thủy; ThS. Nguyễn Thị Minh Phương; PGS.TS. Ngô Thị Phương Thảo; ThS. Đào Ngọc Mai; ThS. Cán Thị Mai Hương; ThS. Nguyễn Tử Hoàng; ThS. Dương Đức Cường; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Chinh - Hà Nội - Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất, 2020 - 07/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở khoa học xây dựng chỉ số biến động giá đất thị trường đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về đất đai. Đánh giá thực trạng công tác xác định giá đất theo quy định

của Luật Đất đai năm 2013 và tình hình biến động giá đất thị trường đối với đất ở, đất thương mại, dịch vụ tại đô thị tại địa bàn điều tra, khảo sát. Đề xuất quy trình xây dựng chỉ số biến động giá đất thị trường; áp dụng quy trình để xây dựng chỉ số biến động giá đất thị trường tại các địa bàn điều tra, khảo sát và dự thảo nội dung phục vụ xây dựng Thông tư hướng dẫn xây dựng chỉ số biến động giá đất thị trường.

Số hồ sơ lưu: 18903

80007. 05-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học về việc cho nhà đầu tư nước ngoài nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để sản xuất nông nghiệp/** TS. Mai Văn Phấn, ThS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Phan Tuấn Hùng; ThS. Hoàng Xuân Huy; PGS.TS. Nguyễn Đình Thọ; ThS. Phạm Thị Thịnh; ThS. Nguyễn Xuân Trọng; ThS. Hoàng Thị Vân Anh; TS. Đào Đức Mẫn; TS. Nguyễn Văn Trị - Hà Nội - Văn phòng Tổng cục Quản lý đất đai, 2020 - 06/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận đối với việc cho nhà đầu tư nước ngoài nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để sản xuất nông nghiệp. Thực trạng sử dụng đất của nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện dự án tại Việt Nam và nhu cầu của nhà đầu tư nước ngoài về việc nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để sản xuất nông nghiệp. Đề xuất các quy định đối với vấn đề nhà đầu tư nước ngoài nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng

đất của hộ gia đình, cá nhân để sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18902

80302. 05-2022 **Nghiên cứu sử dụng phương pháp đánh giá kinh tế mở rộng để đánh giá tác động kinh tế - xã hội của các dự án phát triển cơ sở hạ tầng. Áp dụng để đánh giá tác động cho dự án đường sắt tốc độ cao Bắc Nam.**/ TS. Trương Thị Mỹ Thanh, ThS. Phan Huy Thục; TS. Hoàng Thị Hồng Lê; TS. Hoàng Vũ; ThS. Phạm Đức Tân; TS. Trần Trung Kiên; ThS. Nguyễn Thị Nga; KS. Nguyễn Bá Du; TS. Nguyễn Thị Cẩm Vân; TS. An Minh Ngọc - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2021 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các phương pháp đánh giá tác động kinh tế mở rộng cho các dự án cơ sở hạ tầng nói chung, làm tiền đề cho các dự án phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, và khả năng ứng dụng vào đánh giá các dự án cơ sở hạ tầng giao thông tại Việt Nam. Áp dụng tính toán tác động kinh tế mở rộng cho đoạn tuyến Hà Nội - Vinh thuộc Đề xuất dự án đường sắt tốc độ cao Bắc Nam, hoàn thiện bước đánh giá kinh tế xã hội dự án. Xây dựng dự thảo khung tính toán và các chỉ tiêu tính toán tác động kinh tế mở rộng phù hợp tới đặc thù phát triển các dự án cơ sở hạ tầng giao thông và đặc thù phát triển kinh tế tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18994

80665. 05-2022 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá công tác quản lý tài sản công trong**

cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công/ TS. Nguyễn Tân Thịnh, ThS. Lê Thị Ngọc Lan; CN. Hoàng Thị Thu Lan; CN. Trần Thị Thu Hà; CN. Hoàng Thu Quỳnh; CN. Nguyễn Thị Hà Giang; ThS. Nguyễn Thế Hương; CN. Trần Lê Hưng; ThS. Nguyễn Quỳnh Nga; CN. Vũ Thị Hải Yến - Hà Nội - Cục Quản lý công sản, 2020 - 09/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa, bổ sung, làm rõ lý luận về tiêu chí đánh giá công tác quản lý tài sản công (TSC) trong cơ quan nhà nước (CQNN) và đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL). Phân tích, đánh giá thực trạng sử dụng các tiêu chí đánh giá công tác quản lý TSC trong CQNN và ĐVSNCL ở Việt Nam thời gian vừa qua, rút ra những thành công, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế của các tiêu chí đánh giá công tác quản lý TSC trong CQNN và ĐVSNCL ở Việt Nam. Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá công tác quản lý TSC trong CQNN và ĐVSNCL ở Việt Nam, đề xuất những giải pháp, kiến nghị để áp dụng các tiêu chí vào thực tiễn đánh giá công tác quản lý TSC trong CQNN và ĐVSNCL ở Việt Nam thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 19094

81001. 05-2022 **Chiến lược phát triển thương hiệu quốc gia ở Nhật Bản và Hàn Quốc - Kinh nghiệm và gợi ý cho Việt Nam/** TS. Hoàng Minh Lợi, PGS.TS. Lê Đình Chinh; TS. Trần Thị Nhung; TS. Hạ Thị Lan Phi; TS. Ngô Hương Lan; ThS. Phan Thị Oanh; ThS. Nguyễn Ngọc Long; ThS. Hà Thị Hậu; ThS.

Nguyễn Thị Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bé - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ thực trạng các vấn đề về thương hiệu quốc gia ở Nhật Bản, Hàn Quốc nhằm làm cơ sở đánh giá vị trí, vai trò của chúng trong chiến lược phát triển thương hiệu quốc gia. Nêu rõ chiến lược phát triển thương hiệu quốc gia (chính sách, mục tiêu, phương hướng triển khai) ở Nhật Bản và Hàn Quốc từ đầu thế kỷ XXI đến nay. Phân tích, đánh giá, so sánh quá trình thực thi chiến lược phát triển thương hiệu quốc gia ở Nhật Bản và Hàn Quốc. Bên cạnh đó, đề cập tới những thành tựu và hạn chế trong quá trình này ở Nhật Bản, Hàn Quốc. Phân tích, đánh giá những bài học kinh nghiệm của Nhật Bản và Hàn Quốc, qua đó, đưa ra kiến nghị, gợi ý, đề xuất chính sách, giải pháp đối với Việt Nam hiện nay nhằm đáp ứng mục tiêu quảng bá, nâng cao hình ảnh quốc gia cũng tức là phát triển thương hiệu Việt Nam trên trường quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 19270

50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..

79639. 05-2022 **Xây dựng chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực công chức ngành Tài chính trong điều kiện cách mạng công nghệ 4.0/** TS. Bùi Minh Chuyên, ThS. Võ Mạnh Hà; TS. Hoàng Thanh Hạnh; ThS. Lê Văn Hiệu; ThS. Lê Văn Nam; ThS. Nguyễn Xuân Thắng; ThS. Nguyễn

Văn Phong; TS. Đỗ Thị Thoa; ThS. Trần Thị Như Quỳnh; ThS. Nguyễn Thành Trung - Hà Nội - Trường Bồi dưỡng cán bộ tài chính, 2020 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về việc xây dựng chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực công chức trong điều kiện cách mạng công nghệ 4.0. Đánh giá thực trạng xây dựng chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực công chức ngành Tài chính trong điều kiện cách mạng công nghệ 4.0. Khảo sát nhu cầu, xây dựng và đề xuất chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực công chức ngành Tài chính trong điều kiện cách mạng công nghệ 4.0.

Số hồ sơ lưu: 18675

79696. 05-2022 **Nghiên cứu chính sách đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển trong các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam/** TS. Hoàng Văn Tuyên, ThS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; ThS. Cao Thị Thu Anh; ThS. Trần Minh Huyền; ThS. Hoàng Văn Thụ; TS. Phạm Quang Trí; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Quỳnh Anh; ThS. Chu Văn Tùng; ThS. Trần Thị Mai Hoa - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2020 - 06/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận về tổ chức và hoạt động nghiên cứu và phát triển trong cơ sở giáo dục đại học. Phân tích thực trạng tổ chức và hoạt động nghiên cứu và phát triển trong các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam; chính sách ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động nghiên cứu và phát triển. Đề xuất chính sách đối

với tổ chức và hoạt động nghiên cứu và phát triển trong các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18711

79770. 05-2022 **Xây dựng mô hình tổng hợp phát triển thể thao - giải trí - kỹ năng sống cho học sinh mẫu giáo, tiểu học/** TS. Trần Hiếu, ThS. Nguyễn Thị Hồng Liên; PGS. TS. Nguyễn Danh Hoàng Việt; TS. Ngũ Duy Anh; PGS. TS. Vũ Đức Thu; PGS. TS. Lương Thị Ánh Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Mai; ThS. Lương Quốc Hùng; ThS. Phan Viết Hoàn - Hà Nội - Viện Khoa học Thể dục thể thao, 2016 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về giáo dục toàn diện thể dục thể thao (TDTT) - giải trí - kỹ năng sống cho học sinh. Đánh giá thực trạng dạy thể dục thể thao (TDTT) và thực trạng kỹ năng sống của học sinh mẫu giáo, tiểu học của một số trường ở tỉnh Bắc Ninh và Cần Thơ. Đề xuất nội dung giáo dục kỹ năng để phát triển toàn diện thể dục thể thao - giải trí - kỹ năng sống cho học sinh mẫu giáo, tiểu học.

Số hồ sơ lưu: 18760

80046. 05-2022 **Báo cáo thường niên xã hội học: Dư luận xã hội về giáo dục - đào tạo năm 2020/** PGS. TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc, ThS. Trịnh Thị Phượng; TS. Nguyễn Như Trang; ThS. Nguyễn Thị Thơm; ThS. Lê Quang Ngọc - Hà Nội - Viện Xã hội học - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu thực trạng dư luận người dân về giáo dục - đào tạo hiện nay. Tìm hiểu mong muốn của người dân đối với sự phát triển giáo dục - đào tạo trong thời gian tới. Khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo từ dư luận xã hội trong lĩnh vực này.

Số hồ sơ lưu: 18928

80670. 05-2022 **Nghiên cứu quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2035/** GS.TS. Phạm Hồng Quang, PGS. TS. Nguyễn Danh Nam; PGS.TS. Nguyễn Thị Tính; PGS.TS. Hà Trần Phương; PGS. TS. Nguyễn Thám; PGS.TS. Lê Quang Sơn; PGS.TS. Huỳnh Văn Sơn; PGS.TS. Nguyễn Thị Quế Anh; TS. Hà Thị Kim Linh; TS. Ôn Thị Mỹ Linh - Thái Nguyên - Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng luận cứ khoa học để quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm. Xây dựng bộ tiêu chuẩn, quy chuẩn để quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm ở Việt Nam. Đề xuất nội dung và phương án quy hoạch tổng thể mạng lưới các trường sư phạm ở Việt Nam. Đề xuất, kiến nghị chính sách các giải pháp để thực hiện và quản lý quy hoạch ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2035.

Số hồ sơ lưu: 19089

80755. 05-2022 **Triển khai giảng dạy kiến thức “Tiêu chuẩn hóa” trong các Trường Đại học khối Kỹ thuật và khối Kinh tế,**

Quản trị kinh doanh/ KS. Ngô Văn Long, CN. Đào Quốc Toàn; KS. Đặng Đức Sơn; TS. Hà Minh Hiệp; ThS. Nguyễn Hữu Đạo; PGS.TS. Trần Đức Hạ; TS. Vũ Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Ngọc Duy; KS. Trần Văn Học - Hà Nội - Trung tâm Đào tạo Nghiệp vụ Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2021 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát thực trạng, năng lực, nhu cầu và xây dựng phương án, kế hoạch triển khai đào tạo về Tiêu chuẩn hóa tại 11 trường đại học khối kỹ thuật và khối kinh tế, quản trị kinh doanh khu vực phía Bắc. Tổ chức giảng dạy kiến thức về Tiêu chuẩn hóa cho 1200 sinh viên với 20 khóa học tại 11 trường đại học khối kỹ thuật và khối kinh tế, quản trị kinh doanh khu vực phía Bắc. Xây dựng phương án đưa Tiêu chuẩn hóa thành môn học/học phần giảng dạy trong trường đại học và đào tạo giảng viên về Tiêu chuẩn hóa để các trường đại học có thể tự chủ giảng dạy môn học/học phần Tiêu chuẩn hóa sau này.

Số hồ sơ lưu: 19131

80762. 05-2022 **Nghiên cứu thực trạng đào tạo và sử dụng nhân lực y tế theo chế độ cử tuyển và theo địa chỉ tại Việt Nam/** TS. Nguyễn Minh Lợi, TS. Phạm Ngân Giang; ThS. Dương Kim Tuấn; ThS. Trần Thị Đức Hạnh; ThS. Lê Bích Ngọc; ThS. Trần Ninh Giang; ThS. Nguyễn Thị Minh Thành; TS. Nguyễn Quốc Huy; ThS. Phạm Ngọc Bằng; ThS. Phạm Thị Kim Thanh - Hà Nội - Trường Đại học Y

tế Công cộng, 2021 - 06/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng và nhu cầu nhân lực y tế đào tạo theo chế độ cử tuyển và theo địa chỉ tại Việt Nam. Phân tích những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai, thực hiện các chính sách đào tạo và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực y tế theo chế độ cử tuyển và theo địa chỉ tại Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 19145

50401. Xã hội học nói chung

79638. 05-2022 **Bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên trong bối cảnh hội nhập quốc tế mới/** TS. Vũ Tuấn Hưng, PGS.TS. Đặng Minh Đức; TS. Đinh Mạnh Tuấn; PGS.TS. Nguyễn An Hà; TS. Nguyễn Duy Thụy; PGS.TS. Vũ Thị Hải Yến; PGS.TS. Nguyễn Duy Lợi; TS. Bùi Ngọc Quang; ThS. Hoàng Thị Hải Yến; ThS. Nguyễn Hồng Quang; ThS. Vũ Thị Phương Giang; CN. Trần Thị Hải Yến; TS. Phạm Hải Hưng; ThS. Chử Thị Nhuận; ThS. Vũ Thanh Hà; ThS. Trần Đình Hưng; ThS. Nguyễn Thị Phương Dung; ThS. Trần Thị Khánh Hà; TS. Cao Tuấn Phong; ThS. Lê Đức Tín; ThS. Hồ Thị Thu Huyền; ThS. Đoàn Văn Tình; Nguyễn Thị Hà Trang - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Âu, 2020 - 08/2017 - 02/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ. Phân tích tiềm năng, thực trạng bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên trong bối cảnh hội nhập quốc tế mới; Đánh giá kết

quả tích cực, hạn chế và nguyên nhân. Đề xuất quan điểm và giải pháp chính sách nhằm bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên trong bối cảnh hội nhập quốc tế mới.

Số hồ sơ lưu: 18678

80119. 05-2022 **An ninh việc làm đối với người lao động tại các khu công nghiệp trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước/** TS. Nguyễn Thị Thanh Hương, PGS. TS. Bùi Quang Tuấn; PGS. TS. Nguyễn An Hà; TS. Đặng Thị Phương Hoa; TS. Khúc Thị Thanh Vân; TS. Đỗ Tá Khánh; TS. Nguyễn Đình Chúc; TS. Nguyễn Kim Toàn; TS. Hà Hữu Nga; ThS. Nguyễn Hồng Quang; ThS. Bùi Việt Cường; ThS. Trần Minh; ThS. Lê Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Hồng Anh; ThS. Phan Thị Song Thương; ThS. Nguyễn Thị Thục - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, 2020 - 06/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ cơ sở lý luận về an ninh việc làm (ANVL) đối với người lao động tại các khu công nghiệp (KCN) trong bối cảnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa của Việt Nam. Làm rõ thực trạng ANVL đối với người lao động tại các KCN trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam thời gian qua. Dự báo xu hướng và đề xuất giải pháp chính sách đảm bảo ANVL đối với người lao động tại các KCN trong bối cảnh mới của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18954

80549. 05-2022 **Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Công tác dân vận trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế/** ThS. Trương Thị Mai, GS. TS. Nguyễn Xuân Thắng; GS. TS. Phùng Hữu Phú; CN. Nguyễn Thế Trung; TS. Hà Ngọc Anh; ThS. Bùi Tuấn Quang; TS. Nguyễn Văn Hùng; PGS.TS. Lê Văn Lợi; PGS.TS. Nguyễn Văn Giang; ThS. Đỗ Văn Dũng; ThS. Lâm Văn Đoàn; ThS. Nguyễn Thị Tố Nga; ThS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Trần Việt Hưng; TS. Thào Xuân Sùng - Hà Nội - Ban Dân vận Trung ương, 2021 - 06/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ cơ sở lý luận của việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận (CTDV) trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế; Đánh giá thực trạng (những thành tựu, hạn chế) của việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với CTDV; phân tích và làm rõ các nguyên nhân, nhân tố ảnh hưởng (tích cực và tiêu cực); những cơ hội và thách thức đối với việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với CTDV trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế; Đề xuất quan điểm và giải pháp đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với CTDV trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế

Số hồ sơ lưu: 19070

80609. 05-2022 **Nghiên cứu các yếu tố thúc đẩy tính sáng tạo của thanh niên hiện nay/** TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, CN. Đỗ Minh Hoàng; TS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Văn Quý; Vũ Minh Ngọc; TS. Đỗ Thị Thu Hằng; ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh; Lê Văn Phương; Kiều Thúy Hạnh; TS. Phùng Thế Hùng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Thanh niên, 2020 - 04/2021 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát thực trạng tính sáng tạo và các yếu tố thúc đẩy, các yếu tố cản trở tính sáng tạo của thanh niên trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Mô tả thực trạng tính sáng tạo của thanh niên trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Phân tích các yếu tố thúc đẩy, các yếu tố cản trở tính sáng tạo của thanh niên trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đề xuất một số giải pháp và đưa ra một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy tính sáng tạo của thanh niên trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 19081

80971. 05-2022 **Những vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng dân tộc Hoa ở Việt Nam hiện nay/** PGS. TS. Nguyễn Thị Huyền Sâm, TS. Nguyễn Công Trí; PGS. TS. Bùi Văn Huyền; PGS.TS. Nguyễn Duy Bình; PGS.TS. Nguyễn Thanh Xuân; PGS.TS. Phạm Minh Anh; CN. Đinh Hồng Vân; PGS.TS. Dương Văn Huy; PGS.TS. Nguyễn Văn Sửu - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2021 - 04/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận, thực tiễn và xác định khung lý thuyết

nghiên cứu về cộng đồng dân tộc Hoa và những vấn đề cơ bản, cấp bách trong phát triển kinh tế - xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số nói chung, đồng bào dân tộc Hoa nói riêng. Tổng kết kinh nghiệm của một số quốc gia trong phát triển kinh tế - xã hội cộng đồng dân tộc thiểu số. Đánh giá kết quả, hiệu quả, tác động của các chính sách phát triển kinh tế - xã hội đồng bào dân tộc Hoa của nhà nước Việt Nam từ năm 1986 đến nay. Nghiên cứu những vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng dân tộc Hoa ở Việt Nam hiện nay. Dự báo các xu hướng vận động của những vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng dân tộc Hoa ở Việt Nam trong thời gian tới. Đề xuất quan điểm và giải pháp cơ chế, chính sách nhằm phát triển kinh tế - xã hội đồng bào dân tộc Hoa Việt Nam đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 19261

50402. Nhân khẩu học

80608. 05-2022 **Luận cứ khoa học và giải pháp bố trí dân cư phục vụ phát triển bền vững, đảm bảo an ninh quốc phòng hệ thống đảo ven bờ Việt Nam/** TS. Lê Văn Hương, TS. Nguyễn Thu Nhung; GS. TS. Nguyễn Việt Thịnh; PGS. TS. Nguyễn Ngọc Khánh; GS. TS. Nguyễn Khanh Vân; PGS. TS. Nguyễn Đăng Hội; TS. Hoàng Thị Thu Hương; TS. Đỗ Văn Thanh; TS. Mai Thành Tân; PGS.TS. Phan Thị Thanh Hằng; TS. Đỗ Ngọc Thành; TS. Phạm Thị Trâm; ThS. Đặng Thị Ngọc - Hà Nội - Viện Địa lý, 2020 - 09/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác lập được cơ sở khoa học cho bố trí hợp lý dân cư tại hệ thống đảo ven bờ ; Đánh giá tác động của quá trình di dân, tái định cư đến kinh tế và môi trường sinh thái; Đề xuất giải pháp bố trí dân cư hợp lý phục vụ phát triển bền vững, đảm bảo an ninh - quốc phòng hệ thống đảo ven bờ Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19076

50404. Dân tộc học

79651. 05-2022 **Tình hình của các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay/** TS. Phạm Thu Trang, TS. Tạ Thị Vân Hà; TS. Trần Thị Huyền; ThS. Lương Thị Thu Trang; ThS. Đoàn Thị Quý; ThS. Nguyễn Thị Lê; ThS. Nguyễn Văn Mão - Hà Nội - Viện Thông tin Khoa học, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp và cung cấp những thông tin chính, cập nhật, khoa học và tương đối có hệ thống về tình hình của các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Khái quát các thông tin chính, cập nhật về các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Tổng hợp các thông tin về các nhân tố tác động đến tình hình của các tôn giáo ở Việt Nam và một số đặc điểm trong đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Tổng hợp thông tin về một số xu hướng chung của các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 18690

79722. 05-2022 **Nghiên cứu, đề xuất chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030/** TS. Hoàng Xuân Lương, PGS. TS. Ngô Quang Sơn; ThS. Phan Văn Cương; PGS. TS. Lê Ngọc Thắng; TS. Nguyễn Đỗ

Anh Tuấn; TS. Trịnh Quang Cảnh; ThS. Hà Việt Quân; ThS. Nguyễn Thế Hoàng; ThS. Nguyễn Thị Nhiên; ThS. Hà Quang Khuê; CN. Vũ Minh Tuấn; KS. Ngô Thành Trung; KS. Cao Cường; CN. Tô Minh Huân; CN. Nguyễn Thị Hiếu; CN. Trần Công Hiếu; TS. Trần Thùy Dương; ThS. Trần Quốc Hùng - Hà Nội - Viện Chiến lược và chính sách dân tộc, Học viện Dân tộc, 2020 - 03/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa, làm rõ cơ sở lý luận, bài học kinh nghiệm về xây dựng chiến lược phát triển, chiến lược công tác dân tộc; Đánh giá, làm rõ tình hình thực hiện, kết quả, hạn chế của Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; Đánh giá, làm rõ thực trạng tình hình và dự báo những vấn đề đặt ra về kinh tế, xã hội vùng ở dân tộc thiểu số cần phải tập trung giải quyết trong thời gian tới; Đề xuất cơ sở khoa học, dự thảo nội dung Chiến lược Công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030.

Số hồ sơ lưu: 18762

79745. 05-2022 **Đánh giá hiệu quả, tác động của chính sách bảo vệ và phát triển rừng đối với đồng bào dân tộc thiểu số/** GS. TS. Đặng Kim Vui, PGS. TS. Trần Quốc Hưng; TS. Vũ Tấn Phương; TS. Kiều Thị Thu Hương; TS. Nguyễn Thị Thanh Hà; PGS. TS. Ngô Thị Thanh Quý; TS. Nguyễn Thị Thu Hoàn; TS. Đỗ Hoàng Chung; TS. Lê Văn Phúc; ThS. Nguyễn Văn Mạn - Thái Nguyên - Đại học Thái Nguyên, 2020 - 06/2017 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở khoa học của chính sách bảo vệ và phát triển rừng đối với đồng bào DTTS. Tổng quan chính sách bảo vệ và phát triển rừng đối với sản xuất và đời sống của đồng bào DTTS từ năm 1986 đến nay; tổng quan công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng vùng DTTS từ năm 1986 đến nay. Nghiên cứu và làm rõ hiệu quả và tác động của chính sách bảo vệ và phát triển rừng đối với đồng bào DTTS từ năm 1986 đến nay. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả, hiệu quả và tác động của chính sách bảo vệ và phát triển rừng đối với đồng bào DTTS từ giai đoạn 1986 đến nay. Đề xuất các giải pháp cơ chế, chính sách phù hợp, hiệu quả về bảo vệ và phát triển rừng gắn với lợi ích của đồng bào DTTS góp phần phát triển bền vững vùng DTTS trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 18761

79757. 05-2022 **Những vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng dân tộc Khmer tại Việt Nam hiện nay/** TS. Nguyễn Thị Huệ, ThS. Nguyễn Đình Chiêu; PGS. TS. Phạm Tiết Khánh; ThS. Lâm Vĩnh Phương; TS. Dương Thành Trung; TS. Phú Văn Hân; TS. Võ Công Nguyên; TS. Phan Tân; TS. Huỳnh Thanh Quang; PGS.TS. Phan An - Trà Vinh - Trường Đại học Trà Vinh, 2020 - 04/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và xác định khung lý thuyết nghiên cứu những vấn đề cơ bản và cấp bách trong phát triển bền vững của cộng đồng DTTS nói chung và dân tộc Khmer ở Việt Nam nói riêng; bài

học kinh nghiệm của một số quốc gia trong nhận diện và giải quyết những vấn đề cơ bản và cấp bách trong phát triển bền vững của cộng đồng DTTS. Đánh giá kết quả, hiệu quả, tác động của các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc Khmer từ năm 1986 đến nay. Nhận diện những vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng dân tộc Khmer ở Việt Nam hiện nay. Phân tích bối cảnh tình hình, dự báo các xu hướng vận động của những vấn đề trong cộng đồng dân tộc Khmer thời gian tới. Đề xuất quan điểm, giải pháp cơ chế, chính sách nhằm phát triển bền vững vùng dân tộc Khmer đến năm 2030

Số hồ sơ lưu: 18764

79772. 05-2022 **Thực hiện dân chủ cơ sở trong vùng dân tộc thiểu số nước ta: Thực trạng, những vấn đề đặt ra/** PGS. TS. Nguyễn Tài Đông, PGS. TS. Nguyễn Thu Nghĩa; GS. TS. Phạm Văn Đức; TS. Nguyễn Đình Hòa; TS. Trần Tuấn Phong; PGS. TS. Cao Thu Hằng; PGS. TS. Lê Thanh Sang; ThS. Nguyễn Đức Nguyên; PGS. TS. Nguyễn Văn Chiêu; TS. Nguyễn Xuân Cường - Hà Nội - Viện Triết học, 2020 - 06/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về dân chủ cơ sở vùng dân tộc thiểu số: Khái niệm, nội hàm; đặc điểm; khung phân tích; bài học kinh nghiệm về đảm bảo dân chủ cơ sở ở vùng dân tộc của Trung Quốc. Đánh giá, phân tích kết quả, hiệu quả, tác động thực hiện dân chủ cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số từ đổi

mới đến nay; làm rõ những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân. Nhận diện, phân tích những vấn đề đặt ra trong dân chủ cơ sở ở vùng dân tộc hiện nay. Đề xuất các quan điểm, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở trong vùng dân tộc thiểu số nước ta đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 18787

80629. 05-2022 **Những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển con người vùng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa/** TS. Nguyễn Đình Tuấn, PGS. TS. Mai Quỳnh Nam; TS. Đào Thị Minh Hương; TS. Nguyễn Ngọc Trung; ThS. Phan Văn Cương; PGS.TSKH. Trịnh Thị Kim Ngọc; PGS.TS. Nguyễn Văn Minh; TS. Nguyễn Thị Như Trang; TS. Nguyễn Hồng Vĩ; CN. Lê Mạnh Hùng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Con người, 2020 - 04/2016 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ một số vấn đề lý luận về phát triển con người (PTCN) và phát triển con người vùng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay. Tìm hiểu kinh nghiệm chính sách về phát triển con người vùng dân tộc thiểu số của một số quốc gia trên thế giới và bài học cho Việt Nam. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển con người vùng dân tộc thiểu số ở nước ta trong giai đoạn từ 2010 đến nay. Phân tích, đánh giá tác động của chính sách và các nhân tố cơ bản đến phát triển con người vùng dân tộc thiểu số ở nước ta trong giai đoạn từ 2010 đến nay. Nhận diện một số vấn

đề cơ bản về phát triển con người vùng dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay. 6. Đề xuất một số quan điểm, giải pháp cơ bản phát triển con người vùng DTTS đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Số hồ sơ lưu: 19072

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội

79647. 05-2022 **Giải pháp phát triển thể dục thể thao quần chúng tại các khu công nghiệp, khu chế xuất/** PGS.TS. Tạ Hữu Hiếu, ThS. Ngô Sách Thọ; PGS.TS. Trần Tuấn Hiếu; PGS.TS. Ngô Hải Hưng; TS. Nguyễn Văn Đức; TS. Nguyễn Xuân Hường; ThS. Nguyễn Văn Bách; TS. Hồ Mạnh Trường; TS. Phạm Việt Hùng; ThS. Nguyễn Văn Thạch - Bắc Ninh - Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển thể dục thể thao quần chúng tại các khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất (KCX). Xác định nội dung, hình thức hoạt động thể dục thể thao (TĐTT) quần chúng tại các khu công nghiệp, khu chế xuất và các yếu tố ảnh hưởng tới TĐTT quần chúng tại KCN, KCX. Đánh giá thực trạng phát triển TĐTT quần chúng tại các khu công nghiệp, khu chế xuất. Đề xuất các giải pháp phát triển TĐTT quần chúng tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Số hồ sơ lưu: 18695

79676. 05-2022 **Quan hệ hôn nhân, gia đình và thân tộc của các**

cộng đồng cư dân đa tộc người ở Nam Bộ/ TS. Võ Công Nguyên, ThS. Nguyễn Thị Nhung; TS. Phan Văn Dốp; TS. Phú Văn Hãn; ThS. Nguyễn Tấn Dân; CN. Nguyễn Văn Bình; ThS. Lê Thế Vững; CN. Nguyễn Thị Soa - TP. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định các khuôn khổ lý thuyết về hôn nhân, gia đình và thân tộc, về quá trình tộc người và quan hệ tộc người và về xung đột tộc người để tiếp cận nghiên cứu quan hệ hôn nhân, gia đình và thân tộc của các cộng đồng dân cư đa tộc người ở Nam Bộ theo dòng lịch đại và đồng đại. Nhận diện quan hệ hôn nhân khác tộc người hợp thành gia đình và thân tộc đa tộc người hay đa văn hóa ở Nam Bộ trước năm 1975. Phân tích thực trạng, lý giải xu hướng và động thái quan hệ hôn nhân khác tộc người và khác tôn giáo, quan hệ gia đình và thân tộc đa tộc người hay đa văn hóa ở Nam Bộ sau năm 1975, nhất là từ năm 1986 đến nay. Đề xuất các nhóm giải pháp định hướng điều hòa các mối quan hệ xã hội trong quan hệ hôn nhân khác tộc người và khác tôn giáo, quan hệ gia đình và thân tộc đa tộc người hay đa văn hóa ở Nam Bộ theo hướng phát triển bền vững cộng đồng, sự hòa hợp giữa các tộc người và hội nhập xã hội vào một quốc gia chung hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 18723

79684. 05-2022 Giám sát xã hội đối với thu nhập, tài sản và hành vi của cán bộ, công chức, viên

chức theo yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa/ PGS. TS. Nguyễn Vũ Hoàng, PGS. TS. Vũ Văn Hà; PGS. TS. Trương Hồ Hải; TS. Đặng Công Huân; TS. Trần Duy Hưng; TS. Nguyễn Văn Chung; TS. Lê Đăng Khoa; ThS. Nguyễn Mạnh Quang; ThS. Đinh Thị Hương Giang; ThS. Kim Ngọc Đàm - Hà Nội - Tạp chí Cộng sản, 2020 - 11/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Luận chứng cơ sở lý luận của giám sát xã hội đối với thu nhập, tài sản và hành vi của cán bộ, công chức, viên chức trong điều kiện nhà nước pháp quyền. Nghiên cứu các mô hình và kinh nghiệm quốc tế về giám sát xã hội đối với thu nhập, tài sản và hành vi của cán bộ, công chức, viên chức gắn với các chủ thuyết phát triển (tự do, dân chủ xã hội, xã hội chủ nghĩa, giá trị Á Đông). Nhận diện, đánh giá tình hình biến động cơ cấu và phân tầng thu nhập cá nhân, sự đa dạng hóa loại hình và nguồn gốc tài sản, sự phức tạp của tình hình rửa tiền, hợp pháp hóa nguồn gốc tài sản bất minh (tẩu tán tài sản, chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển tiền ra nước ngoài, đầu tư mờ ám ...) có được của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức do địa vị chính trị và chuyên môn ngành nghề mang lại. Phân tích, đánh giá thực trạng giám sát xã hội đối với thu nhập, tài sản và hành vi của cán bộ, công chức, viên chức Việt Nam hiện nay. Đề xuất kiến nghị, quan điểm, giải pháp hoàn thiện mô hình, đổi mới cơ chế, hương thức và nâng cao hiệu quả giám sát xã hội đối với thu nhập, tài

sản và hành vi của cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18708

79741. 05-2022 **Hạnh phúc tại nơi làm việc của lao động nữ Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam/** GS. TS. Đặng Nguyên Anh, GS. TS. Đặng Nguyên Anh; GS. TS. Nguyễn Hữu Minh; PGS. TS. Lã Thị Thu Thủy; PGS. TS. Phan Thị Mai Hương; TS. Nghiêm Thị Thủy; CN. Nguyễn Minh Phương; ThS. Trần Thanh Vân; ThS. Võ Thị Vương Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Bùi Thị Lan Hương - Hà Nội - Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2021 - 10/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng khung lý luận cho vấn đề cần nghiên cứu. Đánh giá mức độ hạnh phúc tại nơi làm việc của lao động nữ tại Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (VASS). Xác định những yếu tố ảnh hưởng đến hạnh phúc tại nơi làm việc của lao động nữ tại VASS. Đề xuất những khuyến nghị đối với lãnh đạo VASS và lãnh đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc nhằm giúp lao động nữ hạnh phúc hơn trong công việc.

Số hồ sơ lưu: 18766

80058. 05-2022 **Những vấn đề lý luận và thực tiễn về dư luận xã hội ở vùng dân tộc thiểu số nước ta trong bối cảnh toàn cầu hóa/** TS. Phan Tân, ThS. Lê Quang Ngọc; GS.TS. Tô Duy Hợp; PGS.TS. Bế Trung Anh; TS. Đặng Thị Minh Lý; PGS.TS. Nguyễn Văn Chiêu; TS. Lê

Thị Hồng Nhung; PGS.TS. Đặng Ánh Tuyết; TS. Nguyễn Diệu Hương; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Hà Nội - Học viện Khoa học xã hội, 2021 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về dư luận xã hội (DLXH), thực trạng nghiên cứu DLXH ở vùng dân tộc thiểu số (DTTS) từ Đổi mới đến nay. Nhận diện những vấn đề cơ bản, cấp bách trong nghiên cứu DLXH ở vùng DTTS, từ đó đề xuất quan điểm, phương pháp và giải pháp cơ bản nhằm tăng cường công tác thăm dò, nắm bắt, xử lý, định hướng DLXH ở vùng DTTS nước ta trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Số hồ sơ lưu: 18930

80299. 05-2022 **Chất lượng tham gia của cán bộ nữ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở/** TS. Trần Thị Hồng, ThS. Trần Thị Thanh Loan; ThS. Lê Thị Hồng Hải; ThS. Phan Huyền Dân; ThS. Đặng Thanh Nhàn; ThS. Hà Thị Minh Khương; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu gia đình và giới, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu vị trí công tác, công việc đảm nhận của cán bộ nữ trong hệ thống chính trị cơ sở. Làm rõ mức độ tham gia, chất lượng tham gia của cán bộ nữ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở, xác định những điểm mạnh và điểm hạn chế của cán bộ nữ trong hoạt động chính trị nhằm tăng cường năng lực tham gia, tính hiệu quả của sự tham gia trong hệ thống chính trị cấp cơ sở. Nhận diện những yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng

tham gia của cán bộ nữ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở, bao gồm: các yếu tố cơ chế, chính sách, hoạt động can thiệp, các rào cản xã hội, các yếu tố gia đình, cá nhân,... nhằm giảm thiểu những yếu tố rào cản và tăng cường các yếu tố thúc đẩy.

Số hồ sơ lưu: 18995

80683. 05-2022 Nâng cao hiệu quả tham gia của người dân trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long/ TS. Nguyễn Trọng Bình, ThS. Nguyễn Văn Trai; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh; CN. Lê Ngọc Hân; ThS. Võ Thị Phiên; ThS. Nguyễn Thành Trung - Cần Thơ - Học viện Chính trị khu vực IV, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về sự tham gia của người dân trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Phân tích, đánh giá thực trạng về sự tham gia của người dân (STGCND) trong quá trình xây dựng nông thôn mới (XDNTM) ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân của hạn chế và vấn đề đặt ra cần giải quyết hiện nay. Đề xuất quan điểm và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tham gia của người dân trong quá trình XDNTM ở khu vực ĐBSCL.

Số hồ sơ lưu: 19098

80731. 05-2022 Nghiên cứu giải pháp của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong phòng chống xâm hại trẻ em/ ThS. Phạm Thị Thanh Mai, ThS. Nguyễn Thị Bình; ThS. Phan Thị Thảo; ThS. Bùi Phương Thảo;

ThS. Phan Thị Tâm; TS. Phạm Ngọc Linh; ThS. Nguyễn Ngọc Tùng; CN. Nguyễn Thu Ngân; CN. Đặng Thị Nam Phương; ThS. Hoàng Thu Hà - Hà Nội - Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò của Đoàn Thanh niên cộng sản (TNCS) Hồ Chí Minh trong phòng chống xâm hại trẻ em. Đánh giá thực trạng công tác phòng chống xâm hại trẻ em của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong phòng chống xâm hại trẻ em.

Số hồ sơ lưu: 19130

80749. 05-2022 Văn hóa gia đình ở nước ta trước tác động của mạng xã hội/ TS. Lê Thị Bích Thủy, TS. Nguyễn Huy Phòng; PGS. TS. Phạm Duy Đức; PGS. TS. Nguyễn Toàn Thắng; TS. Vũ Thị Phương Hậu; PGS. TS. Nguyễn Thị Hương; TS. Lương Huyền Thanh; PGS. TS. Đoàn Thế Hanh; TS. Lê Trung Kiên; TS. Nguyễn Việt Anh; TS. Nguyễn Thị Tuyên; ThS. Đặng Thị Tuyết; ThS. Nghiêm Thu Nga; ThS. Bùi Thị Kim Chi - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hoá một số vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa gia đình, sự biến đổi văn hóa gia đình, tác động của mạng xã hội đến văn hóa gia đình. Đánh giá một cách tổng thể thực trạng những tác động tích cực và tiêu cực của mạng xã hội đối với

văn hóa gia đình ở nước ta hiện nay, chỉ rõ những nguyên nhân và những vấn đề đặt đối với văn hóa gia đình trước tác động của mạng xã hội. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm phát huy những tác động tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực của mạng xã hội đối với văn hóa gia đình ở nước ta. Nghiên cứu, đề xuất kiến nghị về mặt chính sách xây dựng văn hóa gia đình trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 19133

80768. 05-2022 **Nghiên cứu các giải pháp xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ ở Việt Nam hiện nay/** PGS. TS. Đào Thị Ái Thi, ThS. Dương Thanh Phong; ThS. Nguyễn Xuân Quỳnh; PGS. TS. Nguyễn Trọng Điều; PGS. TS. Vũ Duy Yên; CN. Cù Thị Hà; CN. Dương Thanh Phúc; ThS. Nguyễn Xuân Thắng; ThS. Lê Thanh Hà; ThS. Đào Thị Hương Trà; TS. Nguyễn Quang Vinh; ThS. Nguyễn Thị Thúy Vân; ThS. Nguyễn Công Huân; ThS. Phạm Thị Huyền; ThS. Võ Mạnh Hà; ThS. Cao Thị Mỹ Dung - Hà Nội - Viện Khoa học Lãnh đạo và Quản lý, 2020 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ (KH-CN). Đánh giá thực trạng xã hội hóa (XHH) và quản lý nhà nước về XHH trong phát triển KH-CN ở Việt Nam trong những năm vừa qua, trong đó có khảo sát mẫu đại diện ở ba địa phương (Hà Nội, Ninh Bình, Hà Giang). Phân tích mặt được, mặt chưa được và nguyên

nhân của những hạn chế, yếu kém trong quá trình XHH hoạt động KH-CN ở nước ta. Trên cơ sở các định hướng chính trị - pháp lý; khoa học - thực tiễn, đề tài đề xuất các giải pháp thúc đẩy XHH hoạt động KH-CN hiện nay ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19144

50501. Luật học

79768. 05-2022 **Quản lý Hải quan và tạo thuận lợi thương mại trong bối cảnh thực hiện các cam kết Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) của Việt Nam/** ThS. Nguyễn Anh Tuấn, ThS. Nguyễn Trường Giang ThS. Nguyễn Bình Minh; ThS. Nguyễn Đăng Chinh; ThS. Nguyễn Thanh Bình; ThS. Nguyễn Thanh Sang; ThS. Nguyễn Thị Kim Hà; ThS. Nguyễn Hữu Phúc; ThS. Đàm Viết Nghị; ThS. Nguyễn Thanh Toàn - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Hải quan, Tổng cục Hải quan, 2021 - 09/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu nội dung quản lý hải quan và tạo thuận lợi thương mại trên cơ sở các cam kết tại Chương 5 của Hiệp định CPTPP. Hệ thống hóa các quy định của Pháp luật trong lĩnh vực Hải quan và so sánh, đối chiếu với các cam kết về hải quan tại Chương 5 Hiệp định CPTPP Đề xuất các giải pháp hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về Hải quan nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước về hải quan và thực hiện cam kết quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 18779

79769. 05-2022 **Vai trò của cơ quan hải quan trong thực hiện**

cam kết quốc tế về phòng chống rửa tiền/ TS. Nguyễn Hồng Phong, ThS. Đặng Công Thành ThS. Lê Thị Thanh Bình; ThS. Nguyễn Thùy Dương; ThS. Nguyễn Thị Xuân; ThS. Nguyễn Mạnh Cường; ThS. Hoàng Anh Chiến; ThS. Trịnh Thị Thu Hiền; ThS. Trịnh Thị Kim Tiến; CN. Phạm Duyên An - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Hải quan, Tổng cục Hải quan, 2020 - 09/2019 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về rửa tiền và phòng chống rửa tiền qua biên giới, các cam kết quốc tế về phòng chống rửa tiền Việt Nam tham gia; Thực trạng việc thực hiện các cam kết quốc tế về phòng chống rửa tiền của Hải quan Việt Nam; Khuyến nghị của Tổ chức Hải quan thế giới cho Hải quan các nước thành viên trong thực hiện các cam kết quốc tế về phòng chống rửa tiền; Đề xuất các giải pháp nâng cao vai trò của cơ quan Hải quan Việt Nam trong thực hiện các cam kết quốc tế về phòng chống rửa tiền.

Số hồ sơ lưu: 18777

80013. 05-2022 Hoàn thiện khung khổ pháp luật tài chính đến năm 2030, tầm nhìn 2035/ ThS. Hồ Thị Hằng, ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Chi; ThS. Nguyễn Thị Việt Anh; CN. Vi Thị Phương Nhung; ThS. Đoàn Thị Huyền; CN. Hồ Nguyên Bình; ThS. Phạm Quang Huy; CN. Nguyễn Văn Đoàn; ThS. Hoàng Ngọc Diệp; ThS. Nguyễn Thị Hoàng Yến - Hà Nội - Vụ Pháp chế, 2020 - . (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu làm rõ khái niệm về pháp luật, pháp luật tài chính, khung

khô pháp luật tài chính, hoàn thiện khung khổ pháp luật tài chính; vai trò của khung khổ pháp luật tài chính đối với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về hoàn thiện khung khổ pháp luật nói chung và pháp luật về tài chính nói riêng, từ đó rút ra bài học cho Việt Nam. Đánh giá kết quả việc xây dựng và hoàn thiện khung khổ pháp luật tài chính giai đoạn 2005-2020 trong 08 lĩnh vực: thuế, phí, lệ phí; hải quan; tài chính – ngân sách; quản lý tài sản công; thị trường tài chính và dịch vụ tài chính; quản lý giá; tài chính doanh nghiệp; dự trữ quốc gia. Trên cơ sở kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế trong việc xây dựng, hoàn thiện khung khổ pháp luật tài chính giai đoạn 2005-2020 trên các lĩnh vực, đưa ra những định hướng để góp phần hoàn thiện khung khổ pháp luật tài chính giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn 2035.

Số hồ sơ lưu: 18890

80612. 05-2022 Nghiên cứu lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường trong hệ thống pháp luật chuyên ngành/ TS. Mai Thanh Dung, ThS. Nguyễn Minh Khoa; TS. Nguyễn Sỹ Linh; PGS. TS. Phạm Văn Lợi; PGS. TS. Nguyễn Mạnh Khải; TS. Hoàng Xuân Long; ThS. Lê Tuấn Sơn; TS. Lê Thị Kim Dung; TS. Trần Tú Cường; TS. Nguyễn Tùng Lâm - Hà Nội - Viện Chiến lược, Chính sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2020 - 08/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định cơ sở lý luận và thực tiễn lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi

trường trong hệ thống pháp luật chuyên ngành đầu tư, xây dựng, địa chất khoáng sản, đất đai và khoa học công nghệ (hệ thống pháp luật); Xác định những nội dung cơ bản về bảo vệ môi trường cần phải được đưa vào hệ thống pháp luật Việt Nam; Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường trong hệ thống pháp luật chuyên ngành; Thử nghiệm lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường trong pháp luật một (01) chuyên ngành lựa chọn; Kiến nghị được kế hoạch lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường trong các hệ thống pháp luật chuyên ngành.

Số hồ sơ lưu: 19078

80763. 05-2022 **Đổi mới mô hình quản trị đại học luật đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động và thực hiện tự chủ đại học/** PGS.TS. Vũ Thị Lan Anh, PGS.TS. Cao Thị Oanh; TS. Phạm Đỗ Nhật Tiến; TS. Đoàn Trung Kiên; TS. Võ Thị Kim Oanh; PGS. TS. Phạm Thị Giang Thu; PGS. TS. Nguyễn Bá Bình; ThS. Lê Thị Diễm Hằng; ThS. Phạm Thị Mỹ Linh; ThS. Nguyễn Quang Huy; TS. Bùi Minh Hồng; ThS. Trần Phương Anh; ThS. Vũ Thùy Trang; ThS. Nguyễn Thị Bích Hồng; ThS. Phan Vũ; TS. Trần Thanh Tuấn - Hà Nội - Trường Đại học Luật Hà Nội, 2020 - 04/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng kết những vấn đề lý luận về mô hình quản trị đại học làm cơ sở đề xác định những mô hình quản trị đại học luật hiệu quả; Đánh giá đúng thực trạng mô hình quản trị đại học luật hiện nay trước yêu cầu của

trường trọng điểm trong đào tạo cán bộ pháp luật của Việt Nam, của tự chủ đại học, trong đó chỉ rõ ưu điểm, nhược điểm và nguyên nhân của chúng; Tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quản trị đại học và mô hình quản trị đại học luật của các quốc gia đại diện điển hình của châu Mỹ, châu Âu, Châu Á phù hợp với điều kiện của Việt Nam; Xác định được các định hướng và đề xuất được các cụ thể giải pháp đổi mới mô hình quản trị đại học luật đáp ứng tốt yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động và thực hiện tự chủ đại học.

Số hồ sơ lưu: 19142

80764. 05-2022 **Bình luận khoa học Bộ Luật dân sự năm 2015/** TS. Đinh Trung Tụng, TS. Trần Thị Quang Hồng; ThS. Lê Thị Hoàng Thanh; ThS. Lê Thị Thuý Nga; TS. Nguyễn Thanh Tú; ThS. Nguyễn Hồng Hải; TS. Nguyễn Văn Cương; PGS.TS. Phùng Trung Tập; ThS. Bạch Quốc An; CN. Tường Duy Lượng; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Điện; TS. Bùi Thị Thanh Hằng; PGS.TS. Bùi Đăng Hiếu; PGS.TS. Phan Huy Hồng; TS. Nguyễn Minh Oanh; TS. Nguyễn Chi Lan; TS. Hồ Quang Huy; TS. Võ Đình Toàn; PGS.TS. Vũ Thị Hồng Yên; TS. Nguyễn Minh Tuấn; TS. Vương Thanh Thuý; ThS. Phạm Hồ Hương; ThS. Hoàng Ngọc Bích; ThS. Đỗ Thị Thuý Hằng; CN Ngô Thu Trang; CN. Đinh Thị Phương Hảo; CN. Lưu Thị Phấn; CN. Đinh Văn Linh; CN. Nguyễn Thị Thu - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2018 - 01/2017 - 07/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Giới thiệu bối cảnh của việc hoàn thiện pháp luật dân sự ở nước ta; quan điểm, tư tưởng, nền tảng lý thuyết và quá trình xây dựng bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015; Phân tích, làm rõ nội hàm, ý nghĩa của các quy định của BLDS năm 2015 (các phần, chương và một số điều luật của BLDS), đặc biệt là những quy định mới, quy định được sửa đổi, bổ sung. Yêu cầu về mặt thực thi một số quy định mới, quy định được sửa đổi, bổ sung của BLDS 2015 trên thực tế. Đề xuất định hướng, giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện và thống nhất hệ thống pháp luật Việt Nam, trong đó có pháp luật dân sự.

Số hồ sơ lưu: 19140

80885. 05-2022 **Quản lý, sử dụng tài sản của chính quyền địa phương ở Việt Nam hiện nay - những vấn đề pháp lý đặt ra/ TS.** Trần Thị Quang Hồng, ThS. Đỗ Thị Thuý Hằng; PGS. TS. Vũ Thị Hồng Yên; PGS. TS. Dương Đăng Huệ; PGS. TS. Nguyễn Hữu Tri; TS. Nguyễn Xuân Thu; TS. Nguyễn Thị Kim Chung; ThS. Tạ Thị Tài; ThS. Nguyễn Minh Khoa; ThS. Lê Thị Thuý Nga; CN. Lưu Thị Phấn; CN. Hoàng Thị Kim Nhung; CN. Nguyễn Thị Thu - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 03/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về pháp luật đối với quản lý tài sản công ở cấp chính quyền địa phương (bao gồm lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế) nhằm xây dựng những nguyên tắc và quan điểm về pháp luật đối với quản lý, sử dụng tài sản công ở cấp chính quyền địa

phương ở Việt Nam, tập trung vào các vấn đề thẩm quyền, trách nhiệm và cơ chế giám sát. Đánh giá những quy định pháp luật hiện hành về quản lý, sử dụng tài sản công nhằm xác định những bất cập chính trong pháp luật về thẩm quyền, trách nhiệm và cơ chế giám sát đối với quản lý và sử dụng tài sản công ở cấp chính quyền địa phương. Nghiên cứu thực tiễn về những bất cập phát sinh trong việc thực hiện các quy định về thẩm quyền, trách nhiệm và cơ chế giám sát đối với quản lý, sử dụng tài sản công ở cấp chính quyền địa phương. Xác định các yêu cầu hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền, trách nhiệm và cơ chế giám sát đối với quản lý, sử dụng tài sản công ở cấp chính quyền địa phương và kiến nghị một số giải pháp.

Số hồ sơ lưu: 19141

50601. Khoa học chính trị

79956. 05-2022 **Chiến lược an ninh đối ngoại của Trung Quốc thời đại Tập Cận Bình và hàm ý chính sách đối với Việt Nam/ TS.** Hoàng Huệ Anh, ThS. Nguyễn Thanh Giang; PGS. Nguyễn Huy Quý; PGS.TS. Phùng Thị Huệ; TS. Lê Văn Mỹ; ThS. Trần Hải Yên; TS. Đinh Thị Hiền Lương; Trần Thị Thúy Lan - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Trung Quốc, 2020 - 03/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận diện mục tiêu chiến lược an ninh đối ngoại, phương thức Trung Quốc điều động các nguồn lực và sử dụng các công cụ quyền lực để thực hiện các mục tiêu đó nhằm duy trì và bảo vệ sự an toàn quốc gia. Đánh giá hiệu quả, tác

động và đưa ra một vài dự báo đối với chiến lược an ninh đối ngoại của Trung Quốc trong tương lai đối với khu vực và thế giới. Đưa ra một số hàm ý chính sách bao gồm các kiến nghị mang tính nguyên tắc và một số đề xuất cụ thể đối với chính sách đối ngoại của Việt Nam nói chung và đối với Trung Quốc nói riêng.

Số hồ sơ lưu: 18886

79415. 05-2022 Cuộc chiến đấu của quân và dân Việt Nam bảo vệ biên giới phía Bắc Tổ quốc (1979-1989) - Một số kinh nghiệm / TS. Nguyễn Thị Mai Chi , TS. Trần Thị Nhân; PGS. TS. Trần Thị Thu Hương; PGS. TS. Nguyễn Danh Tiên; TS. Nguyễn Bình; TS. Lương Việt Sang; TS. Nguyễn Danh Lợi; TS. Đặng Kim Oanh; TS. Trần Thị Mỹ Hương; TS. Trần Tuấn Sơn - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phục dựng một cách có hệ thống, toàn diện cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc Việt Nam của quân và dân Việt Nam từ năm 1979 đến năm 1989, từ đó, đúc rút một số kinh nghiệm từ cuộc chiến đấu của quân và dân Việt Nam bảo vệ biên giới phía Bắc (1979-1989)

Số hồ sơ lưu: 18564

79682. 05-2022 Thúc đẩy quan hệ Việt Nam với các nước thành viên của Cộng đồng các quốc gia độc lập trong bối cảnh mới/ TS. Vũ Thụy Trang, ThS. Nguyễn Thanh Lan ThS. Trịnh Thị Hiền; TS. Nguyễn Thanh Hương; Nguyễn An Hà (nữ); ThS. Lê Thị Kim Oanh;

Nguyễn Hồng Lâm - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Âu, 2021 - 01/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những nhân tố tác động đến mối quan hệ Việt Nam – Cộng đồng các quốc gia độc lập. Thực trạng quan hệ giữa Việt Nam với nước thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập trên tất cả các lĩnh vực chính trị - ngoại giao - an ninh quốc phòng, kinh tế thương mại, khoa học công nghệ, văn hóa - giáo dục và các lĩnh vực khác từ năm 2014 đến năm 2020. Đánh giá những thuận lợi và khó khăn đối với quan hệ Việt Nam với các nước thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập thời gian qua. Nhận định triển vọng hợp tác giữa Việt Nam và các nước thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập và đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy hiệu quả hợp tác giữa hai bên từ nay đến 2030.

Số hồ sơ lưu: 18706

79767. 05-2022 Vai trò của Hải quan Việt Nam trong quản lý thương mại qua biên giới/ ThS. Lê Xuân Huế, ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Phương Liên; ThS. Nguyễn Ngọc Trâm; CN. Nguyễn Hoàng Nam; ThS. Phạm Thị Thu Hương; ThS. Trần Thị Tuyết Lan; ThS. Lê Văn Nhuận; CN. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Nguyễn Ngọc Tân - Hà Nội - Viện nghiên cứu hải quan, 2020 - 10/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ các cơ sở khoa học của việc tiếp tục phải nâng cao vai trò quản lý thương mại biên giới của Hải quan Việt Nam. - Đánh giá thực trạng vai trò của Hải quan Việt Nam

trong quản lý thương mại biên giới. Đề xuất phương hướng, giải pháp để tiếp tục nâng cao vai trò của Hải quan Việt Nam trong việc quản lý thương mại biên giới trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 18778

80063. 05-2022 **Hợp tác trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc tại Vịnh Bắc Bộ trong bối cảnh mới/** TS. Nguyễn Xuân Cường, ThS. Trần Thị Hải Yến; TS. Bùi Thị Thu Hiền; TS. Đặng Thị Thúy Hà; TS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Chử Đình Phúc; TS. Hà Tuấn Anh; Nguyễn Thị Lan Phương; Lê Anh Tú; Trần Thị Thúy Lan - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Trung Quốc, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận diện, đánh giá thực trạng quan hệ hợp tác trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc tại Vịnh Bắc Bộ; Luận giải những nhân tố mới, bối cảnh mới tác động tới hợp tác triển biển giữa VN và Trung Quốc tại Vịnh Bắc Bộ; Dự báo, triển vọng và đề xuất hàm ý chính sách đối với Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18932

80605. 05-2022 **Cộng hòa Mozambique và khả năng hợp tác của Việt Nam đến năm 2030/** TS. Lê Quang Thắng, PGS. TS. Nguyễn Thanh Hiền; TS. Trần Thùy Phương; TS. Phạm Kim Thư; TS. Trương Đại Lượng; ThS. Trần Anh Đức; ThS. Hoàng Thị Phương; ThS. Lê Bích Ngọc; ThS. Vũ Li Na - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Phi và

Trung Đông, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích điểm đặc tự nhiên, thực trạng phát triển kinh tế, hệ thống chính trị, đặc điểm văn hóa xã hội và quan hệ quốc tế, chính sách đối ngoại hiện nay của quốc gia Mozambique với các khu vực và đối tác chính. Phân tích thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Mozambique. Phân tích cơ hội, khả năng và phương thức hợp tác bổ sung của hai nước. Đồng thời dự báo triển vọng hợp tác và gợi ý chính sách tăng cường hợp tác giữa Việt Nam với Mozambique đến năm 2030, thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện quan hệ Việt Nam - Mozambique trong bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 19085

80994. 05-2022 **Quan điểm và đối sách của Hàn Quốc, Nhật Bản về ý tưởng chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương dưới thời Tổng thống Mỹ Donald Trump – Hàm ý chính sách cho Việt Nam/** PGS. TS. Phạm Quý Long, TS. Phạm Cao Cường; TS. Phan Cao Nhật Anh; TS. Nguyễn Thị Thắm; ThS. Đào Phương Thảo; ThS. Hà Thị Hậu; Lê Hồng Hạnh; CN. Nguyễn Thu Huyền - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu làm rõ quan điểm và phản ứng chính sách của 2 quốc gia: Hàn Quốc và Nhật Bản trước việc Mỹ điều chỉnh và triển khai ý tưởng chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (dưới thời Tổng thống Donald Trump). Từ đó, đánh giá các

xu hướng chủ yếu trong sự điều chỉnh chính sách của Nhật Bản, của Hàn Quốc và hàm ý chính sách cho Việt Nam trong duy trì, thúc đẩy quan hệ chiến lược Việt Nam – Hàn Quốc và cũng như Việt Nam – Nhật Bản trong bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 19269

50602. Hành chính công và quản lý hành chính

79658. 05-2022 **Quản trị nhà nước trong quá trình phát triển ở Việt Nam hiện nay/** PGS.TS. Vũ Thư, CN. Vũ Hoàng Dương; PGS.TS. Vũ Công Giao; PGS.TS. Phạm Hữu Nghị; GS.TS. Phạm Hồng Thái; TS. Dương Nguyệt Nga; ThS. Chu Thị Thanh An; ThS. Nguyễn Thu Dung; TS. Nguyễn Tiến Đức; ThS. Nghiêm Thu Hồng - Hà Nội - Viện Nhà nước và Pháp luật, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Trên cơ sở nhận thức lý luận về quản trị nhà nước và thực tiễn tổ chức, vận hành quản trị nhà nước ở nước ta hiện nay, đề tài nghiên cứu đề xuất các giải pháp chủ yếu về cách thức sử dụng quyền lực nhà nước để quản lý các nguồn lực phục vụ hiệu quả cho phát triển đất nước. Làm sáng tỏ các khía cạnh lý luận cơ bản về quản trị nhà nước: khái niệm, bản chất, cấu trúc, yêu cầu, điều kiện, các đặc trưng của quản trị hiện đại, kinh nghiệm một số nước...Đánh giá thực trạng quản trị nhà nước ở Việt Nam hiện nay trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền, tiến hành quản lý nhà nước. Chỉ ra nguyên nhân của các hạn thành tựu và hạn chế. Đề xuất các

giải pháp xây dựng và hoàn thiện quan trị nhà nước Việt Nam theo hướng hiện đại.

Số hồ sơ lưu: 18685

79688. 05-2022 **Chính sách công so sánh/** PGS. TS. Hồ Việt Hạnh, TS. Vũ Mạnh Toàn; PGS. TS. Nguyễn Khắc Bình; PGS. TS. Hồ Sĩ Sơn; TS. Nguyễn Minh Phú; TS. Nguyễn Thị Hoài; ThS. Nguyễn Minh Nguyệt; ThS. Phan Thị Hạnh Thu - Hà Nội - Học viện Khoa học xã hội, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận về chính sách công, đề tài tập trung nghiên cứu và so sánh quy trình chính sách công ở các thể chế chính trị nhất nguyên và đa nguyên tiêu biểu, rút ra những yếu tố có tính phổ biến và đặc thù, trên cơ sở đó đưa ra các khuyến nghị cho việc xây dựng, hoàn thiện quy trình chính sách công của Việt Nam hiện nay. Làm rõ những vấn đề lý luận chung về chính sách công. Phân tích so sánh quy trình chính sách công giữa các quốc gia có thể chế chính trị đa nguyên như (Anh, Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản) và các quốc gia có thể chế chính trị nhất nguyên như (Trung Quốc, Việt Nam). Rút ra những điểm tương đồng và khác biệt, bài học kinh nghiệm, đưa ra khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng của quy trình chính sách công ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 18712

80037. 05-2022 **Hoàn thiện quản lý nhà nước về Hội, tổ chức phi chính phủ đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã**

hội chủ nghĩa/ TSKH. Nghiêm Vũ Khải, TS. Đặng Vũ Cảnh Linh; GS. TS. Phan Trung Lý; GS. TS. Đặng Cảnh Khanh; PGS. TS. Vũ Công Giao; PGS. TS. Lê Bộ Lĩnh; TS. Lê Công Lương; ThS. Dương Thị Nga; ThS. Đỗ Thị Kim Anh; ThS. Phạm Thị Bích Hồng; PGS. TS. Hoàng Anh, TS. Trương Hồ Hải; PGS. TS. Phạm Huy Kỳ; ThS. Nguyễn Thị Mai Phương - Hà Nội - Liên Hiệp Các Hội Khoa Học Và Kỹ Thuật Việt Nam, 2021 - 06/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, làm rõ nội hàm các khái niệm sử dụng đề tài, tổng hợp những quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm lý thuyết khoa học chuyên ngành và liên ngành, tổng hợp quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước; xây dựng khung lý luận và phương pháp luận trong nghiên cứu quản lý nhà nước về hội, tổ chức phi chính phủ hướng đến xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Tổng kết các bài học lịch sử, bài học kinh nghiệm các nước trong khu vực và thế giới có thể vận dụng vào điều kiện, hoàn cảnh Việt Nam góp phần hoàn thiện quản lý nhà nước về hội, tổ chức phi chính phủ đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nghiên cứu, điều tra, khảo sát, làm rõ thực trạng hoạt động tổ chức hội và tổ chức phi chính phủ, đánh giá thuận lợi, khó khăn, thành tựu, hạn chế, vai trò các tổ chức đối với phát triển kinh tế- xã hội; đánh giá thực trạng hoạt động của quản lý nhà nước về hội và tổ chức phi chính phủ, phân loại nội

dung, phương thức quản lý nhà nước, đánh giá thuận lợi, khó khăn, thành tựu, hạn chế, vướng mắc trong quản lý nhà nước về hội và tổ chức phi chính phủ. Nghiên cứu, phân tích, đánh giá các nhân tố chủ quan và khách quan tác động đến hiệu quả quản lý nhà nước về hội và tổ chức phi chính phủ hiện nay; nghiên cứu, xây dựng và đề xuất hệ thống giải pháp mang tính ổn định và bền vững trong đó có các giải pháp trực tiếp và gián tiếp, giải pháp ngắn hạn và dài hạn; định hướng hoàn thiện quy trình quản lý nhà nước về hội và tổ chức phi chính phủ nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Số hồ sơ lưu: 18923

80194. 05-2022 **Nghiên cứu mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội trong quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam/** PGS. TS. Nguyễn Chí Hiều, PGS. TS. Đoàn Minh Huân; GS. TS. Lê Ngọc Hùng; TS. Lê Hải; PGS. TS. Vũ Văn Hà; PGS. TS. Nguyễn Vũ Hoàng; TS. Phạm Ngọc Hùng; PGS. TS. Nguyễn An Hà; PGS. TS. Nguyễn Đức Chiện; ThS. Phạm Thị Hạnh; ThS. Kim Ngọc Đàm; ThS. Vũ Quỳnh Trang - Hà Nội - Tạp chí Cộng sản, 2021 - 06/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội trong quản lý phát triển xã hội tại Việt Nam hiện nay. Phân tích thực trạng xử lý mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội trong quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam qua 35 năm đổi mới. Phân

tích cơ hội, thách thức, dự báo khả năng hài hòa hóa mối quan hệ “ba bên”, phát huy đầy đủ vai trò nhà nước, thị trường và xã hội trong quản lý phát triển xã hội đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Đề xuất phương hướng và kiến nghị những giải pháp bảo đảm xử lý hài hòa mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội trong quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 18925

50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị

80064. 05-2022 Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc phòng, chống căn bệnh quan liêu, xa dân, coi thường quần chúng của Đảng cầm quyền/ PGS. TS. Bùi Đình Phong, TS. Lê Thị Thu Hồng; ThS. Trần Thị Nhuận; TS. Lý Việt Quang; TS. Lê Thị Hiền; TS. Nguyễn Thị Lương Uyên; ThS. Trần Thị Huyền; ThS. Nguyễn Đình Hoàng; ThS. Phạm Thị Thúy Vân; ThS. Nguyễn Văn Dương - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ một số vấn đề lý luận cơ bản về đảng cầm quyền. Phân tích căn bệnh quan liêu, xa dân, coi thường quần chúng của Đảng cầm quyền theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về các giải pháp phòng chống căn bệnh quan liêu, xa dân, coi thường quần chúng của Đảng cầm quyền. Thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc phòng, chống căn bệnh quan liêu, xa dân, coi thường

quần chúng của Đảng cầm quyền. Nhận diện bệnh quan liêu, xa dân, coi thường quần chúng hiện nay - Đề xuất các giải pháp phòng, chống căn bệnh quan liêu, xa dân, coi thường quần chúng của Đảng cầm quyền hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 18935

50699. Khoa học chính trị khác

79342. 05-2022 Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ Công Thương để thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII/ ThS. Trần Thị Tú Anh, ThS. Nguyễn Văn Hạnh; ThS. Lê An Hải; CN. Nguyễn Thị Thu Phương; ThS. Đào Tuấn Anh; ThS. Phạm Anh Tuấn; CN. Vũ Thị Thu Dung; TS. Nguyễn Huy Bách; ThS. Ngô Minh Hoàn - Hà Nội - Văn phòng Ban cán sự đảng Bộ Công Thương, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về cơ sở lý luận đối với đơn vị sự nghiệp công lập nói chung và đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ Công Thương. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch 04-KH/BCSD của Ban cán sự đảng Bộ Công Thương và thực trạng hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ Công Thương hiện nay. Đề xuất những giải pháp nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 04-KH/BCSD và nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ Công Thương.

Số hồ sơ lưu: 18521

50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội

80116. 05-2022 **Nghiên cứu các nhân tố thúc đẩy và kìm hãm hành vi mua thịt hữu cơ của người tiêu dùng Việt Nam/** PGS. TS. Nguyễn Hoàng Việt, TS. Nguyễn Thế Ninh; ThS. Vũ Phương Anh; GS. TS. Antonio Lobo - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2020 - 02/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa các lý thuyết về hành vi tiêu dùng bền vững; về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua các thực phẩm hữu cơ. Xây dựng mô hình tích hợp các yếu tố thúc đẩy và kìm hãm hành vi mua thực phẩm hữu cơ. Kiểm định và chứng thực mô hình trong bối cảnh nghiên cứu cụ thể: hành vi mua thịt hữu cơ của người tiêu dùng Việt Nam. Nghiên cứu sự khác biệt trong hành vi mua sản phẩm thịt hữu cơ giữa các nhóm khách hàng có đặc điểm nhân khẩu học khác nhau. Đề xuất một số hàm ý giải pháp cho các chủ thể: Nhà nước, doanh nghiệp sản xuất – thương mại, người tiêu dùng Việt Nam nhằm thúc đẩy tiêu dùng bền vững các sản phẩm thịt hữu cơ.

Số hồ sơ lưu: 18952

80924. 05-2022 **Đề xuất mô hình quản lý và phân tích dữ liệu cho Hải quan Việt Nam/** ThS. Cao Huy Tài, KS. Phạm Thành Trung; ThS. Ngô Như An; ThS. Hà Thị Phương Nhi; ThS. Lưu Hồng Vân; ThS. Phan Thanh Duy; ThS. Mai Thị Cẩm Vân; ThS. Nguyễn Thị Phong

Lan; ThS. Lê Việt Phong; ThS. Phạm Văn Tài - Hà Nội - Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan, Tổng cục Hải quan, 2020 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về mô hình quản lý và phân tích dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về hải quan; kinh nghiệm của Hải quan các nước trong việc quản lý và phân tích dữ liệu phục vụ quản lý hải quan. Đánh giá hiện trạng quản lý và phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về hải quan hiện nay ở Việt Nam. Phân tích bối cảnh quốc tế, trong nước và yêu cầu cải cách hiện đại hóa liên quan đến công tác phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về hải quan. Đề xuất mô hình quản lý và phân tích dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về hải quan ở Việt Nam, tập trung vào mô hình, phương pháp và công cụ. Đồng thời, kiến nghị các giải pháp nhằm áp dụng và triển khai mô hình. Các giải pháp triển khai mô hình quản lý và phân tích dữ liệu.

Số hồ sơ lưu: 19253

80975. 05-2022 **Đánh giá tác động của dịch COVID-19 đến hệ thống ngân hàng Việt Nam/** PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh, TS. Phạm Mạnh Hùng; TS. Nguyễn Phi Lâm; ThS. Phạm Tiên Sỹ; ThS. Tạ Thành Long; ThS. Vũ Thị Hồng Nhung; ThS. Nguyễn Vĩnh Hưng; PGS.TS. Lê Thanh Tâm; ThS. Trương Hoàng Diệp Hương; TS. Phạm Đức Anh; CN. Đinh Thế Phúc; CN. Vũ Thu Hương; ThS. Đỗ Văn Lâm - Hà Nội - Học viện Ngân hàng,

2021 - 09/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tác động của dịch COVID-19 tới nền kinh tế Việt Nam (dưới góc độ vĩ mô và ngành nghề kinh doanh) và các biện pháp ứng phó của Chính phủ; Đánh giá tác động của dịch COVID-19 đến hoạt động điều hành của NHNN Việt Nam bao gồm: chính sách tiền tệ (lãi suất, tỷ giá, vàng), chính sách tín dụng, chính sách an toàn vĩ mô, hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) ... Đánh giá tác động của dịch COVID-19 đến hoạt động của NHTM trên các khía cạnh: tín dụng, huy động vốn, nợ xấu, thanh toán, hệ số an toàn vốn, lợi nhuận, an toàn ngân hàng...; đồng thời dự báo những khó khăn, thách thức trong năm 2021. Đánh giá hiệu quả của các biện pháp ứng phó của Chính phủ Việt Nam. Đề xuất các khuyến nghị dành cho Chính phủ, NHNN Việt Nam và NHTM nhằm hạn chế những tác động tiêu cực của dịch COVID-19 đến ngành ngân hàng trong giai đoạn hậu COVID-19.

Số hồ sơ lưu: 19249

80978. 05-2022 **Dur luận xã hội đối với vấn đề an toàn thực phẩm ở Việt Nam hiện nay/** TS. Nguyễn Ngọc Trung, PGS. TS. Mai Quỳnh Nam; TS. Đào Thị Minh Hương; TS. Mai Linh; TS. Nguyễn Thị Thanh Hương; TS. Nguyễn Đình Tuấn; TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Anh; ThS. Phạm Thu Hương; TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Thị Nga - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Con người,

2021 - 06/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ cơ sở lý luận về dư luận xã hội và dư luận xã hội đối với vấn đề an toàn thực phẩm; Phân tích thực trạng dư luận xã hội về tình trạng an toàn thực phẩm ở nước ta hiện nay; Phân tích vai trò của dư luận xã hội về kiểm soát xã hội đối với vấn đề an toàn thực phẩm ở nước ta hiện nay; Phân tích tác động của truyền thông đối với dư luận xã hội về an toàn thực phẩm; Đánh giá hệ quả xã hội của dư luận xã hội đối với vấn đề an toàn thực phẩm; Đề xuất giải pháp nhằm phát huy vai trò của dư luận xã hội đối với vấn đề an toàn thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: 19243

50702. Địa lý kinh tế và văn hoá

79424. 05-2022 **Nghiên cứu tác động tăng năng suất lao động đến phát triển công nghiệp Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thị Thu Bình, ThS. Nguyễn Tô Quỳnh; ThS. Nguyễn Thúy Hiền; CN. Vũ Việt Hùng; ThS. Trần Huy Hoàn; ThS. Nguyễn Thu Hà; CN. Vũ Trí Bình; CN. Nguyễn Tuấn Anh; Tăng Văn Quân; TS. Doãn Thị Mai Hương - Hà Nội - Vụ Kế hoạch, 2017 - 01/2017 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở khoa học về vai trò của năng suất lao động và khung chính sách về nâng cao năng suất lao động. Phân tích, đánh giá hiện trạng về năng suất lao động trong các ngành công nghiệp Việt Nam và các chính sách có liên quan. Đề xuất giải pháp (trong đó tập trung vào các giải pháp về chính sách)

nâng cao năng suất lao động trong phát triển công nghiệp Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18577

79457. 05-2022 **Nghiên cứu khung chính sách phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo khu vực nông nghiệp/** TS. Nguyễn Trung Kiên, CN. Nguyễn Thế Long; ThS. Nguyễn Trọng Khương; ThS. Phạm Thị Hồng Vân; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Việt Hưng; TS. Nguyễn Hà Thị Quỳnh Trang; ThS. Nguyễn Võ Hưng; ThS. Chu Thị Thu Hà; CN. Phạm Thị Thắm - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2019 - 07/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của hệ thống đổi mới sáng tạo (ĐMST) ngành nông nghiệp. Nhận dạng, phân tích thực trạng hệ thống ĐMST trong ngành hàng nông nghiệp lựa chọn ở Việt Nam (cà phê). Đề xuất khung chính sách phát triển hệ thống ĐMST trong ngành nông nghiệp ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18572

79669. 05-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp để phát triển công nghiệp ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam/** PGS.TS. Hà Thị Thu Thủy, PGS.TS. Đàm Thị Uyên; PGS.TS. Đỗ Thị Thuý Phương; PGS.TS. Nguyễn Thế Hùng; PGS.TS. Bùi Quang Tuấn; PGS.TS. Nguyễn Đỗ Anh Tuấn; PGS.TS. Phạm Thành Long; TS. Vũ Tuấn Hưng; TS. Phạm Thị Mai Yên; TS. Đỗ Tá Khánh - Thái Nguyên - Viện nghiên cứu xã hội và nhân văn

miền núi, 2021 - - . (Đề tài cấp Quốc gia)

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận về công nghiệp và phát triển công nghiệp phù hợp với đặc điểm, điều kiện phát triển vùng dân tộc thiểu số; Xác định khung lý thuyết phân tích, đánh giá phát triển công nghiệp ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) Việt Nam; Kinh nghiệm của một số quốc gia trên Thế giới về phát triển công nghiệp vùng DTTS&MN. Nghiên cứu đặc điểm vùng DTTS&MN và ảnh hưởng của các yếu tố này tới PTCN vùng DTTS&MN: các cơ hội, thách thức, tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh và những yếu tố bất lợi của vùng DTTS&MN trong PTCN. Trong đó, đặc biệt chú trọng nghiên cứu, phân tích tình hình thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với việc đầu tư, phát triển công nghiệp ở vùng DTTS&MN từ năm 1986 đến nay. Nghiên cứu, phân tích thực trạng PTCN vùng DTTS&MN giai đoạn từ 1986 đến nay; Đánh giá hiệu quả, tác động của việc phát triển công nghiệp đối với phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN. Dự báo nhu cầu, triển vọng phát triển công nghiệp ở vùng DTTS&MN đến năm 2030. Đề xuất quan điểm, giải pháp, chính sách đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 18694

79677. 05-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình trung tâm đổi mới sáng tạo trong điều kiện hội nhập quốc tế về KH&CN/** ThS. Trần Vũ

Tuấn Phan, ThS. Nguyễn Quốc Đạt; Quách Công Hoàng; ThS. Lê Quang Thái; Nguyễn Thị Nga; Nguyễn Tiến Đạt; Nguyễn Bá Lưu; Nguyễn Tiến Huy; Nguyễn Ngọc Quỳnh; ThS. Phan Xuân Linh - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2020 - 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định cơ sở lý luận và thực tiễn của mô hình trung tâm đổi mới sáng tạo hiện nay trên thế giới và tại Việt Nam. Nhận dạng và phân tích các đặc trưng cơ bản của trung tâm đổi mới sáng tạo. Đề xuất các giải pháp phát triển mô hình trung tâm đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Xây dựng dự thảo đề án thành lập Trung tâm đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển thị trường Khoa học công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 18724

79751. 05-2022 **Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm phát triển kinh tế đêm ở Việt Nam trong lĩnh vực ngành Công Thương/** TS. Vũ Thị Lộc, TS. Nguyễn Thúy Hiền; TS. Trần Huy Hoàn; ThS. Đinh Quốc Công; ThS. Nguyễn Ngọc Phú; ThS. Tống Thị Phương; TS. Vũ Lệ Hằng; TS. Dương Hoàng Anh; TS. Nguyễn Thị Bạch Tuyết; TS. Tăng Thị Hằng - Hà Nội - Vụ Kế hoạch, 2020 - 03/2021 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận về kinh tế đêm và phát triển kinh tế đêm trong lĩnh vực Công Thương. Làm rõ thực trạng và tiềm năng phát triển kinh tế đêm trong lĩnh vực Công Thương ở Việt Nam. Dự báo các xu hướng, triển vọng phát triển kinh tế đêm và đề xuất giải pháp nhằm phát triển

kinh tế đêm ở Việt Nam trong lĩnh vực Công Thương.

Số hồ sơ lưu: 18768

79754. 05-2022 **Vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong quá trình thực hiện chính sách phát triển du lịch ở tỉnh Quảng Nam/** PGS. TS. Hồ Việt Hạnh, ThS. Nguyễn Danh Cường; CN. Phạm Thị Nam Hoàn; ThS. Châu Ngọc Hoè; TS. Trần Thị Thu Hiền; ThS. Phạm Nhật Minh; TS. Nguyễn Thị Thanh Nga; ThS. Vũ Thị Ngọc; ThS. Trần Thị Thái; ThS. Đinh Thế Toàn; TS. Phan Thị Sông Thương - Đà Nẵng - Viện Khoa học Xã hội vùng Trung Bộ, 2020 - 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở lý luận trong nghiên cứu vai trò hệ thống chính trị cơ sở trong quá trình thực hiện chính sách phát triển du lịch; Đánh giá thực trạng vai trò hệ thống chính trị cơ sở tỉnh Quảng Nam trong việc thực hiện chính sách phát triển du lịch; Đề xuất, khuyến nghị giải pháp phát huy vai trò hệ thống chính trị cơ sở trong việc thực hiện chính sách phát triển ở tỉnh Quảng Nam

Số hồ sơ lưu: 18774

79783. 05-2022 **Niềm tin xã hội trước thách thức của phát triển và hội nhập ở vùng Trung Bộ/** PGS. TS. Đoàn Triệu Long, TS. Dương Thanh Mừng; PGS. TS. Nguyễn Văn Lý; PGS. TS. Trương Công Huỳnh Kỳ; PGS. TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc; TS. Lê Văn Định; TS. Lê Văn Phục; ThS. Võ Văn Hoàng; PGS. TS. Nguyễn Văn Mạnh; GS. TS. Hoàng Bá Thịnh; PGS. TS. Nguyễn

Bá Dương; PGS. TS. Phạm Thị Hương Trà; PGS. TS. Lê Văn Đính; PGS. TS. Nguyễn Ngọc Hòa; TS. Phạm Đi; TS. Phan Thanh Giản; TS. Trần Văn Thạch; TS. Lê Xuân Thông; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Hồ Kim Sương - Đà Nẵng - Học viện chính trị khu vực III, 2021 - 04/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở lý luận cùng các phương pháp đo lường, đánh giá cơ bản về vấn đề niềm tin xã hội. Phân tích thực trạng vấn đề niềm tin xã hội ở vùng Trung Bộ trước thách thức của phát triển và hội nhập hiện nay. Lý giải các nhân tố tác động đến niềm tin xã hội của cư dân vùng Trung Bộ trước thách thức của phát triển và hội nhập. Dự báo các xu hướng biến đổi của niềm tin xã hội trước thách thức của phát triển và hội nhập ở vùng Trung Bộ hiện nay. Đề xuất và luận chứng các kiến nghị, giải pháp nhằm thúc đẩy các mặt tích cực, hạn chế các mặt tiêu cực trong niềm tin xã hội ở vùng Trung Bộ trước thách thức của phát triển và hội nhập.

Số hồ sơ lưu: 18786

50799. Địa lý kinh tế và xã hội khác

79984. 05-2022 **Tăng trưởng xanh trong nông nghiệp ở các tỉnh Bắc Trung Bộ (Nghiên cứu trường hợp nuôi trồng thủy sản)/** PGS.TS. Bùi Đức Hùng, ThS. Hồ Thị Kim Thùy; TS. Trịnh Thị Thu; TS. Nguyễn Thị Thanh Xuyên; ThS. Châu Ngọc Hòe; ThS. Bùi Đức Phi Hùng; ThS. Phạm Quốc Trí; ThS. Phạm Văn Chiến; ThS. Trần Thị Thu

Huyền; ThS. Cao Tuấn Phong - Đà Nẵng - Viện Khoa học Xã hội vùng Trung Bộ, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, đánh giá thực trạng, mức độ tăng trưởng xanh trong nuôi trồng thủy sản vùng Bắc Trung Bộ (BTB), từ đó tìm kiếm giải pháp thúc đẩy tăng trưởng xanh trong ngành nông nghiệp (lĩnh vực nuôi trồng thủy sản) ở các tỉnh Bắc Trung Bộ. Làm rõ khung lý thuyết cơ bản và hệ tiêu chí đặc thù để đánh giá tăng trưởng xanh trong nông nghiệp và trong nuôi trồng thủy sản. Thực trạng nuôi trồng thủy sản ở vùng BTB; đánh giá mức độ tăng trưởng xanh trong nuôi trồng thủy sản ở vùng BTB hiện nay. Tìm kiếm quan điểm cơ bản và khuyến nghị giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng xanh trong nông nghiệp (lĩnh vực nuôi trồng thủy sản) ở vùng BTB.

Số hồ sơ lưu: 18893

80009. 05-2022 **Nghiên cứu, xây dựng mô hình khai thác, bảo vệ và phát triển bền vững hệ sinh thái vùng triều từ Vũng Tàu đến Kiên Giang/** PGS.TS. Lê Xuân Tuấn, TS. Đồng Thị Bích Phương; ThS. Nguyễn Thị Chi; ThS. Nguyễn Thị Thảo; ThS. Hoàng Thị Tâm; ThS. Võ Thị Hồng Linh; ThS. Trần Minh Hằng; ThS. Nguyễn Thị Phụng; TS. Trần Hồng Quang; KS. Nguyễn Thị Kim Oanh; ThS. Trịnh Thị Tố Uyên; TS. Đỗ Thị Hoài; ThS. Nguyễn Hương Giang; ThS. Khổng Thị Việt Anh - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2021 - - . (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập, phân tích đánh giá tổng quan số liệu, tài liệu, các bản đồ, sơ đồ liên quan đến các hệ sinh thái vùng triều khu vực nghiên cứu. Đánh giá hiện trạng và biến động và dự báo môi trường, đa dạng sinh học các hệ sinh thái vùng triều (bao gồm cả đới dưới triều) từ Vũng Tàu đến Kiên Giang. Nghiên cứu xây dựng mô hình sử dụng, khai thác, bảo vệ và phát triển bền vững hệ sinh thái. Đề xuất giải pháp quản lý bền vững các hệ sinh thái vùng triều khu vực nghiên cứu ở vùng triều từ Vũng Tàu tới Kiên Giang. Xây dựng bộ tư liệu về hiện trạng các hệ sinh thái và hệ thống bản đồ chuyên đề về hiện trạng và biến động hệ sinh thái vùng triều khu vực nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 18906

50801. Báo chí

80908. 05-2022 **Tuyên truyền, phổ biến về hoạt động năng suất, chất lượng trên Báo chí năm 2020/** CN. Hà Thị Thanh Thủy, CN. Hà Thị Thanh Thủy; CN. Phạm Thị Vân Trang; CN. Nguyễn Doãn Trung; CN. Nguyễn Văn Nam; CN. Đặng Anh Đức; CN. Lê Thị Lan; CN. Nguyễn Việt Hà; CN. Lê Xuân Hiệp; CN. Hà Thị Thu Giang; CN. Vũ Thị Minh Khai; ThS. Nguyễn Thị Mai Hương; ThS. Nguyễn Văn Khôi; CN. Nguyễn Hữu Cường; TS. Ngô Thị Ngọc Hà - Hà Nội - Trung tâm Thông tin - Truyền thông Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2021 - 01/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phổ biến, nâng cao nhận thức, kiến thức tới các nhà quản lý, cộng

đồng doanh nghiệp và xã hội về những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; hệ thống các công cụ quản lý chất lượng; công cụ, giải pháp nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Tuyên truyền, quảng bá kết quả, hiệu quả triển khai Chương trình quốc gia Năng suất Chất lượng giai đoạn đến 2020 và các định hướng cho giai đoạn tiếp theo, cụ thể bao gồm: Kết quả, hiệu quả triển khai các dự án thành phần thuộc Chương trình do các Bộ, ngành, địa phương chủ trì; các mô hình điển, doanh nghiệp điển hình trong hoạt động năng suất chất lượng (dự kiến ít nhất 300 doanh nghiệp); phân tích chuyên sâu về thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm; định hướng các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao NSCL trong giai đoạn tiếp theo (Đảm bảo nội dung tuyên truyền này chiếm 2/3 khối lượng công việc của nhiệm vụ). Thông tin diễn biến mới nhất trên thị trường hàng hóa, phản ánh xu hướng của người tiêu dùng về hàng hóa của doanh nghiệp; tư vấn, phổ biến cho người tiêu dùng nhận biết về hàng thật, hàng giả, hàng kém chất lượng; phổ biến nguồn gốc xuất xứ - truy xuất nguồn gốc hàng hóa; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho hàng hóa; ưu tiên sản phẩm hàng hóa của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19240

50802. Thông tin học

79441. 05-2022 **Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả lập đề nghị xây dựng văn bản**

quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông/ ThS. Phạm Thị Thu Huyền, Võ Thanh Lâm; Hồ Hồng Hải; Nguyễn Thị Đàm Liên; Hoàng Thu Hương; Phan Thanh Huyền - Hà Nội - Vụ Pháp chế - Bộ Thông tin và Truyền thông, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đưa ra đề xuất một nhóm giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông đồng thời kiến nghị các giải pháp phù hợp và có tính khoa học nhằm nâng cao chất lượng xây dựng ban hành quy phạm pháp luật của Bộ Thông tin và Truyền thông, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, đồng thời đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

Số hồ sơ lưu: 18580

599. Khoa học xã hội khác

80668. 05-2022 **Năng lực nghiên cứu trong ngành kinh tế và quản lý so với tổng thể lĩnh vực khoa học xã hội: Phân tích và ý nghĩa đối với cộng đồng và những nhà hoạch định chính sách từ dữ liệu Scopus trong giai đoạn 2008-2018/** TS. Vương Quân Hoàng, TS. Phạm Hùng Hiệp; ThS. Hồ Mạnh Tùng; CN. Nguyễn Tô Việt Hà; CN. Vương Thu Trang - Hà Nội - Trường Đại học PHENIKAA, 2020 - 06/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu mối quan hệ giữa năng suất nghiên cứu và những yếu

tố nhân khẩu học (như giới tính, tuổi tác, vùng miền) của những nhà nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và quản lý (KT&QL), và so sánh với toàn bộ những nhà khoa học xã hội (KHXX) Việt Nam; mối quan hệ giữa năng suất nghiên cứu và những yếu tố cộng tác khoa học (như số lượng đồng tác giả, số lượng đồng tác giả quốc tế) của những nhà nghiên cứu trong lĩnh vực KT&QL và so sánh với toàn bộ những nhà KHXX Việt Nam. So sánh những đặc tính chính của mạng lưới những nhà nghiên cứu Việt Nam trong lĩnh vực lĩnh vực KT&QL đối với toàn bộ những nhà KHXX Việt Nam; và mức độ bền vững của mạng lưới những nhà nghiên cứu Việt Nam trong lĩnh vực lĩnh vực KT&QL đối với toàn bộ những nhà KHXX Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19090

80686. 05-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học, thực tiễn phục vụ đánh giá, chuyển giao kết quả của các Chương trình Khoa học công nghệ cấp Quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, môi trường và đề xuất định hướng cho giai đoạn 2021 - 2025/** TS. Nguyễn Tuấn Quang, TS. Trần Văn Trà; PGS.TS. Huỳnh Thị Lan Hương; TS. Nguyễn Xuân Hiền; TS. Lương Hữu Dũng; TS. Ngô Thị Thủy; TS. Hà Quang Anh; ThS. Vũ Đức Đàm Quang; TS. Nguyễn Ngọc Phan; CN. Phạm Ngọc Anh; ThS. Đặng Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Huế - Hà Nội - Cục Biến đổi khí hậu, 2020 - 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp kết quả hai Chương trình và nghiên cứu lựa chọn tiêu chí phù hợp để đánh giá kết quả. Đánh giá kết quả thực hiện các đề tài thuộc hai Chương trình theo các tiêu chí lựa chọn. Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu các sản phẩm của hai Chương trình. Nghiên cứu, sàng lọc, lựa chọn, và chuyên gia các sản phẩm nổi bật và Atlas khí hậu. Xây dựng báo cáo kiến nghị những vấn đề khoa học và công nghệ cần nghiên cứu tiếp theo trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường cho giai đoạn 2021-2025.

Số hồ sơ lưu: 19099

80995. 05-2022 **Phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế/** PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc, PGS.TS. Vũ Thị Phương Hậu; GS.TS. Đinh Xuân Dũng; PGS.TS. Phạm Duy Đức; PGS.TS. Nguyễn Thị Hương; PGS.TS. Nguyễn Toàn Thắng; TS. Phan Công Khanh; TS. Lương Huyền Thanh; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa; TS. Nguyễn Tiên Thư; TS. Nghiêm Thị Thu Nga; ThS. Bùi Thị Kim Chi; ThS. Lê Thị Trang; TS. Lê Trung Kiên - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm sáng tỏ cơ sở lý luận nghiên cứu phát triển văn hóa, con người, nguồn nhân lực (NNL) trong bối cảnh mới (khái niệm, bản chất, vai trò...). Phân tích tác động của các yếu tố kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội, khoa học công nghệ... đối với sự phát triển văn hóa, con người, NNL. - Khảo sát, đánh giá thực trạng, chỉ

ra những thành công và những hạn chế, bất cập trong phát triển văn hóa, con người, NNL ở nước ta. Trên cơ sở phân tích xu thế vận động của văn hóa, con người, NNL, chỉ ra thời cơ, thách thức và khuyến nghị các giải pháp phát triển văn hóa, con người, NNL trong bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 19273

6. Khoa học nhân văn

60103. Khảo cổ học và tiền sử

80039. 05-2022 **Nghiên cứu cổ môi trường giai đoạn Holocene khu vực châu thổ sông Hồng - phân tích từ các tư liệu Khảo cổ học/** TS. Nguyễn Thị Mai Hương, CN. Trương Hữu Nghĩa; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; PGS. TS. Bùi Văn Liêm; PGS. TS. Doãn Đình Lâm; CN. Lê Thị Xuân - Hà Nội - Viện Khảo cổ học, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phác thảo những nét cơ bản về cổ môi trường châu thổ sông Hồng giao đoạn Holocen dựa trên việc nghiên cứu, phân tích đặc điểm hệ thực - động vật, điều kiện khí hậu, tác động của tự nhiên với con người và ngược lại trong giai đoạn Holocene (11.700 - 2.000 BP). Tập hợp và cung cấp thông tin tư liệu, kết quả nghiên cứu về cổ môi trường cho các nhà nghiên cứu, cán bộ giảng dạy một cách khách quan, đầy đủ và cập nhật; Góp thêm tư liệu biên soạn công trình chuyên khảo, nâng cao nhận thức khoa học về cổ môi trường giai đoạn Holocene ở châu thổ Sông Hồng

Số hồ sơ lưu: 18927

80115. 05-2022 **Nghiên cứu cơ tầng Đá mới sớm ở Tây Nguyên/** TS. Nguyễn Gia Đồi, ThS. Lưu Văn Phú; PGS.TS. Nguyễn Khắc Sửu; TS. Nguyễn Trường Đông; TS. Lê Hải Đăng; ThS. Vũ Tiến Đức; CN. Khổng Thiêm - Hà Nội - Viện Khảo cổ học, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, thu thập thêm các nguồn tư liệu; phân tích, tổng hợp các nguồn tư liệu để xác định tính chất, đặc trưng, niên đại, các giai đoạn phát triển và chủ nhân của các cụm di tích. Xây dựng bản đồ phân bố các di tích, tìm hiểu quy luật chọn địa bàn cư trú, thích ứng môi trường của các nhóm cư dân. Bước đầu phục dựng về tri thức kỹ thuật, đời sống vật chất/tinh thần và tổ chức xã hội của chủ nhân cơ tầng Đá mới sớm ở Tây Nguyên. Nghiên cứu so sánh để tìm hiểu mối quan hệ văn hóa giữa các nhóm cư dân ở Tây Nguyên cũng như giữa cư dân cơ tầng Đá mới sớm ở Tây Nguyên với bối cảnh rộng hơn.

Số hồ sơ lưu: 18951

60199. Các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác

79428. 05-2022 **Biên soạn Bộ sách "Hôn nhân và gia đình nông thôn đồng bằng Bắc Bộ giai đoạn 1960 - 1975" (Tập 1) và "Hôn nhân và gia đình nông thôn đồng bằng Bắc Bộ giai đoạn 1976 - 1986" (Tập 2)/** PGS. TS. Trần Thị Minh Thi, ThS. Lữ Việt Phương; GS. TS. Nguyễn Hữu Minh; TS. Trần Thị Hồng; TS. Lê Ngọc Lan; ThS. Trần Quý Long; ThS. Bùi Thị Hương Trâm; TS. Đặng Bích Thủy;

ThS. Hà Thị Minh Khương; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Đặng Thanh Nhàn; ThS. Phan Huyền Dân; ThS. Nguyễn Hà Đông; ThS. Vũ Thị Cúc; ThS. Nguyễn Đức Tuyền; ThS. Trần Thị Thanh Loan; TS. Trịnh Thái Quang - Hà Nội - Viện Nghiên cứu gia đình và giới, 2020 - 11/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Việc lựa chọn bạn đời giai đoạn 1976-1986 vẫn là sự giao thoa giữa truyền thống và hiện đại, giữa thỏa mãn nhu cầu cá nhân và đáp ứng nhu cầu của gia đình, tập thể dù có phần nào nghiêng về phía cá nhân, phía hiện đại hơn. Một mặt, khuôn mẫu hôn nhân và các tiêu chí lựa chọn bạn đời đang có sự dịch chuyển từ mô hình hôn nhân truyền thống sang mô hình hôn nhân hiện đại hơn. Mặt khác, ảnh hưởng của gia đình, các chuẩn mực văn hóa truyền thống vẫn được bảo lưu.

Số hồ sơ lưu: 18574

80750. 05-2022 **Khảo sát, sưu tầm, tuyển dịch và bước đầu nghiên cứu đánh giá giá trị di sản mộc bản Hán Nôm tại địa bàn Hà Nam, Nam Định và một số điểm bổ sung ở Hà Nội/** PGS. TS. Nguyễn Công Việt, TS. Trương Thị Thủy; ThS. Thái Trung Sửu; ThS. Nguyễn Quốc Khánh; Bùi Duy Nguyên; Trịnh Năng Vinh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát điều tra, sưu tầm thu thập tư liệu ván in từ các di tích lịch sử ở Hà Nam, Nam Định và một số điểm bổ sung ở Hà Nội. -Bước đầu nghiên cứu đánh giá giá trị di sản mộc bản Hán Nôm trên địa bàn Hà

Nam, Nam Định và một số điểm bổ sung ở Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: 19134

60201. Nghiên cứu chung về ngôn ngữ

80707. 05-2022 **Hiệu ứng âm vị, hình thái và ngữ nghĩa trong nhận diện từ ghép tiếng Việt qua lời nói/** TS. Phạm Hiền, PGS.TS. Benjamin V. Tucker; ThS. Trịnh Thị Thu Hiền; ThS. Trần Hương Thục; TS. Nguyễn Thị Thủy Chung; ThS. Nguyễn Thị Phương - Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học, 2021 - 07/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiến hành xây dựng kho tài nguyên từ vựng tiếng Việt với các thông tin trích rút ra từ hai kho dữ liệu tiếng Việt mà nhóm tác giả đã xây dựng và cập nhật. Nghiên cứu và ghi nhận các hiệu ứng âm vị, hình thái và ngữ nghĩa của từ ghép tiếng Việt trong lời nói. Những phát hiện này đóng góp về mặt lí luận cho việc triển khai các đề tài cùng hướng nghiên cứu tiếp theo. Các quá trình nhận thức một ngôn ngữ cụ thể và để hiểu biết sâu hơn về các cơ chế liên quan đến quá trình hiểu lời nói của một ngôn ngữ đơn tiết, tính dùng bảng chữ cái Latinh như tiếng Việt. Sử dụng các biến từ vựng được tính toán từ các kho ngữ liệu này khảo sát: Vai trò của việc phân rã hình thái trong xử lí lời nói và truy cập nghĩa của từ; Mối quan hệ giữa các loại khác nhau của tri thức từ vựng với các nhân tố quan yếu trong xử lí từ vựng; Các dấu hiệu nhận biết âm học mà người nghe tiếng Việt sử dụng để xác định sự khác nhau giữa ranh giới từ và ranh giới âm tiết; Mối

tương tác giữa việc đọc và xử lí lời nói. Kết quả nghiên cứu được sử dụng để cung cấp các cứ liệu cho việc phát triển các hệ thống nhận diện lời nói tự động, các ứng dụng công nghệ tiếng nói khác và cung cấp dữ liệu quan trọng cho người nghe những thuộc tính âm học được sử dụng cho tiếp thụ tiếng Việt.

Số hồ sơ lưu: 19105

80114. 05-2022 **Biên soạn từ điển thuật ngữ kinh tế tiếng Việt/** TS. Bạch Hồng Việt, TS. Quách Thị Gấm; TS. Hoàng Thị Nhung; PGS.TS. Nguyễn Trọng Xuân; PGS.TS. Nguyễn Hữu Đạt; TS. Lê Anh Vũ; ThS. Hà Thị Quế Hương; ThS. Lê Thị Hải Chi; ThS. Bùi Thanh Dũng; ThS. Ngô Hương Trang - Hà Nội - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định nội hàm khái niệm về thuật ngữ và thuật ngữ kinh tế, cũng như đưa ra cơ sở lý thuyết và thực tiễn biên soạn từ điển thuật ngữ kinh tế. Khảo sát các công trình từ điển kinh tế, từ điển thuật ngữ kinh tế cũng như các giáo trình, sách, báo, tạp chí đã xuất bản làm cơ sở cho việc lựa chọn mục từ thuật ngữ kinh tế. Xây dựng bảng mục từ thuật ngữ kinh tế theo cấu trúc vĩ mô và vi mô. Biên soạn 1.000 mục từ thuật ngữ kinh tế ở giai đoạn 1 (2019 - 2020).

Số hồ sơ lưu: 18937

60204. Lý luận văn học; Nghiên cứu văn học nói chung

79662. 05-2022 **Văn học Việt Nam thế kỷ XVIII - XIX trong bối cảnh văn hóa thời Lê mạt -**

Nguyễn/ PGS.TS. Vũ Thanh, ThS. Mai Thị Thu Huyền; TS. Trần Thị Hải Yến; TS. Nguyễn Đức Mậu; TS. Phạm Thị Ngọc Lan; ThS. Quách Thị Thu Hiền; PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn; Nguyễn Thị Hoài Phương - Hà Nội - Viện Văn học, 2021 - 01/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các thành tựu văn học giai đoạn thế kỷ XVIII - XIX như là thành quả của văn hóa dân tộc, gắn bó mật thiết với văn hóa dân tộc thời Lê mạt - Nguyễn, với sự xuất hiện của các diễn ngôn nghệ thuật mới, là một giai đoạn có những thành quả vượt bậc, hợp quy luật phát triển trong tiến trình của lịch sử văn học Việt Nam trung đại.

Số hồ sơ lưu: 18709

80765. 05-2022 Kí hiệu học văn học/ GS. TS. Lê Huy Bắc, TS. Đào Thị Thu Hằng; TS. Tạ Hoàng Minh; TS. Lê Văn Trung; TS. Vũ Minh Đức - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2019 - 11/2017 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp các lý thuyết đi trước theo một cấu trúc của riêng mình nhằm đưa ra một cách tiếp cận kí hiệu mang tính hệ thống. Bên cạnh đó, vận dụng các lý thuyết về kí hiệu học để phân tích, giải mã tác phẩm văn học, nhằm giúp người học cách thực hành lý thuyết, vận dụng nó vào thực tiễn. Văn bản được chọn khảo sát được ưu tiên cho các tác phẩm được tuyển dạy trong nhà trường Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19146

60205. Nghiên cứu văn học Việt Nam, văn học các dân tộc ít người của Việt Nam

79646. 05-2022 Văn học Việt Nam sau năm 1986 trong kỉ nguyên toàn cầu hóa/ TS. Đỗ Hải Ninh, ThS. Đặng Thị Thái Hà; PGS.TS. Nguyễn Đăng Điệp; PGS.TS. Trịnh Bá Đình; TS. Trần Thiện Khanh; TS. Lê Thị Hương Thủy; ThS. Vũ Thị Thanh Loan - Hà Nội - Viện Văn học, 2021 - 01/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng kết, phân tích, lý giải bối cảnh văn hóa xã hội, nhận diện, đánh giá các khuynh hướng và đặc trưng thi pháp văn học Việt Nam sau 1986. Phân tích bối cảnh lịch sử văn hóa xã hội dẫn tới sự thay đổi hệ hình tư duy nghệ thuật sau 1986 trong bối cảnh toàn cầu hóa. Phân tích diện mạo, quá trình phát triển của văn học sau 1986. Tìm hiểu các xu hướng và những đặc điểm nổi bật của văn học sau 1986 qua hệ thống thể loại và sự tương tác thể loại, đánh giá những thành tựu và hạn chế của văn học giai đoạn này

Số hồ sơ lưu: 18684

79648. 05-2022 Văn học Việt Nam từ thế kỷ XV đến hết thế kỷ XVII trong bối cảnh xã hội quân chủ từ thịnh vượng chuyển sang khủng hoảng/ TS. Phạm Văn Ánh, ThS. Mai Thị Thu Huyền; TS. Trần Thị Hải Yến; TS. Phạm Thị Ngọc Lan; PGS.TS. Vũ Thanh; TS. Nguyễn Đức Mậu; ThS. Quách Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Trường Sinh; CN. Nguyễn Thị Hoài Phương - Hà Nội - Viện Văn học, 2021 - 01/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp một hình dung về văn học Việt Nam trong 3 thế kỷ (XV - XVII) với hai tư cách đồng thời: vừa là sự phát triển của bản thân văn học vừa là một thành tố của văn hoá dân tộc. Tìm hiểu những nhân tố chi phối diện mạo và những diễn biến của đời sống văn học trong các thế kỷ XV - XVII. Phác họa lại bức tranh văn học Việt Nam thế kỷ XV - XVII trên các phương diện: các diễn biến và xu thế chính, các hiện tượng (sự kiện, thể loại, tác phẩm, tác giả) điển hình. Diễn giải, đánh giá và chỉ ra ý nghĩa của các hiện tượng đó trong lịch sử văn học, trong ngữ cảnh văn hoá thời đại.

Số hồ sơ lưu: 18683

79650. 05-2022 **Văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX trong bối cảnh giao lưu văn hoá Đông-Tây/** PGS.TS. Nguyễn Đăng Điệp, TS. Trần Thiện Khanh; TS. Phạm Thị Thu Hương; TS. Đoàn Ánh Dương; TS. Trần Thị Hải Yến; TS. Đỗ Thị Thanh Nga; ThS. Nguyễn Thị Lan Anh - Hà Nội - Viện Văn học, 2021 - 01/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Mô tả, phân tích diện mạo, quá trình phát triển, đặc điểm của văn học nửa đầu thế kỷ XX trong bối cảnh giao lưu văn hoá Đông - Tây. Phân tích bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội nửa đầu thế kỷ XX ở Việt Nam như là những nhân tố tác động đến đời sống văn học, hình thành kiểu nhà văn mới và công chúng bạn đọc mới. Phân tích quá trình phát triển, đặc điểm, các khuynh hướng văn học nổi bật trong bối cảnh hiện đại hóa; Đời sống thể loại và thành

tự nổi bật; Hiện đại hóa về thi pháp nghệ thuật.

Số hồ sơ lưu: 18696

60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung

79742. 05-2022 **Lễ hội làng Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội: Sáng chế truyền thống trong bối cảnh đương đại/** TS. Nguyễn Giáo, TS. Lê Thị Thùy Ly; TS. Lê Văn Kỳ; ThS. Nguyễn Thị Tô Hoài; PGS.TS. Nguyễn Quang Lê; PGS. TS. Kiều Trung Sơn; CN. Nguyễn Thu Hương; Phạm Thị Nga - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Văn hóa, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Chỉ ra động cơ, mục đích, cách thức của chủ thể trong quá trình sáng chế truyền thống. Làm rõ sự khác biệt giữa các quan điểm, tư tưởng và sự thương thảo trong quá trình này. Cung cấp thêm luận cứ khoa học cho việc xây dựng chính sách phù hợp trong ứng xử với lễ hội nói chung. Đây là một nghiên cứu đề cập tới sự sáng chế truyền thống trong bối cảnh đương đại ở lễ hội của một làng người Việt dưới góc độ văn hóa học, góp phần làm toàn diện hơn nhận thức về bức tranh của sự sáng chế truyền thống trong lễ hội ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 18765

80113. 05-2022 **Tranh cổ động Việt Nam sau đổi mới từ góc nhìn văn hóa/** TS. Nguyễn Mỹ Thanh, TS. Đặng Phong Lan; TS. Trần Thị Biên; TS. Lê Thanh Hương; TS. Đinh Mỹ Linh; CN. Nguyễn Thu Hương; CN. Phạm Thị Nga - Hà Nội

- Viện Nghiên cứu Văn hóa, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích ngôn ngữ đồ họa đặc trưng của tranh cổ động nước ta. Tổng hợp, phân tích và so sánh hệ thống ký hiệu hình tượng, biểu tượng điển hình cũng như những màu sắc tượng trưng của tranh cổ động trong hai giai đoạn trước và sau năm 1986. Làm rõ sự khác biệt lớn nhất của tranh cổ động từ năm 1986 đến nay là được thể hiện bằng đồ họa vi tính. Những thực hành ý nghĩa biểu đạt của tranh cổ động trong đời sống qua sự tiếp nhận của người dân, qua những quan niệm và qui chuẩn biểu đạt biểu tượng trong tranh của họa sĩ và các nhà quản lý. Phân tích tranh cổ động như một văn bản với những hàm nghĩa khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, cổ vũ người dân đoàn kết để củng cố khối liên minh công-nông-trí thức. Bàn luận về sức mạnh truyền thông thị giác của tranh cổ động trong đời sống đương đại.

Số hồ sơ lưu: 18953

80607. 05-2022 **Văn hóa ứng xử của thanh niên tại nơi công cộng - Thực trạng và giải pháp/** TS. Nguyễn Tuấn Anh, ThS. Nguyễn Văn Quý; TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa; Đỗ Minh Hoàng; ThS. Nguyễn Thị Minh; ThS. Võ Thị Thùy Linh; ThS. Đặng Thị Thanh Thảo; ThS. Nguyễn Đức Quỳnh; ThS. Phạm Quốc Dân; ThS. Nguyễn Đặng Kim Chi - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Thanh niên, 2021 - 04/2021 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Trên cơ sở đánh giá thực trạng và những yếu tố ảnh hưởng đến văn

hóa ứng xử của thanh niên tại nơi công cộng, nghiên cứu đề xuất những giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao văn hóa ứng xử của thanh niên tại nơi công cộng theo hướng phù hợp với các chuẩn mực xã hội và quy định của luật pháp hiện hành nhằm góp phần giúp thanh niên hoàn thiện nhân cách và hình thành lối sống lành mạnh, có văn hóa.

Số hồ sơ lưu: 19080

80925. 05-2022 **Nghiên cứu xây dựng Đề án thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm khởi nghiệp quốc gia/** TS. Từ Minh Hiệu, CN. Vũ Thị Huyền Trang; TS. Phạm Dũng Nam; KS. Nguyễn Việt An; ThS. Đàm Quang Thắng; ThS. Lương Văn Thường; ThS. Nguyễn Mạnh Long; ThS. Lê Toàn Thắng; TS. Phạm Thị Hồng Hạnh - Hà Nội - Văn phòng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 2021 - 06/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Mục tiêu của nghiên cứu là xây dựng Đề án thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm khởi nghiệp quốc gia tại Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh Trung tâm tại các thành phố lớn với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế về các mô hình triển khai thành công kết hợp đánh giá hiện trạng của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam cũng như nhu cầu và sự cần thiết. Kết quả nghiên cứu sẽ chuyển giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ để xây dựng và triển khai mô hình hoạt động của trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. Trên cơ sở nghiên

cứu, dựa vào nguồn lực, nhu cầu thực tế của các cơ quan chính phủ, Bộ, Ngành tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp để xây dựng các dự án và đề án phát triển và xây dựng các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp ở Việt Nam để thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19254

60209. Các nghiên cứu văn hóa từng dân tộc, từng nước, khu vực khác

79957. 05-2022 **Sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc thời đại Tập Cận Bình và ứng xử của Việt Nam/** ThS. Chử Thị Bích Thu, ThS. Trần Thị Thủy; PGS.TS. Dương Văn Huy; PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương; ThS. Nguyễn Văn Nguyên; ThS. Nguyễn Diệu Hương; CN. Nguyễn Thị Ánh Thuận; Trần Thị Thúy Lan - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Trung Quốc, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đề tài đi sâu làm rõ sức mạnh mềm văn hoá của Trung Quốc trong thời đại Tập Cận Bình, qua đó đưa ra các gợi mở ứng xử với Việt Nam. Làm rõ cơ sở việc xây dựng sức mạnh mềm văn hoá Trung Quốc thời kỳ Tập Cận Bình. Thực trạng phát triển sức mạnh mềm văn hoá của Trung Quốc thời đại Tập Cận Bình. Đánh giá hiệu ứng lan toả của sức mạnh mềm văn hoá Trung Quốc thời kỳ Tập Cận Bình, dự báo các kịch bản trong bối cảnh hậu Covid-19 và đưa ra một số kiến nghị giải pháp cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18881

60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ

79431. 05-2022 **Nghiên cứu giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo/** ThS. Lê Thị Kim Chi, TS. Phạm Chí Trung; ThS. Lê Hồng; ThS. Phạm Hữu Duệ; ThS. Nguyễn Văn Tình; PGS. TS. Trần Ngọc Ca; ThS. Nguyễn Võ Hưng; ThS. Chu Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; CN. Phạm Thị Thắm - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2019 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đến năm 2020, KH&CN Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; đến năm 2030, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới; tiềm lực KH&CN đáp ứng các yêu cầu cơ bản của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ. Bảo đảm cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển đất nước. Xây dựng được nền tảng khoa học tự nhiên hiện đại cho KH&CN nói chung; phấn đấu đạt trình độ hàng đầu của khu vực và thứ hạng cao trên thế giới ở một số lĩnh vực; làm chủ, ứng dụng và phát triển các công nghệ có ảnh hưởng quyết định đến tốc độ và chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế, tạo ra các sản phẩm mới có tính cạnh tranh cao.

Số hồ sơ lưu: 18573

80997. 05-2022 **Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại hóa công nghệ của Hội Nữ trí thức Việt Nam/** PGS. TS. Nguyễn Doãn Thị Liễu, CN. Lê Thị Hoàng Cúc; CN. Nguyễn Thị Thu Hoài; CN. Nguyễn Thị Hôi; GS.TS. Lê Thị Hợp; ThS. Nguyễn Thị Minh Hiền; ThS. Nguyễn Minh Trang; ThS. Nguyễn Thị Tuyết; ThS. Lê Thị Khánh Vân - Hà Nội - Trung tâm Ứng dụng Khoa học công nghệ và Khởi nghiệp, 2021 - 06/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hỗ trợ các nhà khoa học nữ quảng bá, giới thiệu các sản phẩm KH&CN, thúc đẩy chuyển giao các kết quả nghiên cứu KH&CN vào sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước; Lựa chọn một số công nghệ/kết quả nghiên cứu/SPKH&CN có giá trị kinh tế và thực tiễn để thúc đẩy lưu thông, thương mại hóa trong thị trường KH&CN; Hỗ trợ tìm kiếm các nhà đầu tư trong và ngoài nước có thể thương mại hóa công nghệ/kết quả nghiên cứu/sản phẩm KH&CN của các nhà khoa học nữ; Đào tạo tập huấn cho các nhà khoa học nữ cách thức thương mại hoá công nghệ/kết quả nghiên cứu/sản phẩm KH&CN; Hướng dẫn cách thức đàm phán hợp đồng hợp tác và chuyển giao công nghệ. Phổ biến kiến thức KH&CN cho doanh nghiệp và nông dân, tư vấn ứng dụng các thành quả KH&CN để nâng cao sức sản xuất và chất lượng sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 19266

60305. Nghiên cứu tôn giáo

79410. 05-2022 **Tôn giáo ở Việt Nam với việc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu (Nghiên cứu trường hợp Phật giáo, Công giáo, Tin Lành)/** TS. Vũ Thị Thu Hà, ThS. Trần Thị Phương Anh; ThS. Hoàng Thị Bích Ngọc; Cao Thị Lê Hằng; TS. Ngô Quốc Đông; TS. Hoàng Văn Chung; ThS. Lê Văn Tuyên; ThS. Dương Văn Biên; ThS. Nguyễn Thị Bích Ngoan; ThS. Nguyễn Văn Quý - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ các quan điểm chính của 3 tôn giáo lớn ở Việt Nam bao gồm Phật giáo, Công giáo và Tin Lành đối với vấn đề bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, đồng thời chỉ ra thực trạng các tôn giáo này tham gia hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam hiện nay. Từ đó đề xuất khuyến nghị nhằm phát huy vai trò tích cực của tôn giáo trong việc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam hiện nay

Số hồ sơ lưu: 18557

79411. 05-2022 **Đạo giáo ở Việt Nam: lịch sử, hiện trạng và xu hướng phát triển (Nghiên cứu trường hợp người Việt ở vùng đồng bằng Bắc Bộ)/** PGS. TS. Chu Văn Tuấn, ThS. Hoàng Thị Thu Hường; TS. Chu Xuân Giao; TS. Nguyễn Ngọc Mai; TS. Nguyễn Thị Quế Hương; CN. Nguyễn Thị Trang; ThS. Nguyễn Thế Nam; ThS. Nguyễn Văn Quý; Trần Văn Tôn - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo,

2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát lịch sử du nhập, phát triển, đặc điểm và vai trò của Đạo giáo ở Việt Nam qua các thời kỳ; Làm rõ thực trạng của Đạo giáo Việt Nam hiện nay (trên các phương diện chủ yếu như: cơ sở thờ tự, thực hành nghi lễ và người thực hành nghi lễ Đạo giáo); Chỉ ra xu hướng phát triển của Đạo giáo trong thời gian sắp tới; Đưa ra một số khuyến nghị chính sách đối với Đạo giáo ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18558

79413. 05-2022 **Không gian tôn giáo trong bối cảnh đô thị hóa: Nghiên cứu trường hợp Hà Nội/** TS. Hoàng Văn Chung, ThS. Phạm Thị Thu Huyền; TS. Tạ Quốc Khánh; TS. Ngô Quốc Đông; ThS. Đỗ Duy Hưng; ThS. Nguyễn Văn Quý; ThS. Trương Thúy Trinh; ThS. Lê Văn Tuyên; CN. Lê Đức Hiền - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát các vấn đề về lý luận liên quan đến không gian tôn giáo (đặc điểm, các phương diện cơ bản) và biến đổi không gian tôn giáo; làm rõ các khái niệm cơ bản có liên quan; Khảo sát, nhận diện, phân loại các loại hình không gian tôn giáo công cộng chủ yếu ở Hà Nội; Phân tích thực trạng biến đổi không gian tôn giáo công cộng ở Hà Nội trong bối cảnh đô thị hóa; Phân tích và đánh giá vai trò của các nhân tố chính tham gia vào quá trình biến đổi không gian tôn giáo; Nêu các vấn đề mà thực tiễn biến đổi không

gian tôn giáo đang đặt ra và đề xuất một số khuyến nghị về chính sách trong ứng xử với không gian tôn giáo trong giai đoạn sắp tới.

Số hồ sơ lưu: 18559

79414. 05-2022 **Đạo Tin Lành tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam hiện nay: Thực trạng, xu hướng và những vấn đề đặt ra./** TS. Nguyễn Xuân Hùng, ThS. Phạm Quang Tùng; TS. Ngô Quốc Đông; TS. Nguyễn Bình; ThS. Trần Thị Phương Anh; ThS. Lê Văn Tuyên; ThS. Nguyễn Thế Nam; ThS. Nguyễn Thị Bích Ngoan; Cao Thị Lệ Hằng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ về đặc điểm thành phần tổ chức, hệ phái Tin Lành cùng sự phân bố tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam hiện nay. Làm rõ thực trạng hoạt động của đạo Tin Lành tại đây trong sự so sánh với hoạt động của tôn giáo này tại các vùng miền khác trong cả nước. Đưa ra được những dự báo về xu hướng phát triển của đạo Tin Lành tại các tỉnh phía Bắc trong thời gian tới, qua đó đề đạt những khuyến nghị về chính sách xã hội - tôn giáo nói chung và đạo Tin Lành nói riêng, góp phần vào sự ổn định, phát triển bền vững của đất nước.

Số hồ sơ lưu: 18560

79989. 05-2022 **Thực hành tín ngưỡng Tứ phủ của người Việt từ sau vinh danh/** PGS.TS. Nguyễn Thị Yên, TS. Phan Hoa Lý; TS. Lê Cẩm Ly; ThS. Lê Thị Phương; ThS. Đinh Việt Hà; TS. A Tuấn; Nguyễn

Thu Hương - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Văn hóa, 2020 - 01/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận và khái quát về tín ngưỡng Tứ phủ. Phân tích bối cảnh thực hành tín ngưỡng Tứ phủ trở thành di sản văn hóa phi vật thể, nhận thức của các bên liên quan trước và sau sự kiện di sản thực hành tín ngưỡng Tứ phủ được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Thực hành tín ngưỡng Tứ phủ trước và sau khi ghi danh để từ đó làm cơ sở xem xét sự chỉ đạo của nhà nước đối với việc quản lý, bảo vệ và phát huy thực hành tín ngưỡng Tứ phủ sau ghi

danh. Tìm hiểu thực hành tín ngưỡng Tứ phủ sau ghi danh qua sự tham gia của các tổ chức xã hội vào việc bảo tồn, phát huy di sản thực hành tín ngưỡng Tứ phủ sau ghi danh. Đánh giá thực hành tín ngưỡng Tứ phủ sau ghi danh qua hoạt động của cộng đồng thực hành nghi lễ, vai trò đồng thầy và việc thực hành nghi lễ đặc biệt là nghi lễ lên đồng. Bàn luận về những vấn đề cơ bản của tín ngưỡng Tứ phủ sau ghi danh từ phương diện lý thuyết đến thực tiễn.

Số hồ sơ lưu: 18883

Phu lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

2. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn

bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cách thức thực hiện:

- Đăng ký trực tuyến tại một trong các trang dịch vụ công của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: <https://dichvucong.vista.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ <https://dichvucong.most.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công quốc gia của Chính phủ <https://dichvucong.gov.vn>.

- Nộp trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Khi nhận được hồ sơ, Bộ phận Một cửa sẽ liên hệ để hướng dẫn tổ chức/cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ/01 nhiệm vụ

- 01 phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- 01 quyển báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đóng bìa mạ chữ vàng, gáy in tên chủ nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trang bìa lót bên trong có chữ ký của chủ nhiệm vụ và dấu xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.

- 01 bản điện tử báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.

- 01 biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản sao);

- 01 văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 văn bản minh chứng việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.
- 01 phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
- Phiếu mô tả công nghệ.
- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.
- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.
- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Một cửa - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39349116; Fax: 024.39349127.

Email: quanly@vista.gov.vn

** Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 04.39349119*